

"A crucial contribution to the foreign policy debate. . . . No one can read this book without fearing for the 21st century." —*Philadelphia Inquirer*

# THE COMING CONFLICT WITH CHINA

CUỘC CHIẾN TƯƠNG LAI VỚI  
TRUNG QUỐC



Bản Việt ngữ của DĨ-NGUYỄN

RICHARD BERNSTEIN  
AND ROSS H. MUNRO

WITH A NEW PREFACE





THE COMING  
CONFLICT  
WITH CHINA

RICHARD BERNSTEIN  
AND ROSS H. MUNRO

BẢN VIỆT NGỮ CỦA  
DĨ-NGUYỄN

FIRST VINTAGE EDITION, FEBRUARY 1998

*Copyright © 1997, 1998 by Richard Bernstein and  
Ross H. Munro*

All rights reserved under International and Pan-American Copyright Conventions. Published in the United States of America by Vintage Books, a division of Random House, Inc., New York and simultaneously in Canada by Random House of Canada Limited, Toronto. Originally published in hardcover in the United States, in somewhat different form, by Alfred A. Knopf, Inc., New York, in 1997.

Knopf ISBN 0-679-45463-2

Vintage ISBN 0-679-77662-1

*Frontispiece map by David Lindroth, Inc.*

*Book design by Anthea Lingeman*

Random House Web address: [www.randomhouse.com](http://www.randomhouse.com)

Richard Bernstein học lịch sử Trung Quốc dưới hướng dẫn của John K. Fairbank ở Harvard, viết cho *Washington Post* từ Bắc Kinh, trưởng phòng tin cho *Time's*, trưởng phòng tin cho *The New York Times* hai lần, và hiện là một trong những nhà phê bình sách hằng ngày cho *The New York Times*. Ông sống ở New York.

Ross H. Munro là học giả, nhà báo, và theo dõi tình hình Trung Quốc nhiều năm. Ông là Giám đốc của Nghiên-cứu Á Châu (Director of Asian Studies) thuộc Trung-tâm Nghiên-cứu An-ninh (Center for Security Studies) ở Washington D.C. Ông từng là phóng viên kinh tế cho báo *Time* ở Á châu và là trưởng phòng tin Hồng Kông, Bangkok, và New Delhi. Trước đó, ông là trưởng phòng tin Bắc Kinh cho tờ Toronto *Globe and Mail*. Email của ông là [ross@munrolink.com](mailto:ross@munrolink.com).



# MỤC LỤC

Lời Ngõ cho Ấn bản của NXB Vintage	ii
Dẫn Nhập	1
1 Mỹ là Địch	23
2 “Ta Không Mưu Bá Quyền”	56
3 Có Tiếng mà Không Miếng	91
4 Tân Vận động Chính trị của Trung Quốc	115
5 Thâm thùng, Kỹ thuật, và Công ty con Quân Đội	143
6 Điểm nóng: Đài Loan	164
7 Chính sách Nhật Bản của Trung Quốc	184
8 Cuộc chiến Giả tưởng Trung–Mỹ	207
Kết Luận: Đối phó với Trung Quốc	226
Cảm tạ	249
Lời Cuối của Người Dịch	251
Danh Mục	253
Tài liệu trích dẫn	261





# Lời Ngõ cho Ấn bản của NXB Vintage

TỪ KHI SÁCH ĐƯỢC XUẤT BẢN vào cuối tháng Hai 1997, nhiều diễn biến liên quan đến Trung Quốc và Hoa Kỳ đã dồn dập xảy đến làm mối quan hệ mang sắc thái của một kính vạn hoa. Sách liên tục bị phản đối mạnh mẽ, truyền thông Trung Quốc không chỉ lên án hai tác giả ngụy tạo bằng cớ mà còn là những kẻ “đa trắng thượng đẳng —*white supremacists*” bằng đủ loại ngôn từ cường điệu vẫn được dùng để công kích những quan điểm khác với chính quyền. Lãnh tụ tối cao như Jiang Zemin, muốn cải thiện không khí quan hệ Trung–Mỹ trước chuyến đi Washington vào mùa thu 1997, cũng lên án cái gọi là “thuyết hiểm họa Trung Quốc.”

Hẳn nhiên một trong những biến chuyển lớn ở Trung Quốc là cái chết của Đặng Tiểu-Bình, đại lãnh tụ đã cải tổ kinh tế thị trường tự do cho đất nước, đưa Trung Quốc lên đường phục hồi phồn vinh và quyền lực. Và việc giao trả Hồng Kông lại cho Trung Quốc sau 158 năm dưới quyền Anh Quốc, là một dịp để cả nước liên hoan trong tình yêu nước, làm tăng vô cùng quyền

lực và ảnh hưởng của Bắc Kinh ở châu Á.

Còn những biến chuyển khác nữa. Đặc biệt ở Hoa Kỳ, tinh thần chống Trung Quốc đã bén rễ trong nhiều khuynh hướng chính trị cực kỳ khác biệt, từ nhân quyền cánh tả quan tâm đến đàn áp tiếp diễn ở Tây Tạng và giam cầm đối lập như Wei Jingsheng, đến bảo thủ Thiên Chúa phía hữu, bức tức vì phá thai và gia tăng bức đạo tín đồ Tin Lành ở Trung Quốc. Quốc Hội lại có vận động thu hồi Tối Huệ Quốc của Trung Quốc mà phần lớn do vì cảm nhận chính quyền Clinton và vận động hành lang của giới doanh nghiệp (Chương Bốn) đã cho Trung Quốc quá nhiều mà không được nhượng bộ nào trả lại. Thâm thủng mậu dịch nhảy vọt từ khoảng \$40 tỷ USD đến \$53 tỷ USD dự đoán năm 1997, Trưởng Khối Thiểu-số Quốc Hội<sup>i</sup> Richard Gephardt, cầm đầu tái vận động thu hồi Tối Huệ Quốc (THQ), loan tin sai lạc rằng Trung Quốc có thặng dư mậu dịch với Hoa Kỳ nhờ hàng xuất khẩu do hai triệu nhân công tù sản xuất. Tổ giặc giệt gân nhất có lẽ là tin, được FBI xác nhận bằng theo dõi điện tử, Trung Quốc mua ảnh hưởng chính trị qua đóng góp phi pháp vào các quỹ tranh cử ở Mỹ.

Tóm lại, 1997 là năm mà đồng thuận lâu năm ở Hoa Kỳ về Trung Quốc hoàn toàn sụp đổ, một đồng thuận đã hình thành chính sách và lập trường đối với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Từ khi Richard Nixon thiết lập quan hệ với Trung Quốc năm 1972, lãnh đạo Mỹ cho rằng quan hệ thân hữu và hợp tác với Trung Quốc sẽ khuyến khích một nước tân Trung Quốc vươn lên với giá trị và quyền lợi thích hợp với Hoa Kỳ. Diễn biến mấy năm qua đã mang nhiều nghi vấn cho giả định đó, vì thế đây là lần đầu tiên trong một phần tư thế kỷ, người Mỹ nghĩ rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ không còn hướng đến hợp tác và

---

<sup>i</sup> House Minority Leader

thân hữu nhưng có khả năng đi đến cạnh tranh đầy nguy hiểm trên nhiều mặt. Không cần nói thêm, chúng tôi thuộc nhóm chủ trương tiếp cận Trung Quốc với hoài nghi và thận trọng.

Nói vậy không có nghĩa là chúng tôi đồng ý với mọi báo động về Trung Quốc trong năm qua. Như chúng tôi không tin rằng thắng dư mậu dịch là nhờ công nhân tù; như trình bày trong Chương Năm, thắng dư mậu dịch của Trung Quốc là do cải tổ kinh tế, các vùng kinh tế đặc biệt, và những rào cản bắt công cho hàng nhập cảng từ Mỹ và các nước khác. Trong sách này, chúng tôi tranh luận ngược lại việc kết nối Tối Huệ Quốc với nhân quyền, chính sách được thực hiện hai năm đầu nhiệm kỳ thứ nhất của chính quyền Clinton rồi bỏ. Tổng quát, sách tập trung vào những yếu tố chiến lược trong quan hệ Trung–Mỹ hơn là những hiểu lầm nhỏ nhặt, mà hầu như không thể tránh khỏi giữa hai nền văn minh lớn và đầy tự hào như Mỹ và Trung Quốc. Khủng hoảng Eo-biển Đài Loan năm 1996 thúc đẩy chúng tôi viết sách này vì dường như sự vươn lên vị thế siêu cường của Trung Quốc đang hướng đến cạnh tranh mãnh liệt với Hoa Kỳ—một cạnh tranh nếu giải quyết vụng về hoặc thiếu cương quyết, sẽ dẫn hai nước đến chiến tranh. Một tình huống chiến tranh có thể xảy ra, và chọn lựa của Washington trước một cuộc chiến quân sự, được phác thảo trong Chương Tám: “Chiến tranh Giả tưởng Trung–Mỹ.” Chúng tôi đã, và vẫn, giả định rằng mục đích cuối cùng của Trung Quốc là thành hình thế lực thống trị ở châu Á, trực diện đối đầu với mục đích Hoa Kỳ là giữ cân bằng quyền lực Á châu và duy trì ảnh hưởng trên một vùng mệnh mông của thế giới mà quân đội Mỹ đã ba lần đến chiến đấu trong nửa thế kỷ qua, luôn luôn để ngăn ngừa một thế lực không thân thiện trở nên quá mạnh đe dọa quyền lợi Hoa Kỳ.

Chưa diễn biến nào trong số những biến chuyển dồn dập đó

thay đổi quan điểm cơ bản này. Thực vậy, vào tháng Chín 1997, chỉ vài tuần trước cuộc thăm viếng quốc gia của Jiang Zemin ở Washington, quan hệ dịu lại ít căng thẳng hơn một năm rưỡi trước đó, nhưng nỗ lực đạt thống trị Á châu của Trung Quốc vẫn không thay đổi. Tình trạng đó sẽ biến chuyển, một ngày nào đó báo chí sẽ nói về tình trạng căng thẳng, rồi về mối quan hệ. Thỉnh thoảng lãnh đạo hai nước sẽ cố tạo không khí hợp tác và hài hòa khi tình hình chính trị trong nước đòi hỏi. Nhưng qua những hỗn độn phù phiếm ngày-lại-ngày đó, Trung Quốc vẫn nổi lên là cạnh tranh chính toàn cầu của Hoa Kỳ, và những diễn biến năm ngoái làm tăng, chứ không giảm, khuynh hướng cơ bản đó.

Những diễn biến đó là gì? Hẳn nhiên trước nhất là Hồng Kông trả lại cho Trung Quốc. Những tuần sau ngày giao trả, thế giới theo dõi dấu hiệu cho thực tâm của Trung Quốc về cam kết “một quốc gia, hai hệ thống” cho Hồng Kông. Trước ngày tiếp quản, Trung Quốc bắt đầu nhúng tay vào Hồng Kông, bãi bỏ hội đồng lập pháp được dân bầu để thay bằng hội đồng do Bắc Kinh chỉ định, gồm cả một số nhân vật đã bị thất cử trước đó. Nhiều tin cho thấy làng báo tự kiểm duyệt, các công ty truyền thông lớn bị áp lực bán cho Bắc Kinh với giá rẻ mạt. Như chúng tôi đã tiên đoán trong phần Dẫn Nhập của sách, việc chuyển giao Hồng Kông sang Bắc Kinh diễn ra suông sẻ trong giai đoạn đầu, ngoại trừ một vài dấu hiệu đáng ngại tiên khởi vì dù đã cam kết “một quốc gia hai hệ thống,” Bắc Kinh đã xen vào chính quyền Hồng Kông và luật căn bản<sup>i</sup> bảo đảm cơ chế chính phủ.” Cảnh sát có quyền cấm biểu tình. “Hội đồng lập pháp lâm thời,” do

---

<sup>i</sup> Luật Căn Bản (Basic Law of the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China) được coi là “Hiến-pháp nhỏ” của Đặc Khu Hành-chánh Hồng Kông.

Bắc Kinh chỉ định, ngưng luật bảo vệ quyền lao động. Trung Quốc bắt đầu ra luật bầu cử thuận lợi cho những nhóm thân Bắc Kinh và bất lợi cho Đảng Dân Chủ<sup>i</sup> đã thắng trong cuộc bầu cử trước chuyển giao. “Mục đích của luật đơn giản là không vì lý tưởng dân chủ,” ông Lau Siukai, một trong những người soạn thảo luật mới, có lẽ vì lẽ này, đã xác nhận mục tiêu chính trị của luật. “Chúng tôi phải cân nhắc... làm thế nào để giữ quan hệ tốt giữa đại lục và Hồng Kông.”<sup>1</sup>

Cho dù tình trạng Hồng Kông đi về đâu, tiếp quản một trong những nền kinh tế phồn thịnh và năng động nhất thế giới làm tăng quyền lực và ảnh hưởng của Trung Quốc là điểm quan trọng nhất trong quan hệ Trung–Mỹ. Về địa lý, Hồng Kông nằm đầu biển Nam Hải, giữa đường từ Quần-đảo Hoàng Sa (Việt Nam và Trung Quốc giành chủ quyền) đến Đài Loan, vùng đất mà lãnh đạo Bắc Kinh đã công khai đưa việc thu hồi lên mục tiêu khẩn cấp hàng đầu.

Trong khi Bắc Kinh phô diễn cuộc tiếp quản Hồng Kông cho ống kính TV toàn cầu, thế giới quên đi những vùng khác ở Á châu nơi mà quyền lực và ảnh hưởng Trung Quốc tiếp tục gia tăng. Chỉ năm ngày sau lễ tiếp thu ở Hồng Kông, nền chính trị rối rắm của Cambodia xảy ra một biến chuyển dữ dội đưa ảnh hưởng Trung Quốc ở Đông Nam Á lên đỉnh mới. Hun Sen, Đệ-nhi Thủ-tướng của Cambodia, đảo chánh và đàn áp đẫm máu cánh bảo hoàng “đối tác” trong chính phủ liên hiệp, Thủ-tướng thứ nhất là Hoàng-tử Norodom Ranadiddh phải bỏ nước ra đi. Đáng nói là thái độ nhanh nhẩu mà Trung Quốc—trước giờ vẫn ủng hộ cánh bảo hoàng do cha của Ranariddh là Ông Hoàng Sihanouk, người đã gọi Hun Sen là “bù nhìn Việt Nam,” cầm đầu—đã trở mặt ủng hộ kẻ chiến thắng là Hun Sen. Cơ hội để

---

<sup>i</sup> Democratic Party

tăng ảnh hưởng Trung Quốc ở Cambodia mới là quan trọng. Là nước đầu tiên chấp nhận sự thu tóm quyền lực của Hun Sen ở Phnom Penh, Trung Quốc triệt tiêu nỗ lực của Tây phương và các nước ASEAN áp lực Hun Sen lùi bước. Quả thực, sau này khi phái đoàn các nước đến Cambodia, thay vì hòa dịu, Hun Sen lại tỏ ra cứng rắn yêu cầu chính quyền họ ngưng can thiệp vào nội tình Cambodia làm họ sững sốt, một thái độ thách thức ông ta sẽ không làm nếu không có hậu thuẫn của Trung Quốc.

Nhờ nắm bắt cơ hội qua cuộc đảo chánh của Hun Sen, ảnh hưởng Trung Quốc tăng nhanh, gây chú ý đến bành trướng của Trung Quốc ở Đông Nam Á. Nhiều năm trước, Trung Quốc hầu như đã cuốn Miến Điện vào vòng ảnh hưởng qua việc hỗ trợ chính quyền quân phiệt Miến đang bị các nước khinh ghét và xa lánh. Gần đây, Trung Quốc cho thấy ý muốn sử dụng sức mạnh kinh tế theo phương cách mới. Sự thật là phát triển kinh tế của Trung Quốc và giành giật thị trường xuất cảng của các quốc gia Á châu khác là trong những nguyên nhân chính gây khó khăn cho kinh tế Đông Nam Á nói chung và khủng hoảng kinh tế toàn bộ ở Thái Lan vào mùa hè 1997. Ảnh hưởng Trung Quốc lên nền kinh tế ề uột của Thái được thể hiện qua hai động thái: các ngân hàng và công ty nhà nước Trung Quốc thăm dò mua số cổ phần quyết định trong lãnh vực tài chính Thái và việc Bắc Kinh quyết định dùng một phần số ngoại tệ khổng lồ (phần lớn thu từ thặng dư mậu dịch khổng lồ với Hoa Kỳ) vào gói cứu trợ tài chính của Quỹ Tiền-tệ Quốc Tế<sup>i</sup> cho kinh tế Thái. Bắc Kinh góp một tỷ đôla vào nỗ lực này và bật đèn xanh cho vùng mới tiếp quản, Hồng Kông, đóng vào quỹ.

Bàn tay của Trung Quốc còn vươn qua biên giới tây bắc. Non bốn tuần trước khi tiếp quản Hồng Kông, Trung Quốc vượt

---

<sup>i</sup> International Monetary Fund

hai công ty dầu Mỹ Texaco và Amoco để mua 60% công ty dầu lớn nhất của Kazakhstan. Trung Quốc cam kết sẽ đầu tư \$4 tỷ USD vào những mỏ dầu lớn trong vòng hai mươi năm, và thêm hàng tỷ để xây ống dẫn dầu đến Trung Quốc. Dù quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Kazakhstan vẫn tăng trưởng vững chắc, với ký kết này Trung Quốc nắm vai chính trong tương lai của Kazakhstan.

Kinh nghiệm của các nước láng giềng Trung Quốc từ Kazakhstan đến Cambodia có một điểm tương đồng rõ rệt. Các cường quốc, như Hoa Kỳ, không thể ngăn cản Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng và thế lực ở các nước chung hoặc gần biên giới. Với dân số 1.2 tỷ người và kinh tế tăng trưởng 10% mỗi năm trong hai thập niên qua, Trung Quốc trỗi lên các lân bang cùng biên giới.

Vì lý do đó chúng tôi tranh cãi lại điều thường được gọi là chính sách “bao vây” Trung Quốc. Thế lực Trung Quốc sẽ bành trướng, và bất cứ chính sách cứng nhắc nào nhằm ngăn cản sự bành trướng khắp nơi đó sẽ đi đến thất bại.

Lẽ ra vấn đề chính của Hoa Kỳ và đồng minh châu Á cùng các nước thân hữu là một nước Trung Quốc ngày càng mạnh sẽ thống trị châu Á như lãnh đạo họ trù tính, hoặc là Hoa Kỳ, chủ yếu là với Nhật Bản, có thể đối trọng lại sự trỗi lên cường quốc và trở thành siêu cường của Trung Quốc. Vấn đề đó sẽ được giải quyết ở vành đai phía đông—bắt đầu từ vùng Viễn Đông Nga đến bán đảo Đại Hàn, Nhật, và Đài Loan, và có thể cả Philippines và Indonesia.

Không ai hiểu vấn đề chiến lược này sâu sắc hơn lãnh đạo Trung Quốc và các nhà tư tưởng quân sự và chiến lược cổ vấn cho họ. Một ví dụ điển hình là chiến dịch mãnh liệt của Trung Quốc vào mùa hè 1997 phản đối một phát triển nhỏ trong hợp



tác an ninh Mỹ–Nhật. Tháng Sáu, hai quốc gia công bố dự thảo chung cho “nguyên tắc phòng thủ” về vai trò lớn hơn của Nhật để hỗ trợ Hoa Kỳ trong những xung đột tương lai trong vùng “lân cận Nhật Bản.” Tokyo cam kết sẽ cung cấp quân đội Hoa Kỳ nhiên liệu và tiếp vận, sửa chữa máy bay và tàu bè, và, nếu cần thiết sẽ gửi tàu dò mìn tiếp tay với Hải-quân Hoa Kỳ. Lực lượng Hoa Kỳ có thể sử dụng phi trường dân sự, hải cảng, và bệnh viện của Nhật trong trường hợp chiến tranh.

Những nguyên tắc chỉ đạo này trên thực tế là một bước nhỏ của Nhật, để giữ trách nhiệm lớn hơn cho an ninh phía tây Thái Bình Dương, đã cảnh giác Trung Quốc vì nhận ra Đài Loan nằm trong vùng “lân cận Nhật Bản.” Trên quan điểm của Hoa Kỳ và Nhật Bản thì đó là điều hợp lý vì phần lớn mậu dịch và năng lượng cung cấp cho Nhật đi qua vùng biển gần Đài Loan. Nhưng Trung Quốc, với lý lẽ riêng, xem đề nghị sửa đổi nguyên tắc an ninh nhỏ nhất đó là gây khó khăn cho Trung Quốc nếu cần sử dụng giải pháp quân sự với Đài Loan trong tương lai. Trung Quốc cho mời các nhân vật hàng đầu của Nhật đến Bắc Kinh để tuyên bố nguyên tắc chỉ đạo không nên bao gồm Đài Loan. Vào tháng Tám, sau khi một viên chức cao cấp trong chính quyền Thủ-tướng Ryutaro Hashimoto, bằng ngôn ngữ cương quyết của ngoại giao, đáp trả bằng cách nhắc lại nguyên tắc an ninh bao gồm Đài Loan, chính quyền Trung Quốc giận dữ tuyên bố lập trường đó là “không chấp nhận được.”

Đề tài phức tạp này, hầu như bị lãng quên trong làng báo Mỹ, liên quan đến khả năng phối hợp giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản để đối lại một Trung Quốc quyết đoán hơn ngay tại trọng tâm mà một cuộc xung đột, hay biểu dương sức mạnh quân sự, có thể xảy ra. Một phối hợp cần thiết như vậy trở nên quá hiển nhiên qua khủng hoảng Eo-biển Đài Loan đầu năm 1996, khi

Trung Quốc bắn tập phi đạn đến gần Đài Loan, và Hoa Kỳ cho hai lực lượng mẫu hạm đặc nhiệm đến để bảo đảm Trung Quốc không biến cuộc diễn tập thành một xâm lăng Đài Loan toàn diện. Từ đó, Trung Quốc bớt đe dọa Đài Loan, dù quân sự vẫn gia tăng ở mức nhanh nhất thế giới. Năm 1997 Trung Quốc tăng số ngân sách quân sự chính thức 12.7 phần trăm so với 1996.<sup>2</sup> Trung Quốc bỏ nguyên tắc đã lâu năm là tự lực phát triển vũ khí và dùng trữ tệ khổng lồ để mua hệ thống vũ khí tối tân từ ngoại quốc, nhiều nhất là từ Nga, như trong Chương Ba. Sau sự kiện Eo-biển Đài Loan, Trung Quốc ký với Nga để mua hai chiến hạm trang bị phi đạn được các chuyên gia vũ khí cự Liên-bang Xô Viết thiết kế cho mục đích đánh chìm hàng không mẫu hạm Mỹ.

Tham vọng thấy rõ của Trung Quốc qua phương cách thu mua không nhằm trực tiếp đối đầu hay đe dọa Hoa Kỳ, điều họ không làm được trong thập niên tới hay lâu hơn, nhưng để giảm hoặc loại bỏ khả năng Hoa Kỳ cản trở hoạt động quân sự của Trung Quốc ở Á châu, đặc biệt là về Đài Loan. Tham vọng đó còn thể hiện qua việc tái kêu gọi chấm dứt hiện diện quân sự Mỹ ở Á châu. Tham vọng này của Trung Quốc có thể tóm gọn trong khẩu hiệu thường nghe: “An ninh Á châu nên do người Á châu quyết định,” được phát ngôn viên Bộ Ngoại-giao Shen Guofang lập lại vào tháng Tư 1997. Lập trường Trung Quốc thay đổi lớn. Những năm trước Trung Quốc xem hiện diện quân sự của Hoa Kỳ ở châu Á là ổn định và nằm trong quyền lợi Trung Quốc. Quan điểm đó tiếp tục cho đến sau Chiến Tranh Lạnh và sụp đổ của Liên-bang Xô Viết. Hiện tại thì ngược lại, Trung Quốc thúc đẩy “khái niệm an ninh mới” với mục tiêu tối hậu là hủy bỏ những thỏa hiệp an ninh song phương giữa Hoa Kỳ và các đồng minh Á châu.

Tóm lại, lãnh đạo Trung Quốc kiên định với bốn mục tiêu tương quan cho kế hoạch thống trị Á châu: thứ nhất, là nắm chủ quyền và cai trị Đài Loan; hai là, bành trướng hiện diện quân lực và quyền hành ở biển Nam Hải,<sup>1</sup> ba là đưa đến triệt thoái quân lực Mỹ ở Á châu—có thể trừ lực lượng phòng thủ ở Nhật với mục đích ngăn ngừa Nhật trỗi lên như một sức mạnh quân sự độc lập; bốn là giữ Nhật Bản trong tình trạng lệ thuộc chiến lược vĩnh viễn như trình bày trong Chương Bảy “Chính sách Nhật Bản của Trung Quốc.” Những động thái năm qua của Trung Quốc, từ Kazakhstan đến Nhật đến Cambodia, từng bước tiến dần đến bốn mục tiêu đó. Nếu hoàn thành hết thì Trung Quốc—không bao lâu nữa sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất và là một trong những thế lực quân sự hùng mạnh nhất thế giới—sẽ đẩy cán cân quyền lực Á châu nghiêng về phía Trung Quốc vĩnh viễn. Và đó là dấu hiệu của thay đổi cơ bản cho vị thế dẫn đầu của Hoa Kỳ ở Á châu mà đã giữ hòa bình, đồng thời tạo điều kiện cho thịnh vượng và dân chủ trong vùng, trong năm mươi năm qua.

---

<sup>1</sup> Biển Đông Việt Nam.

# CUỘC CHIẾN TƯƠNG LAI VỚI TRUNG QUỐC

# Dẫn Nhập

*[Với Hoa Kỳ] Ta phải tuyệt đối ngậm hờn  
trong câm lặng lâu dài... Phải dẫu móng vuốt  
chờ thời cơ.*

—THIẾU TƯỚNG MI ZHENYU,  
*Chỉ huy Phó, Đại học Khoa học Quân sự,  
Bắc Kinh*

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC, quốc gia đông dân nhất thế giới, và Hoa Kỳ, quốc gia hùng mạnh nhất hoàn cầu, đã trở thành đối thủ toàn cầu—quan hệ căng thẳng, quyền lợi mâu thuẫn, đối diện với nhiều trắc trở và nguy hiểm về sau. Chỉ mới hơn thập niên trước, thập niên 1980, hai khổng lồ của Thái Bình Dương đã xem nhau như đối tác chiến lược thật sự cho tương lai và lập liên minh cần thiết để chống lại sự khống chế của Liên-bang Xô Viết ở Á châu. Nhưng kể từ đầu thập niên 1990, quan hệ đó đã bị mâu thuẫn chi phối. Điển hình là bài viết của Tướng Mi Zhenyu, một chỉ huy cao cấp của quân đội, đăng trên tập san của lãnh đạo Trung Quốc phát hành rộng rãi năm 1996, nói đến phục thù trong một cuộc chiến dai dẳng giành uy thế. Chủ bút tờ tập san giới thiệu “Tác giả là các cấp cao trong ngành phục vụ. Bài họ viết phản ánh thảo luận sâu rộng trong chính quyền và

giới trí thức về một phương thể Trung Quốc cần có để bước vào tân thế kỷ.”<sup>1</sup>

Nếu Trung Quốc hung hăng mà Hoa Kỳ vẫn vô tâm thì mâu thuẫn chớm nở giữa hai nước có thể dẫn đến đụng độ quân sự. Hoa Kỳ dù sao cũng đã trải qua ba cuộc chiến lớn ở Á châu trong nửa thế kỷ qua nhằm ngăn chặn một thế lực duy nhất bao trùm, mà việc Trung Quốc trở thành siêu cường bên kia bờ Thái Bình Dương trong một hoặc hai thập niên tới cũng là điều tất nhiên. Nhưng dù chiến tranh không xảy ra, đối đầu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ là cạnh tranh chính của toàn cầu trong những thập niên đầu thế kỷ 21. Vì đối đầu này mà các quốc gia phải chọn đứng về một phía và nó sẽ dẫn đến một cuộc chạy đua trên mọi mặt: quân sự, kinh tế, ảnh hưởng giữa các quốc gia, ảnh hưởng giữa các giá trị và cách hành xử để được chấp nhận là mẫu mực quốc tế.

Kết luận này của chúng tôi đặt căn bản trên hai luận đề: Một là Trung Quốc sau hơn một thế kỷ thăng trầm đang trở lại vị thế cường quốc mà họ cho đó là vai trò lịch sử. Vài năm nữa, Trung Quốc sẽ có một nền kinh tế lớn nhất thế giới,<sup>i</sup> một quân đội cũng trên đà lớn mạnh đáng sợ mà hiện giờ sức mạnh và ảnh hưởng của nó đã vượt xa các quốc gia trong vùng Thái Bình Dương mệnh mông, ngoại trừ Hoa Kỳ. Trung Quốc là một cường quốc với tham vọng chưa thành—muốn thống trị châu Á không bằng vũ lực xâm chiếm lân bang, mà bằng cách trở thành đại siêu cường để không việc lớn nhỏ gì có thể xảy ra ở Đông Á nếu không được họ ngầm chấp thuận.

---

<sup>i</sup> Khi sách xuất bản năm 1997, kinh tế TQ đứng hàng thứ bảy, tám của thế giới, xấp xỉ với Brazil. Năm 2010, kinh tế TQ vượt Nhật Bản lên hàng thứ hai, chỉ sau Hoa Kỳ. (Người dịch-Nd)

Sự lớn mạnh và thái độ hung hăng theo đuổi quyền lợi đó không chỉ bắt nguồn từ sự cảm nhận về vai trò lịch sử tự cho nhưng còn từ một đòi hỏi tâm lý sâu xa khác mà lãnh đạo Trung Quốc đang khéo léo khai thác. Tham vọng của Trung Quốc được hun đúc bởi tinh thần dân tộc của một lịch sử đau thương và vàng son sụp đổ; một loại dân tộc chủ nghĩa xa lạ và vì vậy khó hiểu cho một thế giới Tây phương quá hài lòng và tự mãn. Lãnh đạo Trung Quốc, vì cố gắng duy trì nền chính trị độc tài giữa xu hướng các chế độ độc tài trên thế giới đang bị đào thải, đã khai thác đầu óc bài ngoại để củng cố quyền lực trên một đất nước mà họ cho rằng đang bị vây hãm trong tình trạng khó khăn.

Họ tin rằng khơi dậy lòng ái quốc và nhắc nhở đến sự hiện hữu của Kẻ Đại Thù, trên một thế giới kế thừa những đế quốc mà trước đây đã chà đạp lên sĩ diện và vị thế của Trung Quốc, là cách chắc chắn để được sự ủng hộ của khối quần chúng nhiều bất mãn với chính sách trong nước. Tinh thần chống Mỹ đã trở thành giá trị quốc gia.

Luận đề thứ hai là Hoa Kỳ, ít nhất trong trăm năm qua, đã kiên định với chính sách không để một cường quốc nào khống chế Á châu. Nhưng đó chính là mục tiêu của Trung Quốc, nên sẽ không khỏi va chạm với quyền lợi của Hoa Kỳ tại một vùng mà tầm quan trọng chiến lược và mức phát triển kinh tế vượt nhanh châu Âu. Kể từ thế kỷ 19, bàn cờ chính trị Đông Á đã đặt trên thế cân bằng quyền lực. Thế cân bằng này đã liên tục từ cuối Thế Chiến II cho đến hiện tại, với sự bảo hộ và giám sát của Hoa Kỳ, và trong suốt thời gian đó Trung Quốc luôn luôn là mầm đe dọa phá vỡ cân bằng đó. Khi Tổng-thống Nixon thăm Bắc Kinh vào tháng Hai 1972, Trung Quốc là mối đe dọa nhưng kinh tế và quân sự nằm trong tình trạng ềo uột. Trung Quốc là cọp giấy,

như bộ máy tuyên truyền của Mao vẫn gọi Liên-bang Xô Viết—địch thủ của họ thời bấy giờ—đáng sợ, nhưng trên thực tế không đủ khả năng phóng lực ra ngoài lãnh thổ. Điều trớ trêu ở đây là tình trạng đó đang thay đổi mau chóng, phần lớn là vì Trung Quốc đã từ bỏ chính sách Mácxít là cái đã mang lại cho họ hình ảnh ghê sợ cách đây một phần tư thế kỷ.

Cho dù việc tiếp thu Hồng Kông, nơi có nền kinh tế tự-do-kinh-doanh *laissez-faire* nhất trên thế giới, vào guồng máy quan liêu trì trệ được kiểm soát khắt khe của Trung Quốc thành hay bại—chúng tôi tiên đoán là sẽ có nhiều đàn áp chính trị nhưng không ảnh hưởng đến kinh tế, ít nhất là ban đầu—nó sẽ đem về cho Trung Quốc một cảng sâu và phồn thịnh nhất thế giới, một căn cứ hải quân lớn, và một nền kinh tế có mức mậu dịch song phương đứng hàng thứ 13 của Hoa Kỳ với \$24 tỷ USD mỗi năm.<sup>i</sup>

Năm 1999, Bồ Đào Nha sẽ giao trả Macau lại cho Trung Quốc. Đây là sự kiện quan trọng vì Bắc Kinh sẽ nắm chủ quyền trên toàn bộ lãnh thổ lịch sử của Hoa Lục. Tuy nhiên Đài Loan vẫn chưa thu hồi được và đây là mầm mống căng thẳng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Tháng Ba 1996, khi Trung Quốc diễn tập quân sự ở Eo-biển Đài Loan để đe dọa cử tri trong kỳ bầu cử tổng thống Đài Loan, Hoa Kỳ đã đưa hai, xin nhấn mạnh *hai*, hạm đội hàng không mẫu hạm đến biểu dương lực lượng với Trung Quốc. Sự kiện này đã mau chóng chìm vào quên lãng trong ký ức người Mỹ dù đó là một biến cố quan trọng, một trực diện quân sự lớn nhất ở Thái Bình Dương từ cuối Thế Chiến II, một bằng chứng rõ ràng cho thấy mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ có tiềm năng bùng phát. Hai nước không những có mục tiêu đối nghịch trong vùng, mà một ngày nào đó sẽ dùng đến chiến tranh để đạt được mục đích. Cuộc trực diện quân sự

---

<sup>i</sup> Đây là dữ kiện năm 1996. (Nd)



1996 ở Eo-biển Đài Loan báo trước những đụng độ tương lai khi một Trung Quốc dân tộc chủ nghĩa trở nên hùng cường hơn, kiên định hơn, và quyết chiếm lại phần đất họ cho là lãnh thổ quốc gia.

Dù kết quả ra sao, Đài Loan là một vấn đề trong quan hệ Hoa-Mỹ. Nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan, Hoa Kỳ sẽ không còn lựa chọn nào khác: Hoặc bảo vệ Đài Loan hoặc mất hết uy tín với những quốc gia thân hữu quan trọng ở châu Á. Điều đó có nghĩa là chiến tranh sẽ xảy ra với Trung Quốc. Một trường hợp khác, tuy khó xảy ra, là nếu nhân dân Đài Loan chấp nhận thống nhất với Hoa Lục, việc tiếp quản sẽ diễn ra trong hòa bình. Nhưng nếu xảy ra sẽ đem về cho Trung Quốc một phần thưởng kinh tế to lớn, đứng hàng thứ chín trong số những quốc gia mật dịch quan trọng nhất của Hoa Kỳ, và có dự trữ ngoại tệ lớn nhất trên thế giới. Cạnh đó, Đài Loan nằm giữa hải lộ vận chuyển dầu và nguyên liệu cho Nhật Bản, đồng minh quan trọng số một của Hoa Kỳ ở châu Á. Nói cách khác, một Trung Quốc hoàn toàn thống nhất thì sức mạnh kinh tế và chiến lược sẽ gia tăng vô hạn và đảo lộn cân bằng quyền lực trong vùng.

Những năm đầu sau khi quan hệ Trung-Mỹ vừa được tái lập (1972) là những năm hai bên náo nức tìm hiểu nhau và yên tâm khi thấy lợi ích chung thay dần cho thù nghịch. Nhưng tình thần đó đã mất từ lâu. Ngày nay người ta không còn nghe đến hợp tác chiến lược giữa hai nước mà chỉ nghe toàn những chỉ trích về bất tín, về mâu thuẫn quyền lợi và mục đích trong quan hệ Trung-Mỹ. Như chuyện Trung Quốc thử hỏa tiễn gần Đài Loan, chuyện hai hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ tuần hành trên vùng biển gần Trung Quốc, chuyện Bắc Kinh nghiêm trọng cảnh cáo Washington tránh xa hải phận quốc tế ở Eo-biển Đài Loan. Và một cảnh báo đầy đe dọa của một viên chức Trung

Quốc ản danh về số hóa tiền nguyên tử chứa hướng về Los Angeles. Còn ngược lại là chỉ trích Trung Quốc liên tục vi phạm nhân quyền, việc Trung Quốc bán kỹ thuật hóa tiền cho Iran, bán cho Pakistan loại nam châm đặc biệt có thể dùng vào chế tạo vũ khí nguyên tử. Trung Quốc xây những nhà máy nguyên tử bí mật ở Algeria có thể sản xuất plutonium; bán vật liệu chế tạo vũ khí hóa học và nguyên tử cho Libya; cung cấp vũ khí quy ước cho cả Iran và Iraq. Những quân cụ Trung Quốc bán hoặc cung cấp cho các quốc gia thù nghịch Hoa Kỳ gồm có xe tăng, hỏa tiễn chống tăng, giàn phóng hỏa tiễn, máy bay chiến đấu, hỏa tiễn điện-đổi-diện—chưa kể trợ giúp kỹ thuật cho các nước khác để sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt.<sup>2</sup>

Trung Quốc cũng nhấp nhồm như ngồi trên lửa vì những đòn trả đũa hoặc động thái khác từ phía Hoa Kỳ mà báo chí Trung Quốc gọi—nói theo tinh thần dân tộc chủ nghĩa đang lên—là xen vào nội bộ như thời đế quốc xâm lược. Việc Washington cản trở Bắc Kinh hăm hờ đăng cai tổ chức Olympic 2000; lên án chính sách Tây Tạng của Trung Quốc và tỏ lòng kính ngưỡng Đức Dalai Lama lưu vong; cấp visa cho Tổng-thống Đài Loan Lee Teng-hui vào Hoa Kỳ với tư cách “cá nhân”; hăm dọa trừng phạt Trung Quốc bán vũ khí cho nước khác; trì hoãn Trung Quốc gia nhập Tổ-chức Mậu-dịch Quốc-tế (WTO). Việc Hoa Kỳ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan và Quốc Hội chấp thuận yểm trợ Đài Loan trong trường hợp bị Trung Quốc tấn công. Chuyện làng báo Hoa Kỳ thổi lớn một báo cáo của các tổ chức nhân quyền về vụ Trung Quốc cố tình để nhiều trẻ em chết đói trong các viện mồ côi. Tháng Năm 1996, báo *The New York Times* lên trang nhất việc chính quyền liên bang lục

---

<sup>i</sup> World Trade Organization

soát và bắt giam cán bộ hai công ty vũ khí nhà nước của Trung Quốc “về tội nhập lậu 2000 súng AK-47 tự động vào Hoa Kỳ.”<sup>3</sup>

Trước đó vài ngày, tờ *Wall Street Journal* đăng một bài dài về nỗ lực đầu tư quy mô của công ty McDonnell Douglas vào Trung Quốc—một nỗ lực không chỉ thất bại về mặt kinh tế mà còn đưa đến cáo buộc của Quốc Hội: vì tư lợi mà công ty đã trao cho Trung Quốc nhiều kỹ thuật quân sự bí mật. Đồng thời thì thâm thủng cán cân mậu dịch hàng năm tăng gần \$40 tỷ USD, Trung Quốc sắp vượt Nhật để trở thành quốc gia gây thâm thủng mậu dịch lớn nhất cho Hoa Kỳ.<sup>4</sup> Và đây là một Trung Quốc chỉ vừa hồi phục sau hai thế hệ trì trệ dưới một nền kinh tế áp đặt. Một điểm không kém phần quan trọng là khác với Nhật Bản, Trung Quốc không phải là một nước dân chủ hay đồng minh của Hoa Kỳ.

Trong sách này chúng tôi sẽ chứng minh rằng lãnh đạo Trung Quốc sau nhiều thảo luận đã khẳng định Hoa Kỳ là địch thủ số một toàn cầu. Trong thập niên 1960 và 1970, Trung Quốc lên án Liên Xô mưu đồ bá quyền ở châu Á, thì trái lại ngày nay cáo buộc đó lại quay về phía Hoa Kỳ—địch thủ chính—và tái lập quan hệ hữu nghị với cựu thù Xô Viết.

Căng thẳng giữa hai nước cũng có khi dịu lại như vào tháng Sáu 1996, khi đàm phán viên hai nước thỏa thuận về cuộc thăm viếng của nguyên thủ hai nước, Bill Clinton và Jiang Zemin, năm 1997. Nhưng hòa hoãn của Trung Quốc chỉ là chiến thuật, có thể che dấu nhưng không giải quyết được những bất đồng căn bản đã gây nên căng thẳng. Về phía Hoa Kỳ thì những bất đồng này nổi cộm rõ nét trong Quốc Hội, trên truyền thông và dân chúng. Trung Quốc, một đất nước bao la, có tiềm năng cường quốc, là quốc gia cộng sản to lớn cuối cùng trên trái đất, đang hành xử thù nghịch, ngược lại với giá trị Mỹ. Ông Frank R.

Wolf, dân biểu Cộng Hòa bang Virginia, mô tả tình trạng này trong buổi điều trần ở Hạ-viện về vị thế Tối Huệ Quốc của Trung Quốc. Ông dẫn việc các công ty Trung Quốc bán lậu súng AK-47 vào Hoa Kỳ (lời ông Wolf: “Súng có thể giết thanh niên nam nữ Mỹ,”) tin Bắc Kinh mua hỏa tiễn SS-18 của cựu Liên-bang Xô Viết, bức hại tín hữu Tin Lành, đàn áp Tây Tạng, ghép thận và giác mạc lấy từ tử tử tù bị kết án qua những phiên tòa sơ sài lấy lệ. Ông Wolf tuyên bố: “Tình trạng càng ngày càng tồi tệ trên ba mặt quan tâm là nhân quyền, chạy đua vũ trang, và mậu dịch.” Cáo buộc về thu mua hỏa tiễn SS-18 vẫn chưa được kiểm chứng dù Bộ-trưởng Quốc-phòng William Perry đã công khai bày tỏ quan ngại về tin Trung Quốc đang tìm mua hỏa tiễn tầm xa ICBM của Nga. Một điều chắc chắn là trong mấy năm qua Trung Quốc đã mua khoảng 4.4 tỷ vũ khí cao cấp của Nga, gồm chiến đấu cơ siêu âm, phi cơ ném bom, tàu ngầm, và hệ thống phòng không.<sup>5</sup> Trong hai năm 1994 và 1995, số vũ khí Nga bán sang các nước đang phát triển tăng 62%, vượt xa Hoa Kỳ, mà Trung Quốc là khách hàng lớn nhất.<sup>6</sup> Điều đáng nói ở đây là Trung Quốc đang tìm mua loại vũ khí mà cựu Liên-bang Xô Viết đã dùng để thực hiện cái mà trước đây Trung Quốc lên án là tham vọng bá quyền.

Cùng lúc thì bộ máy tuyên truyền Trung Quốc không ngừng tuôn ra những luận điệu chống Mỹ, rằng Hoa Kỳ can thiệp nội bộ, tuyên truyền xấu về Trung Quốc, chỉ trích mọi chính sách của Trung Quốc, nuôi ý tưởng “bao vây Trung Quốc” để cản trở khát vọng chính đáng là thống nhất Đài Loan và cải tổ kinh tế. “Chúng tôi làm gì các ông cũng không thích, đây là một biện pháp để ngăn chặn Trung Quốc thì phải,” một chuyên gia ngoại giao đã nói trong một buổi phỏng vấn ở Bắc Kinh năm 1996. “Vì vậy ở Trung Quốc, nói tốt về Mỹ không hợp thời chút nào mà

ngược lại, rất hợp khi gọi Mỹ là một siêu cường nham hiểm, một kẻ thù nguy hiểm, một nước lớn hách dịch.”

Ngay sau tin Jiang Zemin được chính thức mời thăm thủ đô Washington, truyền thông và lãnh đạo Trung Quốc vẫn gay gắt lên án Hoa Kỳ là đối thủ toàn cầu chính của Trung Quốc. Điều này dường như gợi ý cho năm trí thức trẻ Trung Quốc—ngược đời là đa số đã tham gia phong trào dân chủ chống chính quyền trước đây—viết cuốn “*Trung Quốc Có Thể Từ Chối*”<sup>i</sup> cực lực đả kích Hoa Kỳ và trở thành đề tài cho cả nước. Sách đầy những loại cáo buộc như: CIA ủng hộ bọn “ly khai” Đài Loan để “thé giới lên án những hoạt động của Trung Quốc là đe dọa cho hòa bình trong vùng và thế giới.” Zhang Xiaobo, một trong năm tác giả, được báo *The New York Times* phỏng vấn ở Bắc Kinh cho biết “Thời sinh viên chúng tôi khao khát đọc tiểu thuyết và xem phim Mỹ. Nhưng ngày nay thì chúng tôi thấy quốc gia đó có phần đáng khinh.”<sup>7</sup>

Sự lạnh nhạt trong quan hệ với Trung Quốc có phải chỉ tạm thời, một đoạn chùng ngán ngủi trên biểu đồ đi lên của lịch sử? Hay quan hệ Trung-Mỹ đã chìm sâu vào mâu thuẫn triền miên? Nhiều chuyên gia, cả trong Bộ Ngoại-giao và một số giới chức có ảnh hưởng đến chính sách Trung Quốc của Mỹ, thì cho rằng hai nước có quá nhiều lý do để hợp tác hơn là xung đột, bởi vậy về căn bản mối quan hệ vẫn tốt. Đây là điểm tương đồng giữa các giới chức Hoa Kỳ và Trung Quốc. Khuynh hướng này cho rằng những can thiệp có tính đạo đức của Quốc Hội, chính sách bất nhất từ Nhà Trắng, và báo chí giật gân gây trở ngại cho một hợp tác chiến lược. Việc Hoa Kỳ đâm thọt, khiêu khích, chọc

---

<sup>i</sup> Tựa đề *China Can Say No* nhái theo một tác phẩm cũng gây nhiều dư luận trước đây của Nhật Bản trong thập niên 80 là *The Japan That Can Say No*. (Nd)

tức Trung Quốc là những hành động vô ích. Phái này lý luận rằng trên thực tế quân lực của Trung Quốc yếu kém không thể bành trướng sang các nước lân cận hoặc đe dọa Hoa Kỳ được. Trung Quốc có tính thủ thế, dễ bị thương tổn, nên ngôn ngữ thường hung hăng hăm dọa. Nhưng Trung Quốc cần Hoa Kỳ cho mậu dịch và giữ ổn định cho vùng Đông Á. Về lâu về dài, hợp tác toàn cầu giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ là điều tất yếu, dù có khi căng thẳng như vụ Eo-biển Đài Loan năm 1996.

Chúng tôi thì có giả thiết khác. Chúng tôi tin rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ quả có nhiều quyền lợi chung, nhất là trong lãnh vực kinh tế. Trung Quốc cần Hoa Kỳ cho mậu dịch, kỹ thuật và để duy trì môi trường hòa bình cho phát triển kinh tế. Dù rằng loại sách như *Trung Quốc Có Thể Từ Chối* được nhiều người đọc, vẫn còn những tầng lớp trong dân chúng vô cùng ái mộ và thiện cảm với Hoa Kỳ.

Nhưng nhu cầu và thiện cảm này, dù mạnh mẽ, vẫn mâu thuẫn với những nhu cầu và quyền lợi khác mà chúng tôi sẽ trình bày. Chúng tôi sẽ cho thấy rằng tăng trưởng kinh tế và quân sự, cộng với tham vọng dân tộc và tính bài ngoại bốc đồng sẽ làm Trung Quốc hung hăng thêm chứ không giảm. Điểm quan trọng ở đây là giới lãnh đạo Bắc Kinh sẽ gây chiến với Hoa Kỳ không vì quyền lợi quốc gia mà vì quyền lợi của phe nắm quyền. Nếu kinh tế trì trệ, nếu khoảng cách giữa giàu nghèo gia tăng, nếu tham nhũng làm suy giảm uy tín chính quyền, hoặc giả sử có một phong trào đòi tự do mới, như sinh viên biểu tình năm 1989, được truyền chiếu khắp thế giới, thì chế độ sẽ khoác lên lá cờ ái quốc. Và phương cách hay nhất để thực hiện điều đó là đổ lên đầu ngoại bang, đặc biệt là Hoa Kỳ, cho những vắn nạn của Trung Quốc.

Chúng tôi lập luận rằng Trung Quốc trong khoảng thập niên qua đã có những mục tiêu hoàn toàn trái nghịch với quyền lợi Hoa Kỳ. Mục tiêu chính của họ là suy giảm ảnh hưởng của Mỹ, hắt cẳng Mỹ để trở thành cường quốc số một ở châu Á, ngăn chặn Nhật Bản và Hoa Kỳ hình thành thế trận “bao vây Trung Quốc,” và sau cùng là bành trướng thế lực vào vùng biển Nam và Đông Trung Quốc<sup>i</sup> để kiểm soát những hải lộ trọng yếu. Trung Quốc muốn nắm bá quyền để bảo đảm không một quốc gia nào trong vùng có thể hành xử mà không cân nhắc đến quyền lợi Trung Quốc trước tiên—cho dù đó là việc Nhật Bản tìm dầu trên lãnh hải của họ ở biển Đông hoặc Thái Lan quyết định cho tàu hải quân Hoa Kỳ ghé bến.

Thế bá quyền đó nằm trong một chuẩn bị toàn cầu lớn hơn để từng bước thách thức Tây phương và nhất là ưu thế toàn cầu của Mỹ. Những hợp tác quân sự chặt chẽ với cựu Liên-bang Xô Viết, trợ giúp chính trị và kỹ thuật cho các nước Hồi giáo Trung Á và Bắc Phi, kèm với ưu thế đang lên ở Đông Á đặt Trung Quốc vào trung tâm của một hệ thống không chính thức của những quốc gia mà đa số có mục tiêu và chủ thuyết thù địch với Hoa Kỳ. Nhiều nước trong số này cũng chia sẻ nỗi bất bình của Trung Quốc về ưu thế toàn cầu của Tây phương. Samuel P. Huntington của Harvard cho rằng trật tự mới của thế giới sẽ bị chi phối bởi điều mà ông gọi là va chạm giữa các nền văn minh. Chúng tôi thì nhìn sự việc theo quan điểm kiểu cũ về liên minh chính trị và cân bằng quyền lực. Nhưng dù là nhận định nào, chẳng bao lâu nữa Trung Quốc cũng sẽ trở thành siêu cường thứ hai trên thế giới, là một thế lực nổi trội ảnh hưởng đến bàn cờ

---

<sup>i</sup> Biển Nam TQ là biển Đông của Việt Nam (gồm các nước Cambodia, Phi, Thái, Malaysia, Indonesia, Brunei...) Biển Đông TQ là vùng biển chung với các nước Nhật, Đài-loan, Đại Hàn, Nga. (Nd)

thế giới trong thiên kỷ mới, và, vì vậy, cuối cùng Trung Quốc không còn là người bạn chiến lược của Hoa Kỳ mà là đối thủ đường dài.

MỘT TÁI DIỄN KỶ LẠ CỦA LỊCH SỬ được ghi nhận ở đây. Từ năm 1941 đến 1945, Hoa Kỳ liên minh chiến lược với Liên-bang Xô Viết, một trong những nền độc tài áp bức nhất trong lịch sử nhân loại, vì cần để thắng Phát-xít Đức. Khi chiến tranh kết thúc, liên minh đó chấm dứt và thay bằng cạnh tranh tất yếu giữa hai cường quốc thế giới.

Trên nhiều khía cạnh, hữu nghị Trung–Mỹ trong thập niên 1980 và 1990 tương tự như quan hệ Nga–Mỹ thời chiến. Cả hai đều là liên minh của những đối nghịch để chống lại hiểm họa chung trước mắt—một để chống lại Phát-xít Đức, một để ngăn sự bành trướng Xô Viết. Khi hiểm họa chấm dứt, liên minh chiến lược tan rã vì những khác biệt căn bản về giá trị và quyền lợi của hai bên. Cần phải nói thêm ở đây rằng trong suốt thời gian liên minh, nhiều chuyên gia, lý thuyết gia, đặc biệt là báo giới, cả nhân viên chính phủ và chuyên viên Bộ Ngoại-giao, đã nhìn Trung Quốc qua lăng kính màu ảo tưởng như đã nhìn liên minh Nga–Mỹ trong thời chiến.

Đầu thập niên 1940, Joseph Stalin, một trong những tên đồ tể tàn bạo nhất của lịch sử nhân loại, được khoác lên hình ảnh người cha già cương quyết và trầm tĩnh. Đặng Tiểu-Bình, ngoài những đánh giá hào phóng tương tự, còn nhiều lợi điểm khác. Đặng đã bị Mao và phe quá khích thanh trừng hai lần. Vì vậy khi trở lại cầm quyền, ông là hiện thân của một Trung Quốc chuyển từ một chính sách chống Mỹ cực đoan sang ôn hòa, thân Tây phương. Thứ hai là ông nhìn vô hại vì vóc dáng nhỏ bé chỉ



5 bộ Anh (1,52 mét). Điều thứ ba, quan trọng nhất, là khác với Stalin trên nhiều khía cạnh, Đặng thật sự là một vĩ nhân đáng nể. Ông không mưu đồ bành trướng Trung Quốc ra ngoài lãnh thổ. Ông bảo hộ cho những chính sách cực kỳ cởi mở so với thời trước. Trong gần hai mươi năm ông trở lại cầm quyền, kể từ kỳ thanh trừng nhục nhã lần thứ hai, Trung Quốc đã đổi thay to lớn. Những bài báo trang nhất trên *Times* và *Newsweek* không ngừng nhắc nhở mọi người rằng Trung Quốc đang chuyển sang chủ nghĩa tư bản. Tiệm gà chiên Kentucky Fried Chicken đông khách nhất thế giới nằm cách lăng Mao Chủ tịch chỉ vài bước. Thị trường chứng khoán được thành lập ở Thượng Hải và các thành phố khác. Chú Chim Lớn—Big Bird—của chương trình TV *Sesame Street* đi thăm Trung Quốc. Một trăm ngàn sinh viên Hoa Lục du học ở Mỹ. Trong những khu kinh tế đặc biệt của Trung Quốc, thành phố mới mọc lên từ đất hợp tác xã nông nghiệp cũ. Công ty Procter & Gamble bán nhiều xà phòng ở Trung Quốc hơn ở Hoa Kỳ. Hãng Motorola giàu lên nhờ bán điện thoại cầm tay. Mười phần trăm tổng sản lượng của hãng Boeing bán cho thị trường Trung Quốc. Tự do cá nhân, văn hóa và trí thức cũng phát triển mạnh.

Những hình ảnh này biến Trung Quốc từ một đất nước xa lạ ngày càng trở nên gần gũi và đến độ gần như tương đồng với xã hội chúng ta.

Nhưng quan niệm trên đã bỏ sót nhiều điều về Trung Quốc. Trên phương diện quốc gia thì Trung Quốc có rất ít tương đồng với Hoa Kỳ. Một là Mao vẫn nằm trong lăng tẩm kế tiệm ăn Mỹ, vẫn được kính ngưỡng là cha đẻ của Trung Quốc hiện đại. Trung Quốc có lẽ có số tù chính trị đông nhất thế giới—số chính thức là ba ngàn người. Đây là nước đã dùng xe tăng và quân đội giải tán cuộc biểu tình của sinh viên, tàn sát hàng trăm, có thể là

hàng ngàn công dân của mình, rồi ngay khi thế giới đang theo dõi cuộc thảm sát trên truyền hình, họ phát động một chiến dịch tuyên truyền lớn, phủ nhận cuộc thảm sát không hề xảy ra. Một trong hai tác giả của sách có mặt tại Bắc Kinh trong vụ Thiên An Môn 1989 chứng kiến cảnh quân đội Trung Quốc đặt vòng hoa ở các góc đường tưởng niệm những chiến sĩ đã hy sinh trong chiến dịch chống cái gọi là “bọn lưu manh phản động.” Cơ quan truyền thông nhà nước không hề nhắc đến những sinh viên bị giết. Khi truyền hình Mỹ chiếu cảnh một người Trung Quốc kể lại việc tai nghe mất thấy ngày thảm sát, diễn tả đáng điệu bộ đội đang xả súng, ông lập tức bị một cuộc săn người toàn quốc truy bắt và lãnh án 10 năm tù vì tội phát tán tuyên truyền phản cách mạng.

Bản án đó là một nhắc nhở đến bản chất sống còn của Trung Quốc: một là chế độ sẽ dối trá khi bị nguy hiểm; hai là họ sẽ không từ bỏ thủ đoạn nào nếu cảm thấy nền độc tài đang bị đe dọa; ba là không có tiến trình luật pháp công minh; và bốn là đứng sau những nhân viên lịch lãm và lý lẽ của Bộ Ngoại-giao là lớp lãnh đạo sát máu nắm quyền sinh sát. Rồi chúng ta sẽ thấy thành phần lãnh đạo đó quan niệm rằng giá trị Hoa Kỳ và nếp sống Mỹ là mối đe dọa cho Trung Quốc.

Trung Quốc vẫn tiếp tục chiếm đóng Tây Tạng bằng vũ lực, giới hạn khắc nghiệt sinh hoạt tôn giáo và văn hóa ở đó. Năm 1995, một sự cố xảy ra làm thế giới sững sốt. Đảng phủ nhận cậu bé 6 tuổi, chọn lựa của giáo quyền Tây Tạng, là tái sinh của Đức Panchen Lama, người được sùng kính chỉ sau Đức Dalai Lama trong Phật giáo Tây Tạng. Trung Quốc triệu tập vài tăng sĩ đến Bắc Kinh và buộc họ phải chọn một cậu bé khác. Cậu bé được chọn đầu tiên, con của một người chăn nuôi, thì bị giam ở một địa điểm bí mật ở Bắc Kinh. Báo chí Trung Quốc bôi bẩn cha

mẹ cậu là phường lưu manh xảo quyệt. Cả gia đình mất tích và dư luận cho rằng họ đang bị giam cầm.

Vi phạm nhân quyền của Trung Quốc không phải là nguyên nhân chính yếu nhất làm căng thẳng quan hệ Trung-Mỹ. Nhưng nó làm rõ ba mặt của toàn cảnh: Một là, mức độ vi phạm của Trung Quốc hiện nay là thước đo sự sai lầm của chúng ta trước đây khi tự dối mình rằng Trung Quốc đang nhanh chóng trở thành một nước tự do như Hoa Kỳ. Hai là, mặc dầu Trung Quốc đã có nhiều cải tổ quan trọng, nhân quyền vẫn dậm chân tại chỗ trong bản chất chính trị cốt lõi của chế độ. Ba là, việc Trung Quốc cố ý bỏ ngoài tai những kêu gọi, đe dọa, và đòi hỏi về nhân quyền của Hoa Kỳ phản ánh sự lớn mạnh và lòng tự tin rằng Trung Quốc là biểu hiện của một đường lối khác với Tây phương.

Những nhà làm chính sách của Hoa Kỳ nuôi hy vọng một ngày nào đó Trung Quốc sẽ trở nên dân chủ. Có thể cuối cùng những người lạc quan này sẽ đúng. Sức mạnh vũ bảo của làn sóng dân chủ trên thế giới đang lên và Trung Quốc không thể tránh né ảnh hưởng của nó mãi được. Nhưng có nhiều lý do cho thấy Trung Quốc sẽ không dân chủ hóa trong một thời gian gần. Lý do thứ nhất là dân chủ đi ngược lại truyền thống chính trị của họ. Hầu hết trong suốt ba ngàn năm lịch sử, Trung Quốc chưa bao giờ có khái niệm về giới hạn chính quyền, bảo vệ quyền cá nhân, hay tính độc lập của truyền thông và ngành tư pháp. Lịch sử Trung Quốc chưa bao giờ được chỉ đạo bởi ý dân hoặc nguyện vọng đa số. Trung Quốc, dưới tay hoàng đế hay tổng bí thư đảng, luôn luôn bị cai trị bởi những bè nhóm tự bầu chọn, tiếp nối vô hạn định, hoạt động bí mật, và xem đối lập là phản quốc.

Lý do thứ hai, liên quan đến lý do thứ nhất, là để có cải tổ dân chủ thật sự, những người đang nắm quyền hiện nay phải chịu mất đi một số quyền lực, và không có dấu hiệu nào cho thấy họ sẵn sàng cho điều đó. Theo truyền thống Trung Quốc thì quyền lực chính trị mang đến quyền lợi cá nhân—dù quyền lợi đó là hậu cung (Mao cũng có một hậu cung của thế kỷ hai mươi), người phục dịch do chính phủ cấp, hay xe Mercedes-Benz do thương gia Nhật Bản hối lộ để được giấy phép nhập cảng—bởi vậy giai cấp cầm quyền sẽ không bao giờ từ bỏ quyền lợi để theo những nguyên tắc dân chủ du nhập từ phương Tây.

Hơn nữa lãnh đạo Trung Quốc có lẽ cũng thật lòng tin rằng cải tổ dân chủ đồng nghĩa với xáo trộn xã hội. Trung Quốc đã thành công lớn mang lại cuộc sống sung túc cho hàng chục triệu người nhưng chính trị quốc gia vẫn bấp bênh, chênh lệch giàu nghèo ngày càng cách xa, thất nghiệp và bất ổn tràn lan, người dân mang nhiều ước vọng cao cho đời sống. Dân chúng thỏa mãn vì đời sống vật chất được nâng cao mau lẹ nhưng cũng bất mãn vì tham nhũng, tội ác, nạn cường hào ác bá địa phương, đời sống bấp bênh vì phúc lợi xã hội do chính phủ trợ cấp trước đây không còn nữa. Trước viễn ảnh một xã hội nổi loạn, lãnh đạo Trung Quốc sẽ kêu gọi đoàn kết yêu nước và niềm tin vào lãnh đạo. Vì vậy, không thể nghĩ rằng họ sẽ từ bỏ quyền lực độc tài.

Lý do cuối cùng là nếu chính quyền Trung Quốc lắng nghe ý dân, họ sẽ mất kiểm soát ở những vùng được xem là trọng yếu cho quyền lợi cốt lõi của quốc gia. Một điển hình là nếu Tây Tạng được cai trị bằng nguyên tắc dân chủ thay vì bằng sắc lệnh từ Bắc Kinh, một phong trào đòi độc lập sẽ nổi lên chống lại cai trị của Trung Quốc. Một Trung Quốc dân chủ sẽ áp lực lãnh đạo công nhận quyền tự quyết của nhân dân Đài Loan: Hoặc giữ tình

trạng độc lập hiện tại, hợp thức hóa nền độc lập, hoặc sát nhập vào Trung Quốc dưới cai trị của Bắc Kinh. Nhưng cho Đài Loan bất cứ lựa chọn nào cũng sẽ dẫn đến hai hậu quả mà Bắc Kinh không thể chấp nhận được: phá vỡ tính kiên định bất-di-bất-dịch về thống nhất, và tạo một tiền lệ xấu cho nhân dân Đại-lục: Nếu người Đài Loan được quyền chọn lựa chế độ chính trị của họ, tại sao dân Đại-lục lại không? Đơn giản là nếu có dân chủ thực sự, uy tín và quyền lực của lãnh đạo Trung Quốc sẽ suy giảm—và đây là điều họ không thể chấp nhận được.

Một ví dụ như khi chuẩn bị tiếp quản Hồng Kông, Trung Quốc tuyên bố giải tán hội đồng lập pháp dân cử Hồng Kông. Có ý kiến cho rằng đây là một quyết định dân chủ vì là của Ủy-ban Chuẩn-bị, toàn người Hồng Kông, được Bắc Kinh bổ nhiệm; và chính ủy ban này, chứ không phải Bắc Kinh, đã bỏ phiếu giải tán hội đồng. Một thành viên Ủy-ban là ông Frederick Fung bỏ phiếu chống việc giải tán hội đồng lập pháp. Sau lá phiếu chống duy nhất, ông Fung bị loại ra khỏi Ủy-ban Chuẩn-bị và không được tham dự vào những kỳ bỏ phiếu sau. Vì việc tiếp quản Hồng Kông diễn ra trong hài hòa là điều quan trọng cho Trung Quốc nên ai cũng nghĩ rằng họ sẽ hoan nghênh phiếu chống đơn lẻ này, vì ít ra nó cũng cho cảm tưởng rằng người bỏ phiếu có chút tự do chọn lựa.

Nhưng không! Khi chạm đến quyền lực, lãnh đạo Cộng-sản Trung Quốc đòi hỏi sự nhất trí. Trên thực tế nhiều tháng trước khi tiếp quản Hồng Kông, Trung Quốc đã có nhiều thủ đoạn để bảo đảm quyền uy tuyệt đối. Khi ông Jimmy Lai,<sup>i</sup> chủ những

---

<sup>i</sup> Năm 2021, tỷ phú Jimmy Lai, 73 tuổi, bị xử thêm 14 tháng tù qua luật an ninh quốc gia mới vì tội tụ họp bất hợp pháp (tham gia biểu tình) năm 2019. Tổng cộng ông sẽ ngồi tù 20 tháng. Ngày 17 tháng Sáu, 2021, tài sản ông bị phong tỏa; ngày 24 tháng Sáu, báo *Apple Daily* đình bản vì không tiền trả chi phí và nhân công. Ấn bản *Apple Daily* Đài Loan, một hợp doanh với

cửa hàng quần áo kiêm chủ báo, cho đăng một bài đả kích Trung Quốc trên báo *Next* của ông, Bắc Kinh lập tức đóng những cửa tiệm của ông ở đại lục để trừng phạt và dần mất những người khác. Nhưng năm 1995, khi ông Lai ra nhật báo *Apple Daily* (phóng viên báo lập tức bị cấm không được săn tin những sinh hoạt do Trung Quốc bảo trợ) thì báo mau chóng đạt số bán chạy thứ hai ở thành phố—một biểu hiện cho thấy người Hồng Kông đã quen với nếp sống tự do hơn Trung Quốc nghĩ. Sau đó, một trong những tranh cãi giữa Trung Quốc và Anh Quốc là vấn đề an ninh trong ngày giao trả Hồng Kông 30 tháng Sáu, 1997. Người Anh tin vào khả năng của cảnh sát Hồng Kông nhưng Trung Quốc đòi phải gởi một lực lượng của Bộ Công-an đến. Lý do không vì an ninh của lãnh đạo có mặt hôm đó nhưng vì e ngại các lực lượng dân chủ có thể biểu tình phản đối cai trị của Trung Quốc.

Nhìn chung đây là điểm quan trọng vì lịch sử hai trăm năm qua đã cho ta thấy một điều là khi quốc gia dân chủ hơn, nội chiến lại càng ít xảy ra. Càng độc tài thì nội chiến lại càng dễ xảy ra. Nếu chính quyền hiện nay của Trung Quốc tiếp tục phiêu lưu quân sự—như vụ Eo-biển Đài Loan năm 1996—thì rủi ro một đụng độ nhỏ trên biển hoặc trên không với Hoa Kỳ có thể đến. Dù vậy chúng tôi an tâm vì tin rằng rủi ro va chạm quân sự rất nhỏ. Chúng tôi còn những nhận xét khác làm an tâm hơn: Trung Quốc không chủ trương dùng quân sự chiếm đóng các nước lân cận hay tấn công Hoa Kỳ. Không có Khối Đông Âu, không có các quốc gia chư hầu, không có chính quyền bù nhìn, không có xe tăng đồn trú những quốc gia lân cận. Hơn nữa, vì lý

---

các công ty Đài Loan vẫn còn hoạt động. (“Hong Kong: Jimmy Lai jailed again for pro-democracy protests.” *BBC* May 28, 2021. Web. Sept. 9 2021. <<https://www.bbc.com/news/world-asia-china-57278062>>) [Nd]

tuồng cộng sản—khác với quyền lực Đảng Cộng-sản—đã chết ở Trung Quốc, họ không còn bị thôi thúc bởi sứ mệnh giải phóng vô sản là cái đã khoắc lên Liên-bang Xô Viết hình ảnh đáng sợ trước đây. Trung Quốc cũng không chủ trương truyền bá quan niệm sống của họ sang những nước khác.

Tuy vậy, các cường quốc vẫn thường xung đột hơn là hợp tác. Trung Quốc không thay Liên Xô để đe dọa Hoa Kỳ mà nổi lên như một địch thủ riêng biệt kiểu mới, khó đối phó hơn, vì khác với Xô Viết, sức mạnh quân sự đáng sợ của Trung Quốc không đặt trên một kinh tế eo uột mà một nền kinh tế hùng mạnh tạo nên một quân lực đáng gờm. Điểm mấu chốt ở đây là Trung Quốc lớn mạnh liên tục không chỉ trong nước mà còn khắp châu Á và trên thế giới. Vai trò toàn cầu mà Trung Quốc đang nhắm tới và quan hệ đang xây dựng với những quốc gia đối nghịch Tây phương là trái ngược với Hoa Kỳ. Rồi còn vấn đề Đài Loan phức tạp và khó giải quyết, một điểm nóng tiềm ẩn. Hai vấn đề không hòa giải được trong trường hợp Đài Loan: một là nhân dân Đài Loan không muốn bị chính quyền Bắc Kinh hiện nay cai trị; hai là Bắc Kinh đã đưa việc thống nhất lên một ưu tiên quá cao khó rút lại được. Khi quân lực lớn mạnh mà chế độ lại thiếu kiên nhẫn, khả năng xâm lăng từ phía Trung Quốc—và phản ứng của Hoa Kỳ—lại càng dễ xảy ra.

Việc gì sẽ xảy đến khi Trung Quốc không thể thống nhất với Đài Loan bằng đàm phán và dùng vũ lực xâm chiếm, có thể bằng phong tỏa trên biển hoặc một cuộc tấn công toàn diện? Có thể nào chúng ta khoan tay nhìn cuộc tấn công xảy ra sau khi đã nhiều năm nghiêm trọng cảnh báo Trung Quốc rằng Hoa Kỳ cực lực ủng hộ một giải pháp hòa bình? Nếu vì Đài Loan mà chúng ta bị lôi kéo vào cuộc xung đột với Trung Quốc thì nên can thiệp ở mức độ nào và đạt kết quả gì? Và nếu Hoa Kỳ

khoanh tay khi Đài Loan thất thủ thì điều đó sẽ ảnh hưởng đến uy tín và sức mạnh của Mỹ ở châu Á và Thái Bình Dương như thế nào? Cán cân quân sự châu Á sẽ đi về đâu sau khi đã mang đến một giai đoạn hòa bình và phát triển kinh tế phi thường từ Nhật đến Úc, với bảo đảm an ninh quân sự của Hoa Kỳ?

NHỮNG CÂU HỎI ĐÓ ĐANG LÓ DẠNG ở tương lai. Nhưng gần đây, lãnh đạo Trung Quốc ngày càng tỏ một thái độ căm kình hung hăng đối với Hoa Kỳ và có những hành động khiêu khích làm tăng tình trạng căng thẳng:

- Chiếm hòn Mischief Reef, thuộc chủ quyền Phi luật tân, đầu năm 1995.
- Bán kỹ thuật vũ khí nguyên tử cho Pakistan và hứa tiền cho Iran, một nước thù địch Hoa Kỳ.
- Ủng hộ tinh thần, có khi cả vật chất, cho hầu hết các quốc gia có vấn đề với Hoa Kỳ—như Iran, Sudan, Nigeria.
- Gởi công hàm ngoại giao cảnh giác các nước lân cận phải đặt quyền lợi Trung Quốc trên quyền lợi của các cường quốc “bên ngoài” như Mỹ.
- Âm chỉ vũ khí nguyên tử chia hướng về Hoa Kỳ. Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới dàn đặt vũ khí như vậy.

Trong những chương sau chúng ta sẽ thấy sự tự-nhận-thức của Trung Quốc và quan niệm của họ về vai trò Hoa Kỳ ở châu Á đã thay đổi nhiều trong thập niên qua. Tài liệu lưu hành nội bộ lãnh đạo Trung Quốc từ năm 1992 xem Hoa Kỳ là địch thủ chính. Năm 1995, ngoại trưởng Trung Quốc Qian Qichen tạt nước lạnh vào hội nghị thường niên của Hiệp-hội các Quốc-gia



Đông Nam Á<sup>i</sup> với tuyên bố đây là lúc Hoa Kỳ nên ngừng xem mình là vị “cứu tinh của phương Đông.” Qian nói: “Chúng tôi không chấp nhận việc Hoa Kỳ tự cho mình là thế lực gìn giữ hòa bình và ổn định ở châu Á.”<sup>8</sup> Tuyên bố đó báo hiệu thay đổi trong suy nghĩ chiến lược của Trung Quốc. Trước đây, Trung Quốc xem hiện diện quân sự của Hoa Kỳ ở Á châu là lực lượng ổn định và đối trọng với Liên-bang Xô Viết. Ngày nay Trung Quốc nhận định rằng nếu Hoa Kỳ rút quân, họ sẽ trở thành cường quốc thống trị—và đó chính là điều họ muốn.

Với đà tăng trưởng hải quân, không quân, và lực lượng đổ bộ, Trung Quốc sẽ đủ khả năng chiếm giữ biển Nam Hải thuộc chủ quyền Việt Nam, Mã lai, Brunei, và Phi luật tân. Ít người thấy ra được mục đích Trung Quốc khi chiếm giữ những đảo và hòn phía cực nam này là nhằm đưa sức mạnh Trung Quốc đến sát nách Singapore và Indonesia. Điều đó không những làm lệch thế cân bằng quyền lực ở Á châu mà còn đặt Trung Quốc vào ngay giữa hải lộ quốc tế duy nhất giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Chiến hạm và tàu buôn Hoa Kỳ đi qua biển Nam Hải mỗi ngày; đại đa số tàu chở dầu cung cấp cho Nhật Bản cũng đi qua vùng này.

Xung đột quyết liệt với Trung Quốc không phải không tránh được. Tuy nhiên theo chúng tôi thì xung đột dường như rất có khả năng xảy đến trong tương lai trước mắt. Mục tiêu chung duy nhất và rõ ràng nhất mà Hoa Kỳ và Trung Quốc có ở Á châu là ngăn ngừa chiến tranh Đại Hàn bộc phát toàn diện lần thứ hai. Ngoài ra hai nước còn chung rất nhiều quyền lợi kinh tế, nhưng chúng ta sẽ thấy quan hệ kinh tế này cũng lại đầy mâu thuẫn. Tóm lại Hoa Kỳ và Trung Quốc có rất ít quyền lợi hoặc giá trị chung như giữa Hoa Kỳ và châu Âu hoặc giữa Hoa Kỳ và

---

<sup>i</sup> Association of Southeast Asian Nations (ASEAN)

các nước Á châu khác như Nhật Bản, Thái Lan, Phi luật tân, Đài Loan, v.v. Hơn nữa cũng khó mà tiên đoán được chính trị Trung Quốc vì nó luôn luôn có mầm phân hoá và đấu tranh nội bộ, nhất là khi thiếu vắng một lãnh tụ tầm vóc đủ khả năng kết hợp như Đặng Tiểu-Bình nên dễ tạo bất an, hoang tưởng và kiêu căng—dẫn đến những đòn phép khoác lác, hăm dọa, và bài ngoại trong chính sách ngoại giao.

Năm 1995 và 1996 Trung Quốc hành xử như một nước xấu, không theo nguyên tắc ngoại giao ôn hòa, đập đổ cả những điều họ đã cam kết. Trong một hai thập niên nữa, Trung Quốc sẽ trở thành cường quốc quân sự thứ hai trên thế giới kèm một sức mạnh kinh tế tương đương. Có lẽ điều đáng lo nhất ở đây là muôn vàn dấu hiệu từ phía Trung Quốc cho thấy họ xem Tây phương là địch thủ trên cả tinh thần lẫn thực tế, và trong quan điểm đó thì Hoa Kỳ hay Tây phương cũng chỉ là cá mè một lứa.

# Mỹ là Địch

*Khi Trung Quốc đủ sức đứng vững, họ có thể bỏ ta. Rồi ngay sau đó, nếu cần, họ có thể trở mặt vì tư lợi.<sup>1</sup>*

—HENRY KISSINGER

ĐẦU NĂM 1994, đa số cán bộ Đảng từ các tỉnh được triệu tập về họp ở Bắc Kinh. Bí thư, trưởng ban tuyên truyền của toàn bộ 29 cơ sở đảng cấp tỉnh và vùng, đại biểu từ các cơ quan hành chính trung ương, cấp tỉnh, và các thành phố lớn Trung Quốc đều có mặt. Các đại biểu tụ về Đại Sảnh Nhân Dân, một sơ sở đồ sộ nằm ở phía tây quảng trường Thiên An Môn, được thông báo mục đích. Đại hội khẳng định Hoa Kỳ là địch thủ toàn cầu chính của Trung Quốc và tuyên bố mục tiêu tối hậu: thành lập một “mặt trận đoàn kết toàn thế giới chống chủ nghĩa bá quyền khi thời cơ đến.”

Trong loại ngôn từ được cân nhắc kỹ lưỡng dùng để đả kích thì cụm từ “bọn bá quyền” mang ý nghĩa đặc biệt. Nó ám chỉ một siêu cường châu Á từng đe dọa độc lập và chủ quyền của Trung Quốc. Trong những năm 1960 đến 1980, từ này dành riêng để chỉ Liên-bang Xô Viết, địch thủ chính của Trung Quốc trong

những năm đó. Nhưng trong đại hội 1994 này, tất cả đều hiểu “lũ bá quyền” ám chỉ ai. Diễn văn chính của Tổng-tham-mưu Trưởng Zhang Wannian mang tiêu đề “Tăng Cường Quân Lực, Gia Tăng Hiện Đại Hóa Quân Đội, Cương Quyết Chống Can Thiệp Phá Hoại của Chủ Nghĩa Bá Quyền và Bảo Vệ Tổ Quốc.” Đoạn chính trong bài của Tướng Zang: “Đối diện với bá quyền Mỹ can thiệp nội bộ trắng trợn, công khai ủng hộ hoạt động thù nghịch trong và ngoài nước chống đối và phá hoại hệ thống xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải khẩn trương củng cố Quân Lực.”<sup>2</sup>

Tổ cáo của Zang rằng Hoa Kỳ “công khai ủng hộ” lực lượng “thù nghịch” là loại ngôn ngữ cường điệu ít được dùng từ cuối thập niên 1960, khi bộ máy tuyên truyền vẫn ra rả gọi Hoa Kỳ là tên đế quốc đại thù. Loại ngôn từ đó phản ánh thái độ hung hăng đối với Hoa Kỳ, hoặc để thăm dò quyết tâm của Hoa Kỳ trong vấn đề gia tăng vũ khí, vi phạm chuẩn mực nhân quyền quốc tế, hay tham vọng tăng cường quân lực. Như để chứng tỏ phát biểu của Zhang không phải là một lời bất ngờ, các diễn giả khác trong đại hội lần lượt lặp lại tuyên ngôn chống Mỹ đó. Hu Jintao, ủy viên Ban-thường-trực Bộ Chính-trị,<sup>1</sup> cơ quan tối cao của Đảng, thay mặt Đảng phát biểu. Hu tuyên bố với các đại biểu đảng tham dự đại hội: “Theo chiến lược toàn cầu của bá quyền Mỹ thì Cộng-hòa Nhân-dân Trung Quốc là đối thủ chính của chúng hiện nay. Can thiệp, phá hoại chính quyền, kìm hãm phát triển của Trung Quốc là mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ.”<sup>3</sup> Ding Guangen, ủy viên Bộ Chính-trị kiêm trưởng ban tuyên giáo, thuyết trình về những việc cần làm hiện nay cho “công tác tuyên truyền.” Một vài điểm trong bài thuyết trình:

---

<sup>1</sup> Politpuro Standing Committee

- Chiến lược chống Trung Quốc của Hoa Kỳ nhằm mục đích kìm hãm chủ nghĩa xã hội và đặt để Trung Quốc vào tình trạng chur hầu.
- Dưới chiêu bài nhân quyền và phê phán ý thức hệ, Hoa Kỳ âm mưu phá hoại Trung Quốc bằng cách can thiệp nội tình Trung Quốc.
- Hoa Kỳ ủng hộ và sử dụng những lực lượng và thành phần thù nghịch ở Trung Quốc để thực thi những hoạt động phá hoại và gây rối.<sup>4</sup>

Can thiệp trắng trợn vào nội tình Trung Quốc? Công khai ủng hộ lực lượng thù nghịch ở Trung Quốc? Kìm hãm phát triển Trung Quốc? Những nhận xét thù địch này đến từ một quốc gia luôn luôn công khai đề cao phát triển quan hệ hữu nghị với Hoa Kỳ. Lý do nào đã đưa đến thù địch này?

Trên thực tế thì Trung Quốc đã xem Hoa Kỳ như một loại thù địch trong nhiều năm, ngay cả khi họ đang theo đuổi chính sách hiện nay là xây dựng quan hệ hữu nghị. Quả thực, không một quốc gia thân hữu nào đả kích Hoa Kỳ mãnh liệt hay cường điệu hơn Trung Quốc trong suốt phần tư thế kỷ qua sau khi tái lập quan hệ. Nhìn từ phía Hoa Kỳ, sự việc diễn ra như thể có hai Trung Quốc: một nước cởi mở, ôn hòa, thực tế hơn, không giáo điều, xem Hoa Kỳ như người bạn chiến lược và hợp tác về kinh tế và kỹ thuật; còn nước kia thì bài ngoại một cách tính toán, thủ thế, bảo thủ, hằn học và giáo điều hơn, xem Hoa Kỳ là đe dọa cho văn hóa, tinh thần và là vật cản cuối cùng cho khát vọng dân tộc. Hai nước Trung Quốc này thay nhau thể hiện thái độ với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đại hội năm 1994 ở Đại Sảnh Nhân Dân biểu hiện cho một cái gì khác hơn sự trở mặt đó. Khi trưởng Bộ Tham-mưu, ủy viên cao cấp Bộ Chính-trị, và trưởng ban tuyên giáo Đảng, người nắm quyền báo chí và truyền thông, nhấn

manh với đại biểu đảng toàn quốc rằng Hoa Kỳ là thế lực bá quyền âm mưu gây rối và phá hoại, thì đó là một bước ngoặt mới, một bậc cao hơn độ thù nghịch thường thấy trong những thập niên qua. Hơn nữa, đây là khởi đầu cho một toan tính đã lâu. Nó thể hiện cao điểm của cuộc đấu tranh nội bộ dai dẳng, gần một thập niên qua, trong lãnh đạo Trung Quốc về chính sách Hoa Kỳ. Cuộc đấu tranh này liên quan đến nhiều khuynh hướng tranh đua trong hàng lãnh đạo và khối quân đội nhiều thế lực chính trị. Từng giai đoạn, ta có thể thấy một Trung Quốc—luôn luôn do dự và nghi ngờ về ảnh hưởng của Hoa Kỳ—xoay từ lập trường thân hữu sang thù địch với siêu cường của Thái Bình Dương, và Hoa Kỳ trở thành đối thủ toàn cầu chính thức của Trung Quốc.

Chuyện bắt đầu từ cuối thập niên 1980 với nhiều chủ đề. Thế giới đã trải qua nhiều thay đổi lớn, mà biến đổi quan trọng nhất là sự sụp đổ của Liên-bang Xô Viết—một biến cố trọng đại mang nhiều hậu ý khó lường cho Trung Quốc. Nhưng chuyện còn liên quan đến cuộc đấu tranh nội bộ, ít người biết, đã xảy ra quanh đại lãnh tụ Đặng Tiểu-Bình, người đưa Trung Quốc đến ngày hôm nay. Chúng ta sẽ thấy Đặng đã thất bại trong việc ngăn cản Trung Quốc trở mặt với Hoa Kỳ. Trên thực tế, khuynh hướng chống Mỹ của đại hội Bắc Kinh, chiến thắng của phái thù nghịch Hoa Kỳ, là dấu hiệu cho thấy Đặng, qua đời năm 1997, đã thua trận cuối trong đời.

MỘT CHÍNH CHÍNH TƯ là năm Tuất trong lịch Tàu. Trong cái nhìn của Hoa Kỳ thì đây cũng là năm Trung Quốc Xấu, một Trung Quốc khó chịu, quyết đoán, phớt lờ yêu cầu và cảnh cáo của toàn thế giới để tự ý hành xử một cách nguy hiểm. Cái nhìn đó

không vì những tuyên bố hung hăng chống Mỹ bất ngờ của lãnh đạo Trung Quốc, trên báo chí quốc doanh, hoặc từ phía dân chúng và những nhóm tư nhân vẫn được cho là có cảm tình với Hoa Kỳ. Một phần những biểu lộ giận dữ đó là ảnh hưởng trực tiếp của tình hình. Năm một chín chín tư là năm Hoa Kỳ thảo luận chấm dứt vị thế Tối Huệ Quốc<sup>i</sup> (THQ) mậu dịch của Trung Quốc vì hồ sơ nhân quyền tệ hại. Đồng thời Hoa Kỳ cũng đặc biệt thẳng thắn phê bình Trung Quốc về chính sách cai trị và diệt chủng văn hóa ở Tây Tạng mà, như thường lệ, Trung Quốc cho đó là can thiệp nội bộ trắng trợn. Trung Quốc còn thách đố những hiệp ước không phổ biến vũ khí—mà họ không ký nhưng cam kết tuân theo—như bán hỏa tiễn và kỹ thuật nguyên tử cho Iran và Pakistan rồi liên tục phủ nhận. Việc Bắc Kinh cung cấp kỹ thuật nguyên tử cho Pakistan trong lúc Pakistan và Ấn Độ đang chạy đua chế tạo vũ khí nguyên tử đưa đến khả năng chiến tranh nguyên tử bùng nổ cao nhất. Giữa tháng Ba năm 1994, khi Ngoại Trưởng Warren Christopher viếng Bắc Kinh, Trung Quốc đã sỉ nhục ông trong những buổi họp kín, đến độ hai năm rưỡi sau ông không quay lại Bắc Kinh—một điều khác thường cho một người đã từng đến Damacus<sup>ii</sup> hằng chục lần.

Còn vô số những sự kiện nhỏ khác, không mang ý nghĩa lịch sử, nhưng nếu nhìn chung sẽ phô bày mô hình một Trung Quốc cấu kình, thủ thế, lỗ mãng, và thách đố quan điểm của Hoa Kỳ. Tháng Giêng, Trung Quốc bắt giam biệt lập một nhóm nhỏ tín hữu Tin Lành ngoại quốc vì những “hoạt động tôn giáo phi pháp” không nêu rõ (thật ra là phát tài liệu nhỏ cầm tay) trong bốn ngày (vi phạm qui ước ngoại giao phải thông báo ngay khi bắt giữ công dân ngoại quốc), tước lột toàn bộ sở hữu của họ

---

<sup>i</sup> Most Favored Nation

<sup>ii</sup> Thủ đô Syria, quốc gia thù nghịch Mỹ (Nd)

luôn cả số tiền 5000 đôla trước khi trục xuất.<sup>5</sup> Tháng Ba, 17 người của những tổ chức không chính thức của Trung Quốc, như Liên Đoàn Bảo Vệ Quyền Công Nhân,<sup>i</sup> bị bắt giữ hay mất tích đột ngột. Trung Quốc bắt đầu gán cho đối lập chính trị những tội danh thông thường từ gây hoả hoạn đến cản trở lưu thông(!) và xử họ—theo ngôn ngữ của các nhà theo dõi nhân quyền là—“những bản án vô cùng khắc nghiệt.”<sup>6</sup> Ngày 1 tháng Tư, 1994, ông Wei Jing-sheng, nhà đối lập dân chủ được nghe tiếng nhiều nhất ở Hoa Kỳ, vừa mãn án 15 năm tù vì kêu gọi dân chủ thời 1978 và 1979, bị giam lại ngay sau khi gặp riêng ông John Shattuck, một viên chức nhân quyền của Hoa Kỳ. Năm đó Trung Quốc ngưng mọi thảo luận với hội Hồng Thập Tự về việc kiểm tra các nhà giam; phá sóng đài VOA, và tiếp tục chính sách thả lỏng vi phạm bản quyền CD và nhu liệu vi tính trị giá hàng chục triệu đôla. Vài tháng sau, Tổng-thống Clinton, trong một nhượng bộ lớn, bỏ điều kiện nhân quyền cho THQ; báo *The New York Times* viết “điều kiện nhân quyền tiếp tục suy thoái, quan hệ với Washington bị hoen ố vì nghi ngờ và tranh cãi.”<sup>7</sup>

Năm 1994 đánh dấu trận mèo-vòn-chuột quân sự đầu tiên, dù không nghiêm trọng, giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc kể từ sau Chiến Tranh Đại Hàn năm 1950–53. Vào ngày 27 và 29 tháng Mười trên Yellow Sea (biển Hoàng Hải), một lực lượng đặc nhiệm hải quân Hoa Kỳ, do mẫu hạm *Kitty Hawk* dẫn đầu, đang biểu dương thanh thế với Bắc Hàn khi họ từ chối để quốc tế thanh tra những lò nguyên tử bị nghi dùng vào sản xuất vũ khí. Trung Quốc gởi tàu ngầm nguyên tử hạng-Han dài 110 mét, nặng 5.000 tấn, đến Yellow Sea, có lúc chỉ cách mẫu hạm *Kitty Hawk* 21 hải lý. Trung Quốc còn cho các phi cơ F-6 bay ngang lực lượng đặc nhiệm Hoa Kỳ trước khi cùng tàu ngầm trở về căn

---

<sup>i</sup> League for the Protection of the Rights of Working People



cứ. Sau đó, khi Hoa Kỳ bỏ qua sự kiện này thì báo chí quốc doanh Trung Quốc nặng lời khiển trách Hoa Kỳ đã “quấy rối” làm tàu ngầm “lúng túng một cách vô lý.” Và nêu câu hỏi: Tại sao Hoa Kỳ phải tuần tra biển Hoàng Hải “ngay trước cửa Trung Quốc và rất xa Hoa Kỳ?”<sup>8</sup> Hoa Kỳ vẫn bỏ qua, thì một cán bộ Trung Quốc còn đổ dầu vào lửa. Trong một dạ tiệc thân hữu ở Bắc Kinh, viên chức này nói: Nếu việc này còn xảy ra nữa, Trung Quốc sẽ ra lệnh phi công họ “bắn hạ.”<sup>9</sup>

Quan hệ hai nước thật xấu (và sẽ còn tệ hơn khi Trung Quốc đối đầu Hoa Kỳ trong vụ Đài Loan năm 1996), tuy nhiên nó vẫn không giải thích được lý do của đại hội Bắc Kinh năm 1994 hay những dấu hiệu cho thấy Trung Quốc đang theo đuổi một chính sách thù địch nhất với Hoa Kỳ kể từ khi quan hệ trực tiếp giữa hai nước được tái lập năm 1971. Vụ Hoàng Hải xảy ra sau đại hội Bắc Kinh nên dường như hai sự kiện có cùng một nguyên nhân hơn là liên hệ nhân quả. Mâu thuẫn nhân quyền thì còn tệ hơn những năm sau đàn áp dã man cuộc biểu tình dân chủ của sinh viên năm 1989. Tranh chấp mâu dịch giữa hai nước đến rồi đi, và mặc dù vấn đề Tội Huệ Quốc có làm Trung Quốc rối rắm, tự nó cũng không đủ để giải thích việc lãnh đạo cao cấp họp kín cực lực lên án Hoa Kỳ âm mưu can thiệp và lật đổ chính quyền.

Loại ngôn ngữ hằn học của Trung Quốc và những vụ như Hoàng Hải không phải là phản ứng nhất thời của một tình huống bất ngờ, mà là hệ quả của thay đổi cơ bản trong quan điểm Trung Quốc về Hoa Kỳ. Những từ ngữ như “bá quyền,” “phá hoại,” và “can thiệp” dùng cho Hoa Kỳ phản ánh sự thay đổi trong suy nghĩ chiến lược Trung Quốc. Trước đây Bắc Kinh xem Hoa Kỳ là lợi thế chiến lược, thì nay họ khẳng định sức mạnh Hoa Kỳ là đe dọa, không chỉ riêng cho an ninh mà còn

đến kế hoạch bành trướng để nắm vai trò tối thượng cho mọi việc ở Á châu. Nói tóm lại, Trung Quốc, bắt kể đến mậu dịch, quan hệ ngoại giao, chuyển giao kỹ thuật, hàng hà vô số tiệm ăn McDonald's và Kentucky Fried Chicken ở nước Cộng-hòa Nhân-dân, bắt chấp cả những hợp tác giới hạn đang có giữa hai nước, đã khẳng định Hoa Kỳ là đối thủ toàn cầu chính của họ.

Sự chuyển hướng tư tưởng đó là chủ đề của sách này. Trung Quốc, với lối suy nghĩ rất *chính-trị-thực-dụng*, *realpolitik*, cho rằng quan hệ giữa các quốc gia dựa trên vùng ảnh hưởng, cân bằng quyền lực, và tranh giành thống trị. Đó là một trong những lý do mà chiến lược gia Trung Quốc luôn luôn tâm đắc với cựu ngoại trưởng Henry Kissinger, người từng nói rằng chỉ có ba khả năng trong quan hệ quốc tế: cân bằng quyền lực, thống trị bởi một quốc gia mạnh hơn, hoặc hỗn loạn. Đạo đức, thiện chí, và thân hữu không có chỗ đứng, hoặc chỉ đóng một vai trò nhỏ trong thế giới quan này, mặc dù những mỹ từ đó vẫn thường được dùng để tranh thủ dư luận nhằm ủng hộ hoặc chống đối các chính sách. Và trong quan niệm của Trung Quốc thì cuộc đấu tranh trực diện giữa họ và Hoa Kỳ sẽ định lại bàn cờ thế giới trong những thập niên tới.

VỀ PHÍA MỸ THÌ ÍT NGƯỜI TIN đó là quan niệm của Trung Quốc, và thực tế thì một số chuyên gia về Trung Quốc cũng không tin điều đó. Một trường phái chuyên nghiên cứu về Trung Quốc đã xem nhẹ khái niệm cạnh tranh chiến lược và có khuynh hướng xem khác biệt giữa hai quốc gia là bất thường nhất thời, do áp đặt đạo đức sai chỗ và đầu đuôi bất nhất của Hoa Kỳ; những khác biệt này có thể vượt qua được bằng đường lối ngoại giao khôn khéo, kiên định, và không phán xét đạo đức (trên thực tế

thì những phương cách này thường không mang lại nhượng bộ nào từ phía Trung Quốc). Nhiều nhà phân tích lý luận rằng những tuyên bố trong đại hội 1994 là phản ứng của suy thoái tạm thời trong quan hệ song phương. Tương tự, họ còn cho rằng loại tuyên bố như của Tổng-tham-mưu Trưởng Zhang Wannian chỉ là một phóng đại đe dọa từ bên ngoài để tăng ngân sách cho quân đội—một việc mà tướng lãnh các nước vẫn thường làm, kể cả ở Hoa Kỳ.

Vấn đề của loại phân tích này là nó bỏ qua những gì lãnh đạo Trung Quốc nói và những gì họ đang làm để chuẩn bị cho một cuộc đối đầu tầm xa với Hoa Kỳ. Một ví dụ: Ít người để ý đến thái độ Trung Quốc biểu lộ ngay trong khi phía Mỹ rầm rộ loan tin cải thiện lớn trong quan hệ hai nước. Tháng Bảy 1996, Anthony Lake, Cố-vấn An-ninh Quốc-gia<sup>1</sup> của Tổng-thống Clinton, đến Bắc Kinh để họp cấp cao với lãnh đạo Trung Quốc, sau đó ông tuyên bố căng thẳng đã giảm nhiều và tương lai sáng lạn hơn. Tổng-thống Trung Quốc Jiang Zemin (kiêm tổng bí thư Đảng và, trên danh nghĩa, là người quyền lực nhất) sẽ thăm Washing-ton; Bill Clinton, nếu tái đắc cử năm 1996, sẽ đi Bắc Kinh. Trong bầu không khí đó, phía Mỹ rất phấn khởi về những phát triển này, xem chúng là một bước ngoặt, một đột phá.

Trung Quốc đã không đáp lại bằng nhiệt tình. Chuyện như đã thành thông lệ trong mấy năm qua, mỗi khi động thái ngoại giao mang tin cải thiện quan hệ trên truyền thông Hoa Kỳ, thì đồng thời báo chí Trung Quốc lại đăng những bài xã luận chống Mỹ với độ thù nghịch thấy rõ. Sau chuyến đi của Lake, phía Mỹ đầy lạc quan thì tờ *Nhật Báo Quân Đội Giải Phóng* (*Liberation Army Daily*) của Trung Quốc đưa ra một thông điệp trái ngược

---

<sup>1</sup> National Security Adviser

đến độc giả Trung Quốc. Từ ngữ trong bài được cân nhắc cẩn thận như lệ thường trên báo chí quốc doanh:

Thúc đẩy bởi tham vọng bá quyền, Hoa Kỳ lại càng phô trương lực lượng hơn nữa. Hoa Kỳ liên tục gây xáo trộn, nhúng tay vào nội tình Trung Quốc, và âm mưu với những thế lực đòi độc lập cho Đài Loan.<sup>10</sup>

Tờ *Nhân Dân Nhật Báo*, cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng, đăng quan điểm sau đây:

“Khi Chiến Tranh Lạnh kết thúc... mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ là thống trị thế giới. Hoa Kỳ sẽ không để một quốc gia châu Á vĩ đại... nổi lên đe dọa quyền thống trị của họ. Vì thế, nếu họ nghĩ rằng một nước có triển vọng trở thành thách thức nghiêm trọng trong trí tưởng tượng, họ sẽ xem quốc gia đó là đối thủ chính.”<sup>11</sup>

Trong quan điểm của lãnh đạo tối cao Trung Quốc thì cáo buộc đó có phần đúng. Hoa Kỳ trong năm mươi năm qua đã hưởng một ưu thế quân sự vượt trội ở châu Á, hầu như độc nhất vô nhị trong lịch sử thế giới. Với quân đội Nhật Bản bị hiến pháp giới hạn ở mức phòng vệ và Trung Quốc thì nhu nhược và nghèo khó, không ai đủ khả năng thách thức uy thế Hoa Kỳ. Trong vai siêu cường, Hoa Kỳ đã bảo đảm cân bằng quyền lực ở Đông Á không tranh cãi. Ngày nay một Trung Quốc mạnh và khẳng định hơn đe dọa trật tự cũ này, một trật tự đã tạo điều kiện cho đa số các nước Á châu, kể cả Trung Quốc, tập trung

phát triển kinh tế trong thời gian qua trong khi người thợ thuê Mỹ gánh chịu phần lớn gánh nặng chi phí quân sự này.

Tình trạng này đã diễn ra trong nhiều năm mà Trung Quốc không phản nản gì. Quân lực Hoa Kỳ trong những năm 1993, 1994, hoặc ngay cả 1996, không mạnh hay xông xáo hơn ở Á châu. Hoa Kỳ không mang một đe dọa mới nào đến cho Trung Quốc. Vì vậy thay đổi trong giọng điệu Bắc Kinh chắc chắn phản ánh một sự thay đổi, không do động thái phía Mỹ, nhưng trong quan điểm của Trung Quốc. Bài xã luận trên tờ *Nhân Dân Nhật Báo* xác định thay đổi đó: “Sự trỗi dậy của một quốc gia vĩ đại... ở lục địa Á châu đe dọa đến quyền lực thống trị [của Mỹ].” Không thể tìm ra một thông điệp nào rõ ràng hơn đó nữa trên truyền thông quốc doanh Trung Quốc về bản chất mâu thuẫn giữa các cường quốc trong tương lai. Trong quan điểm của Trung Quốc thì thời kỳ thống trị của Mỹ ở châu Á, mà khởi đầu do một ngẫu nhiên ngoài ý muốn, nên chấm dứt. Lãnh đạo Trung Quốc tự hỏi rằng: Tại sao một nước Mỹ xa xôi, đòi trụ, tư lợi, lại làm bá chủ ở phần thế giới mà gần suốt hai thiên kỷ qua ưu thế của Trung Quốc đã bao trùm? Theo chúng tôi biết hiện nay thì toàn thể lãnh đạo ở Bắc Kinh đã bị cuốn hút vào quan điểm nêu ra trong câu hỏi đó. Bất đồng ở Bắc Kinh chỉ là chiến thuật với cánh ôn hòa, nhiều người nằm trong ngành kinh tế và ngoại giao, chủ trương không đương đầu trong thập niên tới để tránh đụng độ quân sự và giữ quan hệ mậu dịch Trung–Mỹ. Cánh điều hâu chống Mỹ, đặc biệt trong khối quân đội và an ninh, tranh cãi cho lập trường chống Mỹ cứng rắn ngay lập tức. Nhưng ngay cả nhóm “bò câu” Bắc Kinh cũng thừa nhận rằng ý định hắt cẳng Mỹ khỏi châu Á có khả năng dẫn đến xung đột giữa hai nước trong tương lai. Trung Quốc nhận định điều này rõ ràng hơn Mỹ; Hoa Kỳ, vì nhiều lý do mà chúng ta sẽ tìm

hiều, vẫn gắn bó với viễn ảnh đối tác hơn là đối đầu với Trung Quốc.

Các nhà nghiên cứu chiến lược Trung Quốc, được chúng tôi phỏng vấn năm 1996, không ngần ngại bày tỏ quan điểm chung rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ đã trở thành đối thủ, và tranh đua sẽ trở nên mãnh liệt khi Trung Quốc mạnh hơn. Một phân tích gia cao cấp của Hội Nghiên-cứu Chiến-lược và Quản-lý Trung Quốc<sup>i</sup> ở Bắc Kinh đã nói: “Trung Quốc trở nên mạnh hơn trên toàn cầu, và điều đó ảnh hưởng đến ưu thế thống trị của Hoa Kỳ... Trong vòng mười lăm năm nữa sẽ không có mâu thuẫn căn bản giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhưng sau đó thì mâu thuẫn căn bản là điều tất nhiên.” Một học giả khác của Viện Nghiên-cứu Hoa Kỳ,<sup>ii</sup> một chi nhánh của Viện Nghiên-cứu Khoa-học Xã-hội TQ,<sup>iii</sup> đã nói: “Tinh thần tự ái dân tộc đang lên ở Trung Quốc. Càng ngày càng có nhiều người ác cảm với Mỹ.”

Có ít nhất là một trường phái nhiều ảnh hưởng ở Trung Quốc đòi hỏi phải hành động nhanh, lập luận rằng Trung Quốc chỉ có một thời gian ngắn để củng cố thể thống trị Á châu—trước khi bị ngăn chặn bởi Hoa Kỳ hoặc bởi một liên minh vùng ra đời để đối phó lại thách thức của Trung Quốc. Đây là chủ đề của tập tài liệu nội bộ dành cho cán bộ cao cấp năm 1993 *Quân Đội Trung Quốc Có Thể Thắng Chiến Tranh Kế Tiếp Không?* (*Can the Chinese Army Win the Next War?*) Vì làm lẫn, sách được phân phối đến một tiệm sách ở Bắc Kinh và được một người Mỹ mua. Sách gồm những lý luận rút tĩa từ các văn bản chính phủ, và mục tiêu ép buộc Hoa Kỳ phải thừa nhận thể

---

<sup>i</sup> Chinese Society for Strategy and Management Research

<sup>ii</sup> Institute of American Studies

<sup>iii</sup> Chinese Academy of Social Sciences

thống trị Trung Quốc được trình bày rõ ràng trong tập tài liệu không-dành-cho-quân-chúng này.

Sách cảnh báo “Từ năm 2000 trở đi, vùng châu Á-Thái Bình Dương có triển vọng trở thành ưu tiên chiến lược của Mỹ,” và kết luận là phải hành động ngay khi người Mỹ còn đang bận tay ở những nơi khác. Các tác giả nhận định những năm sau Chiến Tranh Lạnh là “thời kỳ chuyển tiếp” kéo dài một thập niên hoặc hơn. “Nói cách khác thì từ cuối thế kỷ này đến đầu thế kỷ tới, va chạm quân sự trên thế giới sẽ ở cấp địa phương hoặc vùng. Vì thế người nắm chủ động trong thời kỳ chuyển tiếp này sẽ giữ vai trò quyết định trật tự quân sự trong tương lai.” Trên quan niệm chính-trị-thực-dụng của Trung Quốc thì bàn cờ quốc tế là một cuộc đấu tranh liên tục giành ưu thế, và vì Trung Quốc phải dự vào tranh chấp đó, Hoa Kỳ đương nhiên là đối thủ chính.

Sách viết, “Mâu thuẫn quyền lợi chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, bị khuất bóng nhiều năm trong quan hệ “cường quốc tay ba,” đã dần dần lộ dạng sau tan rã của Liên-bang Xô Viết. “Trung Quốc và Hoa Kỳ, vì quyền lợi kinh tế và chính trị trong vùng châu Á-Thái Bình Dương, sẽ ở trong thế đối địch lâu dài.”<sup>12</sup>

ÍT KHI TRUNG QUỐC gọi đích danh Hoa Kỳ là địch thủ chiến lược một cách rõ ràng như vậy, nhưng quan niệm Mỹ là địch không phải là điều mới lạ. Nói đúng ra, có khi làng báo Trung Quốc cũng viết tốt về Hoa Kỳ, ví dụ như khi hàng trăm phóng viên Trung Quốc tháp tùng phó thủ tướng Đặng Tiểu-Bình trong chuyến công du lịch sử đến Hoa Kỳ năm 1979. Nhưng Mỹ luôn luôn là vấn nạn cho Trung Quốc, một vấn nạn lớn hơn là người Mỹ nhận biết. Bằng cách này hay cách khác, chúng ta luôn luôn

bị mô tả là gốc nguồn của tư tưởng đòi trụ, nếp sống thác loạn, sách báo khiêu dâm, ma túy, băng hoại xã hội, là mối đe dọa cho cái mà báo chí Trung Quốc thường gọi là “đạo đức xã hội chủ nghĩa.” Nhưng từ giữa thập niên 1990, khi Trung Quốc không những xem Hoa Kỳ là đe dọa tinh thần mà còn là đe dọa chiến lược, một nước thù địch, thì đó là một nấc cao mới của tuyên truyền. Điều đáng chú ý là mức độ mà Hoa Kỳ bị truyền thông của chính quyền Trung Quốc chính thức điểm mặt là đối thủ toàn cầu. Và chúng ta sẽ mắc phải sai lầm nghiêm trọng nếu không lắng nghe những gì người Trung Quốc đang nói về mình. Dù đôi khi được phóng đại đến mức lố bịch buồn cười, những bình phẩm đó phản ánh suy nghĩ thật lòng của lãnh đạo Trung Quốc.

Thật vậy, quan điểm đối với Hoa Kỳ lắm khi là cốt lõi trong sinh hoạt chính trị Trung Quốc, một phần tử quyết định của bản sắc quốc gia, và tất nhiên là một yếu tố trong đấu tranh quyền lực thỉnh thoảng lại bùng lên ở Bắc Kinh. Điển hình quan trọng nhất là đầu thập niên 1970, quyết định tái lập quan hệ với Hoa Kỳ của chủ tịch Mao Trạch-Đông liên quan đến cuộc đấu tranh một mất một còn giữa ông và Lin Biao (Lâm Bưu), bộ trưởng quốc phòng, người mà hầu như cả thế giới đều biết là đồng chí thân cận nhất của Mao, người đã biến “Sách Đỏ Nhỏ” của Mao thành biểu tượng quốc gia và đưa “Mao Trạch-Đông Người Cầm Lái Vĩ Đại” lên ngôi thần tượng được tôn sùng ở một mức độ chưa từng thấy sau thời Stalin của Nga. Và trên thực tế, vai trò của Lin trong việc tạo dựng sự sùng bái cá nhân Mao, và trong việc khởi động, rồi dập tắt, cuộc Cách Mạng Văn Hóa hỗn loạn đã cho ông một quyền hành to lớn gần như lấn át cả Mao.

Nhưng Lin là người quá khích về mặt ý thức hệ, nên ông xem Hoa Kỳ là kẻ thù chính của Trung Quốc. Vì vậy, quyết



định năm 1971 của Mao mở cửa tiếp xúc chính quyền Nixon và mời tổng thống Mỹ thăm Trung Quốc là một đòn trực tiếp, làm tê liệt Lin. Những gì xảy ra sau đó vẫn còn trong vòng bí mật. Lin Biao được cho là âm mưu lật đổ Mao và khi mưu sự bất thành, ông chết trong tai nạn phi cơ—hay bị bắn hạ—trên đường đào thoát sang Liên-bang Xô Viết. Dù là trường hợp nào, Lin biết bắt tay với Hoa Kỳ là dấu hiệu chấm dứt quyền hành của ông, là kết thúc của một giai đoạn quá khích chống Tây phương trong lịch sử Cộng-sản Trung Quốc.

Tất nhiên Mao cũng là kẻ quá khích, một tín đồ của Chủ-nghĩa Cộng-sản, nhưng ông kìm kẹp dân chúng khắc nghiệt hơn bất cứ một lãnh tụ lớn nào trong lịch sử cận đại, kể cả Stalin. Mao giống như một vị Thần sống hơn là một lãnh tụ chính trị, giáo chủ của một quốc giáo mà mọi người phải sùng bái. Dường như ông tin rằng—cho dù ông sai và Lin Biao đứng trong việc này—là có thể vừa dùng Hoa Kỳ làm đối trọng chiến lược với Liên-bang Xô Viết, vừa là một đòn diệt Lin Biao, mà không làm suy yếu niềm tin vào lý tưởng Cộng-sản.

Tuy nhiên, trên thực tế thì thiết lập quan hệ với Hoa Kỳ đã thay đổi Trung Quốc trên mọi góc cạnh xã hội và đặt chế độ Bắc Kinh vào một tình trạng khó xử. Trung Quốc toan tính trục lợi từ phía Hoa Kỳ nhưng khi thực hành thì trực diện với viễn ảnh quyền hành và thế lực suy yếu. Hiện hữu của Hoa Kỳ không còn là một ý niệm xa vời, mà là một thực thể đối với người dân, là mối đe dọa cho quyền lực cộng sản Trung Quốc. Ở một chừng mực nào đó thì điều này phản ánh một sự thật đơn giản là Hoa Kỳ có sức thu hút mạnh mẽ ở Trung Quốc, không chỉ với thường dân, mà cả với thành phần ưu tú. Trong ngôn ngữ Trung Quốc, America được dịch là “Mỹ Quốc—Đất Nước Đẹp.” Hàng triệu người Trung Quốc nhìn Hoa Kỳ như vùng đất của cơ hội

và trù phú. Đối lập chính trị lấy cảm hứng từ những điển hình Mỹ. Cán bộ chính quyền Trung Quốc làm giàu nhờ giao dịch làm ăn với Mỹ hoặc gởi con cái sang Mỹ du học ngay cả trong thời kỳ mà ảnh hưởng Hoa Kỳ còn bị coi là xấu xa.

Nhưng với nhóm người bí mật, tự bầu bán và nắm quyền quyết định chính sách của Trung Quốc, thì những gì mà quan hệ Trung-Mỹ mang lại như: giá trị tự do Mỹ, giới hạn quyền lực chính phủ, sáng tạo văn hóa không giới hạn, nền pháp quyền, quyền tự do bày tỏ quan điểm chính trị, quan hệ tình dục, âm nhạc, khiêu vũ và phim ảnh sẽ làm suy yếu vị thế và tính hợp pháp của chính quyền Trung Quốc vì nó ngược lại với những giá trị của nước Mỹ—kỷ luật thay vì tự do, kìm kẹp thay vì quyền cá nhân, truyền thống thay vì sáng tạo. Và đặc biệt là khi nhà nước Trung Quốc phải dựa vào sự lôi cuốn của chủ nghĩa dân tộc để nắm giữ quyền lực, thì đương nhiên Hoa Kỳ tự nhiên là kẻ thù tiện tay nhất.

Bởi vậy ngay khi quan hệ chính thức giữa hai nước đang tốt đẹp, bộ máy tuyên truyền Trung Quốc vẫn xem Hoa Kỳ là một hiểm họa tinh thần. Ví dụ như mùa thu 1979, khi chuyến công du Hoa Kỳ của Đặng Tiểu-Bình đang rộn rã, chính quyền Trung Quốc mở chiến dịch lớn chống ảnh hưởng tinh thần và sách báo Mỹ có tên *jing-shen-wu-ran*, nghĩa là “tinh thần đồi trụy.” Và có lẽ cũng không phải trùng hợp ngẫu nhiên mà vài tháng sau khi quan hệ ngoại giao được thiết lập, phản kháng chính trị đầu tiên xuất hiện ở Bắc Kinh, mở đầu cho những chống đối mãnh liệt sau này. Đó là Phong-trào Bức Tường Dân Chủ,<sup>i</sup> tập trung quanh một đường chính ở Bắc Kinh gần khu Zhongnanhai, nơi các lãnh tụ cao cấp Trung Quốc sống và làm việc. Khẩu hiệu tuyên truyền chính thức bấy giờ kêu gọi dân chúng phấn đấu cho

---

<sup>i</sup> Democracy Wall Movement

Bốn Cải-cách—nông nghiệp, kỹ nghệ, khoa học kỹ thuật, và quân sự. Nhưng ở Bức Tường Dân-chủ, một người thợ điện trẻ tên Wei Jingsheng<sup>i</sup> dán bích chương kêu gọi Cải-cách Thứ Năm: dân chủ. Wei lý luận nếu không có dân chủ thì không cải cách nào có thể thành công được. Trong suy nghĩ của giới lãnh đạo Trung Quốc thì vấn nạn của Bức Tường Dân Chủ bắt nguồn từ những ảnh hưởng của Mỹ. Theo quan niệm của họ thì Hoa Kỳ không cần phải làm gì đã có tác động nguy hại vào trật tự, ổn định, và thói quen phục tùng quyền thế của người Trung Quốc.

Nhưng những nỗ lực của Trung Quốc để cảnh báo và chống lại ảnh hưởng Hoa Kỳ lại không thể núp bóng dưới chiêu bài chống Mỹ khi hai nước đang có một quan hệ thân thiết. Không thể có những khẩu hiệu loại “Chống ảnh hưởng độc hại của nền dân chủ Mỹ và gương tự do của Mỹ.” Thay vào đó là những thông điệp chống Mỹ được ngụy trang bằng những cảnh báo chống “tinh thần đồi trụy” hoặc “tự do tiểu tư sản” hoặc như truyền thông Trung Quốc gọi gần đây là “Tây phương hóa toàn bộ.” Ở một chừng mực nào đó thì mục tiêu nổi của những phong trào này là sách báo khiêu dâm, tội ác, ma túy, đĩ điếm, và tham nhũng. Mục tiêu ngầm là Hoa Kỳ, là những biểu hiện về Mỹ.

Thật vậy, nếu Trung Quốc phản nản rằng truyền thông Hoa Kỳ chỉ loan những tin tiêu cực về họ thì than phiền đó cũng đúng cho tin tức của Trung Quốc về Hoa Kỳ: báo chí đầy những tin vi phạm nhân quyền (ví dụ như người di dân gốc Mễ), băng hoại xã hội, sự nghèo khó của người Mỹ Da Đen và dân gốc châu Mỹ La tinh, mức ly dị cao, những vụ đốt nhà thờ người Da Đen ở miền Nam, và sử dụng ma túy. Một bài điển hình trên báo Anh ngữ *China Daily* viết “Điều làm cho người ta bất bình hơn là với một hồ sơ nhân quyền tệ hại như vậy, Hoa Kỳ lại trích

---

<sup>i</sup> Hán-Việt: Ngụy Kinh-Sinh

thượng phê phán các nước khác.”<sup>13</sup> Một bài khác năm 1996 dẫn chứng từ các báo, lên án Hoa Kỳ là “một trong những quốc gia trên thế giới hiện nay dùng con người làm vật thí nghiệm trong những cuộc thử nghiệm rộng lớn vô nhân đạo,” gồm hàng ngàn trẻ em mà hầu hết là Da Đen.<sup>14</sup>

Ảnh hưởng văn hóa độc hại là một chủ đề khác. Một bài báo điển hình năm 1996 viết, “Các lực lượng thù nghịch Trung Quốc vì những lý do thâm kín đã không ngừng xâm nhập và chia rẽ Trung Quốc,” và nói đến “sự tái xuất hiện của căn bã văn hóa thực dân.” Bài báo viết “Cần đẩy mạnh văn hóa xã hội chủ nghĩa,” và “giương cao ngọn cờ yêu nước.”<sup>15</sup> Một bình luận khác của tờ *Nhật Báo Giải Phóng (Liberation Daily)* ở Thượng Hải thì tuyên bố Hoa Kỳ đang “trên đà suy thoái, có nhiều vấn đề nội địa nghiêm trọng hơn bao giờ và mất dần khả năng can thiệp vào công việc thế giới.”<sup>16</sup> Và bài xã luận của tạp chí Hoa ngữ *Đi Tìm Sự Thật (Pursuit of Truth)* số tháng Ba 1996 viết về tham vọng kềm giữ Trung Quốc của Mỹ:

Những hoạt động “Tây phương hóa” và “chia rẽ” Trung Quốc của các nước Tây phương, do Hoa Kỳ cầm đầu, sẽ không bao giờ ngừng và bè lũ âm mưu quyền lực đó sẽ không từ bỏ mưu toan kiểm chế Trung Quốc... Chúng đang âm mưu phá vỡ thành trì xã hội chủ nghĩa Trung Quốc và đặt đẽ Trung Quốc vào một thế thấp kém.”<sup>17</sup>

TA PHẢI NHỚ ĐẾN BẢN CHẤT PHẢN ĐỘNG của ảnh hưởng Hoa Kỳ trong xã hội Trung Quốc khi suy xét sự thay đổi trong quan điểm Trung Quốc về Hoa Kỳ vào cuối thập niên 1980. Dựa theo tuyên bố của các lãnh tụ cao cấp và nghiên cứu tài liệu trong

thời gian đó, ta biết được cuộc đấu tranh nội bộ của Trung Quốc về chính sách Hoa Kỳ, và có thể nối kết những giai đoạn tranh chấp đó với các biến chuyển to lớn ở Trung Quốc và những nơi khác.

Yếu tố đầu tiên và rõ ràng nhất trong bức tranh này: với sự sụp đổ của Liên-bang Xô Viết (LBSV), cả Hoa Kỳ và Trung Quốc được rảnh tay hơn để biểu lộ bất đồng. Khi Richard Nixon viếng Bắc Kinh năm 1972, uy thế của LBSV đang lên cực đỉnh, một hiểm họa lớn cho Hoa Kỳ và còn lớn hơn đối với Trung Quốc vì yếu kém, gần Xô Viết hơn, và đã từng chiến tranh với Nga dọc sông Amur giữa vùng Manchuria của Trung Quốc và Siberia của Xô Viết. Tuy nhiên, vào giữa thập niên 1980, khi Nga sa lầy chiến tranh Afghanistan và kinh tế cực kỳ suy thoái, Liên-bang Xô Viết mất đi vẻ đe dọa. Hơn nữa, lãnh tụ Xô Viết Mikhail Gorbachev, trong nỗ lực bất thành để cứu vãn LBSV khỏi sụp đổ, đã có một công bố lịch sử trong chuyến đi Vladivostok năm 1986: Liên-bang Xô Viết trao cho Trung Quốc một cánh ôliu.<sup>i</sup> Sau gần một phần tư thế kỷ thù địch, rạn nứt Trung-Nga, nền móng của quan hệ Trung-Mỹ, đã có dấu hiệu hàn gắn.

Đây là đề tài quan trọng với Trung Quốc mà lúc bấy giờ đang chia làm hai phe: phe cho rằng tương lai Trung Quốc nằm trong hợp tác chắc chắn với Hoa Kỳ và phe quan niệm Mỹ là cản trở tương lai cho những tham vọng của Trung Quốc. Hai lãnh tụ phái cạnh tranh là Thủ-tướng Zhao Ziyang (Triệu Tử-Dương) và bí thư Đảng Hu Yaobang (Hồ Diệu-Bang) thì thận trọng trong việc xích lại gần với một Liên-bang Xô Viết còn nặng cơ cấu chính quyền và nền kinh tế mà Trung Quốc đang tìm cách thay đổi. Họ lý luận rằng Trung Quốc phải tiếp tục đi với Hoa Kỳ, vì

---

<sup>i</sup> “Trao một cánh ôliu” nghĩa bóng là muốn giải hòa, muốn hòa bình. (Nd)

khác với Xô Viết, Hoa Kỳ có tiền, thị trường, và kỹ thuật để giúp Trung Quốc cải tổ kinh tế.

Đề nghị của Gorbachev hợp ý với đại lãnh tụ Đặng Tiểu-Bình, người chủ trương hòa giải với Liên-bang Xô Viết để giảm chi phí quốc phòng khổng lồ cho biên giới phía bắc phòng chống lại khả năng một cuộc xâm lăng Xô Viết. Năm 1987 Hu Yaobang bị thanh trừng và Zhao Ziyang bị công kích vì định giảm bớt quyền lực Đảng Cộng-sản. Đặng Tiểu-Bình rảnh tay hơn để theo đuổi một chiến lược hàng hai, ông tính toán rằng với chính sách đó Trung Quốc có thể giữ quan hệ tốt với cả Hoa Kỳ lẫn Xô Viết, đồng thời khích bác họ chống nhau.

Nhưng nhiều sự kiện lớn xảy ra đã cản trở kế hoạch của Đặng và cuối cùng Hoa Kỳ trở thành đối thủ chính của Trung Quốc. Một là cuộc nổi dậy lớn của sinh viên ở Bắc Kinh năm 1989 chống lại chế độ, bị bộ đội và xe tăng của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân dẹp tan. Hai là Liên-bang Xô Viết sụp đổ và phân hóa. Sự kiện thứ ba là sức mạnh kỹ thuật kinh hoàng của Mỹ phô diễn ra khi đánh bại Iraq trong Chiến Tranh Vùng Vịnh năm 1991. Xét từng sự kiện một:

THIÊN AN MÔN: Sức mạnh và sự kiên trì của phong trào sinh viên chiếm đóng Quảng-trường Thiên An Môn năm 1989 đã làm lãnh đạo Trung Quốc quan ngại sâu sắc và đưa đến nhiều hệ quả. Một là sự hạ bệ Thủ-tướng Zhao Ziyang của phe ôn hòa, người có lẽ là lãnh đạo cao cấp thân Mỹ nhất trong lịch sử cận đại Trung Quốc. Thứ hai là phe cứng rắn tin rằng những người biểu tình, có mục tiêu lật đổ Đảng Cộng-sản, lấy cảm hứng một phần từ Hoa Kỳ, và họ không sai về điều này. Hãy nhớ biểu hiệu của phong trào là “Nữ Thần Dân Chủ” (phỏng theo tượng Nữ Thần Tự Do của

Mỹ), được sinh viên dựng lên tại quảng trường vài ngày trước khi bị dập tắt. Khi cuộc đàn áp dã man này bị thế giới đồng loạt lên án—chính quyền Bush tuyên bố ngưng mọi tiếp xúc cao cấp với Trung Quốc<sup>i</sup> và nhận ty nạn chính trị những sinh viên thoát được mạng lưới công an—Bắc Kinh cho rằng Hoa Kỳ chỉ đạo những phản ứng quốc tế này.

SỰ SUY THOÁI VÀ SỤP ĐỔ CỦA LIÊN-BANG XÔ VIẾT: Sự suy thoái của Nga cởi trói Bắc Kinh khỏi những ràng buộc trong quan hệ chiến lược với Hoa Kỳ, nhưng đồng thời sự sụp đổ của đế quốc cộng sản phương bắc này cũng đem lại một bài học. Mikhail Gorbachev cởi mở chính trị, nhất là chấp thuận thảo luận tự do và giảm quyền lực chuyên chính của Đảng, đã hoàn toàn gạt Đảng khỏi quyền lực, một hệ quả mà Đảng Cộng-sản Trung Quốc không muốn lập lại. Họ cho rằng mềm yếu, như Gorbachev, là mất quyền lực. Đó là lý do chính sau cuộc thanh trừng Zhao Ziyang thân Mỹ và việc quân đội quyết định dập tắt cuộc biểu tình Thiên An Môn bằng xe tăng và súng. Zhao được xem như một Gorbachev, một người có thể nhân nhượng quá nhiều để rồi bị gạt ra, làm suy sụp cả Đảng. Giới trí thức đã gây phiền nhiễu suốt cả thập niên, từ thời Phong-trào Bức Tường Dân Chủ năm 1979. Hơn nữa, Phong-trào Thiên An Môn chiếm được nhiều cảm tình trong chính quyền và cán bộ đảng—như các phóng viên tờ *Nhân Dân Nhật Báo*. Vì vậy chế độ muốn giải quyết dứt khoát khuynh hướng bất lợi này, không

---

<sup>i</sup> Sự thật được tiết lộ sau này thì ngày kế tiếp, Bush cử hai cố vấn cao cấp là Brent Scowcroft và Lawrence Eagleburger đi Bắc Kinh để giải thích cho lãnh đạo Trung Quốc về phản ứng của Mỹ.

để sinh viên bắt tay với các phe nhóm đứng sau những nhân vật như Zhao để đưa ông lên nắm quyền như người biểu tình ở Moscow đã làm để bảo đảm chiến thắng của Boris Yeltsin sau khi ông nắm lấy quyền hành từ Gorbachev.

**CHIẾN TRANH VÙNG VỊNH:** Các chuyên gia quân sự và chiến lược trên thế giới nhấn mạnh việc Trung Quốc đánh giá tầm quan trọng của sức mạnh kỹ thuật quân sự kinh hoàng của Hoa Kỳ trong Chiến Tranh Vùng Vịnh. Trung Quốc biết mình tụt hậu, vũ khí Mỹ sử dụng ở Iraq có thể dùng đối phó với họ nếu đụng độ với Hoa Kỳ, và biết cần phải làm chủ những kỹ thuật như người Mỹ nếu muốn trở thành thế lực đáng nể trong vùng đảo tranh chấp ở Nam Hải hoặc quan trọng hơn, nếu cần “giải phóng” Đài Loan bằng quân sự. Chiến Tranh Vùng Vịnh cho Trung Quốc một chú tâm mới về hiện đại hóa quân sự, như phát triển hỏa tiễn tầm trung chính xác, loại được bắn đến gần Đài Loan vào tháng Ba 1996.

Những sự kiện này, xảy ra cách nhau hai năm một, làm rúng động hàng lãnh đạo tối cao của Trung Quốc. Chế độ Cộng-sản Trung Quốc, đã mang lại cho họ những đặc quyền đặc lợi, dường như đang bị vây hãm cả trong lẫn ngoài. Quan trọng nhất là những biến cố lịch sử này đã củng cố các phe nhóm trong hàng ngũ lãnh đạo có lập trường dân tộc chủ nghĩa cực đoan, gần như mù quáng, đối với thế giới. Xu hướng bài ngoại luôn luôn hiện hữu trong hàng ngũ lãnh đạo Trung Quốc, đặc biệt mạnh mẽ trong thành phần mà người Trung Quốc gọi là cựu cách mạng, là lớp cán bộ nguyên thủy đã hy sinh xương máu trong cuộc đấu tranh giành chính quyền của người Cộng-sản,



thành phần này mất hết tinh thần khi thấy Trung Quốc từ bỏ chủ nghĩa xã hội kiểu Mao để đi theo đường lối ngoại bang.

Tầng lớp cự cách mạng này bắt tay với những thế lực trong quân đội, trong bộ máy an ninh bao la đầy quyền lực, và với những kẻ dễ bị ngọn cờ ái quốc khích động để tập hợp thành một thế lực chính trị cực kỳ đa nghi, hầu như cho tất cả những gì thuộc về ngoại bang hoặc chủ nghĩa tư bản. Những nhóm này được dấu khỏi tầm mắt những phái đoàn ngoại quốc hoặc các công ty đến Bắc Kinh mỗi tuần. Đây là những nhóm mà khi nắm quyền trong quá khứ đã trừng phạt dân chúng vì tiếp xúc với người ngoại quốc, họ tin tưởng sâu xa rằng ngoại nhân chỉ mang đến hủy diệt, đòi truy tinh thần, chỉ muốn trục lợi và đồng thời kèm giữ Trung Quốc suy nhược và lệ thuộc.

Thế lực này luôn luôn hiện hữu ở Trung Quốc dù khuất mắt người ngoại quốc. Nhưng nó vẫn hiện diện và có nhiều ảnh hưởng trên những vấn đề liên hệ xa gần đến chủ quyền đất nước, thống nhất Đài Loan, hoặc tự hào dân tộc. Tinh thần ái quốc kiểu Trung Quốc, điều mà chúng tôi gọi là chủ nghĩa dân tộc của đau thương và vàng son sụp đổ, bắt nguồn từ một thế kỷ dài nhục nhã khi các thế lực ngoại bang phân chia vùng ảnh hưởng, bán nha phiến cho quần chúng, được cảnh sát cùng tòa án của họ bảo vệ trong những tô giới trên đất Trung Quốc, và thường xuyên dùng vũ lực xâm lấn Trung Quốc để trừng phạt những hành động trái ý họ. Trung Quốc dễ bị xúc phạm và xem những bất đồng, bình thường đối với các quốc gia khác, là chà đạp lên tự ái dân tộc và cần phải đối phó quyết liệt. Một trường hợp đã khích động chủ nghĩa dân tộc bùng bột của Trung Quốc là quyết định của chính quyền Bush bán 150 phi cơ chiến đấu F-16 cho Đài Loan năm 1992 để hiện đại hóa hệ thống phòng không, nhằm chống trả hữu hiệu không lực Trung Quốc to lớn hơn. Vụ

mua bán, thúc đẩy bởi chính trị năm bầu cử (việc làm cho bang Texas) và vì muốn giữ ổn định Á châu, làm Trung Quốc cảm thấy ý niệm quốc gia bị xúc phạm.

Trên nhận thức đó thì quan niệm chiến lược của Trung Quốc về mâu thuẫn với Hoa Kỳ phù hợp với phản kháng bức xúc của dân tộc chủ nghĩa, bị kích thích liên tục bởi những động thái và tuyên bố chạm đến tự ái dân tộc từ phía Mỹ—và bị các phe phái bảo thủ, cực cách mạng, công an và quân đội khai thác. Ở Hoa Kỳ qua báo chí và truyền hình, những chuỗi sự kiện đáng ngại từ Trung Quốc cũng thay đổi thái độ của dân chúng về Trung Quốc. Trong những ngày đầu của quan hệ Trung–Mỹ khi hai quốc gia còn hợp tác để đương đầu thế lực Xô Viết, người Mỹ nhìn Trung Quốc qua lăng kính đẹp mà điển hình nhất là hình ảnh gấu panda. Như chú gấu, Trung Quốc quyến rũ và hiền lành, hăm hở kết bạn, không đe dọa quân sự, và cởi mở trong giao tiếp hòa bình. Các chương trình truyền hình đặc biệt và phim ảnh đã nuôi dưỡng hình ảnh đó—*Từ Mao đến Mozart*, với nghệ sĩ vĩ cầm Issac Stern; chương trình đặc biệt của đài truyền hình công cộng về Chú Chim Lớn—Big Bird—đi thăm Trung Quốc; và buổi trình diễn của danh ca Luciano Pavarotti chiếu cảnh khán giả Trung Quốc đứng dậy vỗ tay tán thưởng ôpêra Ý.

Nhưng những năm tháng sau cuộc đàn áp Thiên An Môn, hình ảnh đó được thay bằng một hình ảnh khác: hình một thanh niên đơn độc can đảm đứng trên Đại-lộ Changan trước một hàng xe tăng Trung Quốc vào ngày 4 tháng Bảy 1989. Quốc Hội và những đoàn thể tư nhân lên án vô số những việc xấu và chính sách nguy hiểm của Trung Quốc, từ nhập lậu súng AK-47 vào Hoa Kỳ, có thể vào tay băng đảng và những tay buôn ma túy, cho đến việc Trung Quốc bất tuân hiệp ước không phổ biến vũ khí giết người tập thể.

Nói cách khác thì phản ứng của thế giới chống lại một vai trò Trung Quốc mạnh bạo và đầy tham vọng, đặc biệt từ Hoa Kỳ, là một phản ứng dưới nhiều hình thức đã chạm đến tự ái dân tộc Trung Quốc. Lãnh đạo Trung Quốc chắc hẳn phải thăm quan ngại một số điều thường được nói đến ở Hoa Kỳ có khả năng trở thành sự thật. Đa số những người chủ trương chính sách “giao tiếp” hơn là “bao vây” Bắc Kinh tiên đoán một hệ quả mà lãnh đạo Trung Quốc quan ngại nhất: gia tăng giao tiếp giữa hai quốc gia sẽ dẫn đến dân chủ hóa và chấm dứt Đảng Cộng-sản là điều không thể tránh được. Trên thực tế, đó chính là hậu quả mà tầng lớp cai trị tối cao của Trung Quốc lo sợ nhất, một hậu quả mà họ sẵn sàng tàn sát sinh viên của mình để ngăn chặn.

**TÓM LẠI: ĐỘNG THÁI CỦA TRUNG QUỐC** là hệ quả của những biến chuyển trên thế giới, của nhu cầu đàn áp đối lập và bám giữ quyền lực cho Đảng Cộng-sản, của gia tăng tham vọng vùng, và từ phong cách mạnh bạo, vô nguyên tắc đạo đức của Trung Quốc khi mưu cầu thịnh vượng và quyền lực. Những động thái này gây phản ứng bất lợi ở Hoa Kỳ. Những chỉ trích liên tục từ phía Hoa Kỳ lại gây nên làn sóng chống Mỹ ở Trung Quốc và một tin tưởng lan tỏa rằng Hoa Kỳ có một lý do thâm kín—để giữ Trung Quốc nhu nhược, nghèo khó, và lệ thuộc.

Đã có thời gian sau Thiên An Môn, tinh thần chống Mỹ bao trùm khắp đảng và chính quyền ở Bắc Kinh. Báo quốc doanh đầy những bài cảnh giác về “diễn biến hòa bình”—một ám ngữ cho cái gọi là âm mưu của Mỹ dùng đa nguyên và tự do của nền kinh tế thị trường đang lớn mạnh của Trung Quốc để lũng đoạn quyền lực Đảng. Những bài viết chống Mỹ kịch liệt được lưu hành nội bộ cán bộ đảng và chính phủ. Điển hình là tập tài liệu

một mươi điểm đả kích Hoa Kỳ viết vào cuối năm 1991 với sự hợp tác của ban tuyên giáo Đảng và Bộ Ngoại-vụ. Tài liệu cảnh giác cán bộ Trung Quốc thận trọng trong mọi hình thức giao tiếp với Hoa Kỳ và lên án Hoa Kỳ là theo đuổi bá quyền toàn cầu bằng cách làm Trung Quốc và các nước khác suy yếu.<sup>18</sup>

Trước phản ứng giận dữ này, Đặng Tiểu-Bình và những người ủng hộ ông cố xoa dịu tinh thần chống Mỹ trong hàng ngũ lãnh đạo, và lúc bấy giờ thì họ đủ quyền lực để ngăn chặn khuynh hướng chống Mỹ chiếm ưu thế. Năm 1992, một sự kiện xảy ra mà nhiều người cho rằng đã cứu vãn chính sách cải tổ kinh tế và mở cửa cho thế giới bên ngoài. Trong chuyến đi mấy tuần xuống miền Nam Trung Quốc được loan báo rầm rộ, Đặng tuyên bố cải tổ kinh tế không những phải được tiếp tục mà cần gấp rút hơn. Suốt năm 1992, ông dùng uy tín vĩ đại của mình để phổ biến viễn kiến trong đảng. Ông thuyết phục lãnh đạo ở Bắc Kinh và các tỉnh rằng phương thức chắc chắn nhất có thể giữ được quyền lực và khỏi rơi vào số phận của Xô Viết là phải nhanh chóng phát triển kinh tế. Và ông lý luận rằng cách duy nhất để có thể đạt được điều đó là chuyển nhanh sang kinh tế thị trường. Nếu điều đó nghĩa là bớt đương đầu với Hoa Kỳ, thì trường xuất cảng lớn nhất của Trung Quốc và cũng là nguồn vốn đầu tư và kỹ thuật không lồ, thì phải chấp nhận. Đầu năm đó Đặng tuyên bố “Trung Quốc và Hoa Kỳ có khác biệt về ý thức hệ, nhưng không mâu thuẫn về quyền lợi cơ bản của hai bên.”<sup>19</sup>

Đặng thắng nửa trận đầu. Lãnh đạo chính trị và quân đội của Trung Quốc chịu nghe ông để kinh tế phát triển nhanh, nhưng đa số vẫn áp lực cho một chính sách đối đầu với Hoa Kỳ. Giới lãnh đạo quân đội thất vọng khi Đặng không chấp nhận kêu gọi đương đầu toàn diện với Hoa Kỳ vào tháng Tám năm 1992, khi tin bán F-16 cho Đài Loan đến tai Bắc Kinh. Cánh tả cũng

bực bội vì Đặng không đồng ý tuyên chiến ý thức hệ với Hoa Kỳ sau khi tổng thống tân cử Bill Clinton tuyên bố sẽ dùng mậu dịch làm vũ khí để buộc Trung Quốc phải cải thiện nhân quyền và dân chủ. Bấy giờ lãnh đạo cánh tả và quân đội đã đồng lòng xem Mỹ là địch, không sớm thì muộn, điều đó sẽ trở thành chính sách Trung Quốc dù không ra mặt.

Làn sóng chống Đặng lên cao vào tháng Tư 1993, khi 116 sĩ quan cao cấp của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân viết cho Đặng và bí thư đảng Jiang Zemin yêu cầu ngưng chính sách “chịu đựng, kiên nhẫn, và thoả hiệp với Hoa Kỳ.”<sup>20</sup> Lá thư hồi tiếc việc Trung Quốc không trả đũa Hoa Kỳ về vụ bán F-16 cho Đài Loan và đe dọa mậu dịch của Clinton. Tối ngày lễ Lao Động Quốc Tế, hàng chục tướng lĩnh quân đội đồng ký một thư khác gửi cho Đặng với tựa đề “Hãy Hành Động Chống Trả Hăm Dọa Kinh Tế Chính Trị và Thách Đố Trung Quốc của Lũ Bá Quyền.”<sup>21</sup> Một tài liệu giải thích lý do bất mãn của quân đội: “Trung Quốc và Hoa Kỳ có mâu thuẫn lâu đời vì khác biệt về ý thức hệ, cơ cấu xã hội và chính sách đối ngoại, nên cơ bản quan hệ Trung-Mỹ không thể cải thiện được.”<sup>22</sup> Vào tháng Mười 1993, guồng máy công an nhập cuộc chống Mỹ bằng cách triệu tập một đại hội chống gián điệp toàn quốc tố cáo bè lũ Hoa Kỳ, Nhật, và Đài Loan đang điều khiển một mạng lưới gián điệp sâu rộng ở Trung Quốc. Bộ Trưởng Bộ An-ninh Jia Chunwang phát biểu trong đại hội “Hoa Kỳ sử dụng thành phần thù nghịch, các nhà giáo dục qua chương trình trao đổi, ngoại giao, và phóng viên cho hoạt động gián điệp.”<sup>23</sup>

Xu hướng xác định Hoa Kỳ là địch thủ chính của Trung Quốc được đẩy mạnh trong một đại hội kín bất thường ở Bắc Kinh, khai mạc vào ngày 25 tháng 10, 1993. Suốt mười một ngày, các chuyên gia hàng đầu về đối ngoại và quân sự của

Đảng và Quân-đội, học giả các viện nghiên cứu, cùng ủy viên cao cấp Trung-ương Đảng họp kín tại Khách-sạn Jingxi để thảo luận chiến lược chung cho Trung Quốc. Một tường thuật chi tiết nhiều kỳ về đại hội, được các phân tích gia Tây phương cho là chính xác, đăng trên tờ *Cheng Ming* ở Hồng Kông—cơ quan rò rỉ tin không chính thức cho các phe nhóm chính trị Trung Quốc. Bài tường thuật mở đầu: “Ai là kẻ thù quốc tế không đội trời chung của Đảng Cộng-sản Trung Quốc? Đó là Hoa Kỳ.”

Tường thuật cuối cùng là chương trình chi tiết của một chiến lược trường kỳ đối với Hoa Kỳ và thế giới. Bài báo viết:

Giai đoạn từ hiện tại cho đến đầu thế kỷ sau, Trung Quốc là mục tiêu chính của bọn bá quyền và quyền lực chính trị Mỹ... Họ sẽ dùng kinh tế và mậu dịch để kiểm soát, ép Trung Quốc phải thay đổi ý thức hệ và ngả về phương Tây; qua giao lưu và tuyên vận, họ gieo rắc ý thức hệ vào thượng tầng xã hội; tài trợ cho các lực lượng thù nghịch trong và ngoài nước chờ thời cơ gây rối; ủng hộ và khuyến khích bè nhóm Tây phương phong tỏa kinh tế Trung Quốc cho mục tiêu chính trị; ngụy tạo hiểm họa Trung Quốc với các nước láng giềng để gây chia rẽ giữa Trung Quốc và các quốc gia như Ấn Độ, Indonesia, Mã lai; lôi kéo Nhật Bản và Nam Hàn theo sách lược Trung Quốc của Mỹ.<sup>24</sup>

Đại-hội đồng quyết nghị Trung Quốc nên tìm cách chống kẻ thù Mỹ bằng cách liên hiệp với các nước trong khối Thế Giới Thứ Ba, đặc biệt là Nga. Tờ *Cheng Ming* viết hàng tướng lãnh già, mà nhiều người được huấn luyện ở Liên-bang Xô Viết lúc khởi đầu binh nghiệp, hết sức phấn khởi về sự liên kết với Nga. Dù kết quả ra sao, thì Trung Quốc cũng đã theo chiều hướng đó

trong khi độ thù nghịch với Hoa Kỳ lại càng tăng thấy rõ. Tháng Tư 1996, Boris Yeltsin sang Bắc Kinh, ký thông cáo chung với Jiang Zemin về “hợp tác chiến lược dài hạn” nhằm cân bằng thế toàn cầu với Mỹ. Lúc bấy giờ, Nga đã là nguồn cung cấp chính quân cụ cao cấp và kỹ thuật cho Trung Quốc như hỏa tiễn xuyên lục địa, phi cơ chiến đấu SU-27 tối tân, và tàu ngầm hạng-Kilo. Cạnh đó, hàng ngàn khoa học gia và kỹ thuật gia Nga đang làm việc trực tiếp hoặc gián tiếp cho kỹ nghệ quân sự Trung Quốc.

Những tuyên bố của giới chức Trung Quốc trong đại hội kín được lập lại trên báo chí và trong dư luận quần chúng. Trong trận chiến kiểu ăn miếng trả miếng, Mỹ bị đổ cho vô số lỗi lầm. Năm 1996 nhiều báo tố cáo Hoa Kỳ đã đổ rác rến độc hại vào Trung Quốc. (Vô tình hay cố ý, đây là một xuyên tạc về tàu chở giấy thải cung cấp cho các nhà máy tái tạo.) Trong một chiến dịch truyền thông khác về thuốc lá Mỹ xuất cảng sang Trung Quốc, mối hận lịch sử của Trung Quốc lại được nối kết với tinh thần bài ngoại ngày nay. “Quả thật là chúng ta đang trực diện với một cuộc Chiến Tranh Nha Phiến lần thứ hai,” dẫn lời một nhà nghiên cứu mà quên rằng các hãng thuốc lá nhà nước Trung Quốc sản xuất ra hàng chục hiệu khác nhau. “Việc bán thuốc lá phá giá bằng mọi cách, hợp pháp hay phi pháp, của các nước Tây phương vào thị trường Trung Quốc tương tự như việc bán thuốc phiện giữa thế kỷ mười tám. Khác biệt duy nhất là ngày nay dưới chính sách mở cửa của Trung Quốc, cường quốc Tây phương không cần chiến thuyền để phá cổng thành ta.”<sup>25</sup>

Vào giữa thập niên 1990, bộ máy tuyên truyền và diễn văn của lãnh tụ Trung Quốc cho thấy tinh thần dân tộc chủ nghĩa chống Mỹ đang lên. “Bao vây” là từ ngữ được dùng nhiều nhất để nói về chiến lược Hoa Kỳ có hại cho Trung Quốc, có nghĩa là chính sách nhằm ngăn cản Trung Quốc trở thành cường quốc,

giữ Trung Quốc suy nhược, không ảnh hưởng và nghèo khó. Như một học giả Mỹ chỉ ra, hai chữ Hán thường dùng để dịch từ “bao vây”<sup>i</sup> gần với nghĩa “đàn áp” hơn. Trung Quốc dùng từ này để lên án chung chung cho những hoạt động của Hoa Kỳ mà họ không thích. Ví dụ như năm 1996 khi Hoa Kỳ củng cố hợp tác an ninh với Nhật và Úc, báo chí Trung Quốc gọi đó là “bao vây.” Khi Hoa Kỳ cải thiện quan hệ với Việt Nam và Ấn Độ, hoặc khiêu nại Trung Quốc về vi phạm bản quyền nhu liệu vi tính, cũng bị báo chí Trung Quốc chụp mũ là “bao vây.”

Cuối tháng Năm, đầu tháng Sáu 1996, ngay sau khi Trung Quốc và Hoa Kỳ trực diện tại Eo-biển Đài Loan, cuốn *Trung Quốc Có Thể Từ Chối (China Can Say No)* trở thành một trong những tác phẩm bán chạy nhất trong lịch sử cận đại Trung Quốc. Theo một số người được chúng tôi phỏng vấn ở Bắc Kinh sau khi sách phát hành, thì cuốn sách dân tộc chủ nghĩa cao độ này, một tuyên ngôn chống Mỹ, phản ánh suy nghĩ của nhiều giới trẻ Trung Quốc. Trên thực tế thì sách, do một nhóm trí thức trẻ vô danh viết, ra đời trong sự kiểm duyệt chặt chẽ của Bắc Kinh cho thấy chính quyền muốn nó được in ra; mà thực vậy, Chai Zemin đại sứ Trung Quốc đầu tiên ở Washington là người viết giới thiệu. Cuốn sách mô tả Hoa Kỳ là một kẻ thù truyền kiếp hách dịch, và kêu gọi Trung Quốc phải thi hành nhiều điểm, gồm có:

- Chống chủ nghĩa đế quốc văn hóa và kinh tế của Mỹ.
- Liên minh với Nga chống Mỹ.
- Tẩy chay lúa mì Mỹ và các sản phẩm khác.
- Yêu cầu Hoa Kỳ trả tiền bản quyền cho thuốc súng, giấy và những phát minh khác của Trung Quốc.

---

<sup>i</sup> Containment



- Tuyên bố Trung Quốc không cần Tối Huệ Quốc và đánh thuế nhập cảng nặng lên hàng Mỹ.

Trước nhất trí chống Mỹ từ phía Đảng và tướng lãnh, Đặng, đã già yếu và lu mờ, lui vào hậu trường trong những tháng đầu năm 1994. Đặng tiếp tục kêu nài cho một thái độ ôn hòa với Hoa Kỳ, một thị trường thiết yếu cho mục tiêu chính là phát triển kinh tế của Đặng. Ông muốn Trung Quốc ít nhất cũng chậm rãi trên lập trường chống Mỹ khi còn đang xây dựng sức mạnh quân sự cho những mục tiêu quốc tế.

Một số bình luận gia Mỹ nhận xét là quan điểm đó không khác với những gì mà phe chống Mỹ muốn, mặc dù họ ít thận trọng như Đặng khi biểu lộ bức tức đối với Hoa Kỳ. Như James Woolsey, cựu giám đốc CIA, đã nói với một ký giả Nhật rằng chính quyền Trung Quốc dường như đã rơi vào tay của “những người quyết định muốn gây mâu thuẫn với Hoa Kỳ... Theo tôi thì không còn giải thích hợp lý nào khác.”<sup>26</sup> Năm trước đó, học giả về Trung Quốc Orville Schell viết rằng “Vì thiếu tính chính đáng, nhiều lãnh đạo đã tro trên khơi dậy mọi góc cạnh hung hăng của lòng ái quốc và chủ nghĩa dân tộc.”<sup>27</sup> Ông Willy Wo-lap Lam, một ký giả Hồng Kông chuyên về chính trị Trung Quốc, đã nhận xét: “Khởi đầu của thời kỳ hậu-Đặng, một lãnh đạo thiếu chính đáng và ít được quần chúng ủng hộ đã khai thác “chiêu bài dân tộc chủ nghĩa.” Lam tiếp, chỉ lý do đó mới giải thích được tại sao báo chí Trung Quốc lại ví tranh cãi mậu dịch với Hoa Kỳ với một cuộc chiến “bảo vệ chủ quyền đất nước và lòng tự trọng của dân tộc.”<sup>28</sup>

Ngay khi chính quyền Clinton trấn an Trung Quốc rằng Hoa Kỳ không còn ràng buộc nhân quyền với Tối Huệ Quốc nữa,

---

<sup>1</sup> Jiang Zemin (Giang Trạch-Dân) là lãnh đạo sau Đặng (Ng).

báo chí vẫn tiếp tục giọng chống Mỹ hằn học. Bỏ qua lời khuyên của Đặng Tiểu-Bình, phe dân tộc chủ nghĩa kiên định rằng Trung Quốc có thể đi hàng hai—vừa chuẩn bị đương đầu với Hoa Kỳ về chính trị và quân sự, vừa có thể hưởng lợi đầu tư và mậu dịch với Mỹ. Chúng ta sẽ thấy đây là một chiến thuật phức tạp và đa diện, gồm vận động hành lang cao độ ở Hoa Kỳ, sử dụng chiến tranh kinh tế, và tự cho mình là một nước Thế Giới Thứ Ba tương đối yếu kém so với nước Mỹ khổng lồ. Bước kế tiếp là công bố trong một đại hội đảng toàn quốc như đại hội ở Bắc Kinh năm 1994. Trung Quốc đang đánh cược rằng họ có thể vừa chuẩn bị đối đầu trong tương lai với Hoa Kỳ, vừa công khai phủ nhận ý đồ tối hậu đó. Và cho đến giờ thì chiến lược đó đã khá thành công.



## “Ta Không Mưu Bá Quyền”

*Đánh chiếm không phải là thượng sách;  
thượng sách là phá địch mà không cần phải  
đánh.*

—*Binh Pháp* TÔN TỬ

MỘT KHẨU HIỆU TỪ THỜI VÀNG SON của Mao Chủ-tịch vẫn còn nghe là “Chúng ta không bao giờ mưu đồ bá quyền.” Khẩu hiệu đó, một minh định về ý nguyện hòa bình trong chính sách ngoại giao Trung Quốc, là một trong số ít khẩu hiệu vẫn còn được dùng qua bao thời kỳ chính trị thăng trầm, từ Mao-ít quá khích đến thời Đặng Tiểu-Bình. Trong suốt thời gian đó, Trung Quốc cố gắng xây dựng một nền kinh tế tầm cỡ thế giới, một quân đội đủ sức tự vệ, và tránh chen vào nội tình nước khác. Suốt ba thập niên, Trung Quốc tuyên bố không tấn công—chỉ phản công nếu bị tấn công; không bao giờ sử dụng vũ khí nguyên tử trước; và tuyên bố mình là một nước Thế Giới Thứ Ba đầy yếu kém không khả năng hay tham vọng siêu cường.

Tôn Tử, nhà chiến lược quân sự cổ đại, tác giả cuốn *Binh Pháp* lỗi lạc vẫn còn được cấp sĩ quan quân đội và các nhà chiến lược Trung Quốc đọc, đã đặt phủ nhận và đối trá vào trọng tâm

của mọi chiến thắng trong chiến tranh. Là một Machiavelli của Trung Quốc, Tôn Tử viết: “Khi cường thì giả nhược; khi động thì giả tĩnh.” Hãy xem quan niệm đó có giúp trong việc tìm hiểu mục đích và tham vọng của Trung Quốc, và chúng có mâu thuẫn căn bản với chính sách của Hoa Kỳ không?

Trung Quốc miệt thị những ai cho rằng họ áp ủ tham vọng bá quyền. Bộ máy tuyên truyền cáo buộc những kẻ không chia sẻ quan điểm Trung Quốc nghèo yếu là thành phần hiểm độc chống Trung Quốc, tìm mọi cách “bao vây Trung Quốc” phi pháp. Báo chí quốc doanh thường xuyên lên án “thuyết hiểm họa Trung Quốc” là “sự phi lý khổng lồ.” Chương trình Tân Hoa Xã phát vào ngày 27 tháng Sáu 1996: “Mục đích ngoại giao và quân sự duy nhất của Trung Quốc là thúc đẩy phát triển và hòa bình thế giới.” Xing Shizhong, chỉ huy trưởng Đại Học Quốc Phòng của Quân-đội, cũng có một tuyên bố đại loại như vậy trước đó: “Đặc tính của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc bảo đảm Trung Quốc sẽ không tranh giành bá quyền và kiên quyết theo đuổi chính sách và chiến lược quân sự phòng vệ.”<sup>1</sup> Tháng Mười 1995, Jiang Zemin, tổng thống kiêm tổng bí thư đảng Trung Quốc, trấn an quốc hội Nam Hàn: “Suy nghĩ rằng Trung Quốc mạnh hơn sẽ đe dọa các quốc gia khác là vô căn cứ. Trung Quốc sẽ không chạy đua vũ trang, không bành trướng, và không mưu đồ bá quyền.”<sup>2</sup> Một cán bộ cao cấp của Viện Quan-hệ Quốc-tế Đương-dại Trung Quốc<sup>3</sup> tuyên bố: “Xây dựng kinh tế là ưu tiên hàng đầu của đất nước. Vì vậy, chiến lược an ninh của Trung Quốc là duy trì môi trường thuận lợi cho kinh tế và nỗ lực tối đa để tránh đụng độ quân sự, trong hay ngoài biên giới.”<sup>3</sup>

Nhiều chuyên gia Hoa Kỳ tin vào những tuyên bố loại đó, lý luận rằng dù lãnh đạo Trung Quốc tham vọng thống trị Á

---

<sup>1</sup> China Institute of Contemporary International Relations

châu, phát triển kinh tế vẫn là ưu tiên hàng đầu của chính quyền trong một thời gian dài và “hiểm họa Trung Quốc,” trên thực tế nếu không trên lý thuyết, sẽ chìm xuống. Tuy nhiên có ít nhất ba lý do lớn để nghi ngờ sự lạc quan và quan niệm ngây thơ này. Thứ nhất là Trung Quốc đang bước vào một giai đoạn lịch sử mới, có thể gọi là thời phục hưng sự huy hoàng của dân tộc. Thứ hai, diện tích to lớn và địa lợi sẽ cho Trung Quốc ưu thế trong vùng dù không chủ tâm đặt vào hàng quốc sách. Điều thứ ba, và quan trọng nhất, là kế hoạch và mục tiêu chiến lược có hệ thống mà Trung Quốc đang đeo đuổi trái ngược với nhận định mình là một nước Thế Giới Thứ Ba khiêm tốn. Tóm lại, quan niệm lịch sử, tài nguyên thiên nhiên và dân số, cộng với nhận định quyền lợi dân tộc đưa Trung Quốc đến uy thế bá quyền Á châu là điều hiển nhiên.

CHÚNG TA ĐANG ĐỨNG TRƯỚC MỘT BƯỚC NGOẶC của lịch sử thế giới: thời điểm Trung Quốc bước từ giai đoạn suy thoái dài hai thế kỷ sang giai đoạn phục hưng vị thế quốc tế. Quả thực, Trung Quốc là một con bệnh trầm kha ở Á châu nên nghèo yếu là chuyện đã đành. Nhưng gần suốt dòng lịch sử lập quốc thì Trung Quốc là một trong những quốc gia giàu có và hùng mạnh nhất thế giới. Cũng theo dòng lịch sử thì Trung Quốc đã dùng thịnh vượng và quyền lực làm phương tiện giành ưu thế trong thế giới quan của họ. Trong thế giới quan đó, Trung Quốc là trung tâm (từ Trung Quốc dịch sát nghĩa là “Vương-quốc Trung-tâm”), thuộc quốc phải triều cống cho hoàng đế Trung Quốc, như các chư hầu phải triều cống các lãnh chúa phong kiến châu Âu hoặc Nhật Bản.

Nhưng bắt đầu từ cuối thế kỷ mười tám, vì chính quyền trung ương thối nát, tham nhũng và hèn yếu trước những thế lực ngoại bang tương đối hùng mạnh (đế quốc châu Âu), Trung Quốc rơi vào chu kỳ suy thoái như thường lệ, một suy thoái dai dẳng kéo dài gần hai trăm năm qua nhiều giai đoạn thăng trầm.

Điều khác biệt giữa triều đại này và những triều đại trước là lần này Trung Quốc đang đứng trước một thế giới mới bị thống trị bởi một châu Âu bành trướng, thực dân, kỹ thuật tối tân hơn. Để đối phó với thách thức đó, những người trách nhiệm trong thế kỷ mười chín của Trung Quốc đã cố gắng cải tổ hệ thống vương triều. Một khẩu hiệu mới ra đời trong hoàn cảnh đó—“Tây học cho thực tiễn, Hán học cho bản chất”—Trung Quốc vay mượn có chọn lọc từ các cường quốc kỹ thuật phương Tây trong khi vẫn duy trì cơ cấu chính quyền và xã hội Khổng giáo. Cố gắng này đã thất bại. Trung Quốc bất lực trước xâm lấn của châu Âu, rồi Nhật Bản. Đến năm 1911, chế độ phong kiến ruồng rẫy và thoái hóa bị phong trào chính trị do Tôn Dật Tiên đề xướng và lãnh đạo lật đổ. Triều đình được thay bằng thể chế cộng hòa, ít nhất là trên danh nghĩa, nhưng chế độ này cũng mau chóng sụp đổ vì phân hóa nội bộ và ngoại xâm Nhật Bản.

Trong một phần tư đầu của thế kỷ hai mươi, những tư tưởng gia hàng đầu của Trung Quốc đau đớn kết luận rằng Trung Quốc (“một mảnh cát rời,” câu nói bất hủ của Tôn Dật Tiên) phải thay đổi tận gốc rễ để có thịnh vượng và hùng cường. Tư tưởng “Hán học cho bản chất” nhường chỗ cho sự xét lại mọi giá trị Trung Quốc, mà giới trí thức cho là khuyến khích tính thụ động, mù quáng phục tùng quyền thế, thiếu khoa học và không dân chủ. Giai đoạn cực kỳ sôi động này tạo điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng-sản Trung Quốc năm 1921 với giúp đỡ của Xô Viết. Một tổ chức khác là Kuomintang hay Quốc Dân Đảng cũng ra

đời trong giai đoạn này mà nay vẫn còn cai trị Đài Loan. Kuomintang cũng được Liên-bang Xô Viết yểm trợ trong thập niên 1920 và chỉ mất ủng hộ khi công khai đối đầu Cộng Sản.

Sau Thế Chiến II, Trung Quốc hoàn toàn vắng bóng ngoại xâm Nhật Bản và đế quốc châu Âu, chính quyền Kuomintang (Quốc Dân Đảng), do Tưởng Giới-Thạch lãnh đạo, cố tái lập một loại thể chế độc tài với thị trường tự do để phục hưng đất nước, nhưng nỗ lực đó dở dang vì nội chiến. Đảng Cộng-sản chiến thắng năm 1949, toàn thể Trung Quốc nằm dưới một chính quyền thống nhất vững mạnh đầu tiên trong gần nửa thế kỷ, một hệ thống qui hoạch trung ương và kiểm soát ý thức hệ cứng nhắc được áp đặt, đưa Trung Quốc đến thất bại kinh tế kiểu Xô Viết. Chính sách Cộng-sản còn tồi tệ hơn dưới thời Mao Chủ-tịch, người nông dân tỉnh Hồ Nam, kẻ đã phát động cuộc cách mạng vô sản để rồi trở thành một loại hoàng đế, gây xung đột triền miên trong khu Cẩm Thành cũ, nơi ông sống với các nịnh thần và hầu thiếp.

Những chiến dịch quá khích gia tăng cường độ được Mao liên tục phát động, để thanh lọc tư tưởng và loại trừ đối thủ chính trị, gây hỗn loạn khắp nước. Nhật báo, tuần báo, phim ảnh, loa phát thanh khắp hang cùng ngõ hẻm tuyên truyền thắng lợi không ngừng: phát triển vượt bậc, mùa màng tốt, ngoại giao tốt, làm cả nước hăng say—như câu khẩu hiệu khắp hang cùng ngõ hẻm “Thắng lợi lớn mãi!” Nhưng thực tế là trong suốt ba mươi năm đó, Trung Quốc tụt hậu về kinh tế, kỹ thuật, quân sự và văn hóa. Trong nửa thế kỷ hỗn loạn vừa qua, nhiều chương trình “tân” Trung Quốc được ra đời, đất nước được tái sinh nhiều lần, nhưng tất cả đều lần lượt thất bại không như hứa hẹn của lãnh đạo. Tuần báo cấp tiến quan trọng nhất trong thập niên 1920 là tờ *Tân Thanh-niên*. Nỗ lực chính của Kuomitang để



phục hồi đất nước mang tên là Phong-trào Tân Sinh. Khi cộng sản chiến thắng thì lập ra Tân Hoa Xã. Những chiến dịch của Mao chống Bốn Hủ-tục và ca ngợi sự ra đời của một nước Trung Quốc mới, nhưng thực tế ở cuối đời, Mao là hiện thân của cổ hủ, là lãnh tụ độc tài của một hệ thống thối nát, tham nhũng và bung bít.

Giai đoạn lịch sử mà chúng ta đang sống bắt đầu ngay sau khi Mao qua đời năm 1976 và Đặng Tiểu-Bình loại trừ phe cực tả quá khích. Đặng, vừa trở lại nắm quyền sau hai lần thất sủng, là một trong những nhân vật quan trọng của thế kỷ hai mươi, và có lẽ là người cuối cùng của những vĩ nhân đã hình thành thời đại chúng ta như Lenin, Roosevelt, Stalin, Churchill, và Mao. Đặng thực hiện một công trình đáng nể: giữ đất nước đoàn kết, trật tự và đồng thời dứt khoát từ bỏ đường lối quy hoạch trung ương để thực hiện cải tổ kinh tế đầy viễn kiến. Chấp nhận một nền kinh tế hỗn hợp, Đặng khởi đầu một trong những phát triển kinh tế bùng phát mạnh nhất trong lịch sử nhân loại—và sự thực thì thời gian một thập niên rưỡi từ ngày Trung Quốc đi theo thị trường tự do là giai đoạn phát triển kinh tế mạnh nhất trong lịch sử. Sau thập niên 1970 từ ngữ “tân” bị lạm dụng đến trở thành vô nghĩa, không được dùng thường xuyên nữa, dù rằng một tân Trung Quốc cuối cùng cũng đã ra đời. Tân Trung Quốc là nước mà thế giới chưa bao giờ biết đến, một quốc gia Mácxít do đảng cộng sản cai trị nhưng lại trở thành cường quốc kinh tế. Đặng đơn độc chặn đứng sự tụt hậu triền miên và phục hưng lịch sử vĩ đại của đất nước.

Một nghịch lý đáng được nêu ra ở đây. Thời Mao, hình ảnh Trung Quốc dưới sự mệnh giải phóng toàn cầu làm thế giới kinh sợ nhưng trên thực tế lại là một gã khổng lồ bạc nhược—dựa vào lãnh thổ lớn và chủ nghĩa để đe dọa nhưng thiếu một quân

đội hay sức mạnh kinh tế tầm cỡ quốc tế và vì vậy không khả năng ảnh hưởng ra ngoài biên giới. Nay nhờ từ bỏ ý thức hệ, chấp nhận một loại chủ nghĩa tư bản cải lương, cởi trói dân chúng, và bỏ nhiệt tình cộng sản mà Trung Quốc đạt được thế chiến lược và sức mạnh kinh tế. Điều mỉa mai ở đây là khi phương Tây sợ hãi Trung Quốc nhất, thì Trung Quốc lại trì trệ và bất lực. Khi Tây phương ủng hộ Trung Quốc cải tổ, nghĩ rằng họ sẽ ôn hoà, lý trí như những quốc gia khác và ít nguy hiểm hơn, thì trên thực tế sức mạnh đang lên đó lại cho họ khả năng đe dọa quyền lợi Tây phương, đặc biệt là Mỹ, nghiêm trọng hơn cả thời Chiến Tranh Đại Hàn hay Chiến Tranh Việt Nam.

NỬA THẾ KỶ VỪA QUA đã chứng kiến Trung Quốc đạt được những điều kiện để phục hồi sự vĩ đại lịch sử. Đầu tiên là đánh đuổi ngoại xâm và ngoại bang bóc lột. Cuộc cách mạng cộng sản đã viết nên trang sử thống nhất và ổn định cho đất nước. Chủ nghĩa cộng sản cũng phục hồi nhiều tự ái dân tộc vì nhờ nó mà lần đầu tiên trong hơn thế kỷ qua, Trung Quốc có thể chống lại xâm nhiễu của ngoại bang. Nhưng chỉ khi Đặng Tiểu-Bình từ bỏ kinh tế Mácxít chính thống, Trung Quốc mới bắt đầu nhận ra tiềm lực của mình. Và đó là một tiềm lực bao la dựa trên những yếu tố cơ bản của đất nước. Quả thực là yếu tố lãnh thổ, dân số, và tài nguyên kinh tế đã đưa Trung Quốc lên hàng cường quốc trong quá khứ và sẽ đảm bảo uy thế cường quốc của Trung Quốc trong tương lai.

Đầu tiên là lãnh thổ. Đại lục Trung Quốc bao trùm một phần lớn diện tích châu Á. Trung Quốc chiếm ngự 70 phần trăm diện tích Đông Á nếu không kể phần đất thuộc về Nga. Trung Quốc giáp giới Đại Hàn, Nga, những quốc gia tân lập Trung Á

(như Kazakhstan, Kirghistan, và Tadzhikistan), Mông Cổ, Pakistan, Afghanistan, Ấn Độ, Nepal, Burma, Lào và Việt Nam. Nó chạy dài từ vùng băng giá Siberia đông bắc đến miền nhiệt đới sum suê Đông Nam Á. Lãnh thổ Trung Quốc bao trùm ba hệ sông lớn của thế giới—Yellow, Yangtze, và Pearl Rivers,<sup>1</sup> có một trong những sa mạc mênh mông nhất thế giới, sa mạc Takla Makan, và núi cao nhất thế giới (Everest nằm giữa biên giới với Nepal). Trung Quốc còn với đến những quốc gia Á châu không cùng biên giới. Singapore và Indonesia cách xa hàng trăm dặm trên biển Nam Hải, nhưng khoảng cách này sẽ biến đi nếu Trung Quốc chiếm được những đảo nhỏ sát hải phận Indonesia—mà nhiều phân tích khách quan cho rằng có khả năng xảy ra.

Kể đến là biển cả. Lịch sử hàng hải Trung Quốc không thiếu chuyện những nhà thám hiểm anh hùng, những đoàn hải tặc liêu lĩnh và hạm đội viễn chinh—nhưng nhà thám hiểm không mở đường cho đế quốc, hải tặc đi vào ngõ cụt, và hạm đội lừng danh nhất chinh phục Nhật Bản thì bị nhận chìm bởi ngọn “thần phong,” hay *kamikaze* như người Nhật gọi—một danh từ nổi tiếng được dùng lại trong Thế Chiến II. Thực tế là Trung Quốc, dù có một bờ biển mênh mông trải dài từ Nam Hải nhiệt đới đến Hoàng Hải lạnh hơn phía bắc, vẫn không có sức mạnh hàng hải. Họ không nắm được điều mà người Anh đã biết trước đây hàng thế kỷ: sức mạnh hàng hải là chìa khóa của sức mạnh toàn cầu.

Điều này đang thay đổi khi Trung Quốc hiểu ra rằng để trở thành một cường quốc thế giới thì phải dùng đến địa lợi. Hầu hết chính sách ngoại giao và quân sự gần đây của Trung Quốc đều nhằm khai thác địa lý hàng hải để củng cố các hải lộ và thương lộ chính Á châu. Nói cách khác, địa lý và kỹ thuật hiện đại đã

---

<sup>1</sup> Hoàng Hà, Dương Tử hay Trường Giang, Châu Giang

đưa đây Trung Quốc thành một thế lực hàng hải lớn chưa từng có trong lịch sử quốc gia. Trung Quốc tranh giành chủ quyền những đảo nhỏ xa xôi trên biển Nam Hải, rất xa đất liền và do những quốc gia khác chiếm đóng với quyết tâm bảo vệ. Quyền lợi ở đây là dầu lửa, đánh cá, và phóng lực hàng hải vào một trong những hải lộ nhộn nhịp nhất thế giới—đây là vùng mà Nhật Bản và những “con rồng” kinh tế của Đông Á, Đại Hàn, Đài Loan, và Singapore, vận chuyển phần lớn dầu thô và nguyên liệu. Đất và biển mang lại cho Trung Quốc những điều kiện cơ bản của một cường quốc, như Colin S. Gray viết trong một nghiên cứu năm 1996:

Sự trỗi dậy của một nước thống trị Trung Quốc nằm ở Âu Á, vùng “biên thổ” phía đông của “trung nguyên” lịch sử, có bờ biển dọc tuyến giao thông chính của đế quốc hàng hải, chế tạo, và mậu dịch Nhật Bản. Trung Quốc có bề thế và địa lợi. Khác với Liên-bang Xô Viết, Trung Quốc không bị đất liền bao quanh và cũng không thể bị ngăn chặn bởi chính sách bao vây khôn khéo của Hoa Kỳ... Vì diện tích to lớn, đặc thù lãnh thổ, dân số, tập tục xã hội, và địa lợi, nên khó xác định được tiềm năng tiêu cực hoặc tích cực cho đóng góp của Trung Quốc vào trật tự thế giới.<sup>4</sup>

Và còn dân chúng. Dân số của Trung Quốc, khoảng 1.3 tỷ người, đông nhất thế giới—400 triệu hơn Ấn Độ, nước có dân số đông hàng thứ nhì; bốn lần hơn dân số của Hoa Kỳ, năm lần hơn dân số Nga, và mười lần hơn dân số Nhật Bản. Khoảng 20 phần trăm dân số thế giới sống ở Trung Quốc, chưa kể còn hàng chục triệu Hoa kiều rải rác khắp các nước Đông Nam Á và Hoa Kỳ. Với nhiều tài năng bẩm sinh, trọng sự cần mẫn và thành tựu, con

người là cái đã tạo cho mảnh đất to lớn Trung Quốc một bề thế vĩ đại, nhất là khi họ đang phấn khởi vì được cởi trói những cấm đoán khắc nghiệt áp đặt trong bốn thập niên dưới thời Mao. Điều này mang nhiều hậu ý, cho cả sức mạnh trong nước và ảnh hưởng ngoài nước, bởi vì một phần không nhỏ Hoa kiều vẫn hướng về đất mẹ trên văn hóa và kinh tế. Những cộng đồng Hoa kiều, đặc biệt là những cộng đồng có thế lực kinh tế ở Indonesia, Singapore, Malaysia, Thái Lan và Phillipines, là một phần bộ của cái mà Samuel P. Huntington và những tác giả khác gọi là “Trung Quốc Mở Rộng,” một kiểu vòng thịnh vượng chung không chính thức mà các cộng đồng hải ngoại giàu có nắm vai chính<sup>i</sup> mở rộng quan hệ kinh tế đầy ấn tượng với Trung Quốc.<sup>5</sup>

Điều đó mang đến thịnh vượng, và một thực tế đơn giản là khoảng đầu thế kỷ sau, kinh tế Trung Quốc có thể lớn nhất toàn cầu, vượt xa mọi quốc gia lân cận, lớn hơn cả Hoa Kỳ và Nhật Bản trên trị số tuyệt đối. Điều này không có nghĩa Trung Quốc sẽ trở nên một quốc gia giàu có xét trên thu nhập bình quân đầu người—vì thực tế thì trên phương diện đó, Trung Quốc vẫn khá nghèo lại còn khó khăn vì nạn thất nghiệp khổng lồ,<sup>6</sup> công nghiệp kém năng suất, mức giáo dục trung bình thấp, đông dân và nghèo khó—nhất là những vùng nông thôn khô cằn sỏi đá. Nhưng Trung Quốc quá lớn nên con số tuyệt đối vẫn tạo nên sức mạnh kinh tế dù bình quân thu nhập đầu người thấp. Tuy vậy từ 1979, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng trung bình 10 phần trăm mỗi năm, một mức phát triển không quốc gia lớn nào trên thế giới theo kịp. Hồng Kông có một thương cảng lớn và giàu nhất

---

<sup>i</sup> Theo Huntington thì Hoa kiều Indonesia ít hơn 3% dân số nhưng nắm 70% vốn đầu tư nội địa; Hoa kiều Thái Lan chiếm 10% dân số nhưng làm chủ chín trong mười tập đoàn doanh nghiệp lớn nhất, chiếm 50% tổng sản lượng quốc gia (GNP).

thế giới và một trong những không cạnh quan trọng nhất ở châu Á. Nếu Trung Quốc chiếm lại Đài Loan thì sẽ có thêm một nền kinh tế đứng hạng mười chín trên thế giới, một nền kinh tế có 7 tỷ thặng dư mậu dịch với Hoa Kỳ, nhiều công nghiệp kỹ thuật cao, và một dân số 21 triệu có đầu óc kinh doanh và mức giáo dục cực kỳ cao.

Nhưng ngay không có Đài Loan, trong tương lai Trung Quốc sẽ có mức mậu dịch cao nhất thế giới, sản xuất đa số các mặt hàng tiêu thụ rẻ và vô số ngành kỹ nghệ đang phát triển nhanh. Lãnh thổ to lớn của Trung Quốc có nhiều nguyên liệu quan trọng, dầu hoả, sắt và than, và vùng tranh chấp ở Nam Hải có tiềm năng trữ lượng dầu lớn. Trung Quốc cũng sẽ là nơi ô nhiễm nhất thế giới. Ô nhiễm Trung Quốc, hệ quả trực tiếp của phát triển kinh tế, là một vấn nạn toàn cầu chờ ngày bùng phát. Ngân quỹ nhỏ giọt cho việc kiểm soát ô nhiễm đã gây ra nhiều hậu quả tai hại. Trong tương lai, Trung Quốc sẽ còn đốt nhiều khí hydrô-cácbon, thải thán khí, xả cặn bã hóa học và rác rưởi kỹ nghệ nhiều hơn bất cứ quốc gia nào trên thế giới, gây nguy hại trước mắt đến bầu khí quyển, ozone, và mưa axit. Nhìn chung, kinh tế, nhân hòa và vị trí gần biển sẽ cho Trung Quốc uy thế lớn ở Á châu dù chính quyền có đặt mục tiêu thống trị hay không.

TIỀM NĂNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ sẽ đưa Trung Quốc theo bất cứ ngã nào trong nhiều hướng tương lai. Một hướng, như nhiều dự đoán (trừ lãnh đạo Trung Quốc) hy vọng là họ sẽ trở nên phồn thịnh, dân chủ và hành xử ôn hòa hơn, sẽ phụ thuộc vào ổn định và trật tự quốc tế hơn, ít gây hấn hoặc liêu lĩnh. Và chắc chắn sẽ có những nỗ lực cưỡng lại sự cầm quyền vô hạn của một

nhà nước độc tài: phát triển kinh tế độc lập ở các tỉnh sẽ làm mất ảnh hưởng của chính quyền trung ương; lượng tin tức tự do không lờ từ bên ngoài đổ vào Trung Quốc; áp lực dân chủ trong nước, gồm cả cán bộ địa phương được dân bầu và quốc hội với quyền hạn đang lên mà đã có dân biểu bỏ phiếu ngược lại chính quyền trung ương.

Một khả năng khác, mà chúng tôi cho là vững chắc hơn nhiều, là sức mạnh và lợi thế kinh tế của Trung Quốc sẽ làm họ hung hăng, khinh thường dư luận quốc tế hơn. Chúng tôi sẽ chứng minh là ngay trong hiện tại, Trung Quốc đã sử dụng hiệu quả sức mạnh kinh tế mới có, đe dọa bỏ hợp đồng hoặc dùng thị trường khác làm vũ khí ngoại giao, nhằm chống lại những chỉ trích hồ sơ nhân quyền. Dĩ nhiên khó đoán chính xác ngã đường nào Trung Quốc sẽ chọn cho tương lai—như giữa thập niên 1970 không ai thấy được vào thập niên 1990, Trung Quốc sẽ trở thành một nước tự do kinh doanh lớn với kinh tế phát triển nhanh, nơi mà giới trung lưu mua bán thị trường chứng khoán và chính quyền tỉnh gửi phái đoàn thương mại đến New York và Nigeria giao dịch. Nhưng một hướng Trung Quốc có thể theo—mà chúng tôi nghĩ có khả năng xảy ra nhất—là một loại nhà-nước tập-đoàn,<sup>i</sup> dân tộc chủ nghĩa, quân phiệt, một chính quyền gần với chủ nghĩa phát-xít của Mussolini hoặc Francisco Franco, bỏ đi yếu tố kỳ thị chủng tộc và vũ trang giải phóng nhân loại mà Hitler đã mang đến cho chủ nghĩa phát xít. Quả thực là vì Hitler mà danh từ phát-xít trở nên quá nặng nề để dùng ở đây.

Tuy nhiên Trung Quốc dường như đang tiến đến những đặc thù của chủ nghĩa phát xít đầu thế kỷ hai mươi. Ở đó chính

---

<sup>i</sup> Nhà-nước tập-đoàn (Corporatist state): Trong một thể chế nhà-nước tập-đoàn, chính phủ điều khiển các nhóm quyền lợi và các nhóm quyền lợi nắm các công ty trong nền kinh tế. (Nd)

quyền được sùng bái như một hình thái tổ chức cao nhất của loài người, một thực thể mà mỗi cá nhân phải hy sinh quyền lợi và phúc lợi riêng để bồi đắp. Quân đội nổi lên như một cơ chế đơn lẻ quyền lực nhất nước, một cơ chế với quyền uy chính trị tối hậu, làm chủ nhiều cơ sở kinh doanh và có nhiều ảnh hưởng trong kinh tế Trung Quốc. Cũng có một đảng kỷ luật nghiêm ngặt liên tục nắm quyền, kiểm soát thông tin và đòi hỏi phục tùng chính trị. Cũng có một liên minh chắc chắn giữa những quyền lợi tài chánh với quyền lợi chính quyền, những liên hệ dây mơ rễ má trong ban quản trị khi con cái cán bộ cao cấp điều hành các công ty quốc doanh, xí nghiệp sản xuất vũ khí, và ngân hàng. Điều quan trọng trong hoàn cảnh Trung Quốc là ý thức mãnh liệt của chủ nghĩa dân tộc bị tổn thương mà chúng tôi đã nói trước đây, một niềm tin rằng đau thương lịch sử chưa được đền bù, một tự ái quốc gia mãnh liệt, tự vệ, dễ vỡ, và cực kỳ đa nghi người ngoại quốc. Và trên cùng là sự cấu kết quyền lợi giữa lãnh đạo đảng và lãnh đạo quân đội trong tham vọng nắm giữ quyền lực tối thượng, quyết dùng guồng máy an ninh và công an dày đặt hiệu quả giữ trị an, phối hợp với một hệ thống tư pháp phục tùng và hoàn toàn lệ thuộc.

Trung Quốc còn những đặc tính khác làm hình ảnh này thêm phức tạp nhưng không giảm bớt bản chất của một nhà nước độc tài, dân tộc chủ nghĩa, ngày càng vững mạnh và quyết đoán. Một trong những đặc tính này là khoảng cách lớn dân giàu và nghèo, có thể dẫn đến hỗn loạn và bạo động. Một chu kỳ kinh tế trì trệ, dù tạm thời, cũng đe dọa ổn định và tính chính đáng của một chính thể mà uy tín đã sút giảm trầm trọng vì tham nhũng và quan liêu. Trung Quốc trước đây nghèo khó và liêm khiết, nay giàu có hơn nhiều, nhưng đó cũng là nơi mà sự bóp chẹt, quà cáp liên tục đã trở thành một phần của đời sống thường



nhật. Còn hàng triệu người lang thang thất nghiệp, thường là những người đã quen với mức trợ cấp đủ sống trong các nông xã, bị mất việc ở thôn quê vì hợp tác xã nông nghiệp nay đã trở thành nông trường tư hữu. Cả nước thiếu thốn tiện nghi. Thành phố lớn có những cửa hàng sang trọng chưa từng thấy. Nhưng cũng có những hàng người dài vô tận trong đêm đông giá lạnh buồn bã chờ những chuyến xe buýt nghẹt người đưa họ về những hộp xi măng tối tăm, đổ nát và bẩn thỉu gọi là nhà.

Cải tổ kinh tế đã thành công là một viện dẫn thường nghe khi nói đến khả năng cầm quyền của Đảng Cộng-sản. Nhưng nếu kinh tế sụp đổ, hay chỉ trì trệ, có thể gây xáo trộn chính trị hay ngay cả nổi loạn. Trong trường hợp kinh tế trì trệ hoặc suy sụp chính trị, người dân Trung Quốc sẽ không phản ứng tiêu cực. Họ sẽ tiếp tục bằng mọi cách thỏa mãn những ước vọng vừa nhen nhúm cho một cuộc sống tốt hơn. Họ sẽ di cư từng đoàn lớn, thường là bất hợp pháp, hồi lộ những “thuyền rắn” để chở lậu họ đến New York hoặc Brazil. Những hoạt động phi pháp như buôn lậu ma túy quốc tế, đã bén rễ ở nhiều vùng trong biển Nam Hải, sẽ tăng nhanh. Cũng vậy, nạn hải tặc, được chính quyền bảo kê, ở những vùng biển gần Trung Quốc, vi phạm tác quyền của những hãng sản xuất lậu CD nhu liệu và âm nhạc sẽ lên cao. Tội phạm thông thường cũng tăng, như một loại phó sản của cải tổ kinh tế, mang đến nhiều vấn đề trị an.

Một Trung Quốc hỗn loạn sẽ càng nhức óc cho quan hệ Trung-Mỹ hơn là một Trung Quốc ổn định và phồn vinh. Một Trung Quốc như vậy sẽ có khả năng bị cai trị bởi một chính quyền độc tài do quân đội và công an khống chế. Chế độ đó chắc chắn sẽ quyết đoán và chủ nghĩa dân tộc hơn, và nếu không liều lĩnh trong chính sách ngoại giao, thì cũng vì nhu cầu mà khuấy động lòng ái quốc bằng cách đổ vắn nạn của Trung Quốc

lên “đòi truy tinh thần,” “chính sách bao vây,” hay những tai hại khác đến từ ngoài nước.

CHO DÙ TƯƠNG LAI CỦA TRUNG QUỐC ra sao, điều kiện căn bản cũng đảm bảo họ uy thế cường quốc cấp vùng dù muốn hay không. Nhưng sự thật là ngay khi bộ máy tuyên truyền họ liên tục phủ nhận, trở thành siêu cường vẫn là quốc sách của Trung Quốc. Mục tiêu của Trung Quốc là hất cẳng Hoa Kỳ để trở thành thế lực tối thượng ở Á châu.

Biểu hiện rõ ràng nhất của ý định đó là ngân sách quốc phòng và tham vọng quân sự, dù nhiều nhà phân tích Mỹ bỏ qua yếu tố này vì cho rằng quân đội Trung Quốc quá cồng kềnh và lạc hậu, nên sẽ không bao giờ thành mối đe dọa cho Hoa Kỳ và có lẽ cho cả những quốc gia lân cận. Một trường phái quan trọng của Hoa Kỳ lý luận rằng trong nhiều năm nữa Trung Quốc vẫn không đủ sức chiếm Đài Loan bằng quân sự, nói chi đến việc đe dọa các nước láng giềng, Nhật Bản, hoặc Hoa Kỳ.

“Trung Quốc không có nỗ lực nào để đạt khả năng phóng lực” như một phân tích gia quân sự Mỹ đã chỉ ra cho chúng tôi, theo biệt ngữ quân sự có nghĩa là khả năng chiến đấu xa lãnh thổ quốc gia trong một thời gian dài. “Họ thiếu phương tiện di chuyển, hậu cần, và hỏa lực.” Lực lượng phi cơ phản lực của Trung Quốc rất nhiều nhưng lỗi thời, số chiến đấu cơ SU-27 mua từ Nga, dù quan trọng, vẫn không đủ cho một không lực tầm cỡ hạng nhất. Họ có một vài tiềm thủy đình hạng-Kilo của Nga, nhưng một hải lực mười lăm khu trục và ba mươi lăm khu trục

nhỏ<sup>i</sup> thì yếu và giới hạn trong khả năng tiếp vận đường xa. Những chiến hạm này lại thiếu khả năng phòng không, nên bất cứ hoạt động hải quân nào của Trung Quốc cũng phải nằm trong phạm vi của không quân từ đất liền, và vì vậy giới hạn khả năng phóng lực. Nhà phân tích này nói “Ngân sách quân sự của họ dường như không đủ để cho thấy nỗ lực hiện đại hóa quân sự. Họ đang theo con đường thận trọng, chậm rãi, và từ tốn.”

Luận cứ này có phần đúng nhưng hầu hết lạc đề. Trung Quốc không trở thành một thế lực quân sự để cạnh tranh với Hoa Kỳ trong thập niên tới. Sức mạnh quân sự của một quốc gia không đo bằng sức mạnh tuyệt đối nhưng bằng sức mạnh tương quan so với những nước khác, mà trên mặt này thì Trung Quốc đã vượt xa các nước Á châu, và vẫn còn trên đà tiến nhanh hơn. Họ không đối diện với bất cứ đe dọa quân sự nào từ các nước láng giềng mà hầu hết tương đối yếu, nhưng ngân sách quốc phòng thì tăng nhanh hơn bất cứ một quốc gia lớn nào.

Quả thực là sự sụp đổ của Liên-bang Xô Viết đặt Hoa Kỳ và Trung Quốc vào cùng một tình thế quân sự, dù một nước thì toàn cầu, một nước thì cấp vùng. Với Nga bị loại, bất lực, không đẹp nổi cả cuộc nổi dậy địa phương của người Chechen, sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ trở thành vô địch. Kỹ thuật, vệ tinh, hàng không mẫu hạm, và hệ thống hỏa tiễn cho Hoa Kỳ một khả năng và tầm với chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Thế Chiến II đã giải giới dài hạn khả năng tấn công của Đức và Nhật, nếu không sẽ là hai cường quốc duy nhất trên thế giới đủ khả năng thách thức sức mạnh quân sự Mỹ. Khi Xô Viết sụp đổ vào cuối

---

<sup>i</sup> Theo báo cáo *China Military Power* năm 2020 của Pentagon: Trung Quốc “có lực lượng hải quân lớn nhất thế giới, với khoảng 350 tàu và tàu ngầm, gồm hơn 130 tàu chiến lớn.” (Nd)

Chiến Tranh Lạnh, Hoa Kỳ bỗng nhận ra mình ở thế vô địch toàn cầu.

Cùng diễn biến đó, nhất là giới hạn khả năng quân sự Nhật Bản và sự suy yếu kiệt quệ của Nga, đã cho Trung Quốc lợi thế tương tự ở Á châu, nơi Bắc Kinh bất ngờ nhận thấy mình tương đối mạnh hơn bao giờ hết. Điều này có thể thay đổi. Nga có thể vươn lên lại. Nhật có thể tái vũ trang. Nhưng tối thiểu trong hiện tại—chắc chắn là ít nhất trong thập niên tới hoặc lâu hơn—quân sự Trung Quốc sẽ vượt trội ở Á châu. Đây là quốc gia Á châu duy nhất có triển vọng vũ khí nguyên tử;<sup>i</sup> và trên thực tế là cường quốc nguyên tử hạng ba trên thế giới tính về số đầu đạn, vượt qua Anh và Pháp từ những năm cuối thập niên 1970.<sup>7</sup> Họ có một quân đội, hải quân, và không quân lớn nhất châu Á và một ngân sách quốc phòng nhiều hơn bất cứ lân bang nào về tuyệt đối hoặc tương đối. Nói một cách khác, đây là một nước mà với sức mạnh tương đối, họ đã có khả năng đe dọa và thắng địch trong vùng. Trong tương lai, khi Trung Quốc vẫn mau chóng hiện đại hóa quân đội, sẽ chỉ mình họ có khả năng thách thức sức mạnh Hoa Kỳ ở Đông Á, và chỉ có Hoa Kỳ mới đủ uy thế để cân bằng thế lực Trung Quốc.

TRONG KHI TRUNG QUỐC luôn luôn vững tin vào đấu tranh giành quyền lực, đường lối thực hiện đã hoàn toàn thay đổi trong những năm qua. Khi Mao qua đời, chiến lược của Trung Quốc còn bị chi phối bởi chủ thuyết Chiến Tranh Nhân Dân của Mao, bắt nguồn từ chiến thuật và chiến lược cộng sản đã dùng để chiếm lấy Hoa Lục. Trong thập niên 1960, chủ thuyết này được

---

<sup>i</sup> Vào năm 2020, Á châu đã thêm các quốc gia có vũ khí nguyên tử: Ấn độ, Pakistan, và Bắc Hàn. (Nd)

tóm tắt trong ba chủ điểm: (1) Liên-bang Xô Viết là đe dọa quân sự lớn nhất của Trung Quốc, (2) đường bộ là mũi tấn công chính của Xô Viết, và (3) vì vũ khí Trung Quốc không địch lại được, Trung Quốc sẽ để lực lượng xâm lăng tiến sâu vào lãnh thổ trước khi tổng phản công và dùng những đơn vị nhỏ hao mòn quân Xô Viết. Phần lớn ngân sách quân sự Trung Quốc được dùng để chuẩn bị chiến tranh với Xô Viết. Nhiều đơn vị tinh nhuệ đóng dọc biên giới Xô Viết, vùng tây nam Trung Quốc và Tây Tạng, đối diện với Ấn Độ và Việt Nam, những đồng minh của Xô Viết. Tóm lại, Trung Quốc hầu như bị bao vây bởi những quốc gia không thân hữu, mà nếu hợp lại, sẽ thành một lực lượng tấn công mạnh hơn nhiều.

Đến giữa thập niên 1980, các nhà chiến lược Trung Quốc kết luận khả năng Xô Viết xâm lăng rất nhỏ, hoặc việc Trung Quốc có một chiến tranh quy mô, hoặc chiến tranh nguyên tử cũng khó xảy ra. Hai quốc gia Á châu có quân đội mạnh nhất là Ấn Độ và Việt Nam—từng có chiến tranh ngắn với Trung Quốc, năm 1962 và 1979—đã mất đồng minh lớn quan trọng của họ là Xô Viết. Đến cuối thập niên 1980, Trung Quốc khẳng định rằng xung đột tương lai sẽ không xảy ra trên đất Trung Quốc nhưng có thể gần biên giới hoặc vùng duyên hải. Kết luận này là nền tảng để Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc (QĐTN) xét lại toàn bộ chiến lược phòng thủ và tái phối trí quân lực.<sup>8</sup>

Tiến trình này bắt đầu chậm chạp vì ngân sách quân sự eo hẹp trong thời gian trước năm 1989. Chiến Tranh Vùng Vịnh 1991 đã ảnh hưởng sâu xa đến kế hoạch gia Trung Quốc, theo nhận xét của David Shambaugh, một chuyên gia Trung Quốc của Mỹ đã có “nhiều thảo luận với cán bộ của Viện Khoa Học

Quân Sự và Đại Học Quốc Phòng<sup>i</sup> suốt mùa xuân 1991.” Theo Shambaugh thì Chiến Tranh Vùng Vịnh:

đã làm QĐTQ rung động. Cuộc hành quân Bão Sa-mạc<sup>ii</sup> và chiến thắng chớp nhoáng của liên quân làm bộ chỉ huy tối cao Trung Quốc choáng ngợp và thán phục. Trước khi chiến tranh khởi sự, họ tiên đoán quân Hoa Kỳ sẽ sa lầy trên địa chiến như kinh nghiệm Xô Viết ở Afghanistan. Mọi khả năng và chiến lược quân sự của liên minh làm QĐTQ kinh hoàng và nhận thấy mình quá tụt hậu. QĐTQ buộc phải trực diện với các yếu tố của chiến tranh hiện đại: đạn hướng dẫn chính xác; kỹ thuật ẩn mình; phản công bằng điện tử; oanh tạc chính xác những mục tiêu quân sự ít gây thiệt hại phụ; hệ thống điều khiển và chỉ huy trên không; tiếp nhiên liệu trên không; giảm thiệt hại oanh tạc cơ và nhân mạng; dùng vệ tinh trong việc phòng chống hỏa tiễn; chọn mục tiêu chiến lược và thu lượm tin tức tình báo; thị sát và cảnh báo sớm; dùng những trung tâm chỉ huy cách xa nửa vòng trái đất; sử dụng hàng phòng thủ chống hỏa tiễn; dùng máy bay chuyển số quân lớn và triển dụng nhanh; khả năng hành quân trong môi trường sa mạc; dùng những đội biệt kích đặc nhiệm; v.v. Đây là lần đầu tiên QĐTQ biết đến chiến tranh cao kỹ thuật và họ sống sờ.<sup>9</sup>

Một châm ngôn mới mau chóng ra đời: “Chiến đấu hiện đại ở địa phương trong môi trường kỹ thuật cao của tương lai.” Ba quân chủng của QĐTQ bắt đầu tiến trình thu mua vũ khí mới.

---

<sup>i</sup> Academy of Military Sciences and National Defense University

<sup>ii</sup> Desert Storm

Tướng lĩnh không còn là thành phần duy nhất đề cao tầm quan trọng của việc đầu tư vào vũ khí cao kỹ thuật. Chính quyền không còn cách khác ngoài việc ủng hộ cuộc vận động hiện đại hóa quân đội. Các nhà chế tạo vũ khí được tuyên dương như anh hùng dân tộc. Vào ngày 21 tháng Sáu, 1996, Jiang Zemin, chủ tịch Quân Ủy Trung Ương<sup>i</sup> (chức vụ được cho là quyền lực hơn chủ tịch Đảng), cùng các ủy viên khác đến chúc mừng các nhà khoa học và kỹ thuật quân sự tại “lễ trao giải thưởng hạng nhất cho các kỹ thuật quân sự chuyên môn tại Bắc Kinh.” Buổi lễ không nêu tên một khoa học gia hoặc khám phá kỹ thuật nào nhưng rõ ràng đây là một sự kiện quan trọng.<sup>10</sup>

Không phải tất cả những nhà chế vũ khí đều là người Trung Quốc. Theo một viên chức quân đội cao cấp của Mỹ trách nhiệm theo dõi quân lực Trung Quốc, thì năm 1993, tình báo Hoa Kỳ cố gắng ước lượng số gia tăng của các nhà khoa học và kỹ thuật vũ khí hàng đầu của cựu Liên-bang Xô Viết đang làm việc cho Trung Quốc. Đây quả là bài toán khó. Phòng đoán đúng nhất là vào khoảng tám trăm người đang sống và làm việc toàn thời gian ở Trung Quốc. Nhưng còn nhiều hơn nữa thường đến Trung Quốc làm và lãnh lương cố vấn. Và cuối cùng là những cá nhân hoặc nhóm khoa học gia, kỹ thuật gia sống ở Nga nhưng làm việc cho Trung Quốc.

Một số tiếp xúc với đại diện Trung Quốc qua Internet, nghiên cứu và gửi kết quả theo yêu cầu. Theo viên chức Mỹ này thì số người thuộc hai diện sau—không sống ở Trung Quốc—thì khó biết hơn. Tuy nhiên, ông phỏng tính số tổng cộng trên dưới mười ngàn người. Dù số thật sự là bao nhiêu, những nhà lập kế hoạch đối phó những tình huống bất ngờ của Mỹ phải đặt trên giả định là Trung Quốc có thể thu mua bất cứ kỹ thuật quân sự

---

<sup>i</sup> Central Military Commission

cao cấp hoặc hệ thống vũ khí tối tân nào mà Nga hiện có hoặc còn đang thử nghiệm. Những khu kỹ nghệ quân sự của Nga với những bộ óc bậc nhất thế giới về kỹ thuật quân sự, vì thiếu việc và lương thấp, đã trở nên thối nát và túng thiếu đến nỗi dường như mọi thứ đều có thể mua bán được.

Một ví dụ là năm 1995 có nhiều báo cáo về đặc vụ Trung Quốc hối lộ nhân viên một căn cứ Nga gần Vladivostok để mua những “xe tải đầy” tài liệu thiết kế và kỹ thuật của hai trực thăng tấn công tối tân nhất của Nga, chiếc Kamov KA-50 yểm trợ chiến trường một chỗ ngồi và chiếc KA-52 huấn luyện tác chiến hai chỗ ngồi.<sup>11</sup>

Những thu tóm đó sẽ có lợi cho Trung Quốc trong chiến tranh địa phương. Kinh khủng hơn nữa là chính quyền Nga bất lực trong việc kiểm soát việc chuyển giao vũ khí chiến lược tối tân và đáng sợ nhất của họ sang Trung Quốc. Tháng Năm 1996, bộ trưởng quốc phòng Mỹ ông William Perry, tuyên bố Trung Quốc đã hỏi Nga và có lẽ cả Ukraine để mua “những bộ phận kỹ thuật SS-18.”<sup>12</sup> Mục đích duy nhất của loại hỏa tiễn tối tân, có tầm hoạt động 6800 dặm Anh, mang nhiều đầu đạn này là tấn công Hoa Kỳ. Ông Perry tuyên bố “Chúng tôi đã và đang cực lực phản đối những chuyển giao loại này.”<sup>13</sup> Bất cứ vụ bán kỹ thuật SS-18 nào của Nga cũng sẽ vi phạm hiệp định START II giữa Hoa Kỳ và cựu Liên-bang Xô Viết, vốn đã dự định phá hủy hỏa tiễn SS-18 vào năm 2002. Nó còn vi phạm Hệ-thống Quản-trị Kiểm-soát Kỹ-thuật Hỏa-tiễn<sup>i</sup> năm 1987, hạn chế mua bán hay chuyển nhượng phi đạn hoặc kỹ thuật phi đạn, mà 27 quốc gia phải tuân hành. Quan trọng hơn là chuyển giao đó sẽ đưa cho Trung Quốc một vũ khí chiến lược đã được thử nghiệm, loại

---

<sup>i</sup> Missile Technology Control Regime



vũ khí then chốt trong cán cân nguyên tử kinh hoàng thời Chiến Tranh Lạnh.

Có thật người Nga bán những vũ khí loại đó cho Trung Quốc không? Một phát ngôn viên chính thức của Nga xuất hiện trong một buổi họp báo để phủ nhận nguồn tin của Perry, nhưng thực tế đã làm tăng nỗi lo sợ của Hoa Kỳ. “Theo hiểu biết của tôi,” Ủy-viên Bộ Ngoại-giao Aleksandr Panov tuyên bố, “Nga không bán vũ khí loại đó cho Trung Quốc.” Tuy nhiên ông thêm rằng vì kỹ thuật có thể lộ ra từ những nguồn “ngoài chính phủ, việc này cần phải được xem xét lại.”<sup>14</sup>

“Những nguồn ngoài chính phủ!” Thừa nhận của phát ngôn viên chính thức của Nga là một trong những vũ khí giết người tập thể tàn bạo nhất từng được chế tạo có thể rơi vào tay các con buôn vũ khí độc lập trong các khu kỹ nghệ quân sự Nga hoặc đang hoạt động ngoài vòng kiểm soát chính quyền.

Sự thành công của Trung Quốc trong việc thu tóm mọi thiết bị quân sự cao kỹ từ cựu Liên-bang Xô Viết phản ánh tham vọng sau việc xây dựng lực lượng quân sự. Vào tháng Bảy 1996, tờ *Ming Pao*, một báo Hồng Kông có tiếng đưa tin chính xác nội tình Trung Quốc, tường thuật mục đích của bộ chỉ huy tối cao Trung Quốc là “rút ngắn khoảng cách chênh lệch kỹ thuật với các nước Tây phương từ hơn hai mươi năm xuống còn khoảng mười năm” vào cuối thế kỷ.<sup>15</sup> Đó là một bước tiến đáng kể. Nhưng chúng ta sẽ thấy, vấn đề quan trọng không phải ở chỗ Trung Quốc “đuổi kịp” với Tây phương hay không. Quân sự Trung Quốc đã trở thành vô địch ở Đông Á, nhưng ngân sách vẫn tiếp tục gia tăng hơn 10% mỗi năm.

CON SỐ NGÂN SÁCH QUÂN SỰ đó là một tranh luận khác nữa. Ngân sách quân sự chính thức hằng năm của Trung Quốc là 8.7 tỷ đô la, so với 265 tỷ ngân sách của Hoa Kỳ thì đó là một con số tương đối nhỏ. Văn-phòng Tổng Kết-toán Hoa Kỳ<sup>i</sup> (GAO) trong một nghiên cứu năm 1995 cho thấy kinh phí quốc phòng Trung Quốc tăng 159% từ 1986 đến 1994, nhưng khi điều chỉnh lạm phát thì mức gia tăng thật chỉ 4%. Tuy nhiên, bản nghiên cứu kết luận rằng “Ngân sách quốc phòng chính thức của Trung Quốc không tính vào lợi nhuận từ buôn bán vũ khí hay hoạt động thương mại của quân đội, nó cũng không tính chi phí thu mua vũ khí lớn được trả bằng những nguồn khác.” GAO, bằng một ước tính khác, kết luận rằng ngân sách quốc phòng thực của Trung Quốc gấp hai hoặc ba lần con số công bố.

Chúng tôi tin rằng con số đó còn cao gấp bội—trên thực tế là vào khoảng mười đến hai mươi lần số chính thức. Ngân sách quốc phòng Bắc Kinh đưa ra không gồm những phí khoản thường được tính vào ngân sách quốc phòng của các nước Tây phương, ví dụ như tiền nghiên cứu vũ khí, dụng cụ, và hưu bổng.<sup>16</sup> Điển hình là ngân sách chính thức không tính vào ngân khoản của Công An Vũ Trang Nhân Dân (CAND), có lẽ vì lực lượng 600,000 người này chỉ giữ an ninh trong nước. Nhưng lực lượng CAND, mà hầu hết là bộ đội giải ngũ để giảm quân số, được dùng như một lực lượng trừ bị sẵn sàng cho mọi xung đột quốc tế. Năm 1995, Trung Quốc mua 72 máy bay chiến đấu SU-27 của Nga trị giá 2.8 tỷ đô la, thì phí tổn này được trả bằng quỹ của Hội-đồng Chính-phủ thay vì quỹ quốc phòng.<sup>17</sup> Ngân sách chính thức cũng không tính vào chi phí nghiên cứu và phát triển, ví dụ một phần chi phí phát triển vũ khí nguyên tử là quỹ của Bộ Năng-lượng, và một phần phí tổn chế tạo máy bay thì từ Bộ Kỹ-

---

<sup>i</sup> Government Accountability Office, viết tắt là GAO.

nghe Hàng-không và Không-gian. Bắc Kinh cũng không tính tiền thu được từ buôn bán vũ khí, dù vào năm 1988, Trung Quốc đã trở thành tay buôn vũ khí đứng hàng thứ sáu trên thế giới, với số bán hơn 5 tỷ từ năm 1991 đến 1995.<sup>18</sup>

Ngân sách Trung Quốc cũng không tính vào lợi tức từ các nguồn kinh doanh và kỹ nghệ do quân đội làm chủ, nay đã trở thành những công ty lớn trong kinh tế toàn cầu với tiềm lực ngầm không thể đo lường được. Theo báo *Institutional Investor* thì “quân đội kiểm soát một mạng lưới lỏng lẻo chừng 20,000 công ty—một loại công ty liên doanh của quân đội.” Liên doanh này “hoạt động như một phần của hệ thống quân đội quốc gia, và Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân (QĐTN) là thương hiệu lớn nhất ở Trung Quốc. Liên Doanh QĐTN đứng trên cả luật pháp, những đơn vị quân đội làm kinh tế được ưu đãi và có nhiều lợi thế quyết định trong kinh doanh.”<sup>19</sup>

Khi phân tích ngân quỹ quốc phòng thực của Trung Quốc, hoặc của bất cứ quốc gia nào, phải tính đến mãi lực tương đương. Ví dụ nếu lương bộ đội Trung Quốc là một trăm đô la mỗi người, và lương lính của Ngũ Giác Đài là ba ngàn đô, thì phí tổn so sánh của Trung Quốc là gấp ba mươi lần phí tổn thật sự. Điều này áp dụng cho tất cả mọi thứ từ tiếp liệu thực phẩm đến sắt thép cũng như các hệ thống vũ khí QĐTN “được mua” với giá quốc doanh rẻ hơn phí tổn sản xuất. Sách trắng quốc phòng do Hội-đồng Quốc-gia ấn hành vào cuối 1995 cho thấy 68 phần trăm kinh phí quốc phòng của Trung Quốc là cho tiền lương, thực phẩm, y phục, huấn luyện, xây cất, bảo trì, và cho điện, nước, và sưởi ấm,<sup>20</sup> loại chi phí đắt đỏ hơn nhiều ở các nước Tây phương.

Trung Quốc đã tốn bao nhiêu tiền cho chương trình hiện đại hóa quân đội? Một ước tính bảo thủ nhất là gấp ba lần. Năm

1995, Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Quốc Tế<sup>i</sup> (Viện NCCLQT) ở London kết luận rằng chi tiêu quốc phòng thật của Trung Quốc tối thiểu là gấp bốn lần con số chính thức.<sup>21</sup> Nếu tính Công An Vũ Trang Nhân Dân vào, thì ước tính của Viện NCCLQT lên gấp năm lần. Với một tính toán dè dặt cho mãi lực tương đương, chúng ta phải gấp đôi con số đó lần nữa. Nghĩa là ngân sách thực năm 1996 gấp mười lần ngân sách chính thức 69.8 tỷ nhân dân tệ (khoảng \$8.7 tỷ USD).<sup>22</sup> Ước tính dè dặt của Tây phương là gấp ba con số đó, hay \$26.1 tỷ đôla. Ngân sách đó gần bằng nửa ngân sách quốc phòng \$50 tỷ đô của Nhật Bản. Ước tính gấp mười lần của chúng tôi đưa chi phí đó lên \$87 tỷ USD mỗi năm, bằng một phần ba ngân sách quốc phòng Mỹ. Hơn nữa, ngân sách năm 1996 tăng 11.3% so với năm 1995, vốn đã tăng 14.6% cao hơn so với năm 1994. Ngay khi đã khấu trừ lạm phát, đây vẫn là một con số rất lớn. Trong mọi trường hợp, không có ngân khoản cho bộ nào trong chính quyền Trung Quốc có độ gia tăng như ngân sách quốc phòng, tính hay không tính lạm phát vào.

CHI TIÊU QUỐC PHÒNG CỦA TRUNG QUỐC chỉ mới gia tăng gần đây. Cho đến khi Thiên An Môn xảy ra năm 1989, vì uy quyền tuyệt đối của Đặng Tiểu-Bình, quân đội nằm trong vòng kiểm soát của đảng; ngân sách quân đội có ưu tiên sau ngân sách các bộ khác và ngân sách dành cho phát triển kinh tế. Thực vậy, một trong những lý do Đặng trở lại quyền lực giữa thập niên 1970 là vì Mao cần tái lập kiểm soát quân đội sau Cách Mạng Văn Hóa và sau cuộc đảo chính của Bộ Trưởng Quốc-phòng Lin Biao.

---

<sup>i</sup> International Institute of Strategic Studies

Mao qua đời năm 1976 và Đặng, sau khi thắng cuộc đấu tranh nội bộ với những người kế vị Mao, đã đặt quân đội dưới ưu tiên lớn phát triển kinh tế. Chi tiêu quốc phòng giảm từ năm 1984 đến năm 1988.<sup>23</sup>

Hội đồng tướng lĩnh đã đảo ngược khuynh hướng đó vào cuối năm 1989, đòi lấy công trạng khi đảng dùng quân đội đàn áp cuộc biểu tình Thiên An Môn. Từ đó, ngân sách quân sự tiếp tục gia tăng cả về trị số lẫn giá trị thực (đã trừ lạm phát). Năm 1994, khi Đặng đã quá suy nhược để ảnh hưởng đến các quyết định, uy thế chính trị của quân đội càng tăng thêm, ngân khoản cho quân đội trong ngân sách quốc gia tiếp tục tăng trên giá trị thực, ngay khi những ngân sách khác bị cắt giảm.<sup>24</sup>

Điểm then chốt trong việc tăng gia quân sự của Trung Quốc là cắt giảm quân số, từ 4 triệu lính thiếu trang bị trong thập niên 1980 đến 2.5 triệu lính hiện đại, có hiệu năng hơn vào năm 1998.<sup>25</sup> Một số công binh đường sắt, kỹ sư, và công binh xây dựng thủ đô vẫn tiếp tục việc cũ sau khi được “dân sự hóa,” và nhiều bộ đội được “giải ngũ” vào lực lượng Công An Vũ Trang Nhân Dân. Tuy nhiên cũng có nhiều cắt giảm thực và “gia tăng đáng kể cho ngân sách nghiên cứu vũ khí mới, đặc biệt là vũ khí điện tử cao kỹ thuật,”<sup>26</sup> như một bài báo viết.

Nhìn chung, Trung Quốc tập trung phát triển vào cái mà các phân tích gia Tây phương gọi là “những nhóm ưu tú,” chú trọng vào nguyên tử, lực lượng hỏa tiễn, lực lượng không, hải, lục để có thể phóng lực quân đội Trung Quốc xa bờ biển. Điển hình trong số này là phát triển hỏa tiễn M-9 và M-11, dàn đặt ở tỉnh Fujian đối diện Đài Loan. Đây là những hỏa tiễn di động tầm trung bắn đi từ những giàn phóng đặt trên xe tải hoặc xe lửa rồi nhanh chóng di chuyển đến địa điểm khác. Bài học quân sự chính, rút từ việc Trung Quốc bắn hỏa tiễn đến gần Đài Loan

vào tháng Ba 1996, là loại hỏa tiễn này đã đạt được độ chính xác cao. Lãnh đạo QĐTQ còn thành lập nhiều đơn vị ưu tú sẵn-sàng-chiến-đấu, phản-ứng-nhanh. Một trong những đơn vị này là quantou, nghĩa là Quyền Đầu (ngụ ý sức mạnh tấn công của họ), có khả năng hành quân bằng xe lội nước hoặc không vận—hay nói một cách khác là những đơn vị có thể đổ bộ lên đất liền, bờ biển ngoại quốc (hoặc Đài Loan), có thể nhảy dù xuống những đảo đang tranh chấp trên biển Đông Nam Á. Quân số những Lực-lượng Triển-dụng Nhanh này, từ 15,000 người năm 1988, đã bành trướng lên hơn 200,000 vào giữa thập niên 1990.<sup>27</sup>

Một biểu hiện khác nữa của khuynh hướng bành trướng quân sự ra ngoài Trung Quốc là việc xây cất những phi trường mới (và tân trang các cảng) dọc bờ biển Trung Quốc và trên những đảo xa. Những phi trường mới này mở rộng tầm hoạt động của chiến đấu cơ Trung Quốc. Ví dụ rõ nhất là một phi đạo dài 2,600 mét vào năm 1990 trên đảo Woody (Yongxing)<sup>i</sup> thuộc quần đảo Hoàng Sa trên Nam Hải. Phi trường mới này thường có ba đến bốn mươi chiến đấu cơ và oanh tạc cơ, có kho chứa nhiên liệu, phi cơ, và hỏa tiễn không-đổi-không. Căn cứ cho phép Trung Quốc đặt chiến đấu cơ đến gần tầm của vùng đảo tranh chấp Trường Sa.<sup>28</sup> Tháng Ba 1994, Trung Quốc cho xây radar cảnh báo sớm trên rặng Fiery Cross Reef thuộc Trường Sa nhằm mục đích yểm trợ những cuộc hành quân trong vùng tranh chấp này.<sup>29</sup>

Một trong những loại chiến đấu cơ hoạt động trong vùng Nam Hải là phản lực SU-27 mua ồ ạt trong đợt đầu giá rẻ từ nước Nga tung quần. Chiến đấu cơ SU-27 là vũ khí Liên-bang Xô Viết dùng đối phó với F-16 của Mỹ. Trung Quốc mua 12 chiến đấu cơ SU-27 đầu tiên vào tháng Sáu 1992. Họ khôn khéo

---

<sup>i</sup> Tên Việt: Đảo Phú Lâm (Nd)

thương lượng với Nga, đề nghị mua thêm nếu Nga chịu chuyển nhượng kỹ thuật máy bay, cơ phận, và phụ tùng để ráp nối phi cơ ở Trung Quốc. Năm 1993, Nga đồng ý và chiếc SU-27 đầu tiên ráp ở Trung Quốc được giao cho không quân vào năm 1995.<sup>30</sup> Vào tháng Ba 1996, không quân Trung Quốc đã triển dụng tối thiểu 27 chiếc SU-27. Sáu mươi chiếc khác đã được mua và ráp, nhưng không rõ bao nhiêu trong số này đã được triển dụng. Thêm 150 phi cơ SU-27 trong lịch trình sản xuất ở Trung Quốc trong vòng mười năm kế, với kỹ thuật tinh vi, máy và thiết bị do Nga cung cấp.<sup>31</sup>

Sự triển dụng phi cơ SU-27 phản ánh mục tiêu muốn kiểm soát toàn vùng Nam Hải của Trung Quốc. Phi cơ có thể bay từ căn cứ trên đảo Woody đến vùng tranh chấp Trường Sa phía nam và tuần hành khu vực này ít nhất là một tiếng đồng hồ. Phi cơ SU-27 có khả năng hoạt động tầm xa và nếu được hàng không mẫu hạm yểm trợ hoặc được tiếp nhiên liệu trên không, có thể đặt toàn bộ châu Á vào tầm tấn công của Trung Quốc. Nhiều dấu hiệu cho thấy Trung Quốc đang tìm mua hoặc đóng<sup>i</sup> hàng không mẫu hạm.<sup>32</sup> Máy bay tiếp liệu trên không, với ít nhất 15 chiến đấu cơ có khả năng nhận nhiên liệu trên không, có thể hoạt động vào năm 1997, sẽ thay đổi cán cân quân sự với các quốc gia lân cận Trung Quốc ở Á châu.<sup>33</sup> Khả năng hoạt động của không quân cũng mở rộng sau khi mua mười phi cơ Ilyushin IL-763 của Nga—loại máy bay vận tải nhiều khoan dùng chở phi cơ, nhưng cũng có khả năng tiếp liệu trên không hay không vận trong các cuộc hành quân chớp nhoáng, hoặc có thể dùng như AWACS (hệ thống cảnh báo và kiểm soát không trung) để giúp chiến đấu cơ SU-27 tăng khả năng chiến đấu.

---

<sup>i</sup> Năm 2020, Trung-quốc đã có hai hàng không mẫu hạm đang hoạt động, Liaoning và Shangdong, với một chiếc thứ ba đang được đóng. (Nd)

Nhắc lại, Trung Quốc không những đã trở thành lực lượng quân sự lớn nhất châu Á, mà còn là lực lượng duy nhất có vũ khí nguyên tử. Hỏa tiễn tầm trung của họ đã làm Ấn Độ, có chiến tranh với Trung Quốc năm 1962, lo lắng. Hiện tại, Nhật Bản vẫn quan ngại trong im lặng nhờ “cây dù nguyên tử” của hiệp ước an ninh Nhật–Mỹ, cam kết Hoa Kỳ sẽ giúp nếu Nhật bị tấn công. Phi đạn tầm xa Trung Quốc cũng không đe dọa ghê gớm cho Hoa Kỳ vì đa số dùng nhiên liệu lỏng, chỉ thích hợp cho phản công vì cần nhiều thời gian chuẩn bị trước khi phóng và dễ bị vệ tinh gián điệp quan sát. Khả năng Trung Quốc phóng hỏa tiễn tấn công các thành phố Miền Đông nước Mỹ cũng khó xảy ra. Nhưng điều này đang thay đổi nhanh chóng. Năm 1996 dưới áp lực quốc tế Trung Quốc phải ký một hiệp ước mới cấm thử vũ khí nguyên tử, nhưng trong thời gian thảo luận, họ thực hiện một chương trình thử nghiệm nguyên tử đầy tham vọng. Mục đích là phát triển đầu đạn nguyên tử cỡ nhỏ chính xác hơn để có thể đặt vào loại hỏa tiễn mới có khả năng bắn tới Hoa Kỳ.

Nhiều nghiên cứu về chương trình nguyên tử của Trung Quốc đã kết luận rằng Bắc Kinh tập trung chế tạo và thử nghiệm loại hỏa tiễn có tầm hoạt động từ năm đến tám ngàn dặm Anh.<sup>34</sup> Trung Quốc đã chế tạo nhiều đời hỏa tiễn Dongfeng, loại DF-31, làm các quốc gia láng giềng quan ngại vì khả năng di chuyển và dùng nhiên liệu đặc. Điều đó có nghĩa là Trung Quốc sẽ có hỏa tiễn nguyên tử di động, khó phát hiện, lên giàn phóng trong thời gian ngắn, có thể bắn tới bất cứ phần lãnh thổ nào của các nước lân cận—Nga, Ấn Độ, hoặc Nhật Bản.<sup>35</sup> Mục tiêu là vào năm 2000, Trung Quốc sẽ có 30 hỏa tiễn nhiên liệu cứng trong hầm phóng silo kiên cố và loại MIRVed (mang nhiều đầu đạn độc lập tấn công những mục tiêu khác nhau). Theo nguyên tắc đánh giá cao địch tốt hơn là khinh địch, các kế hoạch gia Mỹ phải giả



định là hơn 100 đầu đạn đang hướng về, hoặc có thể chuyển hướng về, Hoa Kỳ.<sup>36</sup>

Đây có phải là một la hoảng về chương trình nguyên tử của Trung Quốc không? Năm 1995, một cán bộ nói nhỏ với một viên chức Mỹ đến Trung Quốc, Chas W. Freeman Jr., rằng Hoa Kỳ không nên liều lĩnh bảo vệ Đài Loan nếu phải trả giá Trung Quốc tấn công Los Angeles bằng vũ khí nguyên tử. Nhiều giới chức Mỹ đã nhanh chóng gạt bỏ những phát biểu không chính thức đó, và sau này chính ông Freeman cũng không xem nó là quan trọng. Nhưng sự thật là viên chức Trung Quốc đã úp mở một phần kế hoạch nhằm vô hiệu hóa hiện diện quân sự Hoa Kỳ ở Á châu. Với số hỏa tiễn nguyên tử có thể bắn tới Hoa Kỳ, Trung Quốc có thể hăm dọa sử dụng nếu quân đội Hoa Kỳ ngăn chặn Trung Quốc tấn công Đài Loan. Điều này nghe có vẻ phi lý khi xét đến lợi thế khổng lồ về vũ khí nguyên tử của Mỹ. Tuy nhiên có phân tích gia Hoa Kỳ lý luận rằng trong nhiều thập niên qua, lãnh đạo Trung Quốc đã chủ ý gieo rắc ý tưởng rằng quyết định dùng vũ khí hạt nhân của Trung Quốc không thể đo lường được bằng tính toán về rủi ro và lợi ích thông thường của phương Tây.

Quan ngại lớn nhất là Trung Quốc có thể đã mua được, hay ít nhất là khả năng chế tạo, hỏa tiễn SS-18 từ Nga. Đây là hỏa tiễn đã hoạt động thành công. Thu mua nó, Trung Quốc sẽ rút ngắn nhiều năm nghiên cứu và phát triển để chế tạo một loại hỏa tiễn tương đương như vậy. Thực tế thì một số báo cáo về chương trình chế tạo hỏa tiễn trong nước có lẽ là do quân đội nguy tạo để gây hỏa mù cho việc thu mua hỏa tiễn SS-18, mà có thể sẽ được đặt tên theo nhóm Dongfeng để che dấu xuất xứ.

Hải quân Trung Quốc chưa bao giờ được ưu đãi hơn hiện nay. Độ thu mua và triển dụng hệ thống vũ khí mới là xu hướng

điển hình trong việc bành trướng quân lực. Theo nhận xét của một học giả thì cho đến cuối thập niên 1980, nỗ lực hiện đại hóa vũ khí kiểu cũ của QĐTQ nằm trong giới hạn “quan sát sản phẩm và nghiên cứu phát triển.”<sup>37</sup> Nhưng từ 1990 điều đó đã thay đổi. Như từ năm 1991, hải quân QĐTQ đã hạ thủy ít nhất là bốn khu trục, năm khu trục nhỏ, chín thuyền phóng hỏa tiễn tấn công cao tốc. Năm 1994, thêm ba mươi lăm tàu chiến hiện đại đang được chế tạo và chương trình thu mua thêm bốn mươi sáu chiếc khác.<sup>38</sup>

QUA NHỮNG ĐỘNG THÁI CỦA TRUNG QUỐC, một số chuyên gia về quân sự Trung Quốc bắt đầu xét lại quan điểm trước thập niên 1990 và nhận định chính sách của Trung Quốc không còn ôn hòa và phòng thủ nữa, mà nhìn chung mang nhiều đe dọa cho cán cân quân sự Á châu. Các chuyên gia khác thì vẫn cho rằng nỗ lực của Trung Quốc là hợp lý, một hiện đại hóa đã quá muộn màng cho một hệ thống cũ kỹ. Xin nhắc lại, lý luận này sai vì vấn đề đặt căn bản trên sức mạnh tuyệt đối hơn là tương đối. Điển hình là Trung Quốc có 9,200 xe tăng; Việt Nam 2,000; Philippines 126. Trung Quốc có 52 tàu ngầm, Việt Nam và Philippines không có. Trung Quốc có 50 khu trục hạm và khu trục nhỏ—Việt Nam có bảy, Philippines chỉ một. Phần đông trong số 5,845 chiến đấu cơ của Trung Quốc đã lỗi thời so với không lực Mỹ, nhưng trong bất kỳ cuộc không chiến nào, số nhiều là quan trọng, và các nước lân cận như Việt Nam chỉ có 190, Philippines chỉ có 43.

Đã nhiều năm, các chuyên gia quân sự nhận xét rằng lãnh tụ Trung Quốc như Mao thường khoa trương nhưng trên thực tế thì rất thận trọng trong việc sử dụng sức mạnh quân sự. Họ tham

chiến ở Đại Hàn năm 1950 vì thành thực sợ Hoa Kỳ có ý định xâm chiếm. Trung Quốc sử dụng quân lực năm 1962 trong tranh chấp biên giới với Ấn Độ, nhưng chỉ sau khi cảnh báo sẽ trả đũa nếu quân đội Ấn Độ tiếp tục thăm dò trong vùng. Trung Quốc còn vài đưng độ nhỏ với quân đội Xô Viết ở sông Amur giữa thập niên 1970. Nhưng những đưng độ đó xảy ra vì Trung Quốc cảm nhận lãnh thổ bị đe dọa. Chúng không biểu hiện sự bành trướng thế lực qua những quốc gia khác và dường như chỉ chứng tỏ sự tự vệ và thận trọng của Trung Quốc.

Nhưng Trung Quốc quả quyết hơn trong những năm gần đây. Năm 1974, họ chiếm mấy đảo trong quần đảo Hoàng Sa trên biển Nam Hải từ Miền Nam Việt Nam. Năm 1979, họ bỏ cam kết, vẫn-còn-được-dùng-thường-xuyên là “không bao giờ tấn công quân sự trước” khi tràn qua biên giới Việt Nam. Năm 1988, Trung Quốc đánh chìm ba tàu Việt Nam ở Trường Sa. Hơn 75 thủy thủ Việt Nam bị thiệt mạng hoặc mất tích. Từ đó, Trung Quốc dần dần chiếm thêm các đảo ở Trường Sa. Năm 1994, một sự cố đã xảy ra ở Yellow Sea giữa tàu ngầm Trung Quốc và tàu chiến Mỹ như đã nói trước đây. Năm 1995, hải quân Trung Quốc chiếm hòn Mischief Reef từ Philippines. Năm 1996, họ bắn hỏa tiễn đến gần bờ Đài Loan để hăm dọa trong cuộc bầu cử tổng thống, một đe dọa nghiêm trọng mà chính quyền Clinton phải can thiệp. Trong vụ Đài Loan, Trung Quốc không ngừng cảnh cáo Hoa Kỳ tránh xa Eo-biển Đài Loan—một thủy lộ quốc tế.

Tóm lại là Trung Quốc sẵn sàng dùng đến sức mạnh quân sự ngoài lãnh thổ, ít nhất là trong nỗ lực thăm dò phản ứng những nước khác, để đo lường ý chí chính trị của họ mạnh hay yếu, và ai, nếu có, sẽ là người giúp quốc gia đó. Họ đánh Việt Nam để thăm dò Liên-bang Xô Viết. Trong vụ Mischief Reef,

dường như họ thử người bạn thân nhất của Philippines—người đồng minh trên hiệp ước, là Hoa Kỳ, và phản ứng các nước trong Hiệp Hội Các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Cho đến nay, những tấn công này dù nhỏ nhưng cũng thể hiện Trung Quốc quyết tâm bành trướng thế lực thọc sâu vào vùng chiến lược trọng yếu Nam Hải.

Nhìn vào bản đồ ta sẽ thấy ngay mũi tấn công khủng khiếp của Trung Quốc khi họ chiếm được những hòn đảo đang tranh cãi chủ quyền vì những đảo này nằm giữa thủy lộ nối kết hầu hết các nước Đông Nam Á và chi phối những hải lộ cực kỳ quan trọng từ Nhật Bản đến Trung Đông và châu Âu. Hòn Mischief Reef ở phía đông nam biển Nam Hải, cách Đảo Hải Nam khoảng 800 hải lý, điểm gần nhất thuộc chủ quyền không tranh cãi của Trung Quốc, nhưng chỉ 135 hải lý cách đảo gần nhất của Philippines là Palawan. Hòn Fiery Cross Reef, trong quần đảo Trường Sa, nơi Trung Quốc xây đài radar, còn nằm xa hơn về phía nam.

Cảng Hồng Kông, sâu và tốt nhất ở châu Á cho hải quân, nằm ở phía bắc Nam Hải. Khi giao trả Hồng Kông lại cho Trung Quốc, người Anh đã đồng ý chi phí xây dựng một căn cứ hải quân gần đảo Stonecutters, với mặt tiền nước sâu rộng hơn 400 mét, căn cứ đủ khả năng tiếp nhận cả hàng không mẫu hạm. Một số nhà phân tích Anh tin rằng Trung Quốc dự trù dùng Stonecutters làm căn cứ hải quân chính ở phía nam, nơi họ có thể mở rộng tầm kiểm soát toàn vùng Nam Hải.

Ngoài Nga, Trung Quốc còn gia tăng tìm mua quân cụ tối tân từ các nước Tây Âu để nhanh chóng nâng cao khả năng phóng lực. Sáu tháng cuối năm 1996, nhiều thương vụ dòn dập xảy ra có lẽ vì QĐTQ thất bại trong việc đe dọa Đài Loan bằng thao diễn quân sự và bắn tập phi đạn đầu năm đó. Mùa thu 1996

có tin Trung Quốc sắp mua hàng không mẫu hạm *Clemenceau* của Pháp,<sup>i</sup> với hệ thống điện tử và radar được nâng cấp toàn diện. Dù hải quân Trung Quốc phải cần nhiều năm để có thêm tàu chiến đủ thành lập một lực lượng mẫu hạm hiện đại, việc thu mua *Clemenceau*, với hệ thống điện tử tân tiến, sẽ là một mốc quan trọng.

Cuối năm đó Trung Quốc còn mua hệ thống radar cảnh báo sớm trên không, một yếu tố then chốt trong chiến tranh hiện đại. Vào tháng Tám, họ mua sáu đến tám giàn radar thị sát Searchwater của Rascal, một hãng vũ khí và điện tử của Anh. Hệ thống này được phi cơ hải cảnh dùng truy tầm tiềm thủy đình. Tháng Mười 1996, Trung Quốc thương lượng với Anh và Israel để mua hệ thống cảnh báo sớm trên không để cải tiến máy bay IL-76 thành AWACS, có thể phát hiện máy bay địch bằng radar và máy vi tính cực mạnh, để điều hợp tấn công giữa các lực lượng không, thủy, bộ. Tóm lại, những phi cơ này sẽ “tăng lực gấp bội” cho chiến đấu cơ Trung Quốc ở Đài Loan hoặc biển Nam Hải.<sup>39</sup> Mua bán này được trả bằng tiền mặt, như những lần mua hàng tỷ đô la từ Nga trước đây. Và chúng ta sẽ thấy, số tiền cần thiết này đến từ Hoa Kỳ.

Cạnh đó, một hoạt động của Trung Quốc ít gây chú ý là đường xe lửa từ tây nam tỉnh Vân Nam xuyên qua Burma đến Vịnh Bengal. Trung Quốc sẽ dùng đường sắt này tiếp tế thuyền hải quân ở Ấn Độ Dương. Hoạt động loại này sẽ đảo lộn cán cân quân sự mang lợi thế cho Trung Quốc ở hai vùng Đông Nam Á và Nam Á. Quân đội Trung Quốc sẽ có mặt trên khắp lãnh thổ và hải phận vùng Đông Nam Á. Về phía Nam Á, những kế hoạch gia quân sự Ấn Độ cho chúng tôi biết họ đang báo động

---

<sup>i</sup> Năm 1997 Trung-quốc thương lượng mua hàng không mẫu hạm cũ *Clemenceau* của Pháp, nhưng cuối cùng không thành công. (Nd)

về viễn ảnh hạm đội Trung Quốc có thể nằm ngoài biển đông Ấn Độ. Hiện thời thì Trung Quốc đã trú đóng trên những đảo của Miến Điện ở Ấn Độ Dương để theo dõi các hoạt động không quân và hải quân Ấn Độ.

# Có Tiếng mà Không Miếng

*Nếu bạn luôn đứng thẳng, bóng sẽ không cong.*

*-LIU QING, cựu tù nhân chính trị*

NGƯỜI MỸ CÓ KHUYNH HƯỚNG xem việc bảo vệ nhân quyền ở các nước khác như cuộc giải phẫu không bắt buộc—nếu ít rủi ro thì làm. Lý tưởng Mỹ thôi thúc chúng ta áp lực lên những quốc gia khác để xây dựng một thế giới mà chính quyền biết tôn trọng dân quyền và tự chế những hành vi dã man đối với dân chúng—với điều kiện là những quyền lợi khác của Mỹ, như an ninh và mậu dịch, không bị đe dọa. Tuy nhiên, khi Trung Quốc còn suy ngẫm về mối quan hệ với Hoa Kỳ thì nhân quyền vô cùng quan trọng. Lý do là việc chỉ trích hồ sơ nhân quyền Trung Quốc đã nằm trong cốt lõi của nhiều lãnh vực không thể thương lượng được với lãnh đạo Trung Quốc hiện nay như chủ quyền, lãnh thổ, bất can thiệp, tự ái dân tộc, và trên hết là uy quyền không tranh cãi của chính quyền độc tài Cộng-sản đã nắm quyền từ năm 1949—dù ngày nay lý tưởng ban đầu đã mất.

Với Trung Quốc thì cường lại áp lực nhân quyền là vấn đề tồn vong chính trị, vì vậy Bắc Kinh đã tiến hành một cuộc chiến tranh đa diện không nhân nhượng, nhiều lúc quanh co, để chống lại Hoa Kỳ. Cuộc chiến này áp lực ngoại giao mãnh liệt lên những nước khác, kêu gọi liên kết văn hoá toàn Á châu, tích cực vận động chính trị ở Mỹ, và sau hết là áp dụng một hệ thống thưởng phạt kinh tế mưu mô để lôi kéo các công ty Mỹ về phía Trung Quốc.

Một nghịch lý được ghi nhận ở đây. Hoa Kỳ hăm dọa tăng thuế nhập cảng—qua thu hồi Tối Huệ Quốc (THQ)—để áp lực Bắc Kinh thả đổi lập chính trị. Đòn thâu cầu vụng về đó đã thất bại cùng cực. Trung Quốc trả đũa bằng đe dọa trừng phạt kinh tế Hoa Kỳ—nghĩa là tẩy chay mua sản phẩm kỹ thuật cao và hạn chế đầu tư Mỹ vào Trung Quốc—trừ phi Mỹ bỏ chính sách hăm dọa và áp lực. Khác biệt ở đây là đòn thâu cầu của Trung Quốc được tin là thật và chiến lược đó đã thành công đáng kể.

Cho đến cuối năm 1996, Trung Quốc không có nhượng bộ quan trọng nào về nhân quyền đối với Hoa Kỳ. Họ không dấu diếm điều này và còn công khai hạ nhục Hoa Kỳ. “Hạ nhục” là chữ dùng thích đáng. Năm 1994, khi chính quyền Clinton còn đang quyết định gia hạn THQ và cân nhắc việc ràng buộc THQ với nhân quyền, thì Trung Quốc thả vài tù chính trị, hiển nhiên là để lung lạc quyết định của Mỹ. Ngay sau khi Mỹ quyết định “bỏ ràng buộc nhân quyền” với THQ, bất kể đàn áp đối lập chính trị, thì Bắc Kinh lại ráo riết bắt bớ, mở lại những phiên tòa chính trị được hoãn trước đây, thẳng tay đàn áp với tội danh trao “bí mật quốc gia” cho ngoại bang. Báo cáo thường niên của Bộ Ngoại-giao về Trung Quốc năm 1995 viết “Nhiều bằng chứng cho thấy suốt năm đó Bắc Kinh tiếp tục vi phạm nhân quyền sâu rộng. Chính quyền gia tăng đàn áp đối lập trong năm 1995. Đến



cuối năm hầu như những chống đối chính quyền trung ương công khai đã bị bóp nghẹt bằng đe dọa, lưu đầy, án tù, hoặc giam cầm không xét xử.”<sup>1</sup>

Một điều mà Hoa Kỳ không nhận ra là sự đàn áp là một phần của mặt trận Bắc Kinh chống lại ảnh hưởng Tây phương, đặc biệt là Mỹ. Một cuộc đấu tranh mà phần thắng nghiêng về phía Trung Quốc nhờ sức mạnh kinh tế đang lên và đòn phép ngoại giao. Trung Quốc dùng bắt bớ và giam cầm để làm nổi sự bất lực của Mỹ trong việc ảnh hưởng đến chính sách nội địa Trung Quốc. Ví dụ gần nhất là bản án 11 năm tù vào mùa thu 1996 dành cho Wang Dan—một lãnh tụ sinh viên trong vụ Thiên An Môn còn kẹt ở Trung Quốc. “Tòa Nhân Dân Trung Cấp” Bắc Kinh tuyên án chỉ vài giờ sau khi phái đoàn của Nhà Trắng và Bộ Ngoại-giao rời Bắc Kinh sau thảo luận về chương trình thăm viếng sắp tới của Ngoại trưởng Warren Christopher. Phái đoàn Mỹ thảo luận tổng quát về nhân quyền, đặc biệt là trường hợp của Wang. Lúc bấy giờ Wang đã bị biệt giam mười bảy tháng và có thể ra tòa bất cứ lúc nào. Tuy nhiên bằng cách xử và kết án ngay vào thời điểm đó, Trung Quốc buộc Hoa Kỳ vào thế tiến thoái lưỡng nan quen thuộc: hoặc hủy chuyến đi của Christopher để phản đối bản án, hoặc bỏ Wang để tiếp tục cuộc thăm viếng. Chọn trường hợp đầu, thì Hoa Kỳ để việc quốc gia quan trọng tùy thuộc vào số phận người cựu sinh viên hai mươi bảy tuổi đó; còn chọn trường hợp sau, nghĩa là Hoa Kỳ công khai bỏ yêu cầu Trung Quốc cải thiện nhân quyền để có quan hệ bình thường với Mỹ.

Trong trường hợp Wang Dan, Hoa Kỳ đã chọn cách thứ hai. Washington tuyên bố chuyến đi của Christopher sẽ được tiếp tục ngay trong ngày được tin về bản án của Wang Dan. Và như vậy, Hoa Kỳ đã hoàn toàn đầu hàng trước thách thức của Trung Quốc

về vấn đề nhân quyền. Sau thăm sát Thiên An Môn năm 1989, chính sách của chính quyền Bush là vẫn giữ quan hệ với Trung Quốc, gồm cả hợp cấp cao không định kỳ, nhưng giữ khoảng cách với lãnh đạo, đặc biệt là với Thủ-tướng Li Peng và Tổng-thống Jiang Zemin—những kẻ trách nhiệm cho việc tàn sát, bắt bớ, giam cầm, và những màn thú tội trên truyền hình sau đó. Trong mùa tranh cử 1992, ứng cử viên Bill Clinton phê bình chính sách đó là nhu nhược và thiếu sót. “Thay vì dẫn đầu một nỗ lực quốc tế để áp lực Trung Quốc phải cải tổ, chính quyền Bush đã ve vãn những kẻ độc tài và kêu nài cải thiện, từ chối trừng phạt sự ngoan cố.” Trong diễn văn về Tình-hình Liên-bang<sup>i</sup> tháng Giêng năm 1994, Clinton tuyên bố trong tiếng vỗ tay rộn rã: “Khi lập một quan hệ có tính xây dựng với Trung Quốc, chúng ta phải liên tục đòi hỏi những biểu hiện cải thiện nhân quyền rõ rệt.”

Về sau khi có những động thái trong chiều hướng “ve vãn những kẻ độc tài,” tuyên bố âm ỉ đó trở thành một quyết tâm có tiếng mà không miếng. Đầu tiên là quyết định vĩnh viễn “bỏ ràng buộc” giữa THQ và hồ sơ nhân quyền Trung Quốc năm 1994, một động thái mở đường cho tái đàn áp đối lập chính trị, giam giữ, tù đầy Wei Jingsheng và hàng loạt những nhân vật đối kháng khác, cả nhóm mười lăm người chủ xưởng công đoàn lao động tự do. Rồi chuyển đi Bắc Kinh hòa giải của Cố-vấn An-ninh Quốc-gia Anthony Lake vào mùa hè 1996. Đến khi chính quyền Clinton phấn khởi loan tin mời Jiang Zemin trao đổi thăm viếng giữa hai nước năm 1997, thì khoảng cách bề ngoài giữa Hoa Kỳ và các lãnh đạo trách nhiệm trực tiếp cho vi phạm nhân quyền tồi tệ nhất của Trung Quốc cũng được xóa bỏ. “Có thể nói rằng chính sách Trung Quốc của tôi có phần thay đổi so với

---

<sup>i</sup> State of the Union

tuyên bố khi tranh cử,” Clinton xác nhận với báo *The New York Times* vài tháng khi mùa tranh cử tổng thống nhiệm kỳ 2 vừa bắt đầu—“có phần thay đổi” là một trong những câu nói xa sự thật nhất trong đời chính trị của Clinton. Vụ Wang Dan và quyết định tiếp tục chuyến đi của Christopher cho thấy Hoa Kỳ đã đi một bước dài cho những “cởi mở” lớn hơn. Từ đó trở đi, dù Trung Quốc đàn áp nhân quyền tàn bạo đến mức nào, Hoa Kỳ sẽ không phản đối dù chỉ lấy lệ trên mặt ngoại giao. Bắc Kinh hoàn toàn chiến thắng, Mỹ đầu hàng vô điều kiện.

Nhiều khía cạnh đáng nói về trường hợp của Wang—trước đây đã bị tù bốn năm sau vụ Thiên An Môn. Với bản án mười một năm nghĩa là ông sẽ bị tù mười bảy năm, trong mười tám năm từ hai mươi đến ba mươi tám tuổi, chỉ vì kêu gọi cải tổ dân chủ cho đất nước. Ông bị buộc tội xúi dục nổi loạn, theo án tòa là “âm mưu lật đổ chính quyền,” vì đã có bài đăng “trên báo nước ngoài và phát tán ở Trung Quốc để hướng dẫn dư luận quần chúng.” Một bài, đăng trên trang bình luận của tờ *The New York Times* năm 1993, được viết vào lúc hầu hết giới hoạt động nhân quyền Trung Quốc ở hải ngoại chống việc Trung Quốc đăng cai tổ chức Olympic năm 2000. Nhưng Wang viết ông ủng hộ việc Bắc Kinh đăng cai vì cho rằng nếu được giao tổ chức, Trung Quốc sẽ có xu hướng sửa đổi cách ứng xử để thích hợp với chuẩn mực quốc tế.” Ngược lại, nếu Trung Quốc bị tẩy chay, Wang khuyến cáo “cánh bảo thủ trong Đảng sẽ khơi dậy dân tộc chủ nghĩa, cảm tính bài ngoại, và công kích phe thân Mỹ và châu Âu.”<sup>2</sup> Cảnh báo của Wang về “phe bảo thủ trong Đảng” cho thấy lý do thâm kín của sự đối xử tàn bạo mà bản thân ông đang gánh chịu. Đó là dấu hiệu của cuộc đấu tranh chính trị ở Bắc Kinh mà phe giáo điều chống Tây phương đang thắng thế.

Lý luận của chúng tôi ở đây không phải để Hoa Kỳ đưa nhân quyền lên ưu tiên hàng đầu trong quan hệ Trung Quốc. Đe dọa trừng phạt kinh tế Trung Quốc—đặc biệt là nổi kết THQ với nhân quyền—là hạ sách ngay từ đầu. Đó là một chính sách có tiếng mà không miếng, ngược với mục tiêu của Hoa Kỳ là xây dựng quan hệ kinh tế với Trung Quốc và tìm hợp tác chiến lược.

Nhưng chính sách Trung Quốc tài tử, vụng về, đầu đuôi bất nhất của chính quyền Clinton làm nổi bật những nét đặc thù trong quan hệ Trung-Mỹ. Nó cho thấy rõ là với bất kỳ thử thách ý chí nào, Hoa Kỳ sẽ chùn bước trước sự cứng nhắc không tương nhượng. Nó cũng cho thấy là với bất cứ chính sách Trung Quốc nào của Washington, nhân quyền vẫn là nguồn mâu thuẫn trầm trọng giữa hai nước, trừ phi Bắc Kinh thực tâm cải tổ dân chủ. Luôn luôn sẽ có những nhóm quyền lực ở Hoa Kỳ và tiếng nói trong công chúng muốn trừng phạt Trung Quốc vì vi phạm nhân quyền. Những thành phần này nằm trong Quốc Hội, các tổ chức nhân quyền, và giới truyền thông mà Nhà Trắng hoặc Bộ Ngoại-giao không thể phớt lờ được. Va chạm nhân quyền sẽ còn tiếp diễn lâu dài trong tương lai.

Điều quan trọng nhất ở đây là chính sự nhu nhược và do dự của chính quyền Clinton về nhân quyền và mời Jiang Zemin đến Washington có khả năng đưa đến, hơn là ngăn ngừa, những mâu thuẫn tương lai. Mục tiêu tối hậu của Hoa Kỳ là khuyến khích Trung Quốc hành xử có trách nhiệm và dân chủ hơn. Nổi lại hữu nghị với Trung Quốc bằng chuyến đi Bắc Kinh của Lake là một món quà cho lãnh đạo Trung Quốc hiện thời, một minh chứng cho họ thấy rằng chính sách không nhân nhượng với Hoa Kỳ và nhân quyền là đúng. Jiang và phe cánh trong hàng lãnh đạo thêm uy thế vì đường lối cứng rắn đã mang lại kết quả. Mùa hè 1996, Jiang áp lực lên hàng lãnh đạo cho chức vị Chủ-tịch Đảng,

ngang hàng với Mao Trạch-Đông, trong khi vẫn còn là tổng thống. Quyền lực chính thức mà Jiang nhắm tới vượt cả Đặng Tiểu-Bình thời 1980. Quả thực là ngoài Mao chưa ai chính thức nắm giữ quyền hành đó—một điểm xấu cho triển vọng dân chủ Trung Quốc. Jiang có thể thất bại. Nhưng nếu thành công, thì ít nhất một phần của thành công đó là chiến thắng Hoa Kỳ rực rỡ do chính quyền Clinton mang lại, một chiến thắng làm tăng uy tín ông ta trong thời điểm mà tinh thần chống Mỹ là hợp với tình tự dân tộc chủ nghĩa.

KHÔNG PHẢI VÔ LÝ KHI NHIỀU NGƯỜI lý luận rằng chính sách giao tiếp—nghĩa là tiếp xúc, phát triển toàn diện mọi liên hệ bình thường và trao đổi với Trung Quốc—đã mang lại những thay đổi tốt đẹp hơn bất cứ một chính sách chỉ trích, trừng phạt, và cô lập nào khác. Lập trường đó thắng thế hơn vì Trung Quốc đã có những thay đổi vĩ đại trong gần hai thập niên qua từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao toàn diện với Hoa Kỳ. Một điển hình cho sự thay đổi này: Trung Quốc từng là nơi những người đồng tính luyến ái bị tù đầy, cả xử tử dưới thời Mao quá khích, thì ngày nay Bắc Kinh có những bar rượu của người đồng tính, một dấu hiệu cho thấy gọng kềm kiểm soát đời sống cá nhân của đảng đã lỏng lẻo hầu như toàn diện. Ngay những cựu đối lập thời Bức Tường Dân Chủ đã từng ngồi tù, dù vẫn bị theo dõi ngày đêm, cũng được phép kinh doanh làm giàu trong môi trường tự do thương mại mới của Trung Quốc. Trong quá khứ họ phải họp hành liên tục để học tập tẩy não, mỗi ngày phải đọc và thảo luận những bài xã luận trên *Nhân Dân Nhật Báo*, và bị kiểm thảo tập thể ở tổ công tác mỗi khi đảng mở chiến dịch đấu tố kẻ thù giai cấp.

So với quá khứ, người Trung Quốc được hưởng nhiều thay đổi đáng kể; thay đổi lớn nhất là người dân thay vì cam chịu một cuộc sống nhọc nhằn, nghèo khó, và thiếu thốn vật chất do chính quyền áp đặt, đã được quyền cải thiện đời sống kinh tế. Họ được quyền theo học trong hay ngoài nước, tìm việc, được phép di chuyển đến thành phố khác, gấn điện thoại, mượn văn phòng và tự do kinh doanh. Về bản chất thì xã hội chuyên chế Trung Quốc đã thay đổi, từ một môi trường mà mọi sinh hoạt lớn nhỏ của đời sống đều bị kiểm soát bước sang một nền độc tài mà sự kiểm soát và cấm đoán chỉ còn áp dụng cho sinh hoạt chính trị. Sự thật, một sự thật cay đắng cho những ai còn quan tâm đến những người chống đối còn trong tù, là người dân Trung Quốc bình thường rất thờ ơ về nhân quyền theo quan niệm của Tây phương. Có nhiều biểu hiện cho thấy người dân vui mừng vì thoát được những xâm phạm kinh khủng trong quá khứ, hài lòng với chính quyền của họ. Và cũng như ở những quốc gia khác, sự hài lòng này tùy thuộc vào tình hình kinh tế và khả năng gìn giữ an ninh trật tự của chính quyền hơn là sự tôn trọng quyền tự do cá nhân của công dân.

Nhận định này đúng dù những vi phạm về chính trị luôn được xử nhanh chóng và khắc nghiệt. Trung Quốc không có một nền tư pháp độc lập. Tòa án có vẻ nghiêm trang và thủ tục tổ tụng như tòa Tây phương, nhưng chỉ để hợp pháp hóa hoạt động của công an. Tòa Trung Quốc hầu như không bao giờ xử vô tội, và tuyệt đối là không với những vụ án chính trị. Không ai kháng cáo mà thắng. Không nhật báo hoặc tuần báo nào mà không bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ. Không có câu lạc bộ, tổ chức, hội đoàn—cả tín ngưỡng hoặc thể thao—nào có thể tồn tại mà không được chính quyền chấp thuận. Không một chủ bút nào vì lẽ phải mà tranh đấu cho một người bị án oan, trừ phi chấp nhận

vào tù. Một khi chạm vào chính quyền, bạn sẽ bị cô lập, không trông cậy ai được, không người giúp đỡ hay an ủi; bạn sẽ đơn độc một mình trước quyền lực không tranh cãi của một nhà nước khổng lồ. Trung Quốc vẫn là một quốc gia mà trong nhiều tình huống, luật pháp, nguyên tắc, quyền được bảo vệ—cả Hiến pháp quốc gia—bị vi phạm. Các tổ chức nhân quyền, đã dày kinh nghiệm sưu tập dữ kiện chính xác về Trung Quốc trước đây, ước tính Trung Quốc có ba ngàn tù chính trị, dù trên thực tế không ai biết chắc được con số thật. Số tù đó đã giảm cực kỳ so với thời Mao khi hàng trăm ngàn người bị đưa vào các trại lao cải trong vùng sâu xa vì cán bộ đảng cần đạt chỉ tiêu tổ giác “hữu khuynh,” đã tùy tiện chỉ định 5–10% người trong cơ sở là tội phạm chính trị. Tuy nhiên Trung Quốc vẫn là một nhà nước độc đoán công an trị, trừng phạt dã man, tiến trình luật pháp mù quáng như tiểu thuyết của Kafka, ngục biện bào chữa như truyện Orwell—nhưng người cầm đầu guồng máy đó lại được Nhà Trắng long trọng đón tiếp vào năm 1997 nếu không gì thay đổi.

Năm 1995, từ “kích mạnh” thường được báo chí Trung Quốc dùng để chỉ các chiến dịch chống gia tăng tội ác. Từ ngữ đó mang ý nghĩa đặc biệt “triệt để truy tầm” những thường tội—như sát nhân, trộm cắp, hiếp dâm, lường gạt—và số người bị bắt nhiều nhất từ trước đến nay; họ bị kết án trong những phiên tòa thường chỉ kéo dài chừng hai mươi phút và, như hàng ngàn vụ khác, bị xử tử công cộng với một viên đạn sau đầu.

Nhưng từ “kích mạnh” còn một hàm ý khác mà chế độ đã dùng để siết vòng kiểm soát sau vụ Thiên An Môn năm 1989. Sau cuộc nổi dậy của sinh viên, chế độ nhận ra là phải có một chính sách cứng rắn rõ ràng với đối lập để phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra do cải tổ kinh tế mang lại. Giữa thập niên

1990, khi Đặng Tiểu-Bình đã mất ảnh hưởng và khả năng một tranh giành quyền lực bắt đầu lộ dạng, một loạt chính sách hà khắc được ban hành tác động lên toàn bộ tình trạng nhân quyền Trung Quốc.

THÁNG NĂM 1996, không bao lâu trước khi Anthony Lake đến Trung Quốc với mục đích cải thiện quan hệ Trung-Mỹ, một “đội công tác” Trung Quốc đến Ganden, một trong ba trung tâm Phật giáo lớn nhất ở thủ đô Lhasa Tây Tạng. Đội công tác đến thi hành lệnh vừa ban hành tháng trước: gỡ bỏ hình của Đức Dalai Lama ở các chùa. Phía Trung Quốc không chịu thương lượng với những nhà sư trong chùa. Các nhà sư bắt đầu múa hát ở sân chùa và cuối cùng thì ném đá vào phía Trung Quốc. Cuộc xô xát gây vài thương tích nhẹ cho hai bên.<sup>3</sup>

Đêm đó, mười xe tải đầy bộ đội đến bao vây. Những đơn vị khác đóng trên những ngọn đồi chung quanh bắt đầu bắn vào chùa. Sáng đến, bộ đội chiếm chùa và trong những ngày sau bắt đi ít nhất tám mươi sáu nhà sư, luôn cả ba người trúng đạn bị thương. Chính quyền treo tiền thưởng lớn cho tin về những nhà sư đang ẩn trốn. Họ đóng cửa chùa, nơi tu học của năm đến bảy trăm vị sư, viện lý do “tu bỏ và sửa chữa,” rồi tuyên bố những nhà sư bị bắt được “cải tạo.” Những vụ chiếm chùa và bắt giam sư sai như vậy xảy ra khắp Tây Tạng. Một bài bình luận mở đầu cho chiến dịch đàn áp: “Nhân dân trong vùng cần nhận thức rõ cuộc đấu tranh chống bè lũ Dalai Lama là một cuộc đấu tranh chính trị ‘một-mất-một-còn’ dai dẳng, quyết liệt, phức tạp, và không thoả hiệp.”

Chiến dịch 1996 này hẳn nhiên chỉ là vụ mới nhất và nhỏ nhoi so với những vụ đàn áp thảm khốc mà Trung Quốc đã thực



hiện từ lúc phát động chiến tranh tiêu hao ở Tây Tạng năm 1959, khi quân đội đập tắt phong trào đòi độc lập do Đức Dalai Lama khởi xướng. Sau khi xâm chiếm, Trung Quốc triệt để loại trừ ảnh hưởng của Đức Dalai Lama đang tỵ nạn ở Ấn Độ. Màn kịch lớn bịch mới nhất là vụ giam giữ cậu bé sáu tuổi Gendun Choekyi Nyima, người được tăng đoàn Tây Tạng, sau khi đã tham vấn Đức Dalai Lama, xác định là tái sinh của Đức Panchen Lama—vị lãnh đạo tôn giáo được tôn kính bậc nhì ở Tây Tạng. Mấy tháng sau khi cậu bé mất tích, đại sứ Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva xác nhận cậu bé “được chính quyền bảo vệ theo lời yêu cầu của cha mẹ.” Tân Hoa Xã loan tin cậu bé cần được bảo vệ vì “an ninh bị đe dọa và có thể bị bọn ly khai Tây Tạng bắt cóc.” Không cần phải nói thêm, vì quan tâm cho hạnh phúc và an toàn của cậu bé, Trung Quốc không tiết lộ nơi cậu hoặc cha mẹ hiện đang sống, và tất nhiên cũng không trưng bằng có chứng minh cha mẹ cậu đã yêu cầu bảo vệ con mình.

Tây Tạng có một nền chính trị phong kiến thần quyền qua nhiều thế kỷ mà sách báo Tây phương đã viết nhiều với cảm tính sai lạc. Hình ảnh một dân tộc hạnh phúc được một vị Phật-hoàng nhân từ cai trị cũng sai lầm như hình ảnh phóng đại về đức tính tâm linh cao tuyệt của người Da Đỏ ở Mỹ. Nhưng nếu người Tây Tạng, cũng như người Da Đỏ, không phải là thánh thần thì họ cũng đã có hai ngàn năm văn hóa và một nếp sống đang bị hủy diệt như người Da Đỏ ở Bắc Mỹ trong thế kỷ trước, dù ít chiến tranh và giết chóc hơn. Từ khi sát nhập Tây Tạng năm 1959, chính sách của Trung Quốc là thực dân hóa đất đai quy mô, hủy diệt văn hóa Tây Tạng trên nhiều mặt, đàn áp đã man sự bày tỏ lòng tôn kính Đức Dalai Lama—vị lãnh đạo tâm linh tối cao của người Tây Tạng. Thập niên 1950–1960, thời kỳ hủy diệt văn hóa Tây Tạng khốc liệt nhất, các nhà sư độc thân bị

buộc phạm sắc giới và dùng kinh điển Phật giáo làm giấy đi cầu. Một sinh viên về Tây Tạng cho biết toàn bộ 6,254 ngôi chùa đã có trước đó đã bị đóng cửa, chỉ 13 ngôi là còn hoạt động. Điện Potala, trung tâm tín ngưỡng và cơ quan hành chính trong nhiều thế kỷ, được mở một phần cho du khách tham quan vội vã, còn “người Tây Tạng đứng ngoài nhìn một cách xót xa,”<sup>4</sup> như một du khách nhận xét.

Chính sách Tây Tạng của Trung Quốc không phải là điều bí mật cho các nhà lãnh đạo Mỹ. Trong kỳ tranh cử năm 1992, Bill Clinton nói về “sự đàn áp khắc nghiệt” mà nhân dân Tây Tạng đang gánh chịu “dưới tay kẻ đàn áp Bắc Kinh.” Trong cuộc điều trần để được bổ nhiệm, Ngoại Trưởng Warren Christopher thúc đẩy Hoa Kỳ “phải có hiệu quả hơn với Trung Quốc về vấn đề Tây Tạng,” và “vi phạm nhân quyền ở đó rất đáng quan tâm.” Như lệ thường Trung Quốc lên án Hoa Kỳ có ý đồ xấu qua những chỉ trích đó. Năm 1996 Tân Hoa Xã loan tin là “đã từ lâu chính phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ ủng hộ những hoạt động ly khai của Dalai Lama.”<sup>5</sup> Từ năm 1994, Trung Quốc đã dùng từ quen thuộc “kích mạnh” vào cái họ gọi là “bọn ly khai” hay “chủ trương ly khai” Tây Tạng, và bộ máy tuyên truyền lại càng to tiếng khi gán ghép Đức Dalai Lama hai tội danh đó kèm với điều họ gọi là “khủng bố.” Bai Zhao, chủ tịch Tòa Án Nhân Dân Cao Cấp Tây Tạng, phát biểu vào tháng Sáu 1996: “Ta phải mở chiến dịch ‘kích mạnh’ để tiêu diệt ‘chủ trương ly khai’ trên mọi hình thức và chấm dứt những hoạt động khủng bố của địch.”<sup>6</sup> (Dù là một nhà luật học có tiếng, ông Bai không cho biết những hoạt động khủng bố đó là gì.) *Tờ Tây Tạng Nhật Báo*, viết về Kế Hoạch Ngũ Niên Tây Tạng lần thứ chín: “Chúng ta phải mở rộng, đào sâu, công khai vạch rõ và phê bình Dalai Lama, lột mặt nạ ‘lãnh tụ tôn giáo’ của hắn.” *Tờ báo* tiếp: “Ta phải đảm

bảo đại đa số quần chúng hiểu rõ điều hãn đang kêu gọi ‘Tây Tạng độc lập,’ ‘khu tự trị cao,’ và ‘vùng Đại Tây Tạng’ thực chất là chống Đảng.”<sup>7</sup>

Trên thực tế thì Đức Dalai Lama đã nhiều lần tuyên bố sẵn lòng chấp nhận chủ quyền Trung Quốc trên toàn Tây Tạng và sẽ không đòi độc lập với điều kiện là Tây Tạng được tự trị đúng nghĩa. Dù trên lý thuyết là tự trị (Vùng Tự-trị Tây Tạng là danh xưng chính thức của Tây Tạng ở Trung Quốc), nhưng diễn biến nhiều năm qua cho thấy Trung Quốc có chính sách thực dân và diệt chủng văn hóa.<sup>i</sup> Điều này cắt nghĩa cho những cuộc tấn công chùa chiền, cấm chụp hình, “cải tạo” tăng ni, và du nhập vào Tây Tạng cơ chế đảng và chính quyền, hệ thống tòa án trá hình, Quốc Hội Nhân Dân giả hiệu, và bộ máy tuyên truyền của Trung Quốc.

Tình trạng này tương tự như một quân đội ngoại quốc chiếm đóng Ý, bóc lột kinh tế, làm Đức Giáo Hoàng bỏ nước lưu vong, đóng cửa những nhà thờ lớn, cấm treo hình, cấm phổ biến bài viết hoặc phát biểu của Giáo Hoàng, tập trung “cải tạo” các linh mục, hồng y, và đồng thời tuyên bố Ý là một vùng tự trị mà văn hoá, tín ngưỡng, và sinh hoạt truyền thống được chính quyền chiếm đóng cực kỳ tôn trọng.

TRUNG QUỐC ĐÃ THÀNH CÔNG CHỐNG LAI áp lực nhân quyền của Hoa Kỳ khi bắt đầu áp dụng chiến thuật của phe cứng rắn Bắc Kinh vào cuối 1993 đầu 1994, sau khi phe này chiếm ưu thế

---

<sup>i</sup> Sự thật là chính sách đàn áp Tây Tạng đã làm mất ý nghĩa của từ “Vùng Tự-trị” nên khi hứa hẹn sẽ cho Hồng Kông quyền tự trị cao sau giao trả năm 1997, Trung quốc đã nặn ra từ mới “Đặc Khu Hành-chánh—Special Administrative Region,” để tránh liên tưởng xấu đến những “vùng tự trị” khác.

trong Đảng và chính quyền trung ương. Họ lý luận rằng nhân quyền là cơ hội để thách đố Hoa Kỳ, để phơi bày bế tắc của nó mà không bị hậu quả. Họ muốn chống lại yêu cầu nghiêm trọng của chính quyền Clinton là Trung Quốc phải chứng tỏ cải thiện nhân quyền hay bị trừng phạt bằng thuế nhập khẩu cao.

Clinton đã chuẩn bị đối đầu Trung Quốc ngay cả trước khi trở thành tổng thống với những chỉ trích chính sách Trung Quốc của chính quyền Bush và công khai gọi lãnh đạo Trung Quốc là “những kẻ áp bức” và “bạo chúa.” Cố vấn chính của ứng cử viên Clinton là Winston Lord, một cựu phụ tá cho Henry Kissinger và cũng là cựu đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh, cả đời là đảng viên Cộng Hòa, đã bất đồng với chính quyền Bush về chính sách Trung Quốc. Trong thập niên 1980, Lord là tiếng nói quan trọng đầy mạnh quan niệm Trung Quốc thời hậu-Mao đang tiến hóa theo tự nhiên, điều mà thời bấy giờ được giới chính trị và học thuật cho là am hiểu quy ước về Trung Quốc, và theo lôgic của phát triển chính trị cuối thế kỷ hai mươi thì Trung Quốc đang rời xa chủ nghĩa cộng sản tiến về phía kinh tế thị trường và một thể chế khai phóng hơn.

Thật khó mà phóng đại được mức lạc quan của Tây phương về Trung Quốc trong những ngày đó. Một đất nước bị kìm kẹp, khát khe đến mức mà người ngoại quốc hầu như không thể có bất cứ một quan hệ cá nhân nào với người Trung Quốc, suốt thập niên 1960 và gần trọn thập niên 1970 đang thay đổi mau chóng, thì việc các chuyên gia Mỹ phấn khởi là điều dễ hiểu. Giao tiếp với Hoa Kỳ gồm mậu dịch, du lịch, trao đổi sinh viên và học giả, và hôn nhân giữa hai sắc dân, đang phát triển đúng theo lý thuyết—làm cho Trung Quốc cởi mở và dân chủ hơn. Và vì nhiều thay đổi đáng khích lệ ở Trung Quốc diễn ra cùng lúc với phát triển quan hệ với Hoa Kỳ, nên dễ xem đó là quan hệ

nhân quả. Vào lúc đó niềm tin rằng một cuộc cách mạng hòa bình đang diễn ra, được thúc đẩy bởi mẫu mực Mỹ và do năng lực thiên phú và khát vọng của người dân Trung Quốc.

Cuộc thăm sát Thiên An Môn tháng Tư 1989 đảo lộn tất cả một cách bất ngờ. Những ký giả đã kinh nghiệm với Trung Quốc từ giữa thập niên 1980 có mặt trong thời gian đó thì bàng hoàng vì sự xuất hiện đột ngột của một chế độ giáo điều, xả súng vào dân mình trong một cuộc hành quân toàn lực, bắt giam hàng loạt, và phát động một chiến dịch tuyên truyền quy mô đối trá và xuyên tạc. Tuy nhiên với những ký giả đã từng sống ở Trung Quốc từ cuối thập niên 1970, đầu thập niên 1980, đặc biệt trong thời đàn áp Phong-trào Bức Tường Dân Chủ 78-79, thì hình ảnh Trung Quốc lộ ra sau thăm sát Thiên An Môn là hình ảnh quen thuộc một cách kỳ lạ. Không ai muốn trò chuyện; bạn bè Trung Quốc mất biến khỏi tầm mắt người ngoại quốc; đúng là chỉ một đêm mà không khí náo nhiệt đã bị thay bằng một chế độ của sợ hãi và đe dọa.

Lord, vừa mãn nhiệm đại sứ ở Bắc Kinh vài tháng trước khi cuộc thăm sát xảy ra, đã vỡ mộng. Ông bắt đầu xuất hiện trên truyền hình và báo chí, thẳng thắn phê bình chính quyền Trung Quốc và còn tiên đoán sự sụp đổ mau chóng. Ông tuyên bố sự tồn tại của chế độ có thể đếm được từng ngày và có lúc cho rằng việc lãnh đạo Trung Quốc bị lật đổ “chỉ là vấn đề ngày tháng.” Các học giả về Trung Quốc cũng hiểu sai về ẩn ý của Thiên An Môn mà ngờ vực cho tương lai chế độ. Cả hai năm sau, Lord vẫn cho rằng khi Đặng Tiểu-Bình qua đời “chúng ta sẽ thấy thay đổi lớn trong chính quyền, thực tiễn và cải cách hơn, một bước tiến về phía xã hội đa nguyên, nếu chưa phải là dân chủ.”<sup>8</sup>

Thời bấy giờ Lord phản đối chính sách Trung Quốc mềm dẻo của chính quyền Bush và sau này ủng hộ Clinton. Ông đặc

biệt binh vực cho tuyên bố tranh cử của Clinton về Trung Quốc (dù không là đề tài tranh cử chính nhưng vẫn được nhiều báo chí tường thuật) là chính sách của Bush nhu nhược một cách xấu hổ và chính sách của mình sẽ cứng rắn hơn. Lord tin rằng loại lãnh tụ mà có người trong Đảng Dân-chủ gọi là “những tên đồ tể của Bắc Kinh” sẽ bị thay thế mau lẹ phản ánh một niềm tin sâu sắc, dai dẳng của Tây phương là cuối cùng những mẫu mực của mình sẽ đem Trung Quốc đến gần hơn, chế độ độc tài sẽ trở thành kinh tế thị trường tự do. Trong những năm 1980, Trung Quốc đã tiến nhanh và quá xa theo hướng đó nên dù Thiên An Môn đã xảy ra, dường như không thể nào mà khuynh hướng thân Tây phương không trở lại khi nhóm cầm quyền đáng ghét hiện nay khuất đi—mà đây là điều sẽ phải đến vì số tuổi đã cao của đại lãnh tụ Đặng Tiểu-Bình.

Mong muốn đó đặt trên giả định rằng chính sách cảnh cáo và lên án Trung Quốc có thể thực hiện mà không rủi ro. Khi chế độ sẽ sụp đổ trong một hoặc hai năm thì đương đầu với chế độ, dù cọ xát đến mức nào, cũng không làm quan hệ Trung–Mỹ xấu hơn. Trên thực tế thì điều này sẽ khuyến khích phe cải tổ Trung Quốc hiện đang ảm nhẩn chờ thời và họ sẽ cảm kích Hoa Kỳ vì không thân thiện với chính quyền cũ. Đây là một giả định có logic và có lẽ sẽ thành sự thật nếu Trung Quốc không đối phó khôn ngoan, mục tiêu rõ ràng, hơn Clinton. Trên thực tế là đường lối chính phủ mới đã mang một kết quả trái ngược với ý muốn—làm lập trường nhân quyền của Trung Quốc sắt máu hơn với một giá khá đắt cho Hoa Kỳ.

Clinton chính thức công bố chính sách Trung Quốc của mình bằng một sắc lệnh vào tháng Năm 1993. Sắc lệnh thông báo lãnh đạo Trung Quốc biết họ có đúng hai năm để cải thiện tình trạng nhân quyền trên các mặt: từ cho phép gia đình của đối

lập di dân, giảm chính sách hà khắc ở Tây Tạng, đến bớt tù chính trị. Nếu không có “những tiến bộ đáng kể” nhìn chung trên các diện đó, Clinton đe dọa sẽ loại Trung Quốc ra khỏi danh sách THQ.

Thật ra “Tối Huệ Quốc” là một thuật ngữ sai vì tất cả những quốc gia mâu dịch chính của Hoa Kỳ trên thế giới đều nằm trong danh sách “Tối Huệ Quốc,” có nghĩa rằng hàng xuất cảng sang Hoa Kỳ sẽ đóng thuế tiêu chuẩn. Các quốc gia không nằm trong danh sách, như Libya, Iraq và một số nước thù nghịch khác phải trả thuế nặng cho hàng xuất cảng sang Hoa Kỳ, nặng đến độ mà mâu dịch hầu như ngưng hẳn. Khoảng một phần ba xuất cảng của Trung Quốc là vào Hoa Kỳ, thị trường lớn nhất của họ. Lấy Trung Quốc ra khỏi danh sách này sẽ xóa bỏ số thặng dư mâu dịch mà Trung Quốc đang hưởng với Hoa Kỳ, nhưng Trung Quốc cũng sẽ trả đũa bằng cách giảm nhập cảng hàng Mỹ.

Nói cách khác, nếu Clinton thu hồi THQ của Trung Quốc, thì hai hậu quả lớn sẽ xảy ra: một là Hoa Kỳ sẽ tự loại mình ra khỏi một nền kinh tế đang phát triển mạnh và nhanh nhất trong lịch sử thế giới; hai là nền kinh tế xuất khẩu của Trung Quốc, đặt căn bản trên tư doanh và sự lớn mạnh bùng phát của tầng lớp tiểu tư sản độc lập, sẽ bị ảnh hưởng trầm trọng vì mất thị trường Mỹ. Nghĩa là Clinton không thể thực thi lời hăm dọa nếu không áp đặt trừng phạt nặng nề lên Trung Quốc và làm mất đi số lợi tức đáng lẽ thu được về cho Mỹ. Vì thế vị tổng thống Mỹ đã tự đặt mình vào thế phải chọn một giữa hai đường bất lợi như nhau: hoặc thi hành tối hậu thư hoặc tìm cách rút lui.

Trung Quốc dường như hiểu được sự thật này. Ngôn ngữ, hành động của họ và những gì chúng ta biết được về cuộc đại hội kín ở Bắc Kinh (đã viết trước đây) cho thấy khá rõ rằng cuối

năm 1993 lãnh đạo Trung Quốc đã quyết định lật tẩy lá bài non nớt đó. Tuy nhiên Clinton, không biết quan điểm này đang chiếm ưu thế ở Trung Quốc và không có động thái gì sau khi hạ tối hậu thư, đã cử nhân viên Bộ Ngoại-giao đi Bắc Kinh với dự tính buộc Trung Quốc thực hiện yêu cầu. Đầu tiên là John Shattuck, viên chức nhân quyền cao cấp nhất của chính quyền Clinton, vào tháng Giêng 1995. Shattuck gặp cán bộ Trung Quốc và, với ý định công khai hóa quan tâm của Mỹ về nhân quyền, hẹn gặp kín Wei Jingshen.

Wei được biết đến như một lý thuyết gia về dân chủ của Trung Quốc trong thời Phong-trào Bức Tường Dân Chủ năm 1978–1979. Trong khoảng một năm rưỡi, ông là chủ bút của một tạp chí ngoài lề thời đó và có lẽ là lãnh tụ ảnh hưởng nhất của phong trào non trẻ. Cuối năm 1979, ông lãnh án mười lăm năm tù cho hoạt động “phản cách mạng,” và vừa được thả, sau khi đã gần mãn án tù, vài tháng trước khi Shattuck đến Bắc Kinh. Với thiệp mời của Mỹ trong tay, Wei lần tránh theo dõi nghiêm ngặt để gặp kín với Shattuck. Khi Trung Quốc biết được, họ giận điên lên vì cho rằng Mỹ đã lén lút âm mưu này để làm mất mặt họ.

Cùng khoảng thời gian đó, vào giữa tháng Ba, một viên chức Mỹ cao cấp hơn đến Bắc Kinh để thúc đẩy chính sách nhân quyền cứng rắn của chính quyền Clinton. Lần này là Bộ Trưởng Ngoại-giao Warren Christopher với mục đích nhắc lại tối hậu thư của Mỹ, chỉ còn cách kỳ hạn mười tuần. Để nhấn mạnh độ nghiêm trọng, Christopher có tác phong nghiêm trang hơn thường lệ. Ông từ chối dùng xe limousine của Trung Quốc cấp, một xã giao thông thường của nước chủ nhà, để chọn xe sứ quán. Ông cho Trung Quốc biết không muốn dự buổi đại tiệc xã giao nào cả. Và từ chối dùng nhà khách dành riêng cho những



khách cực kỳ quan trọng như ông để chọn khách sạn China World Hotel. Quan trọng nhất có lẽ là ngôn ngữ cứng rắn của Christopher, gồm những lời mà ông bộ trưởng ngoại giao Mỹ phải nuốt lại không lâu sau đó. “Tôi sẽ nhắc lại cần phải có những tiến bộ chung đáng kể về nhân quyền trước khi tôi đề nghị gia hạn Tội Huệ Quốc cho Trung Quốc,” ông tuyên bố như vậy trước một nhóm thương gia ở Tokyo trước khi lên máy bay đi Bắc Kinh. “Chúng tôi không đòi hỏi Trung Quốc những điều phi thường. Chúng tôi không muốn gì hơn ngoài việc công nhận nhân quyền căn bản nhất đã được thế giới nhìn nhận.”<sup>9</sup>

Đến Trung Quốc, Christopher bắt tay ngay vào việc. Một ký giả viết về buổi họp đầu tiên, giữa ông bộ trưởng ngoại giao và Trung Quốc, cho biết cuộc họp mở đầu bằng những “trao đổi nặng nề và gay gắt” từ hai phía.<sup>10</sup> Christopher nói thẳng với Trung Quốc rằng chính quyền Mỹ sẵn sàng trừng phạt mậu dịch nặng nề trừ phi họ có tiến bộ đáng kể về nhân quyền, và phía Trung Quốc cũng nói toẹt ra rằng họ xem những hăm dọa loại đó là xúc phạm. Câu trả lời của Bắc Kinh cho Christopher thấy ông nghe đã quá đủ. Đại sứ Stapleton Roy phải thuyết phục Christopher bỏ ý định rời Trung Quốc chỉ một ngày sau khi đến. Đã có lúc Christopher giam mình trong khách sạn cả ngày.

Tiếp theo cuộc họp với Christopher, chính quyền Trung Quốc ngang nhiên làm thẳng những gì mà chính quyền Clinton đã khuyến cáo, và không chỉ với nhân quyền. Họ còn chở vũ khí hóa học sang Iran và phụ kiện hỏa tiễn sang Pakistan, thách đố cảnh cáo của Mỹ về bành trướng vũ khí.<sup>11</sup> Về nhân quyền, Bộ Công-an Trung Quốc bắt giam Wei Jingsheng. Vài tuần sau, chính quyền tu chính luật trật tự công cộng, nói rộng quyền hành đã-vô-cùng-lớn của công an để bắt giam, giới hạn hoạt

động nhân quyền, công đoàn lao động, lãnh đạo tôn giáo, và dân tộc thiểu số.

Việc lãnh đạo Trung Quốc vừa đạt đồng thuận xem Hoa Kỳ là đối thủ chính toàn cầu mấy tháng trước đó vẫn không đủ cắt nghĩa tại sao Trung Quốc không chỉ chống áp lực ngoại giao của Mỹ mà còn chống cả dư luận thế giới về chính sách nhân quyền. Sự thật là do nhận thức sự xâu xé của ngoại bang thời đế quốc chủ nghĩa, Trung Quốc cực kỳ nhạy cảm với điều họ cho là can thiệp nội bộ. Mà không chỉ riêng ở cấp lãnh đạo, nhiều người cũng thật lòng nghĩ rằng chấp thuận nhân quyền kiểu Tây phương sẽ tạo hỗn loạn. Trong quan điểm đó thì chính sách kinh tế thị trường đã đem lại tự do vừa đủ và cũng đã gây khá nhiều hỗn loạn rồi. Thêm yếu tố dân chủ vào mớ hỗn hợp bất ổn này dễ làm nó nổ bùng như đã từng xảy ra năm 1989 ở Quảng-trường Thiên An Môn.

Nhưng lãnh đạo Trung Quốc thách thức áp lực và đe dọa của Hoa Kỳ vì họ tin rằng có thể làm được mà không bị hậu quả. Họ đã biết dùng nền kinh tế đang lớn mạnh làm vũ khí chính trị và ngoại giao. Tóm lại, Trung Quốc treo những mối đầu tư và mậu dịch trị giá hàng tỷ đô la trước các công ty Mỹ và hăm dọa, có khi làm thực, là sẽ mang đi nước khác để trừng phạt Hoa Kỳ can thiệp nhân quyền. Nhiều vụ kinh doanh chấm dứt trước khi Tối Huệ Quốc (THQ) hết hạn đầu tháng Sáu; nhiều hợp đồng còn đang thương lượng nhưng gần ký kết; và còn nhiều vụ khác chỉ mới bắt đầu thương lượng. Trung Quốc nói thẳng những hợp đồng này sẽ sụp đổ nếu chính quyền Clinton ngưng THQ của Trung Quốc. Háo hức vào thị trường Trung Quốc nên doanh nghiệp Mỹ bất mãn với đe dọa trừng phạt kinh tế Trung Quốc vì vi phạm nhân quyền. Chỉ trong vài tháng, Trung Quốc đã biến

nhiều công ty tầm cỡ Fortune 500<sup>i</sup> thành một thế lực đáng nể: Tân Vận Động Chính Trị cho Trung Quốc.

Chúng tôi sẽ đi sâu vào đề tài đó trong chương kế với lời dẫn đầy ấn tượng này. Tân Vận Động Chính Trị này liên hệ đến một số nhân vật giàu có nhất nước Mỹ, những kẻ có đời sống vật chất thừa mứa đến mức không thể tưởng tượng được, họ chung vai sát cánh với những kẻ độc tài để khuyến cáo chính quyền Hoa Kỳ đã cực kỳ thiếu ngôn ngoan khi bênh vực cho một nhóm người bị giam cầm vì ôn hòa phát biểu quan điểm chính trị. Bill Gates của Microsoft, người giàu thứ nhì thế giới bấy giờ, gặp Jiang Zemin vào tháng Tư 1994 và tuyên bố rằng mục đích đầu tiên là tăng số bán hàng năm ở Trung Quốc lên 50 phần trăm và thứ hai, “nối kết vấn đề nhân quyền với tự do mậu dịch là một điều khá kỳ lạ.” Ông nói, “về căn bản thì đó là can thiệp nội bộ.”<sup>12</sup>

Gates có lẽ đúng. Lý luận được đưa ra là có thể về lâu dài, nhu liệu của Microsoft sẽ góp phần thay đổi Trung Quốc hơn tất cả những bài giảng thuyết về nhân quyền trên toàn thế giới cộng lại. Chúng tôi tin rằng Trung Quốc một ngày nào đó có thể chấp nhận tự do dân chủ theo mẫu mực Tây phương—nay đã thành tiêu chuẩn hoàn cầu—và khi điều này xảy ra, thì phát triển kinh tế do mậu dịch với Tây phương đem lại, đã góp phần vào kết quả đó. Một chính quyền độc tài kìm kẹp chắc chẽ không thể tồn tại mãi mãi trong một nền kinh tế thị trường tự do kiểu tư bản.

Nhưng kết quả đáng mừng đó không đến một sớm một chiều, nếu quả thực rằng nó sẽ xảy ra. Bài học vừa qua cho thấy lãnh đạo Trung Quốc có thể dùng tiền bạc và quyền lực từ cải tổ kinh tế để trấn áp những đòi hỏi thay đổi chính trị và chống lại

---

<sup>i</sup> Fortune 500: Danh sách 500 công ty lớn nhất của kinh tế Mỹ to tạp chí kinh tế Fortune sắp hạng hàng năm. (Nd)

áp lực bên ngoài. Mậu dịch với Tây phương, như Microsoft, là dao hai lưỡi. Những nếp sinh hoạt và suy nghĩ do nó mang lại sẽ dẫn đến cải tổ chính trị. Nhưng nó cũng tăng sức mạnh của chế độ để đàn áp, củng cố lại cải tổ chính trị, và buộc các quốc gia khác phải chấm dứt đòi hỏi đó. Năm 1996, Trung Quốc đã thành công ngăn chặn Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc<sup>i</sup> ở Geneva đem việc tìm hiểu hồ sơ nhân quyền Trung Quốc vào chương trình họp thường niên. Trung Quốc đạt được kết quả đó qua một nỗ lực vận động chính trị khổng lồ toàn cầu, lôi kéo cả ủng hộ của các công ty để loại vấn đề nhân quyền ra khỏi chương trình nghị sự. Những nhân vật như Gates chung vai sát cánh với chủ tịch Trung Quốc và chủ tịch Đảng Cộng-sản để cùng lên án Tây phương can thiệp vào nội tình Trung Quốc phản ảnh lực cường lại thay đổi mạnh hơn là xu hướng thay đổi về lâu ở Trung Quốc.

Trên chiều hướng này thì nhân quyền mang ý nghĩa thực tiễn. Những nền dân chủ ổn định có khuynh hướng hành xử ôn hòa và trách nhiệm trong công việc quốc tế hơn là các chế độ độc tài. Nhưng còn phương diện đạo đức nữa; trên ý niệm khi tinh thần của một người bị bạo quyền chà đạp, mọi người đều có nghĩa vụ tối thiểu là lên tiếng và có thể tránh giao tiếp bình thường với kẻ đàn áp đó. Đó là tư tưởng đã làm sinh động chính sách của Mỹ đối với cựu Yugoslavia và Liên Bang Xô Viết. Lẽ ra nó phải là linh hồn cho chính sách của phương Tây khi Đức quốc xã tiêu diệt người Do Thái, nhưng thật đáng buồn vì nó đã không làm được điều đó. Khi ban quản trị các công ty giàu có được nhiều ưu đãi của Mỹ xem vấn đề nhân quyền là can thiệp không chính đáng vào nội bộ nước khác, thì họ nên nghĩ đến ảnh hưởng xấu nó mang lại cho những nỗ lực đòi tự do cho tù nhân

---

<sup>i</sup> United Nations on Human Rights

và những người đang tù tội vì niềm tin. Họ là người Tây Tạng bị đầy đọa, gánh chịu vi phạm nhân quyền tồi tệ nhất của Trung Quốc. Họ là con số ba ngàn tù chính trị, như đã nói trước đây, vì đã có ý kiến trái nghịch hoặc vì là thành viên của một đoàn thể ngoài lề. Không ai có thể hiểu rõ điều này hơn Liu Qing, một người đàn ông mảnh khảnh, thấp người, đeo kính cận, và rất can trường.

Liu làm việc trong một căn phòng nhỏ ở New York để bạch hóa vi phạm nhân quyền của Trung Quốc, những vi phạm mà chính bản thân ông đã trải qua. Ông đã chịu mười một năm trong Gulag Trung Quốc, ba năm trong số này là dưới “sự quản thúc nghiêm ngặt” theo cách nói bóng bẩy của người Trung Quốc. Nó có nghĩa là hằng ngày ông phải ngồi im bất động trên một chiếc ghế hẹp đan bằng dây lòi tói cắt sâu vào da thịt, dưới giám thị từng giây từng phút của cai tù. Khi ngủ, ông phải nằm trong tư thế quy định, ngửa mặt, xuôi tay dọc người và nếu trở mình thì sẽ bị đánh thức một cách lỗ mãng. Nhưng Liu cam chịu sự trừng phạt này cho đến cuối cùng, tìm can đảm qua câu cách ngôn Trung Quốc “Nếu bạn luôn đứng thẳng, bóng sẽ không cong.”

Tội của Liu khởi đầu từ năm 1979 khi ông là phó biên tập của tờ *Diễn Đàn 5 Tháng Tư*, một trong những tạp chí miễn phí hàng đầu ra đời ngăn ngui trong thời kỳ Bức Tường Dân Chủ. Ông là một cộng sự viên sát cánh của Wei Jingsheng, và khi cho đăng tuyên bố trước tòa của Wei vào tháng Mười 1979, Liu bị giam ba năm không xét xử, Bộ Công-an lợi dụng điều khoản luật Trung Quốc cho phép “quản thúc” bất cứ ai trong vòng 36 tháng không xét xử, không luật sư biện hộ, và không quyền kháng cáo. Trong tù Liu viết một tường thuật hai trăm trang về vụ bắt giam mình và chuyển ra ngoại quốc, qua tiếp tay của một

bạn đồng tù được thả từ trại lao động tỉnh Shanxi. Cuối cùng bản tường thuật được dịch và đăng tải ít nhất là một phần ở hai mươi tám quốc gia. Tất nhiên phát ngôn viên Bộ Ngoại-giao Trung Quốc tuyên bố bản thảo đó của Liu là “một ngụ ý tạo vụng về.” Nhưng ở Shannxi thì Liu bị lôi ra tòa vì là tác giả của “ngụ ý tạo” này với bản án thêm tám năm tù vì “phổ biến tuyên truyền phản cách mạng.”

Liu bị ba năm quản thúc và tám năm tù. Khi được thả năm 1990, ông và vợ được cho sang Hoa Kỳ. Cuối cùng Liu tìm được việc làm điều hành một tổ chức nhỏ là Nhân Quyền Trung Quốc—Human Rights in China, chuyên thu nhặt tin tức về tù chính trị, phát hành bản tin bằng Anh và Hoa ngữ, và tìm cách phát tán những tin tức đó đến Trung Quốc và toàn thế giới. Liu, thành viên của một tổ chức phi chính phủ (NGO), dự nhiều cuộc họp về nhân quyền như cuộc họp hàng năm của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc ở Geneva, nơi Trung Quốc đã thành công vận động ngăn chặn việc đưa hồ sơ nhân quyền Trung Quốc vào chương trình nghị sự chính thức của tổ chức đáng kính này.

Liu kiên trì tranh đấu, trong căn phòng nhỏ không cửa sổ của ông ở Mahattan điện thoại reo không ngừng với tin bắt bớ, mất tích, tra tấn, và đàn áp đối lập vừa xảy ra ở Trung Quốc. Ông đại diện cho một phía trong cuộc tranh luận về nhân quyền, phía muốn giữ áp lực với chính quyền Trung Quốc và không tin những giao tiếp hời hợt sẽ dẫn đến dân chủ. Phía bên kia của trận chiến không cân sức này là chính quyền Trung Quốc đầy thủ đoạn hiệu quả, chống đỡ phản đối của Mỹ về chính sách nhân quyền và những vấn đề khác, hiệu quả đến độ mà chỉ trong vài tháng, cả tổng thống Hoa Kỳ cũng bị áp lực phải xoay ngược lập trường về Trung Quốc.

## **Tân Vận động Chính trị Trung Quốc**

NHỮNG NHÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY MỸ muốn gặt hái số lợi nhuận hoang đường qua kinh doanh với Trung Quốc thì thật không phải dễ. Cán bộ Trung Quốc luôn luôn hăm dọa “Hãy thương lượng.” Nhưng những vụ làm ăn này thường trì trệ nhiều năm, công ty phải trả lời vô số câu hỏi, nộp thiết kế kỹ thuật, những hứa hẹn miễn thuế lợi tức và thuế nhập cảng đến rồi đi bất ngờ. Dù vậy một vài vụ kinh doanh có lời cũng đã thành hình. Nhưng đầu năm 1994, giới đầu tư Mỹ ký kết với Trung Quốc ở một nhịp độ nhanh hơn, nếu không là nhanh nhất từ trước đến giờ. Như đã nói trước đây, những tháng đầu năm 1994 là thời gian mà chính quyền Clinton đe dọa thu hồi Tối Huệ Quốc (THQ), Trung Quốc đã biết dùng kinh tế chống đỡ đe dọa đó bằng cách vận động các công ty Mỹ ủng hộ cho họ. Diễn tiến như sau:

Tháng Giêng năm 1994, Trung Quốc bán \$1 tỷ USD trái

phiếu vào thị trường tài chính Mỹ. Hãng tin Reuters tường thuật “Trung Quốc vừa hoàn tất chuyển giới thiệu trái phiếu ở Hoa Kỳ,” do “công ty bảo trợ trái phiếu là Merrill Lynch Capital Market,” tổ chức.<sup>1</sup>

Tháng Hai, hãng Ford Motor Company thảo luận sâu với Trung Quốc về hợp doanh sản xuất phụ tùng xe và có thể lập hãng ráp nối xe toàn bộ. Một giám đốc cao cấp cho biết: “Trung Quốc là thị trường lớn quan trọng của công ty và sự thành lập Chi nhánh Ford Trung Quốc hôm nay cho thấy chúng tôi quyết định đóng vai quan trọng trong phát triển kỹ nghệ xe hơi Trung Quốc.”<sup>2</sup>

Tháng Tư, Trung Quốc cho thấy triển vọng những hợp đồng trị giá hàng tỷ đô la, thu hút bảy trăm nhà kinh doanh từ ba trăm công ty Mỹ tham dự “hội chợ mậu dịch và đầu tư” ở New York và Los Angeles. Sau đó phía Trung Quốc tuyên bố đã ký hợp đồng và bản thỏa thuận với các công ty Mỹ trị giá \$11.1 tỷ USD.

Cũng trong tháng Tư, viên chức Thượng Hải đón tiếp ban điều hành cao cấp của công ty Time Warner, Inc. đến thảo luận về dự định mở khu giải trí. Ngày 28 tháng Tư, Phó Thủ-tướng Zou Jiahua đến công ty AT&T ở New Jersey để ký những hợp đồng trị giá hơn 500 triệu đô.

Chỉ vài ngày sau, IBM cho biết họ vừa ký một số giao kèo hợp doanh với Trung Quốc. Chủ tịch IBM, ông Louis V. Gerstner Jr., sẽ đến Trung Quốc vào tháng Ba để thương thảo với cán bộ cao cấp Trung Quốc.<sup>3</sup>

Tháng Năm, báo *The Wall Street Journal* tường thuật “trong vài tuần” Boeing sẽ hoàn tất thương vụ bán máy bay hành khách trị giá 5 tỷ đô la. Trong nhiều tuần, ban điều hành Boeing liên tục công khai ủng hộ gia hạn THQ của Trung Quốc.<sup>4</sup>

Không phải tình cờ mà ngay trước đó, vào đầu tháng Năm,



ông Tom Foley, đảng Dân-chủ, Chủ-tịch Hạ-viện thời bấy giờ, công khai tỏ bất đồng với cánh Dân-chủ trong Nhà Trắng, tuyên bố Clinton không nên nối kết mậu dịch với nhân quyền, “vì điều đó rất trắng trợn, thách đố và đôi đầu.” Ông Foley là dân biểu vùng Spokane bang Washington, nơi trụ sở chính của Boeing. Quả thực là các dân biểu bang Washington không hề có một chỉ trích Trung Quốc nào.

Ngay sau tuyên bố của Clinton, John Cranor, chủ tịch tập đoàn Kentucky Fried Chicken, công bố ở Thượng Hải rằng hệ thống tiệm ăn phục-vụ-nhanh này sẽ đầu tư \$200 triệu vào Trung Quốc trong bốn năm tới và cho biết quyết định đầu tư này liên quan đến tuyên bố của Clinton: “Bỏ ràng buộc giữa nhân quyền và đầu tư kinh tế, Tổng-thống Clinton đã chấm dứt tình trạng bấp bênh của chúng tôi ở Trung Quốc.”<sup>5</sup>

Khi nhiều dân biểu phản ảnh ủng hộ Trung Quốc của các công ty trong vùng họ đại diện, thì những lãnh đạo chính trị khác, qua tiếp xúc với các đoàn đại biểu Trung Quốc, cũng có ấn tượng tốt về tiềm năng lợi ích kinh tế trong mối quan hệ thân hữu giữa hai quốc gia. Tháng Tư 1994, Thống-đốc bang New York Mario Cuomo ký hiệp định khung với Trung Quốc để tạo điều kiện cho các công ty tiểu bang xuất cảng kỹ thuật cao. Một viên chức cao cấp phụ trách xuất cảng cho biết: “Họ [Trung Quốc] chủ động đến đề nghị.” Cuomo nhấn mạnh ông muốn Clinton không chỉ bỏ điều kiện nhân quyền khỏi THQ mà còn nên gia hạn vô điều kiện cho Trung Quốc.<sup>6</sup>

Trung Quốc còn gởi phái đoàn đến vận động chính quyền liên bang khi nhận ra rạn nứt giữa phe nhân quyền trong Bộ Ngoại-giao và cánh chủ trương thương mại trong chính quyền Clinton. Giữa tháng Tư, Bộ Trưởng Thương-mại Ron Brown ký hiệp ước với Bộ Trưởng Ngoại-thương Wu Yi thành lập các ban

công tác thường trực về mậu dịch và đầu tư song phương. Tổ chức đón tiếp và cổ động cho bà Wu là Hội-đồng Thương-mại Mỹ-Trung, gồm những công ty có quyền lợi kinh doanh ở Trung Quốc hiện đang tích cực thúc đẩy gia hạn THQ cho Trung Quốc. Trong buổi tiệc trưa ở hội đồng với năm mươi cán bộ Trung Quốc và trước hai trăm nhà kinh doanh Mỹ, bà Wu cho thấy viễn ảnh mới lợi không lỗ cho giới đầu tư Mỹ qua các công trình đòi hỏi nhiều tài chánh và kỹ thuật cao.<sup>7</sup>

Nhưng một tiếng nói khác biệt lẻ loi nổi lên trong cộng đồng thương mại. Vào mùa xuân 1993, công ty Levi Strauss & Co. tuyên bố ngừng mọi hoạt động ở Trung Quốc vì “vi phạm nhân quyền trầm trọng.” Công ty ngưng mua \$50 triệu quần áo mỗi năm từ các hãng thầu Trung Quốc. Tuy nhiên, họ khôn khéo giữ lại nguồn lợi chính: vẫn để công ty Jardine Marketing Services làm đại lý phân phối hiệu quần jean nổi tiếng của họ ở Trung Quốc.<sup>8</sup>

Khi chiến dịch bỏ nổi kết giữa nhân quyền và THQ, do Trung Quốc đạo diễn tài tình lên cao điểm vào tháng Tư 1994, Winston Lord từ bỏ chính sách Trung Quốc mà ông vẫn kêu gọi trước đó. Trong thư riêng gửi Ngoại Trưởng Christopher bị lộ ra báo chí, Lord tuyên bố chính sách Trung Quốc mà ông hằng theo đuổi—dùng mậu dịch để đòi hỏi nhân quyền Trung Quốc—là một thất bại. Thực tế đó quả là một thất bại: ngày 26 tháng Năm, một Bill Clinton mới mới tuyên bố gia hạn THQ cho Trung Quốc bỏ qua hồ sơ nhân quyền, mở đầu cho một trong những thay đổi toàn diện trong lịch sử ngoại giao cận đại của Mỹ. Sau nhiều tháng nỗ lực cao độ, Trung Quốc toàn thắng Hoa Kỳ trên mặt nhân quyền mà phần thưởng năm 1996 là lời mời lãnh tụ tối cao Trung Quốc, bị xa lánh trước đây, trao đổi thăm viếng cấp quốc gia với Clinton vào năm 1997.

Dĩ nhiên mọi quốc gia đều tìm cách ảnh hưởng dư luận quần chúng và chính sách Hoa Kỳ. Nhưng cách vận động hành lang và quan hệ đối ngoại của Trung Quốc mang bốn đặc thù, mà nhìn chung, khác biệt với những nỗ lực tương tự của các nước khác.

Đặc tính đầu tiên mà cũng là quan trọng nhất: trên rất nhiều mặt Trung Quốc là một đối thủ, một chế độ độc tài, một cường quốc đang trỗi dậy, ngược với quyền lợi Hoa Kỳ. Thứ hai là sự hung hãn của những nỗ lực ảnh hưởng chính sách Hoa Kỳ, thái độ hăm hực thâm hiểm khi bất đồng quan điểm và, song song với vận động hành lang riêng rẽ, kín đáo nhưng tích cực, là mạng lưới hoạt động qui mô ở Hoa Kỳ—không chỉ cho mục đích tuyên truyền, đe dọa, huênh hoang khoác lác, mà còn để thu mua hoặc đánh cắp kỹ thuật đem về Trung Quốc. (Sẽ nói thêm sau.) Thứ ba là một nhóm cựu viên chức chính phủ Mỹ cực kỳ ảnh hưởng đã chi phối công luận về Trung Quốc đồng thời trục lợi từ những chính sách họ ủng hộ. Và cuối cùng nhờ sử dụng đe dọa chiến tranh kinh tế có hiệu quả, Trung Quốc đã lôi kéo được giới kinh doanh để họ thực hiện một vận động lớn nhất trong lịch sử Mỹ nhằm thay đổi chính sách quốc gia.

Động cơ đằng sau cho những nỗ lực này là viễn ảnh lợi nhuận song song với đe dọa bị mất nếu Trung Quốc không đạt được điều họ muốn. Thủ-tướng Li Peng nói thẳng lý do khi mua máy bay Airbus trị giá 1.5 tỷ năm 1996 là để trừng phạt Boeing. Ông ca ngợi lãnh đạo châu Âu vì “họ không ràng buộc chính trị vào hợp tác với Trung Quốc, không như người Mỹ lúc nào cũng đe dọa hay trừng phạt một cách tùy tiện.”<sup>9</sup> Điều mỉa mai ở đây là chính Trung Quốc cũng sử dụng trừng phạt có hiệu quả, công khai hứa hẹn lợi ích kinh tế hoặc đe dọa trừng phạt kinh tế làm vũ khí áp lực chính quyền Mỹ, ngay khi họ khuyến cáo sẽ trừng

phạt nặng nề động thái tương tự từ phía Hoa Kỳ, những khuyến cáo này được các doanh nghiệp Mỹ ồ ạt lập lại vì sợ bị Trung Quốc trừng phạt. Thành viên của lực lượng vận động chính trị mới cho Trung Quốc không hề nhìn nhận rằng chính sự nổi kết giữa chính trị và kinh tế, cấp và cúp lợi nhuận, là điều đã làm cho chính sách Hoa Kỳ của Trung Quốc đạt hiệu quả cao độ.

Cuộc vận động chính trị đa diện của Trung Quốc đã thành công mỹ mãn, trừ vụ quan trọng là quốc hội kiên quyết ủng hộ bảo vệ Đài-Loan trước đe dọa quân sự Trung Quốc—nghĩa là vẫn tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan dù Trung Quốc cực lực phản đối. Trung Quốc ép Washington phải lùi bước và gần như ngưng hẳn đe dọa trừng phạt khi Trung Quốc vi phạm chuẩn mực quốc tế. Nhiều người sẽ chỉ ra một ngoại lệ nữa là Hoa Kỳ sẵn sàng trừng phạt Trung Quốc vi phạm tác quyền CD âm nhạc, video phim, và nhu liệu điện toán. Trên thực tế thì dù Trung Quốc đã hứa sẽ thi hành, nhưng đến giữa năm 1996 nhiều dấu hiệu cho thấy kỹ nghệ vi phạm tác quyền trị giá hàng tỷ đô la, được cán bộ tình và quân đội bao che, vẫn liên tục phát triển mạnh.

Trên mọi trường hợp, những vấn đề liên quan đến nhân quyền (năm 1994, chính quyền Clinton liệt kê bảy diện gồm cả chính sách Tây Tạng), chở vũ khí hóa học sang Iran, bán tên lửa cho Syria và Pakistan, giúp Iran và Pakistan chế vũ khí nguyên tử, chính sách mậu dịch nhằm thu tóm kỹ thuật và gây thâm thủng tối đa có lợi cho Trung Quốc (trong chương sau), Hoa Kỳ đã lớn tiếng hăm dọa nhưng cuối cùng thì không một biện pháp cụ thể nào. Có nhiều lý do cho việc này nhưng một trong những lý do quan trọng nhất là sự hiệu quả của cái gọi là Tân Vận Động Chính Trị cho Trung Quốc, một mạng lưới đa diện, lỏng lẻo được Trung Quốc ủng hộ và lèo lái bằng những hứa hẹn cấp

hoặc cúp tài chính.

“Một trong những vấn nạn lớn nhất với Trung Quốc là các nước bạn của chúng ta ở châu Âu và Nhật Bản khoanh tay nhìn chúng ta đương đầu với Trung Quốc để hưởng lợi,” Winston Lord thất vọng cho biết và thừa nhận rằng Mỹ đã thất bại trong nỗ lực buộc Trung Quốc ngưng bán vũ khí sang các nước thù địch Mỹ và tuân thủ những thỏa thuận về mậu dịch.<sup>10</sup> Một viên chức cao cấp khác nói với ban chủ bút *Risk Report* chuyên về tăng gia vũ trang: “Thật ra chúng ta chưa chưa thắng tay với Trung Quốc. Họ hứa suông nhưng vẫn vi phạm—nhiều khi trắng trợn. Lý do chúng ta bỏ qua là vì tiềm năng thị trường.”<sup>11</sup>

Mặc dù động cơ là tiền, Tân Vận Động Chính Trị Trung Quốc không hoàn toàn dựa trên tiền bạc. Nó còn là quan hệ, mà nhiều vòng quan hệ có thể dẫn đến những mối để ra tiền.

Những thập niên qua người Trung Quốc có một từ ngữ cho việc này: *guan-xi*, có nghĩa là “quan hệ” hoặc “móc ngoặc.” Người có *guan-xi* là có thần thể. Giữa người Trung Quốc với nhau, điều đó nghĩa là có bạn bè hoặc thân nhân ngồi đúng chỗ—bí thư đảng của một trường học tốt hàng đầu ở địa phương, chủ tịch ủy ban khu phố trách nhiệm phân chia nhà ở, hoặc cán bộ tỉnh có nhiệm vụ cấp giấy phép hoạt động cho công ty hợp doanh với nước ngoài được quyền chuyển ngân ra ngoại quốc. Còn nếu là người ngoại quốc thì *guan-xi* của bạn có thể là quan hệ thân hữu với Rong Yiren, chủ tịch Công-ty Tín-dụng và Đầu-tư Quốc-tế Trung Quốc (CITIC), hay với ngân hàng thương nghiệp quốc doanh, hoặc với chính Jiang Zemin.

Một thành ngữ tương tự (có từ thời phong kiến) nhưng rất phổ thông từ khi Cộng-sản nắm quyền là *zo-hou-men*, nghĩa đen là “vào cổng hậu.” Thành ngữ này nói lên thực tế châm biếm rằng khả năng, tài nghệ, hoặc giá rẻ không bằng tài lau lách luật

lệ và chui lòn công sau vào Dinh Quyền Lực.

Ở Trung Quốc, người ngoại quốc có thể làm được việc lớn là nhờ vào *guan-xi*. Ví dụ vào những năm 1950 và 1960, giấy phép vào Trung Quốc hầu như chỉ dành riêng cho một thiểu số nhà văn và phóng viên ngoại quốc, những người được mệnh danh là “bạn của Trung Quốc”—nghĩa là những người viết tuyên truyền cho cuộc cách mạng Cộng-sản. Tiểu thuyết gia gốc Âu-Á Han Suyin,<sup>i</sup> công dân Thụy Sĩ, là một trong những người “bạn” loại này. Một người khác là Edgar Snow, trong nhiều năm là một trong thiểu số hiếm hoi công dân Mỹ có thể vào Trung Quốc và khi đến, được vào thánh thất của thánh địa—nghĩa là phòng họp nơi Mao Chủ-tịch tiếp khách ngoại quốc. Còn những người khác nữa: ký giả Mỹ Agnes Smedley và Anna Louise Strong, văn sĩ Rewi Alley của New Zealand, người Cộng-sản Úc Wilfred Burchett, tiểu thuyết gia Pháp André Malraux sau làm bộ trưởng văn hóa. Ngoại trừ một số ít (như Malraux), hầu hết những người này tiếp cận được với Trung Quốc nhờ vị thế “bạn” của họ, một vị thế có thể bị thu hồi dễ dàng nếu họ dính vào hoạt động “thiếu thân hữu,” như khi nói lên sự thật về tranh giành quyền lực đang diễn ra, về sự sùng bái cá nhân Mao, hoặc nổi nhọc nhằn cơ khổ do nền kinh tế phù thủy của chủ nghĩa Mao mang lại. Những người như Han Suyin không tiếc lời ngưỡng mộ một lãnh tụ quyền thế để vài tháng sau lại phỉ nhổ người đó, rồi lại tâng bốc một người khác mà mới đây còn bị chế độ chính thức gọi là kẻ thù giai cấp, một kẻ theo đuôi tư bản, một bàn tay đen của bọn chó săn đế quốc Mỹ, một quái thai và một quái vật.

“Những người bạn Trung Quốc” viết và nói về Trung Quốc theo kiểu mà cán bộ Trung Quốc muốn. Họ làm vậy vì thật lòng

---

<sup>i</sup> Hán-Việt: Hàn Tô-Âm. (Nd)

tin vào đó hoặc, nói theo một cặp mắt hoài nghi hơn, là cần bảo vệ *guan-xi* để giữ quan hệ với đỉnh cao quyền lực Bắc Kinh. Dù là trường hợp nào thì Trung Quốc cũng đã khéo lập ra một loại câu lạc bộ đặc quyền đặc lợi cho những người ủng hộ, ban thưởng họ visa và giấy thông hành, được vào hợp ở Zhongnanhai, khu dinh thự cạnh Cẩm Thành cũ nơi Mao và những người khởi xướng cuộc cách mạng sống và làm việc. Ai trong số khách được ưu đãi đặc biệt này phản lại lòng hiếu khách của lãnh đạo, kẻ đó sẽ bị phỉ nhổ như phường vô lại, như kẻ bất lương để làm gương cho kẻ khác.

Đó là trường hợp của nhà làm phim người Ý Michelangelo Antonioni, đảng viên Đảng Cộng-sản Ý, được phép làm phim tài liệu ở Trung Quốc năm 1972. Khi phim *China is Near* hoàn tất, phô bày sự thật trần trụi thay vì những hình ảnh hào hùng trong khung cảnh cách mạng, một chiến dịch bôi nhọ ông được phát động trong nhiều tháng. Ngược lại khi Edgar Snow làm một phim về xây dựng cầu sông Yangtzu thì không ảnh hưởng đến visa. Gần đây nhất là vụ bác sĩ riêng của Mao, Li Zhisui, cư ngụ tại Hoa Kỳ, tác giả cuốn hồi ký sống động mô tả Mao như một bạo chúa tàn ác và dâm loạn, bị lên án là láo khoét cùng với giáo sư Andrew Nathan của Đại học Columbia, người viết giới thiệu cho hồi ký bác sĩ Li.

Những học giả và người viết Mỹ công khai chỉ trích lãnh đạo Trung Quốc về vi phạm nhân quyền thì bị từ chối visa nhập nội hoặc phải công khai vận động ủng hộ của những người Mỹ nổi tiếng để được cấp visa. Orville Schell, thông thạo Hoa ngữ, tác giả nhiều sách về Trung Quốc, gặp trở ngại này vào đầu thập niên 1990—chính vì liên hệ của ông với tổ chức Quan-sát Nhân-quyền (Human Rights Watch). Vào tháng Tám 1996, Perry Link, một học giả hàng đầu của văn chương Trung Quốc dạy Đại Học

Princeton, bị giữ suốt đêm tại khách sạn rồi đưa lên máy bay rời Trung Quốc ngay sáng hôm sau. Bốn nhân viên Bộ Công-an thay phiên ngủ tại giường kế cận. Ông cho biết “Họ cắt điện thoại trong phòng để tôi không gọi được các bạn ở Bắc Kinh đang đợi.”<sup>12</sup> Tương tự là trường hợp của Ross Terrill, một chuyên gia Trung Quốc nổi tiếng, đã nhiều năm gia tăng viết bài chỉ trích chính sách nhân quyền Trung Quốc và thân thiện với đối lập, bị từ chối visa. Terrill, sinh ở Úc, thông thạo Hoa ngữ như Schell và Link, là một trường hợp đáng nói. Đầu thập niên 1970, khi Trung Quốc vừa mở cửa với Tây phương, ông viết có lợi cho Trung Quốc dưới Mao và được hưởng giao tiếp ưu đãi dành riêng cho “những người bạn Trung Quốc.” Nhưng năm 1995, ông bị từ chối visa khi báo *National Geographic* ủy nhiệm ông viết một bài về những thung lũng sông Yangtzu. Năm 1996, ông lại bị từ chối visa khi viết cho báo *National Geographic* một bài về Hồng Kông và liên hệ với tỉnh Quangzhou. Sau đó, Viện Nghiên cứu Khoa-học Xã-hội Trung Quốc mời ông dự hội nghị về thơ Mao ở Bắc Kinh. Ông gửi đơn xin visa kèm giấy mời đến lãnh sự Trung Quốc ở New York. Sau thời gian trì hoãn, ông nhận một thư viết tay trên giấy thường, không mang tên cơ quan, cho biết ông cần một thư mời khác từ ban tổ chức, nhưng khi đó hội nghị đã bắt đầu.

“Rõ ràng là họ dùng việc từ chối cấp visa để trừng phạt cho những ai vượt rào trên những vấn đề chính,” ông Shell viết. “Về mặt này thì nhìn chung họ khá thành công. Đó quả thực là một yếu tố đe dọa làm nhiều người phải cân trọng lời nói vì sợ bị vào sổ đen. Nhưng đây là điều mà ta đã biết qua cách Đảng đối xử giới trí thức của họ. Đe dọa khai trừ rất đáng sợ cho phóng viên ngoại quốc và giới cầm viết vì họ cần tiếp cận với Trung Quốc để mưu sinh.”<sup>13</sup>



Một nhóm nhỏ khoảng chừng sáu học giả kỳ cựu về Trung Quốc với nhiều danh tiếng, một phần vì khả năng phân tích, nhưng một phần là vì họ có nhiều quan hệ cao cấp với Trung Quốc. Họ là cố vấn không chính thức cho Nhà Trắng, thường tháp tùng công ty Mỹ hay giới chức quan trọng trong các chuyến đi Trung Quốc, và viết những bài phân tích uyên thâm về chính trị Trung Quốc. Những lý thuyết gia này không cùng hạng như Han Suyin hoặc Edgar Snow—những kẻ biện hộ trắng trợn cho chế độ Trung Quốc trong thời kỳ chuyên chính và tàn bạo nhất. Nhưng với bản chất của chính quyền Trung Quốc, những học giả chuyên môn ngày nay đối diện với viễn ảnh sẽ bị đoạn tuyệt nếu chạm đến Trung Quốc trên những vấn đề then chốt. Công bình mà nói, Bắc Kinh không cần các học giả Mỹ phải tăng bốc để được gần gũi. Lãnh đạo Trung Quốc tinh vi hơn mức đó. Những nhà nghiên cứu chính trị này giữ quan hệ tốt với giới cầm quyền và hiểu được suy nghĩ của lãnh đạo Trung Quốc về các vấn đề, và đó là kiến thức quý giá để viết những bài hữu ích về chính trị Trung Quốc. Nhưng còn những đề tài then chốt như uy tín Mao Chủ tịch hay nhân quyền, đe dọa quân sự với Đài Loan, và cai trị ở Tây Tạng, thì tốt nhất là ca tụng hoặc im lặng. Bắc Kinh luôn luôn chú ý. Những ai theo luật chơi của họ sẽ tiếp tục được gặp các phó thủ tướng ở Đại-sảnh Nhân-dân Bắc Kinh. Những ai nghịch ý họ, đứng ngoài.

NGUYÊN TẮC CHUNG ĐÓ được áp dụng chắc chắn cho giới thương mại hơn các giới khác, và về mặt này người Trung Quốc là bậc thầy trong việc sử dụng quan hệ để ảnh hưởng chính sách Hoa Kỳ. Một trong những yếu tố thành công của Trung Quốc là những nhân vật thúc đẩy giải pháp hòa hoãn trong quần chúng

và chính quyền lại chính là những người có thể hưởng lợi từ chính sách hòa hoãn đó nhất.

Tiến trình này như sau: Những cựu viên chức chính phủ—lộ liễu nhất là cựu ngoại trưởng Henry Kissinger và Alexander M Haig Jr. nhưng còn cả những người khác như thứ trưởng ngoại giao Lawrence Eagleburger và cựu cố vấn an ninh quốc gia Brent Scowcroft—làm cố vấn cho các công ty Mỹ đang hoạt động ở Trung Quốc. Công việc của cố vấn là cho ý kiến. Nhưng ở Trung Quốc, các công ty và giấy phép hoạt động nằm trong tay một nhóm cán bộ cao cấp háms lợi và bám quyền, thì nhiệm vụ chính của một cố vấn ngoại quốc là tiếp xúc với những cán bộ cao cấp đó.

“Nếu một cố vấn muốn lấy hợp đồng cho thân chủ mình—ví dụ, chủ tịch một hãng máy bay lớn của Mỹ—thì một phần của thỏa thuận là người cố vấn phải phát biểu có lợi cho Trung Quốc hoặc gởi những phái đoàn của Quốc Hội hoặc truyền thông đến Trung Quốc,” James Lilley, cựu đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh cho biết. Người cố vấn quen với lãnh đạo Trung Quốc; công ty Mỹ gặp được yếu nhân cần thiết; cố vấn nhận thù lao từ công ty, và để củng cố mối ngoặc quan trọng với quyền lực Trung Quốc, người cố vấn công khai ủng hộ chính sách Bắc Kinh muốn. Cựu đại sứ Lilley nói “Hợp đồng không nói rõ điều này, nhưng ai cũng hiểu như vậy.”<sup>14</sup>

Chỉ vài ngày sau cuộc thăm sát Thiên An Môn năm 1989, Kissinger ra một loạt tuyên bố và viết nhiều bài bình luận theo đúng vai trò trong truyền thống “người bạn của Trung Quốc.” “Tôi sẽ không trừng phạt gì hết,” Kissinger nói với phóng viên Peter Jennings của đài ABC trong lúc Quốc Hội đang kêu gọi trừng phạt và chính quyền Bush có vẻ ngả theo yêu cầu đó.<sup>15</sup> Ngay sau ngày thăm sát, một bài của Kissinger đăng trên nhiều

báo, ca tụng Đặng Tiểu-Bình là “một trong những nhà cải tổ vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc” và là người đã “chọn một hướng đi nhân đạo và ít hỗn loạn”<sup>16</sup> cho Trung Quốc. Thực tế thì Kissinger viết không sai dù có vẻ nịnh bợ khi máu vẫn chưa khô trên nền đá của Quảng-trường Thiên An Môn. Đi thẳng vào vấn đề, Kissinger khuyên Tổng-thống Bush nên tránh những biện pháp có thể làm nguy hại đến “quyền lợi an ninh trọng yếu của Mỹ.” Trong một bài khác, Kissinger chỉ trích Quốc Hội đã phê chuẩn những trừng phạt Trung Quốc nặng nề hơn đề nghị của Tổng-thống Bush. Cũng trong bài đó, ông viết câu lạ thường này: “Không một chính quyền nào trên thế giới có thể chịu được việc hàng chục ngàn người biểu tình ở quảng trường chính của thủ đô trong suốt tám tuần cả,” một hoàn cảnh vô trật tự và hỗn loạn làm cho việc đàn áp là điều “không tránh được.” Kissinger kết luận rằng Trung Quốc “quá quan trọng cho an ninh quốc gia của Mỹ, không nên vì xúc cảm nhất thời mà gây tổn hại cho mối quan hệ.”<sup>17</sup>

Kissinger có tỏ vẻ bàng hoàng vì mức độ “tàn bạo” của cuộc đàn áp, nhưng biểu lộ ngăn ngui đó chỉ chiếu lệ trong bài viết. Phân tích của ông không nói lên điều căn bản mà người dân Trung Quốc đã biết rõ: cách chính quyền đối xử những sinh viên biểu tình không vũ khí là có chủ tâm tàn sát và tàn bạo, một biện pháp nhằm triệt tiêu tận gốc rễ mọi khuynh hướng của giới trí thức có thể nguy hại đến quyền uy của đảng hay gây rối loạn công cộng. Nhìn chung qua các bài viết, Kissinger tìm cách bào chữa cho chính quyền Trung Quốc. Cuối tháng Bảy, Kissinger viết bài ngăn cản trừng phạt Trung Quốc. Tháng Mười, ông sang Trung Quốc gặp ngoại trưởng Qian Qichen, người ca tụng ông cựu bộ trưởng “có can đảm của một chính khách và viễn kiến của một nhà chiến lược.” Một nhân vật mà nhóm của Kissinger

tiếp xúc trong chuyến đó (ông đi theo một phái đoàn thương mại) là Đặng Tiểu-Bình, hai người trao đổi những mẫu chuyện vui khi họ trở thành dân thường không quyền lực.<sup>18</sup> Về Hoa Kỳ, Kissinger ăn tối ở White House và thuật lại những đối thoại này cho cấp cao nhất.

Mỗi năm Kissinger có thể đi Trung Quốc nhiều lần, và luôn luôn được tiếp đón nồng hậu. Vào tháng Chín 1990, ông gặp Li Peng, được xem là trách nhiệm trực tiếp hạ lệnh tấn công vào sinh viên ở Thiên An Môn, người khoản đãi ông và Nancy Kissinger trong một buổi đại tiệc chúc mừng thân mật.<sup>19</sup> Ngày kế, Kissinger gặp Jiang Zemin và Jiang kể rằng Kissinger đã đến nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc mười tám lần. Mọi việc đầu lại vào đây. Tháng Tư 1996, nhiều tuần sau khi Trung Quốc bắn hỏa tiễn áp lực Đài Loan để đe dọa cử tri trong kỳ bầu cử tổng thống tự do đầu tiên của dân tộc Trung Quốc, Kissinger đến Trung Quốc gặp Rong Yiren, Jiang Zemin, và Li Peng.<sup>20</sup> Ngay trước đó, ngày 31 tháng Ba, Kissinger viết một bài đăng trên nhiều báo về việc “Trung Quốc thao diễn quân sự ở Eo Đài Loan,” biện hộ dài dòng cho động thái đó. Theo ông thì lãnh đạo Trung Quốc phải “vạch giới hạn” vì sự kiện tổng thống Đài Loan Lee Teng-hui (Lý Đăng-Huy) được chấp thuận vào Hoa Kỳ; và khuyến cáo là Trung Quốc sẽ “trả bất cứ giá nào” nếu cảm thấy chủ quyền quốc gia bị xâm phạm.<sup>21</sup>

Suy nghĩ chiến lược của Kissinger được đúc kết trong một bài đăng trên tờ *Washington Post* vào tháng Bảy 1995 trước đó. Theo bài viết thì Trung Quốc, được Mỹ dùng làm đối trọng với Liên Bang Xô Viết trước đây và nay tự nó đã trở thành quan trọng cho Hoa Kỳ, nắm chìa khóa cho ổn định ở Á châu. Trung Quốc bao bọc bởi những quốc gia không hẳn là thân hữu đang mạnh hơn, gồm Nhật Bản, Ấn Độ và Nga, vì vậy Trung Quốc

cần Hoa Kỳ để ngăn chặn bất cứ quốc gia nào nắm bá quyền ở Á châu. Kissinger viết “Cả Mỹ và Trung Quốc đều có lý do riêng để chống lại một cường quốc duy nhất thống trị châu Á.” Vì thế, “Trung Quốc muốn Hoa Kỳ giúp cân bằng quan hệ của họ với những cường quốc lân cận... ít nhất là cho đến khi họ đủ mạnh để tự làm việc đó.”<sup>22</sup>

Trên quan điểm của chúng tôi, Kissinger đã bỏ qua vô số yếu tố trong động thái của Trung Quốc, gồm xây dựng quân lực quy mô với mục đích ngăn cản một cường quốc duy nhất thống trị châu Á, ngoại trừ Trung Quốc là cường quốc đó. Kissinger thừa nhận rằng nhân quyền “luôn luôn phải là quan tâm chính của Hoa Kỳ,” nhưng đó là đầu môi chót lưỡi vì không có đề nghị cụ thể nào để đưa nó lên hàng đầu. Kissinger cũng không biện minh được khi những người khác, như chúng tôi, đưa ra bằng chứng cho thấy tình trạng nhân quyền Trung Quốc trở nên tồi tệ hơn sau khi Hoa Kỳ ngưng áp lực mậu dịch. Ngoài ra thì quan điểm Kissinger qua các tuyên bố hầu như rập khuôn với quan điểm của lãnh đạo Trung Quốc qua các công bố chính thức của họ. Chúng tôi cho rằng họ dối trá và ông ta thì sai lầm.

Khi đưa ý kiến về chính sách Trung Quốc của Mỹ, Kissinger không hé lộ những chính sách mà ông thuyết phục chính phủ thi hành sẽ mang lợi lớn cho mình. Công ty Kissinger Associates là đại diện cho nhiều đại công ty Hoa Kỳ muốn vào thị trường Trung Quốc và chịu trả cho Kissinger một số tiền lớn, một phần cũng vì liên hệ có một không hai với những nhân vật chóp đỉnh quyền lực Trung Quốc. Kissinger luôn luôn nói đến quyền lợi quốc gia của Mỹ và chắc là ông tin vào lời mình. Như năm 1988, khi kêu gọi nói lỏng chuyển nhượng kỹ thuật Mỹ cho Trung Quốc, ông mô tả Trung Quốc là một quốc gia thân hữu không thiên về phe nào, một quan điểm được Rong Yiren mau

lệ lập lại.<sup>23</sup> Nhưng Kissinger còn là một cố vấn lớn nhận tiền từ các công ty có thể bán kỹ thuật cho Trung Quốc. Dưới danh nghĩa là chiến lược gia toàn cầu, có lẽ ông tin rằng chuyển nhượng kỹ thuật là hợp lý để xây dựng liên minh chiến lược với Trung Quốc, nhưng dưới danh nghĩa một cố vấn thương mại, ông có khả năng hưởng lợi từ những chuyển nhượng kỹ thuật đó. Chắc chắn rằng năm 1989, nếu Kissinger viết về nỗi kinh hoàng và tỏ ra ghê tởm sự tàn sát sinh viên ở Quảng-trường Thiên An Môn thay vì viết về sự nghiệp lịch sử vĩ đại của Đặng Tiểu-Bình, ông sẽ làm tổn hại đến quan hệ đặc biệt với những lãnh tụ chóp bu Trung Quốc, và có thể nói một cách chắc chắn rằng quan hệ đặc biệt đó là chìa khóa cho những mối tư vấn về Trung Quốc của công ty Kissinger Associates.

Cùng thời của những phát biểu năm 1989 này, Kissinger vừa lập công ty hợp doanh China Ventures để liên doanh với Công-ty Đầu-tư và Tín-dụng Quốc-tế Trung Quốc (CITIC), do người thường tiếp đãi ông ở Bắc Kinh là Rong Yiren đứng đầu. Năm 1988, Kissinger thành lập Hội Trung-Mỹ với nhiều cựu tổng thống Mỹ nằm trong ban quản trị. Hội mở đại tiệc đón tiếp các lãnh tụ Trung Quốc đến Hoa Kỳ và gửi phái đoàn đi Trung Quốc. Thân chủ của công ty Kissinger là các đại công ty có hoạt động ở Trung Quốc như Chase Mahattan Bank, Coca-cola, America Express, American International Group, Continental Grain, H. J. Heinz, Atlantic Richfield, Midland Bank, and S. G. Warburg.<sup>24</sup> Theo Scott Thompson của Ủy-ban Chính-sách Dân-chủ Quốc-gia<sup>i</sup> thì ít nhất là sáu công ty trong số này “đã đầu tư hàng tỷ đô la vào Trung Quốc, những đầu tư có thể bị nguy hiểm nếu Tổng-thống Bush trừng phạt Trung Cộng theo đề nghị của Quốc Hội.”<sup>25</sup>

---

<sup>i</sup> National Democratic Policy Committee

Khi phóng viên John J. Fialka của báo *The Wall Street Journal* viết về nguồn lợi kinh tế này, ông đã cho Kissinger cơ hội để trả lời cáo buộc mâu thuẫn quyền lợi đó. Ông thuật lại lời Kissinger: “Nói rằng tôi công bố quan điểm của mình là để nịnh bợ chính quyền Trung Quốc cho thân chủ là sĩ nhục.”<sup>26</sup> Vài tháng sau, khi phản nản những chỉ trích về giao tiếp Trung Quốc của ông, Kissinger cho rằng nối kết giữa quan điểm và quyền lợi thương mại của ông là chụp mũ kiểu “McCarthyism.”<sup>27, i</sup> Xin nhắc lại là chúng tôi không nghi vấn về sự thành thật của Kissinger. Trung Quốc không chủ trương buộc người khác phải phát biểu trái với lòng tin; họ chỉ ban đặc quyền tiếp cận cho những ai nói hoặc viết có lợi cho Trung Quốc và biết dấu kín những suy nghĩ bất lợi. Tuy vậy, chụp mũ những cáo buộc về mâu thuẫn quyền lợi là “McCarthyism” khi mâu thuẫn đó đã rành rành thì thật là thái quá. Như Scott Thompson đã điều trần trước Tiểu-ban Quan-hệ Ngoại-giao của Thượng-viện: “Sự thật là [Kissinger] đã nhận nhiều thù lao từ các công ty có đầu tư vào Trung Quốc và những công ty đó được lợi lớn khi đề nghị của ông trở thành chính sách.”<sup>28</sup> Thực tế đó còn là phương cách hoạt động đặc biệt của Trung Quốc, mà kèm với sự tiếp tay tự nguyện của những cựu viên chức cao cấp Mỹ, đã hình thành một thế lực vận động chính trị mới đây thế lực cho Trung Quốc. Những viên chức đó, có lẽ cũng ngẫu nhiên, đã tránh chỉ trích hồ sơ nhân quyền của Bắc Kinh, khuyến cáo Hoa Kỳ tránh “đổi

---

<sup>i</sup> Joseph McCarthy là Thượng nghị sĩ Mỹ, bang Wisconsin, trong thời Chiến-tranh Lạnh 1950. Dưới danh nghĩa chống cộng, ông chụp mũ nhiều người trong chính quyền, giáo dục, phim ảnh, khoa học v.v. là cộng sản nằm vùng hoặc thiên cộng. Cuối cùng Thượng-viện bỏ phiếu chính thức khiển trách ông. Ngày nay ở Mỹ, từ *McCarthyism*—chụp mũ kiểu McCarthy—được dùng để chỉ sự vu khống, mị dân, chụp mũ không bằng chứng, công khai tấn công tư cách hoặc lòng yêu nước của đối thủ chính trị. (Nd)

đầu” hoặc trừng phạt Trung Quốc, và họ đã kiếm được tiền khi làm vậy.

KISSINGER HẸN NHIÊN LÀ MỘT NHÂN VẬT khác thường, và có lẽ sẽ được Trung Quốc tiếp đãi đặc biệt cho dù lập trường công khai của ông là gì đi nữa, ngoại trừ triệt để chống cộng. Trung Quốc đúng khi nhận định rằng Kissinger và Tổng-thống Richard Nixon đã có công đột phá chấm dứt 20 năm quan hệ Trung–Mỹ lạnh nhạt để mở đầu giao tiếp chính thức. Nhưng Kissinger chỉ là nhân vật nổi tiếng và uy tín nhất trong nhóm cựu viên chức cao cấp được Trung Quốc vun bón và hưởng lợi từ quan hệ đặc biệt với lãnh tụ Trung Quốc, những người luôn luôn chủ trương tránh đụng chạm, trừng phạt, hoặc nguy hại đến “quyền lợi chiến lược” của Mỹ, nhưng không nói rõ đó là quyền lợi gì. Điều đáng lưu ý ở đây là tầm ảnh hưởng của những nhân vật đó, vốn được nể trọng vì lập trường của họ về quyền lợi Mỹ, đã chi phối cuộc thảo luận về Trung Quốc.

Sau cuộc thăm sát Thiên An Môn, Kissinger đã có một phản đối nhỏ. Ông hoãn chuyến đi Trung Quốc đã được dự định vào tháng Mười 1989 và vì vậy không thể có mặt để đọc diễn văn chính trong buổi tiệc mừng mười năm thành lập CITIC. Al Haig, một thành viên của Hội Trung–Mỹ của Kissinger, đã đi thay. Cần chú ý ở đây là mức độ mà những người đang hoặc đã từng cộng tác với Kissinger đã luân phiên phối hợp nhau để giao dịch ở Trung Quốc, lèo lái chính sách ngoại giao Mỹ, và đưa ý kiến trên TV và qua những bài quan điểm trên các báo lớn. Không bao lâu sau cuộc đàn áp Thiên An Môn, Tổng-thống Bush gọi cố vấn an ninh quốc gia Brent Scowcroft và thứ trưởng ngoại giao Lawrence Eagleburger đi Bắc Kinh với sứ mạng hàn gắn.



Scowcroft là giám đốc điều hành của Kissinger Associates trước khi tham gia chính quyền Bush. Eagleburger là chủ tịch của hội trước khi làm thứ trưởng ngoại giao. Theo báo *The New York Times*, năm 1988 Eagleburger lãnh \$674,000 đôla từ Kissinger Associates; Scowcroft lãnh \$293,000 đô trong vai cố vấn.<sup>29</sup> Đầu 1991, chỉ hai năm sau cuộc thăm sát Thiên An Môn, Eagleburger lên tiếng cảnh trọng về việc trừng phạt mậu dịch trong bài viết trên tờ *Washington Post* “Chúng tôi tin chắc rằng tái gia hạn Tội Huệ Quốc cho Trung Quốc—vô điều kiện—là cách tốt nhất để thúc đẩy những thay đổi tốt và cho quyền lợi Mỹ ở Trung Quốc.” Ông lý luận rằng: “Giao tiếp” toàn diện là cách hay nhất để đưa quốc gia đó trở lại “lộ trình tự do.”<sup>30</sup>

Ban điều hành Hội Trung-Mỹ của Kissinger gồm Cyrus Vance, Haig, cựu ngoại trưởng William Rogers, Robert McFarlane, và Zbigniew Brzezinski. Sau Kissinger, Haig có lẽ là người trộn lẫn rõ ràng giữa lập trường chính trị theo chiều hướng Bắc Kinh muốn với hoạt động thương mại ở Trung Quốc cho các công ty thân chủ. Trong vai ngoại trưởng, Haig là viên chức then chốt của chính quyền Reagan trách nhiệm cho bản Thông-cáo Chung Trung-Mỹ,<sup>i</sup> một trong ba văn kiện chính chủ đạo cho quan hệ giữa hai quốc gia.<sup>ii</sup> Theo thông cáo này thì Hoa Kỳ đồng ý không bao giờ theo đuổi chính sách Hai Trung Quốc hoặc chính sách Một Trung Quốc–Một Đài Loan, giữ số vũ khí bán cho Đài Loan không vượt qua “số vũ khí trong những năm vừa qua, về cả phẩm và lượng, kể từ ngày thiết lập quan hệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc,” và “giảm dần số vũ khí bán cho Đài

---

<sup>i</sup> Chinese–American Joint Communiqué

<sup>ii</sup> Hai văn kiện kia là Shanghai Communiqué of 1972 (Thông-cáo Thượng-Hải năm 1972) và Joint Communiqué on the Establishment of Diplomatic Relations of 1978 (Thông-cáo Chung về Thiết-lập Quan-hệ Ngoại-giao 1978).

Loan theo thời gian để đi đến giải pháp cuối cùng.” Haig rời nhiệm sở trước khi bản tuyên bố được ký kết. Bắc Kinh cảm kích vai trò của ông trong việc làm suy yếu Đài Loan, và Haig nhanh chóng thu lợi nhờ lòng biết ơn đó.

Ví dụ như vào giữa thập niên 1980, theo tường thuật của báo *The Wall Street Journal*, công ty International Signal & Control Group PLC trả Haig \$600,000 tiền thù lao và lương, một phần vì đã ông giúp bán ngòi nổ vũ khí cho Trung Quốc.<sup>31</sup> Haig là cố vấn cao cấp lâu năm của hãng United Technologies ở Hartford, bang Connecticut, chuyên chế tạo máy phản lực và thang máy, đứng hàng thứ mười sáu trong các công ty kỹ nghệ lớn toàn cầu, có số xuất cảng hàng thứ mười của Mỹ, và vào năm 1996, công ty có mười bảy liên doanh ở Trung Quốc. Haig thường tháp tùng các giám đốc cao cấp của hãng đi Bắc Kinh họp. Như năm 1996, ông và chủ tịch George David của United Technologies gặp Li Peng, trong dịp này, dù không còn là nhân viên chính phủ, Haig đã nhắc lại “cam kết của Hoa Kỳ về chính sách Một-Trung Quốc.”<sup>32</sup>

Trừ bốn năm trong thời gian 1981-1997, năm nào Haig cũng đi Trung Quốc ít nhất một lần, và hầu như chuyến nào cũng được lãnh tụ Trung Quốc đón tiếp—Li Peng, Jiang Zemin, và chủ tịch CITIC Rong Yiren. Haig là người Mỹ duy nhất tham dự lễ Quốc Khánh Trung Quốc 1989, kỷ niệm ngày ra đời của nước Cộng Hòa Nhân Dân, chỉ bốn tháng sau thảm sát Thiên An Môn.<sup>33</sup> Haig có mặt trên khán đài cạnh các lãnh tụ cao cấp Trung Quốc, và mấy ngày sau được Thủ-tướng Li Peng vồn vã tiếp đón: “Nhân dân Trung Quốc sẽ không bao giờ quên đóng góp của Nixon, Kissinger, Haig và những người bạn cũ cho phát triển quan hệ Mỹ-Trung.”<sup>34</sup>

Trong thời gian đó Haig thường viết quan điểm trên các báo

và tuyên bố chống lại những dự định đối đầu Trung Quốc vì hồ sơ nhân quyền và thúc giục Hoa Kỳ gia tăng hợp tác. Vào mùa xuân 1996, một trong những dân biểu muốn đặt điều kiện vào gia hạn THQ cho Trung Quốc là Christopher Cox, dân biểu Cộng-hòa đang lên của bang California. Trước đó trong năm, Cox là vai chính trong việc thông qua nghị quyết Hạ-viện tuyên bố Hoa Kỳ có nghĩa vụ giúp Đài Loan nếu Trung Quốc tấn công quân sự. Nghị quyết được đưa ra vào ngày 7 tháng Ba do tám mươi dân biểu của hai đảng Dân-chủ và Cộng-hòa đồng bảo trợ, tạo điều kiện cho quyết định của Tổng-thống Clinton gọi hàng không mẫu hạm đặc nhiệm thứ hai đến vùng biển Đài Loan. Trước ngày bỏ phiếu THQ, Haig điện thoại nhĩc móc Cox, cáo buộc ông phá hoại quan hệ Hoa Kỳ–Trung Quốc. “Ông Cox rất giận,” Mark P. Legon, người phụ tá, cho biết. “Ông ta tự ý gọi và cú điện thoại tuyệt đối không chính đáng. Chúng tôi thắc mắc ông ta nhận tiền ai, nhưng không tìm ra được.”

So sánh hai bên giữa Kissinger, Haig, và những người như Eagleburger và Scrowcroft một phía và bên kia là đại sứ Mỹ James Lilley, người không tham dự lễ Quốc Khánh 1989, chúng ta rút được bài học. Lilley, cựu nhân viên cao cấp của Cơ-quan Tình-báo Trung-ương,<sup>i</sup> thường chỉ trích Trung Quốc, tin vào luận thuyết là quyền lợi Trung Quốc sẽ va chạm với quyền lợi Hoa Kỳ và Mỹ có nghĩa vụ bảo vệ Đài Loan khi Trung Quốc xâm chiếm bằng vũ lực. Không cần nói thêm, những người như Haig là những kẻ có được quan hệ béo bở với Li Peng, Jiang Zemin, và Rong Yiren. Có ai nghĩ rằng nếu Lilley vào ngành có vấn thương mại, ông sẽ thành công khi làm những việc đó hay không?

Tranh luận việc này ở đây không phải để nói rằng việc Haig

---

<sup>i</sup> CIA

giúp United Technologies là sai hay việc công ty làm ăn với Trung Quốc có điều mờ ám. Có thể nói rằng kinh doanh của United Technologies giúp cho kinh tế Hoa Kỳ, và cũng như những công ty khác, họ nên dùng bất cứ lợi thế có được nào để vào thị trường Trung Quốc. Điều mờ ám là vai trò hai mặt mà những người như Kissinger và Haig đã dùng uy tín và ảnh hưởng quần chúng lẫn cá nhân để cổ súy cho những chính sách có thể mang lợi về cho họ. Có lẽ quan trọng nhất ở đây là nhóm Tân Vận Động Chính Trị đang tô bồi một hình ảnh Trung Quốc hiền lành, ôn hòa, thủ thế, có chung những quyền lợi lâu dài như Hoa Kỳ. “Chúng tôi không thể có thảo luận nghiêm túc về chính sách Trung Quốc vì cuối cùng là hầu hết giới cầm quyền muốn giữ nguyên tình trạng hiện tại,” một phụ tá Thượng-viện cho chúng tôi biết như vậy.

VỚI NHỮNG AI CÒN NHỚ LỊCH SỬ CẬN ĐẠI thì cụm từ “vận-động chính-trị Trung Quốc” làm liên tưởng đến hoạt động của những người như Henry Luce và Thượng nghị sĩ William Knowland nhằm ủng hộ chính quyền Kuomintang Đài Loan là chính phủ hợp pháp đại diện cho toàn thể Trung Quốc. Vận động chính trị Trung Quốc ngày nay là để ủng hộ Bắc Kinh và, từ chiến thắng trong cuộc tranh luận Tối Huệ Quốc năm 1994, nó còn tích cực hơn. Nó gồm nhiều phân kết nổi lỏng lẻo với nhau, nhưng tất cả đều được thúc đẩy bằng việc cấp quan hệ, tiếp cận quyền lực, hoặc lợi tức. Sự thành công của vận động chính trị Trung Quốc trong việc tách nhân quyền ra khỏi THQ đánh dấu một thay đổi trầm trọng trong chính sách Trung Quốc của Mỹ. Từ đó, ảnh hưởng của giới kinh doanh thương mại lên chính sách ngoại giao Mỹ còn khùng khiếp hơn, đặc biệt trong chính sách Trung

Quốc—ảnh hưởng đó chắc chắn là mạnh hơn so với những chính sách khác.

Đôi khi tất cả đều là chuyện nhà. Thượng nghị sĩ J. Bennett Johnston, đảng Dân-chủ bang Louisiana, chủ tịch Tiểu-ban Năng-lượng Thượng-viện, cùng hai con đi Trung Quốc trong chuyến công tác về mâu dịch, do tiểu bang và liên bang đài thọ một phần phí tổn. Cả hai cậu con đang dính líu đến một vụ làm ăn với Trung Quốc. Johnston viết một thư gửi đến “các đồng nghiệp quý mến” trong Tiểu-ban Ngoại-giao Thượng-viện yêu cầu họ bớt ủng hộ Tây Tạng đang bị Trung Quốc chiếm đóng và đề nghị tổ chức họp với đại sứ Trung Quốc Li Daoyu ở Hoa Kỳ.”<sup>35</sup> Một người rành về nội tình quốc hội cho biết nhiều nhân viên quốc hội gọi Thượng-nghị-sĩ Johnston là “thư ký lấy hẹn” của đại sứ Trung Quốc.

Một nhóm công tác cao cấp tối mật, do chính Jiang Zemin cầm đầu, mang tên là Nhóm Chỉ-đạo Công-tác Trung-ương về Quốc Hội Hoa Kỳ<sup>i</sup> được thành lập vào cuối 1995 để nâng cao ảnh hưởng của Trung Quốc trong chính trị Mỹ, Nhóm Công-tác chỉ báo cáo đến bảy thành viên trong Bộ Chính-trị Thường-trực, điều này cho thấy họ hiểu được tầm quan trọng của việc vận động chính trị trực tiếp với ngành lập pháp.<sup>36</sup> Trung Quốc, trước đây mù mờ về tiến trình chính trị Mỹ nên không khả năng ảnh hưởng, vừa khéo léo hoàn tất những nỗ lực lớn trong lãnh vực này. Chỉ trong tháng Tư 1996, Jiang tiếp ba phái đoàn quốc hội khác nhau do các thượng nghị sĩ dẫn đầu. Đầu năm 1995, Đại sứ quán Trung Quốc tăng số nhân viên liên lạc với quốc hội từ hai đến năm người. Viện Khoa-học Xã-hội Trung Quốc được lệnh nghiên cứu quá trình lập chính sách của Hoa Kỳ để giúp lãnh đạo hiểu phương cách ảnh hưởng đến cả hai ngành hành pháp và

---

<sup>i</sup> Central Leading Working Group on the United States Congress

lập pháp.<sup>37</sup>

Có khi nỗ lực Trung Quốc cũng thất bại một cách buồn cười. Tháng Giêng 1996, Liu Huaqiu, bấy giờ là phụ tá bộ ngoại giao và hiện nay là cán bộ cao cấp phụ trách quan hệ với Hoa Kỳ, đề nghị với các thượng nghị sĩ đến thăm Bắc Kinh rằng Quốc Hội không thảo luận những đề tài tiêu cực giữa hai nước trong năm bầu cử. Thượng nghị sĩ John Glenn của bang Ohio đáp rằng đề nghị đó cho thấy Liu không hiểu hoạt động của chính quyền Mỹ, nếu không ông sẽ biết là không ai có quyền ra lệnh dân biểu không lên tiếng về Trung Quốc.<sup>38</sup> Nhưng những lần khác thì vận động của Trung Quốc đã thành công vượt bậc và là một thể lực khôn ngoan đáng nể. Năm 1994, sau chuyến đi Bắc Kinh của Ngoại trưởng Warren Christopher thất bại vì Trung Quốc bác bỏ yêu cầu cải thiện nhân quyền, Thượng-nghị-sĩ Ernest Hollings đã cho ông biết trong buổi điều trần tại Thượng-viện: “Phi cơ ông chưa đáp xuống [Bắc Kinh], các luật sư, cố vấn, và đặc vụ của K-street đã tin cho phía Trung Quốc biết: Đừng bận tâm về ông ấy.”<sup>39</sup>

Trung Quốc còn những hoạt động khác trong nỗ lực lâu dài để ảnh hưởng dư luận quần chúng. Họ đổ tiền vào nhiều báo và đài truyền hình cáp Hoa ngữ ở Hoa Kỳ, những báo và đài này hoạt động gần giống như những cơ quan truyền thông ở đại lục. (Đài loan cũng có các cơ quan truyền thông của họ, nhưng dù có khuynh hướng ủng hộ Đài loan, hình thức và nội dung phản ánh một xã hội thông thoáng tự do dân chủ hơn ở Đài Loan.) Trung Quốc cũng nhận được nhiều đề nghị từ các hãng quan hệ công chúng quốc tế hứa hẹn tìm cách cải thiện hình ảnh Trung Quốc ở Mỹ. Một trong những đề nghị đó là của công ty Hill and Knowlton Public Affairs Worldwide: “Song song với vận động gia hạn Tối Huệ Quốc—vô điều kiện—phải là những hoạt động

đánh bóng toàn bộ hình ảnh Trung Quốc ở Hoa Kỳ như một nước đối tác mật dịch quan trọng chia sẻ nhiều quyền lợi chung với chúng ta.”<sup>40</sup>

Nhưng quan trọng nhất vẫn là “nhóm K-Street” do các đại công ty có nhiều quyền lợi kinh tế ở Trung Quốc nhất chỉ đạo và tài trợ. Một trong số những tổ chức nổi trội (dù không hẳn là mạnh nhất) dính líu với vận động chính trị của Trung Quốc là Hội-đồng Thương-mại Hoa Kỳ–Trung Quốc (United States–China Business Council, US-CBC), Ủy-ban Chuyên-trách cho Mậu-dịch Hoa Kỳ (Emergency Committee for American Trade), Phòng Thương-mại Hoa Kỳ (United States Chamber of Commerce), Hội Các Nhà Bán Lẻ Toàn-quốc (National Association of Retailers), Hội Các Nhà Sản Xuất Toàn Quốc (National Association of Manufacturers). Nhưng tiếng nói mạnh mẽ nhất về chính sách Trung Quốc vẫn là tổng giám đốc các công ty. “Họ chỉ nhắc điện thoại là xong việc,” một nhân vật có quan hệ mật thiết với những tổ chức thân Trung Quốc cho chúng tôi biết như vậy. Một nhóm tổng giám đốc lập ra một tổ chức thân Trung Quốc khác vào đầu 1996, mang tên là Sáng-kiến Bình-thường-hóa Quan-hệ Trung Quốc<sup>i</sup> và nhanh chóng trở thành mũi nhọn vận động cho Trung Quốc. Đây là một liên minh đặc biệt với những hội viên hàng đầu như Boeing, Motorola, Allied Signal, Caterpillar, và American International Group. Sáng-kiến Bình-thường-hóa Quan-hệ Trung Quốc có nhiều tiền và đặt trụ sở tại văn phòng vận động chính trị của Boeing ở thủ đô Washington. Một trong những hoạt động của tổ chức là phân phối tài liệu đến các cơ quan giáo dục và giáo viên trên toàn quốc. Tập tài liệu đẹp mắt, dày hai inch (5 centimét) dày đủ kiện về xuất cảng sang Trung Quốc của hai tiểu bang Pennsylvania và New Jersey

---

<sup>i</sup> China Normalization Initiative

được cho là tạo công ăn việc làm. Tuy nhiên, tài liệu không đề cập đến số việc làm bị mất vì nhập cảng (từ Trung Quốc) hoặc do hoạt động sản xuất chuyển sang nước ngoài.

Sáng-kiến Bình-thường-hóa Quan-hệ Trung Quốc là một trong những chỉ dấu cho thấy nỗ lực vận động của giới kinh doanh gia tăng cường độ. Ví dụ như ở Chicago tháng Chín 1996, một nhóm đại công ty như Motorola, United Airlines, Arthur Anderson, Caterpillar, Deere and Company, và nhiều hãng khác (đều có trụ sở chính ở Chicago) tuyên bố thành lập Liên-hiệp Illinois Ủng-hộ Quan-hệ Thương-mại Hoa Kỳ–Trung Quốc.<sup>i</sup> Rick Younts, tổng giám đốc điều hành vùng Á châu của Motorola, nói: “Công ăn việc làm của bang Illinois tùy thuộc vào mậu dịch, và mậu dịch với Trung Quốc đứng đầu trong tiềm năng phát triển tương lai của nhiều ngành kỹ nghệ đa dạng.”<sup>41</sup> Trong bản tin phổ biến báo chí, nhóm công bố mục đích là “thúc đẩy chính sách công ở cấp liên bang, tiểu bang, và địa phương có lợi cho bình thường hóa quan hệ mậu dịch giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.”

Nhưng “bình thường hóa quan hệ mậu dịch” nghĩa là gì? Theo tuyên bố của nhóm Illinois: Thứ nhất, là “gia hạn vĩnh viễn Tối Huệ Quốc cho Trung Quốc.” Thứ hai, là “Trung Quốc gia nhập vào Tổ-chức Mậu-dịch Quốc-tế (WTO) trên những điều kiện chấp nhận được về thương mại.” Ở mục đích thứ hai này, họ không nói rõ là chấp nhận được cho phía nào, nhưng Washington phản đối Bắc Kinh vào WTO vì chính sách mậu dịch và thuế nhập khẩu của Trung Quốc là một trong những nguyên nhân gây nên \$33.8 tỷ đôla thâm thủng mậu dịch hằng năm giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nhóm Illinois không dấu cảm tình riêng: Hoạt động đầu tiên sau khi thành lập là buổi tiếp tân phó

---

<sup>i</sup> Illinois Coalition to Support U.S.–China Commercial Relations



thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trung Quốc Qian Qichen vào 20 tháng Chín tại khách sạn Ritz-Carlton ở Chicago. Đáng chú ý là phát biểu của Qian hôm đó ăn khớp với mục đích của nhóm. Ông kêu gọi “gia hạn vĩnh viễn” THQ. Qian lập lại đe dọa ngầm, mà Đặng Tiểu-Bình đã nói trước đó mấy năm, rằng Hoa Kỳ sẽ gánh lấy hậu quả nếu không cấp cho Trung Quốc một điều kiện mậu dịch tốt hơn để kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển. “Một Trung Quốc kinh tế trì trệ, một dân số nghèo nàn, hoặc rối loạn xã hội sẽ tạo nên một làn sóng tỵ nạn khổng lồ đe dọa cho hòa bình và ổn định thế giới.”<sup>42</sup>

Không phải ngẫu nhiên mà lý luận đó đã được các nhà doanh nghiệp và thành viên Hội Các Nhà Sản Xuất Toàn Quốc nêu lên trong buổi điều trần ở Washington trước ủy ban Hạ-viện trong cùng tuần của buổi tiếp tân Chicago. Lawrence Clarkson, phó chủ tịch của Boeing, phát biểu trước ủy ban rằng thảo luận về THQ đã ảnh hưởng đến giới kinh doanh vì họ “không đoán được” chính sách Trung Quốc của Mỹ, “Châu Âu gia hạn vĩnh viễn THQ hoặc đánh thuế nhập cảng bình thường cho Trung Quốc, đối xử họ như đa số các quốc gia mậu dịch khác. Bắc Kinh nhận ra sự tương phản trong chính sách này và đó là một phần trong quyết định mua máy bay Airbus trị giá \$1.5 tỷ năm ngoái.” Đại diện Hội Các Nhà Sản Xuất Toàn Quốc lên tiếng chống lại việc “đòi phải cải thiện chính trị và xã hội lập tức để được đặc quyền mậu dịch với Hoa Kỳ.”<sup>43</sup>

Bài học ở đây là nỗ lực của Trung Quốc nhằm áp đặt chính sách quốc tế lên những công ty ngoại quốc hoạt động trong nước. Nhưng áp đặt này không làm các công ty bỏ thị trường. Nó còn thúc đẩy họ hồ hởi làm theo ý muốn Trung Quốc hơn lúc nào hết.

Boeing là một ví dụ rõ nhất. Trung Quốc mua một trong

mười máy bay Boeing bán ra trong thời gian 1993–95; máy bay Boeing chiếm 70 phần trăm thị trường Trung Quốc. Boeing gần như sẵn sàng làm bất cứ điều gì Trung Quốc muốn để giữ phần thị trường đó. Trong loạt bài trên báo *Seattle Times* năm 1996, ký giả Stanley Holmes cho biết ban quản trị Boeing thường nhắc nhở lãnh đạo Trung Quốc những thành tích chính trị kinh tế họ đã làm cho Trung Quốc và ngược lại thì lãnh đạo Trung Quốc tiếp tục đòi hỏi họ làm nhiều hơn nữa.

Holmes kể việc có-quá-có-lại giữa Boeing và Trung Quốc rõ ràng và trắng trợn: “Boeing không chỉ vận động để gia hạn THQ cho Trung Quốc năm nay mà còn liên kết với những đại công ty khác để bảo đảm vị thế ‘THQ vĩnh viễn’ cho Trung Quốc. Lawrence Clarkson, chiến lược gia toàn cầu của Boeing, thú nhận là nếu công ty không hoàn thành, thì ‘chúng tôi kẹt cứng.’”<sup>44</sup> Một nhân viên Thượng-viện nói về nhóm vận động của Boeing như sau: “Nói đến Trung Quốc... thì họ khôn ngoan và có khắp nơi. Họ vận động qua các tổ chức ngoại vi, phát hành nghiên cứu về xuất cảng, và biết gây áp lực lên nguồn cung cấp.”<sup>45</sup>

Nói về nhóm K-Street, một nhân viên lâu năm của Thượng-viện cho chúng tôi biết những người lập chính sách cố gắng đề cao nhân quyền Trung Quốc, nhưng luôn bị lấn áp bởi các thế lực của các đại công ty vận động cho Trung Quốc ở Quốc Hội. Nhân viên này nói: “Càng nhiều hãng đầu tư vào Trung Quốc, chúng tôi càng mất người. Mỗi năm các doanh nghiệp chi tiêu hàng chục triệu đôla để chống lại chúng tôi.”

## **Thâm thúng, Kỹ thuật, và Công ty con Quân Đội**

TẠI NHỮNG CỬA HÀNG BÁN ĐỒ CHƠI Ở MỸ, bạn có thể mua chú chó Spunky và nàng Công chúa mèo. Dễ thương và đáng yêu, chúng được sản xuất và nhập vào Hoa Kỳ bởi một chi nhánh của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc—hay, đúng hơn, bởi một hãng thuộc quyền của Norinco, công ty quân dụng cung cấp phần lớn vũ khí cho Quân-đội Trung Quốc. Norinco hiện có khoảng mười công ty con rải rác ở Hoa Kỳ.

Người Mỹ sẽ lấy làm ngạc nhiên khi biết kỹ nghệ quân sự Trung Quốc, trực thuộc Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân, đã lập nhiều công ty ở Hoa Kỳ để bán sản phẩm và thu tóm kỹ thuật.

Các nhà nghiên cứu của AFL-CIO<sup>i</sup> nhận định có mười nhóm kinh doanh ở Hoa Kỳ được Quân đội Trung Quốc bảo trợ. Hầu hết những công ty này giữ khâu tiêu thụ: vận chuyển sản phẩm và đại lý xuất nhập cảng, nhập sản phẩm đa dạng, từ cá đông lạnh, hương liệu, đến vũ khí và máy nổ tân trang. Năm 1996, FBI khám phá hai công ty của quân đội Trung Quốc có đường dây ở San Francisco nhập cảng lậu hai ngàn súng tự động AK-47 vào Hoa Kỳ. Hai công ty Norinco và Poly Technologies của quân đội, do Bộ Tổng-tham-mưu trực tiếp điều hành, đã nhúng tay vào vụ buôn lậu này. Hai công ty này không chỉ liên hệ với quân đội và lãnh đạo chính trị cao cấp Trung Quốc, mà các giám đốc điều hành công ty còn là con cháu, hoặc sui gia, của cán bộ chính quyền cao cấp.

Quân đội xuất khẩu đồ chơi và cá đông lạnh sang Hoa Kỳ để lấy ngoại tệ cần cho chương trình hiện đại hóa quân đội. Từ cuối thập niên 1980, xuất khẩu sang Hoa Kỳ là cách chắc chắn nhất để thu ngoại tệ. Tháng Tám 1996, Bộ Thương-mại Hoa Kỳ tuyên bố một mốc quan trọng trong quan hệ Trung-Mỹ. Vào tháng Sáu 1996, thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc, gia tăng phi mã trong mấy năm, đã vượt qua thâm thủng mậu dịch với Nhật Bản. (Số thặng dư của Trung Quốc trong tháng là \$3.3 tỷ đôla, của Nhật là \$3.2 tỷ.)<sup>1</sup> Nhưng chênh lệch trong tháng Tám lớn nhất—\$4.7 tỷ với Trung Quốc, hơn Nhật Bản gần \$1 tỷ.<sup>2</sup> Những con số này dự báo tổng số thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc năm 1996 có thể vượt \$40 tỷ đôla, và cho thấy hoạt động ở Mỹ của các công ty Quân-đội, một phần trong mậu dịch Trung-Mỹ, đang phát triển nhanh nhất thế giới. Chênh lệch mậu

---

<sup>i</sup> The American Federation of Labor and Congress of Industrial Organizations (Liên-đoàn Lao-động và Hiệp-hội các Tổ-chức Công-nghiệp Hoa Kỳ)

dịch với đồng minh Nhật Bản đã gây khó khăn trong nhiều năm, chênh lệch mậu dịch với một Trung Quốc không-phải-đồng-minh là dấu hiệu cho những vấn đề nghiêm trọng trong tương lai.

Đã nhiều năm Trung Quốc là một khổng lồ trì trệ, một vùng lạc hậu, sức cạnh tranh kinh tế kém hơn cả những nước nhỏ hơn nhiều như Đài Loan hoặc Nam Hàn. Tất cả bắt đầu thay đổi năm 1979 khi chính sách cải tổ kinh tế của Đặng Tiểu-Bình bắt đầu cải tiến đất nước, tạo ra vô số cơ hội cho các công ty Mỹ kinh doanh với Trung Quốc. Nhưng con số mậu dịch tháng Sáu 1996 cho thấy một điều không ổn về phương thức ngoại thương Trung Quốc đang theo. Sau nhiều năm biệt lập, Trung Quốc đã theo chủ trương kinh tế thương nghiệp, một chính sách nặng về xuất khẩu, chuyển giao kỹ thuật, đầu tư ngoại quốc, và ngăn chặn cạnh tranh quốc tế. Điều đáng lo là con số mậu dịch cho thấy Trung Quốc đi theo đường lối của Nhật Bản, nước đầu tiên áp dụng chính sách “chủ nghĩa tư bản có chỉ đạo” gây thâm thủng mậu dịch tai hại cho Hoa Kỳ. Mà Trung Quốc thì lớn hơn Nhật Bản gấp mười lần.

VỚI NGƯỜI MỸ THÌ CHÊNH LỆCH MẬU DỊCH với Nhật Bản đã là chuyện cũ, một chuyện được bàn đi nói lại cả ba thập niên, cuối cùng thì đến giữa thập niên 1990 thâm thủng mậu dịch với Nhật Bản cũng bắt đầu giảm. Ngược lại, trong trường hợp của Trung Quốc, Hoa Kỳ hầu như bị tấn công một sớm một chiều. Vào giữa thập niên 1980 mậu dịch của Hoa Kỳ và Trung Quốc gần như cân bằng. Điển hình là năm 1988, sau chín năm phát triển kinh tế của Đặng, Trung Quốc tích lũy \$3.5 tỷ USD thặng dư trong năm, một con số nhỏ so với tổng số mậu dịch toàn cầu của

Mỹ. Bảy năm sau, 1995, thặng dư mậu dịch của Trung Quốc với Hoa Kỳ tăng gần gấp bội, khoảng \$33.8 USD. Hoa Kỳ nhập cảng từ Trung Quốc lên \$45.5 tỷ; xuất cảng \$11.7 tỷ. Đây là một tỷ số cực kỳ chênh lệch, Trung Quốc xuất cảng sang Hoa Kỳ gấp bốn lần nhập cảng. Tỷ lệ này tiếp diễn cho đến giữa năm 1996, là lúc mà Bộ Thương-mại thực hiện bản thống kê mới nhất về mậu dịch hai nước. Trái lại, trong suốt lịch sử cạnh tranh mậu dịch thời hậu chiến, Nhật Bản chưa bao giờ đặt Hoa Kỳ vào thế bất lợi như vậy. Nửa năm đầu 1996, “tỷ lệ lợi thế xuất khẩu” của Nhật Bản là 1.61:1. Số xuất khẩu sang Hoa Kỳ là \$56.7 tỷ; số nhập từ Hoa Kỳ là \$34.5 tỷ.

Một số chuyên gia Hoa Kỳ tranh cãi rằng tình trạng Trung Quốc không đáng ngại như con số cho thấy. Một lý luận khác thì dựa trên điều gọi là biến số Hồng Kông. Lập luận này cho rằng thâm thủng tăng lên khi Hồng Kông bắt đầu chuyển công xưởng sản xuất vào đại lục để khai thác nguồn công nhân rẻ. Điều này có nghĩa là phần lớn số thâm thủng nhảy vọt đó thực chất là do phần mậu dịch của Hồng Kông chuyển sang Trung Quốc. Và trên thực tế thì nếu nhìn vào thống kê mậu dịch của Hồng Kông và Trung Quốc vào cuối 1980 đầu 1990, ta sẽ thấy thặng dư mậu dịch của Hồng Kông với Hoa Kỳ giảm, trong khi thặng dư mậu dịch của Trung Quốc gia tăng. Nhưng cũng bản thống kê này cho thấy hiện tượng nhất thời đó chấm dứt vào năm 1991. Sau đó thì những nhà máy do Hồng Kông làm chủ tiếp tục tăng sản xuất nhờ đất rộng và nguồn lao động rẻ hầu như vô tận. Ít nhất trong năm năm liền, số giảm thâm thủng mậu dịch với Hồng Kông không đủ bù vào số tăng thâm thủng với Trung Quốc.

Từ giữa thập niên 1970, các tổ chức vận động thương mại cho Trung Quốc, đặc biệt là Hội-đồng Thương-mại Hoa Kỳ-

Trung Quốc (US-CBC)<sup>i</sup>, đưa ra một giải thích khác làm nhẹ độ trầm trọng của chênh lệch mậu dịch giữa hai nước. Lập luận này cho rằng thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc đã bị Bộ Thương-mại phóng đại vì bỏ qua vai trò của Hồng Kông là trạm nghỉ và trung tâm xuất nhập khẩu từ Trung Quốc đến Hoa Kỳ hoặc từ Hoa Kỳ đến Trung Quốc. Tài liệu của US-CBC cho rằng: “Thông kê, của cả hai nước, mắc sai lầm lớn vì vai trò ngày càng lớn của Hồng Kông là trung tâm xuất nhập khẩu trong mậu dịch Trung Quốc.”<sup>3</sup> Sự thật là nếu tính cả Hồng Kông vào, thì tổng số mậu dịch Trung Quốc cũng không thay đổi đáng kể. Ví dụ là năm 1995, thặng dư mậu dịch của Hoa Kỳ với Hồng Kông là \$3.9 tỷ (nhập khẩu \$10.3 tỷ; xuất khẩu \$14.2 tỷ). Thặng dư đó làm giảm thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc khoảng 10 phần trăm.

Một lý luận khác thì vững hơn, nhưng vẫn thiếu sót, coi nhẹ tầm quan trọng thặng dư mậu dịch của Trung Quốc dựa trên nguồn lao động rẻ tiền hầu như vô tận. Theo lập luận này thì, theo thời gian, nhân công sẽ đắt hơn (như thường lệ) và lợi thế của Trung Quốc sẽ giảm xuống. Đúng là Trung Quốc đang hưởng một lợi thế so sánh trong việc sản xuất hàng đa-công cho Hoa Kỳ. Những sản phẩm này đứng đầu danh sách hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang Hoa Kỳ—đặc biệt là quần áo, đồ chơi, và giày dép. Là người tin vào tự do mậu dịch và khái niệm lợi thế so sánh, chúng tôi không đồng ý với những người chỉ trích việc hàng hóa “tràn ngập” thị trường Hoa Kỳ này. Chúng tôi thành thật nghĩ rằng sự “tràn ngập” này giúp cho đa số những gia đình Mỹ có ngân quỹ eo hẹp. Trên thực tế, khó mà đo lường được mức ảnh hưởng đến nền công nghiệp Hoa Kỳ của những mặt hàng Trung Quốc như quần áo, đồ chơi, và giày dép. Nhiều

---

<sup>i</sup> United States–China Business Council

công ty Mỹ vẫn có lời sau khi chuyển khâu sản xuất và đặt hàng sang Trung Quốc. Điều này có nghĩa là một số không ít công nhân lương thấp của Mỹ mất việc trong những ngành nghề đó. Trong loạt bài gây nhiều chú ý “Ai Đã Đánh Cắp Giấc Mơ của Mỹ?” (America: Who Stole the Dream?) tờ *Inquirer* ở Philadelphia tranh luận rằng từ thập niên 1986-1996, hàng nhập khẩu Trung Quốc làm mất đi 680,000 việc làm ở Hoa Kỳ. “Bị mất là số tiền lương hơn \$11 tỷ hằng năm và số thuế thu được trên lợi tức đó. Vĩnh viễn.”<sup>4</sup>

Nhưng về kinh tế, thì nhận xét này là điều vô nghĩa. Lập luận của tờ *Inquirer* giả định rằng những người mất việc trong các hãng may, đồ chơi, hoặc giày dép không tìm được việc khác, mà trên thực tế dĩ nhiên là họ đều có việc mới cả. Việc mới lương cũng thấp, nhưng không thấp hơn việc cũ. Hơn nữa, những công nhân hiện làm cho những nhà hàng thức-ăn-nhanh, thay vì hãng may, dễ thở hơn về mặt tài chính vì cũng như những người Mỹ khác, họ mua được hàng nhập khẩu Trung Quốc rẻ tiền.

Sau đây chúng ta sẽ thấy trong mọi trường hợp, phân thâm thủng mâu dịch của kỹ nghệ xuất cảng hàng đa-công (labor-intensive export industries) giảm đều đặn từ thập niên 1980, trong khi tỷ lệ thâm thủng gây nên bởi công nghiệp chế biến cao kỹ thuật (high tech value-added) ngày càng gia tăng. Thâm thủng gia tăng không phải là hệ quả chính của nhân công rẻ. Nó là hệ quả của sách lược Trung Quốc tập trung vào một số ngành kỹ nghệ để bán sản phẩm giá rẻ hơn Mỹ qua một hệ thống tài trợ và thuế nhập khẩu cao. Và đó là lý do tại sao thâm thủng có hại cho kinh tế Mỹ và có chiều hướng trở thành nguồn mâu thuẫn lớn cho quan hệ hai nước trong tương lai.

Và cách cuối cùng là khoác lên thâm thủng mâu dịch với



Trung Quốc một hình ảnh vô hại như sau: Trung Quốc là nền kinh tế nghèo đang phát triển nhanh và độ phát triển chắc hẳn sẽ chậm lại trong những năm tới. Hiện tại, theo quá trình phát triển kinh tế, thì đương nhiên là thâm thủng mậu dịch tạm thời phải có giữa Trung Quốc và quốc gia mậu dịch lớn nhất của họ là Hoa Kỳ.

Nhưng lý luận này cũng sai lầm. Lý thuyết kinh tế kinh điển cho thấy khi một nền kinh tế phát triển nhanh chóng, như Trung Quốc hiện thời, sẽ cần nhiều vốn đầu tư. Số đầu tư này thường đến từ các nhà đầu tư ngoại quốc; tiền đó được tính vào số nhập khẩu và như vậy làm tăng thâm thủng của quốc gia đang phát triển. Khi kinh tế các nước Á châu như Nhật Bản, Đài Loan, và Nam Hàn bắt đầu phát triển, họ được rất ít đầu tư ngoại quốc. Ngay cả về sau, hầu như họ gây toàn bộ vốn đầu tư cần thiết bằng cách xuất khẩu những mặt hàng đa-công rẻ sang nước đồng minh là Hoa Kỳ và qua đó tích lũy số thặng dư mậu dịch có thể dùng cho đầu tư mới.

Nhưng Trung Quốc thì khác. Họ nhận số đầu tư khổng lồ không chỉ từ các nước Tây phương mà còn được nhiều hơn từ khối Đại Trung Quốc—Hồng Kông, Đài Loan, và những cộng đồng Hoa kiều vùng Đông Nam Á. Lịch sử cho thấy những quốc gia trong hoàn cảnh này sẽ có thâm thủng mậu dịch cao. Nhưng Trung Quốc tiếp nhận đầu tư Mỹ mà đồng thời cũng gạt hái thặng dư mậu dịch. Kết quả là Trung Quốc trở thành một trong những nước có trữ tệ cao nhất trên thế giới—trường hợp hi hữu cho một nước nghèo đang phát triển. Thực tế là dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc lên đến \$91 tỷ vào tháng Bảy 1996, ngang với hai nước có trữ tệ cao nhất là Đài Loan và Nhật Bản.<sup>5</sup> Trữ phi khuynh hướng hiện tại thay đổi, trữ tệ của Trung Quốc sẽ vượt qua Đài Loan và Nhật Bản. Và chưa kể trữ tệ của Hồng Kông,

ước chừng \$60 tỷ nữa.<sup>6</sup>

Số trữ tệ này cho thấy một phát triển bùng phát. Cuối năm 1992, trữ tệ của Trung Quốc là \$21.2 tỷ,<sup>7</sup> đã là một số đáng kể. Ba mươi tháng sau, nó tăng lên gần \$70 tỷ. Trong cùng thời gian đó, tổng số thâm thủng mậu dịch của Hoa Kỳ với Trung Quốc là \$83 tỷ.

Làm thế nào để Trung Quốc đạt được thành quả kinh tế chưa từng thấy này? Giải thích chính là họ dùng phương pháp mà Nhật Bản đã tiên phong trước đây, gồm chính quyền tài trợ cho những kỹ nghệ xuất khẩu, chú trọng chuyển giao kỹ thuật khi giao dịch với công ty ngoại quốc, lập trận đồ rào cản chằng chịt ngoài vòng thuế nhập khẩu, giữ hối suất tiền tệ ở một mức thấp giả tạo, một chính sách kỹ nghệ nhắm vào những ngành công nghiệp đặc biệt và thi hành một chính sách mậu dịch bất công để cho những công nghiệp đó lợi thế cạnh tranh. Báo chí Hoa Kỳ chỉ thấy một phần nhỏ của toàn bộ chiến lược Trung Quốc, được biết dưới tên trận chiến bài trừ nạn vi phạm tác quyền về CD, phim ảnh, nhu liệu vi tính—một vấn đề tạm giải quyết năm 1996 sau khi phía Mỹ đe dọa trừng phạt. Thực tế là xung đột thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc quá phức tạp để có thể tiêu biểu bằng một vấn đề đơn lẻ nào. Vấn đề lớn hơn là mẫu hình “chủ nghĩa tư bản nhà nước”<sup>i</sup> mà Trung Quốc đang theo đã tạo ra nhiều ngõ ngách để kéo cuộc cạnh tranh nghiêng về phía họ.

---

<sup>i</sup> Chủ nghĩa tư bản nhà nước (state capitalism): Một hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa nhưng trong đó chính quyền đóng vai chính và hành xử như một đại công ty, có ưu thế bao trùm và dùng thị trường để đem lợi thế chính trị về cho phe nhóm. (Nd)

DƯỚI SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẶNG TIÊU-BÌNH, Trung Quốc từ bỏ nền kinh tế Mao-ít năm 1979 và kinh tế tăng vọt trong chớp mắt. Đặng tư hữu hóa nông nghiệp làm năng xuất nông thôn nhảy vọt. Trung Quốc tạo thuận lợi cho hãng xưởng Hồng Kông chuyển sang Tỉnh Guangdong sát biên giới cũng đẩy mạnh kinh tế. Tuy nhiên với nền kinh tế tập trung và thói quen lập Kế-hoạch Ngũ Niên, lãnh đạo Trung Quốc không có chương trình thực tiễn nào để phát triển kinh tế trong những năm đầu.

Điều này bắt đầu thay đổi vào cuối thập niên 1980 khi Trung Quốc bắt chước mô hình những quốc gia Đông Á khác: dùng tiền lời xuất khẩu để xây dựng công nghiệp cao kỹ thuật và gặt hái thành quả cao trong phát triển kinh tế. Một trong những người đầu tiên nhìn ra mô hình vay mượn này là Chalmers Johnson, chủ tịch Viện Nghiên-cứu Chính-sách Nhật Bản ở California,<sup>i</sup> đã nhận thấy Trung Quốc theo sát mô hình chủ nghĩa tư bản tích cực có chỉ đạo<sup>ii</sup> của Nhật.<sup>8</sup>

Trung Quốc bắt đầu phát triển bằng một nền xuất khẩu thô thiển và nửa vời. Bằng chính sách tài trợ gián tiếp và tạo điều kiện thuận lợi cho kỹ nghệ địa phương, Trung Quốc nhanh chóng đạt mức xuất cảng cao. Năm 1989, xuất khẩu chiếm 12 phần trăm tổng sản lượng quốc gia. Năm năm sau, xuất khẩu chiếm 23 phần trăm tổng sản lượng.<sup>9</sup> Trong suốt thời gian này, Trung Quốc luôn có thặng dư mậu dịch, ngoại trừ một năm có thâm thủng nhỏ.<sup>10</sup> Cũng trong thời gian ngắn này, thặng dư mậu dịch của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ tăng gấp mười lần.

Một báo cáo hằng năm, ít được báo chí quan tâm, do Văn-phòng Đại-diện Mậu-dịch Hoa Kỳ<sup>iii</sup> (USTR) thu thập, theo dõi

---

<sup>i</sup> Japan Policy Research Institute

<sup>ii</sup> model of aggressive guided capitalism

<sup>iii</sup> Office of the United States Trade Representative

tài trợ và các phương pháp mà chính quyền Trung Quốc dùng để tăng xuất cảng một cách giả tạo. Báo cáo mới nhất cho thấy tình hình một cách tế nhị: “Chính quyền Trung Quốc tuyên bố chấm dứt yểm trợ tài chính trực tiếp cho hàng xuất khẩu... vào ngày một tháng Giêng 1991. Tuy nhiên Bắc Kinh vẫn còn dùng những hình thức tài trợ hỗn hợp để đẩy mạnh xuất khẩu.”<sup>11</sup> Tài trợ bao gồm những lãnh vực các kinh tế gia gọi là nguồn cung cấp—những xí nghiệp xuất khẩu được mua năng lượng và nguyên liệu thô dưới giá thị trường; họ được miễn những phúc lợi qui định cho công nhân như đóng tiền vào quỹ hưu trí; được vay tiền ưu đãi—mà ở Trung Quốc thì điều này không những có nghĩa là phân lời thấp mà còn có thể không cần phải trả lại.<sup>12</sup>

Khó mà truy cứu được tài trợ xuất khẩu ở Trung Quốc vì hầu hết không do một cơ cấu trung ương quản trị, mà do địa phương sắp đặt và trợ cấp. Ví dụ, một báo cáo nêu lên việc một giám đốc giỏi của một hãng đồ gốm ở thành phố Zhengzhou, Tỉnh Henan. Khi bộ phận xưởng quốc doanh của công ty sắp phá sản, giám đốc này “cho ra một khâu sản xuất mới chế tạo đĩa trang trí ngày lễ, vẽ cây Noel và hoa lá mùa đông, bán giá \$10 đôla ở các siêu thị Mỹ.”<sup>13</sup> Dù xuất cảng hàng loạt, công ty vẫn thua lỗ. Tuy nhiên, chính quyền thành phố đã bù vào phần lỗ vì ngại phải trợ cấp cho 1,700 công nhân thất nghiệp; khoản tài trợ vẫn ít hơn trợ cấp thất nghiệp thành phố phải trả nếu hãng đóng cửa. Đây không là một ví dụ đơn lẻ. Còn hàng triệu doanh nghiệp cấp quận, cấp làng ở nông thôn Trung Quốc góp phần vào nền kinh tế xuất khẩu thường phụ thuộc vào tài trợ của chính quyền địa phương.

Dù áp dụng ở cấp bậc nào, tài trợ cho xuất khẩu của Trung Quốc đã làm lệch quan hệ mậu dịch với bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc là Hoa Kỳ. Nhưng ngay khi chỉ tài trợ một số ngành

công nghiệp, cả những doanh nghiệp thua lỗ, Trung Quốc trở nên tinh vi hơn, tập trung tài trợ vào những mặt hàng chế biến cao cấp xuất khẩu bán ở Mỹ với giá rẻ giả tạo, cạnh tranh bất chính với sản phẩm làm ở Hoa Kỳ. Đây là một trong những phương pháp trực tiếp mà Trung Quốc đã học từ sách lược trong những năm đầu của kỹ nghệ Nhật Bản. Phương pháp này nhanh chóng đẩy mạnh kinh tế xuất cảng Trung Quốc từ hàng đa-công, nhân công rẻ, đến những mặt hàng kỹ thuật cao, giá trị hơn. Và vì vậy, trái với nhận định thông thường, phần thâm thủng mậu dịch phía Hoa Kỳ do hàng cấp thấp nhờ nhân công rẻ đã liên tục giảm thiểu từ năm 1990.

Sự thật bất ngờ này lộ khi chúng tôi phân tách dữ kiện mậu dịch trong bảy năm qua. Chúng tôi nghiên cứu hai mươi mặt hàng nhập cảng nhiều nhất từ Trung Quốc từ năm 1990 đến nửa năm đầu 1996. Chúng tôi phân loại số nhập khẩu này vào những mặt hàng đa-công như quần áo và đồ chơi về một phía và phía kia là những mặt hàng giá trị cao vì liên quan đến kỹ thuật—như dụng cụ viễn liên, máy móc điện tử và vi tính.<sup>i</sup>

Những con số này làm nổi bật khuynh hướng mậu dịch. Năm 1990, hàng gia-công (labor-added good) chiếm 79% của hai mươi loại hàng nhập cảng cao nhất từ Trung Quốc; hàng tăng-giá-trị (value-added good) chiếm 12%. Đến giữa năm 1996, con số này đã thay đổi lớn. Số hàng gia-công nhập cảng giảm 1/3 còn 56%, và số hàng tăng-giá-trị nhập cảng lên gần gấp đôi đến 29%. Khuynh hướng này không đổi từ thập niên 1980, nhưng hiện tại (1997) thì có chiều hướng tăng nhanh.

Chính quyền Trung Quốc dấu kín những chương trình tài trợ hàng tăng-giá-trị cho xuất cảng, nhưng có khi cũng vô tình

---

<sup>i</sup> Chúng tôi loại ra 9–15% của 20 loại hàng xuất khẩu không nằm trong hai phân loại này—số phần trăm thay đổi tùy theo năm.

tiết lộ. Zhang Ji là giám đốc điều hành của Văn-phòng Xuất Nhập-khẩu Sản-phẩm Cơ-khí và Điện-khí của Chính phủ.<sup>i</sup> Năm 1995, Zhang khoe là hàng điện tử và máy xuất khẩu tăng 60% so với năm trước, nhờ lý do quan trọng là một ngân hàng nhà nước đã cho các hãng vay tiền với phân lời ưu đãi.<sup>14</sup> Nói cách khác, các hãng được hưởng sự tài trợ của chính phủ.

Như Chalmers Johnson nhận xét, những phương pháp này được mô phỏng theo sách lược của Nhật trong những thập niên qua: tập trung vào các ngành kỹ nghệ có tiềm năng phát triển rồi bao bọc chúng bằng cách tài trợ và bảo vệ. Báo cáo của USTR năm 1996 cho thấy tương đồng rõ rệt với phương pháp của Nhật, dù không đưa ra kết luận đó.

Mậu dịch cho thấy rõ phát triển của Trung Quốc tập trung vào một số “kỹ nghệ cốt lõi”—gồm cơ khí, điện tử, xe hơi. Năm 1995, hàng gia-công xuất khẩu của Trung Quốc giảm... lần đầu tiên hàng điện tử và máy móc vượt trội vãi vốc. Số nhập khẩu hàng thành phẩm (manufactured product) tăng nhỏ giọt trong khi nhập khẩu hàng sơ cấp (primary products)... vượt cao.

Thay-thế-nhập-khẩu (import-substitution) là một phương pháp, mà theo đa số các nhà kinh tế của mọi trường phái thì thường không hiệu quả, đã được Nhật và một số quốc gia Đông Á dùng để ảnh hưởng thị trường. Các nước này lũng đoạn thị trường bằng tự chế xuất nội địa những hàng nhập khẩu với số lượng nhiều, cho dù giá chế xuất cao hơn. Qua một hiệp ước với Hoa Kỳ năm 1992, Trung Quốc tuyên bố từ bỏ những chính sách

---

<sup>i</sup> State Mechanical and Electrical Products Import and Export Office

loại này.<sup>15</sup> Nhưng năm 1994 chính sách mới về kỹ nghệ xe lại áp dụng phương pháp thay-thế-nhập-khẩu rõ rệt. Các công ty xe ngoại quốc hoạt động ở Trung Quốc bị bắt buộc phải dùng phụ tùng chế tạo nội địa, dù giá cao hơn hoặc phẩm chất kém. Điều này thiệt hại đến các công ty chế tạo phụ tùng xe của Mỹ, như Mark Anderson, giám đốc tiểu ban mậu dịch của AFL-CIO, giải thích: “Trước khi Trung Quốc áp dụng chính sách này, chúng ta có \$521 triệu thặng dư trong mậu dịch xe hơi song phương. Năm ngoái, chúng ta có \$454 triệu thâm thủng. Đó là \$1 tỷ đôla đảo ngược trong cán cân mậu dịch chỉ trong hai năm.”<sup>16</sup>

Trung Quốc còn là bậc thầy của nhiều biện pháp lộ liễu hơn nhằm ngăn chặn nhập khẩu bằng cách tăng giá hàng nhập. Trong báo cáo tháng Tư 1996, USTR gọi Trung Quốc là “cực kỳ bảo vệ” và liệt kê hằng loạt những thủ đoạn mà Trung Quốc dùng để ngăn chặn nhập khẩu từ Hoa Kỳ và các quốc gia khác. “Thuế nhập cảng ngăn chặn” trung bình 35% lên đến 150% là một phần của rào bảo vệ này. Rồi còn vô số những đòi hỏi khác về giấy phép nhập khẩu, quôta nhập khẩu, giới hạn nhập khẩu, vô số tiêu chuẩn và chứng nhận khác.<sup>17</sup>

Thỉnh thoảng Trung Quốc lại âm ỉ tuyên bố bỏ một số rào cản nhập khẩu, nhưng cùng lúc lại âm thầm dựng lên những rào cản khác cho cùng mặt hàng. Một ví dụ là vào tháng Mười 1995, bộ máy tuyên truyền Trung Quốc rầm rộ loan tin Tổng-thống Jiang Zemin đích thân tuyên bố giảm thuế nhập khẩu ít nhất là 30% cho 4,000 mặt hàng. Nhưng nhiều rào cản mới ngoài vòng thuế nhập khẩu lại được dựng lên trước khi cắt giảm thuế có hiệu lực đầu năm 1996. Và ngay cả khi không có những rào cản đó, doanh nhân ngoại quốc kinh nghiệm với Trung Quốc cũng không lấy làm mừng. Họ cho biết chính quyền Trung Quốc chỉ cấp gấp phép nhập cảng cho một số công ty đã được định trước,

mà hầu hết là các công ty quốc doanh độc quyền và sẵn sàng làm theo chính quyền.<sup>18</sup> Mùa thu năm 1996, sau khi Trung Quốc hứa sẽ kiểm soát hàng vi phạm bản quyền phi pháp để khỏi bị Hoa Kỳ trừng phạt, Charlene Barshefsky, đại diện mậu dịch của Hoa Kỳ, vẫn tiếp tục nêu lên những vấn đề cơ bản trong chính sách mậu dịch gian xảo của Trung Quốc. Trong buổi điều trần tại Quốc Hội vào tháng Chín,<sup>19</sup> bà cho biết: “Trung Quốc cần phải ngưng dựng rào cản mậu dịch mới để thay thế cho những rào cản vừa được bỏ.” Tương tự, báo cáo của USTR chỉ rõ ra “nhiều trận đồ rào cản mới chồng chéo ngoài vòng thuế nhằm giới hạn nhập khẩu.”

Tỉnh Guangdong (Quảng Đông) là một ví dụ điển hình. Năm 1996, chính quyền tỉnh tùy tiện tuyên bố giới hạn hàng ngoại nhập từ xe hơi đến “hàng gia dụng.”<sup>20</sup> Gần đây hơn, Bắc Kinh tuyên bố cơ quan cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương được quyền cấp giấy phép nhập khẩu cho nhiều loại hàng.<sup>21</sup> Với quyền hạn này, các cơ quan rộng quyền bóp nghẹt cạnh tranh tự do ngoại quốc cho lợi riêng, vì các bộ hoặc cơ quan nhà nước trách nhiệm giám sát chế tạo sản phẩm cũng chính là phân bộ bị thiệt thòi nếu hàng ngoại nhập được cạnh tranh tự do không giới hạn.<sup>22</sup>

SÁCH LƯỢC KINH TẾ TRUNG QUỐC không chỉ đơn thuần tích lũy ngoại tệ qua thương mại bằng những thủ đoạn có lợi cho họ. Nó còn nhắm đến thu tóm kỹ thuật cao của Tây phương, gồm những loại kỹ thuật “song dụng” có thể dùng cho cả dân sự lẫn quân sự. Một trong những phương pháp là yêu cầu các công ty ngoại quốc phải chế tạo ở Trung Quốc một phần phụ kiện dùng cho sản phẩm bán ở đó. Để hoạt động ở Trung Quốc, công ty Mỹ bắt



buộc phải chuyển giao kỹ thuật và huấn luyện công nhân Trung Quốc, vì thế bảo vệ được lợi nhuận ngắn hạn nhưng đồng thời lại tạo ra cạnh tranh trong tương lai. Offsetting là thuật ngữ cho phương pháp này—nghĩa là chuyển một khâu trong quá trình sản xuất sang thị trường ngoại quốc để bảo đảm số thương vụ ở đó. *Nhiều nước, kể cả Nhật, cũng đã làm như vậy trong nhiều năm.* Nhưng Trung Quốc nhanh chóng trở thành bậc thầy trong việc sử dụng offsetting để trục lợi tối đa.

Một nghiên cứu công phu về phương cách Trung Quốc sử dụng offsetting đào sâu vào quá trình thành lập xưởng ở Thượng Hải của công ty McDonnell Douglas—chuyên sản xuất máy bay hành khách và phi cơ chiến đấu F-15 nòng cốt của không quân Mỹ. Đầu thập niên 1980, vì muốn dành một phần thị trường máy bay hành khách của Trung Quốc, McDonnell Douglas lập công ty hợp doanh với Công-ty Kỹ-nghệ Hàng-không Thượng-hải,<sup>23</sup> một công ty nhà nước. Trung Quốc bảo đảm sẽ mua một số lớn máy bay cỡ trung. Đổi lại McDonnell Douglas đồng ý để công nhân Trung Quốc lắp ráp toàn bộ máy bay ở Thượng Hải. Báo *Wall Street Journal* kết luận trong bài điều tra về nỗ lực vào thị trường Trung Quốc của McDonnell Douglas là “một trong những chuyển giao kỹ thuật lớn nhất trong lịch sử.” Công ty cung cấp cả “một thư viện về dữ kiện kỹ thuật.” Xa hơn, hợp doanh của McDonnell Douglas trở thành một mô hình để Trung Quốc áp dụng cho các hãng kỹ thuật cao khác. Tờ *Wall Street* cho biết “Không một công ty toàn cầu nào, dù là AT&T hoặc General Motor, được vào thị trường nếu không tiết lộ kỹ thuật trước và thường xuyên.”<sup>24</sup>

Khác với McDonnell Douglas, Boeing không lắp ráp toàn bộ máy bay ở Trung Quốc. Dù vậy, báo *Seattle Times* cho biết “Trong thời gian qua Boeing âm thầm gia tăng sản xuất ở Trung

Quốc để bảo vệ phần thị trường to lớn của mình ở Trung Quốc.”<sup>25</sup> Đuôi máy bay Boeing 737 do hãng Xian Aircraft của Trung Quốc sản xuất được các hãng hàng không như Southwest Airline và Scandinavian Airlines System sử dụng. Quốc Hội điều tra hai hãng McDonnell Douglas và Boeing vì cung cấp Trung Quốc những kỹ thuật có tiềm năng quân sự. Dân biểu Christopher H. Smith (Cộng-hòa, bang New Jersey) quan ngại chuyển giao kỹ thuật của Boeing vừa gây thất nghiệp ở Mỹ vừa tạo điều kiện cho Trung Quốc tăng cường khả năng quân sự. Ông nói “Chuyển giao kỹ thuật này rất nguy hiểm.”<sup>26</sup>

Motorola là một ví dụ khác. Hãng có đầu tư lớn đang phát triển ở Trung Quốc, phần lớn là sản xuất và bán điện thoại di động, máy pager liên lạc và dịch vụ liên hệ. Trung Quốc không những áp lực Motorola mà còn áp lực lên tất cả các hãng cung cấp phụ kiện cho Motorola ở Mỹ. Một nhà doanh nghiệp Mỹ thân cận với một hãng cung cấp phụ kiện cho Motorola kể lại chuyện Trung Quốc đưa tối hậu thư buộc họ phải bắt đầu sản xuất ở Trung Quốc—bằng loại kỹ thuật cao nhất—nếu không Trung Quốc sẽ dùng phụ kiện hãng khác; ví dụ điển hình của một công ty trăn trở trước lựa chọn nhưc đầu—giữ thương vụ với Motorola ở Trung Quốc nhưng lại mất kỹ thuật tối cao độc quyền—trước khi đâm đầu vào Trung Quốc.

Sự thật thì danh từ “chuyển giao kỹ thuật” mang nhiều ý nghĩa. Có những chuyển giao hợp pháp, minh bạch, và có lợi cho Mỹ. Ví dụ các công ty Trung Quốc có khi mua những nhà máy thép hoặc nhà máy làm giấy đã cũ, hiệu năng thấp và gây ô nhiễm cao, để tháo dỡ chở về nước. Nhưng ở thái cực khác là những hoạt động vi phạm luật Hoa Kỳ. Đa số những chuyển giao kỹ thuật sang Trung Quốc nằm vào khoảng xám giữa hai thái cực này. Tờ *Business Week* viết “Trong nhiều trường hợp

thì các công ty đang thăm dò giới hạn của chính sách Hoa Kỳ.”<sup>27</sup>

“Họ điều luyện hơn trong chuyển giao kỹ thuật,” một chuyên gia theo dõi hoạt động hợp pháp và phi pháp của Trung Quốc trong lãnh vực này cho chúng tôi biết. “Mười năm trước, họ không đủ khả năng ngay cả việc đặt câu hỏi cho đúng vấn đề. Còn giờ thì họ biết rành hơn qua nhiều giao tiếp, nhất là nhờ lượng du sinh khổng lồ theo học ở Hoa Kỳ. Và ngày nay thì họ giàu hơn; mà ở Mỹ có tiền là có tất cả.” Theo một chuyên gia khác trong chính quyền Mỹ thì khoảng 15 tỉnh Trung Quốc đã chủ động lập những công ty độc lập để định ra những kỹ thuật mà họ có thể thu tóm càng rẻ càng tốt. Những công ty cấp tỉnh loại này chỉ nhắm vào loại kỹ thuật giúp phát triển kinh tế địa phương. Nhưng các công ty tầm cỡ quốc gia thì nhắm vào những kỹ thuật cao song dụng cho quân sự lẫn dân sự.

Đa phần những hoạt động của Trung Quốc nhằm thu tóm kỹ thuật cao ở Mỹ đem về nước rõ ràng là bất hợp pháp. Gần đây cơ quan tình báo CIA liệt kê Trung Quốc là một trong 3 quốc gia đứng đầu có “hoạt động triệt để trong lãnh vực tình báo kinh tế.”<sup>28</sup> Hội An-ninh Kỹ-nghệ Mỹ và Quốc tế thì quy kết thẳng thắn hơn. Trong báo cáo *Các Khuynh-hướng Thất-thoát Sở-hữu Trí-tuệ (Trends in Intellectual Property Loss)* tháng Ba 1996, hội nêu đích danh Trung Quốc có thể là kẻ đánh cắp “những thông tin kinh tế quan trọng.”<sup>29</sup>

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THUỘC QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC ở Hoa Kỳ cho thấy mục tiêu của Trung Quốc qua quan hệ kinh tế

---

<sup>i</sup> American Society for Industrial Security, International

với Mỹ: Thu kỹ thuật và ngoại tệ. Trên thực tế quân đội Trung Quốc không phải là cơ quan duy nhất có chi nhánh hoạt động ở Mỹ. Không có số chính xác các công ty do Trung Quốc làm chủ được thành lập ở Hoa Kỳ, nhưng hầu như mọi người đều cho rằng có thể lên đến hàng ngàn. Báo *Business Week* ước lượng 100 công ty Trung Quốc “đã dùng mọi thủ đoạn tinh vi để mua những công ty có cổ phần bán trên thị trường chứng khoán Bắc Mỹ làm cửa hậu xâm nhập vào thị trường tài chính.”<sup>30</sup> Mua công ty Mỹ đang hoạt động là một cách mà các công ty quốc doanh Trung Quốc dùng để tăng lợi nhuận và chuyển giao kỹ thuật. Tờ *Wall Street Journal* tường thuật chi tiết những nỗ lực có tính toán của chi nhánh ở Mỹ của Công-ty Xuất-nhập-khẩu Kỹ-thuật Hàng-không Quốc-gia Trung Quốc,<sup>i</sup> gọi tắt là Caltic, để mua các hãng cơ khí hàng đầu của Mỹ có khả năng đúc kim loại cho phản lực cơ và tên lửa.<sup>31</sup>

Một ví dụ liên quan đến Southwest Products Company chuyên đặc chế bạc đạn cho các hãng chế tạo máy bay ở Hoa Kỳ. Bạc đạn của hãng được dùng cho các phi cơ dân sự, phi thuyền không gian con thoi của NASA, và phi cơ vận tải quân sự C-17 của Bộ Quốc-phòng. Hãng Southwest được mua bởi hãng Sunbase Asia, Inc., một công ty trên sàn chứng khoán NASDAQ do một nhóm tài phiệt Hồng Kông làm chủ, có đầu tư và liên hệ trực tiếp với một công ty chuyên về bạc đạn ở Harbin đông bắc Trung Quốc. Ban quản trị Sunbase không dấu ý định chuyển giao kỹ thuật từ California sang Harbin,<sup>32</sup> một chuyển giao hoàn toàn hợp pháp theo luật Mỹ.

Trên bề mặt, Quân-đội Trung Quốc vẫn là cơ chế hoạt động ráo riết nhất ở Hoa Kỳ để thu tóm kỹ thuật và lợi nhuận. Một nghiên cứu của AFL-CIO, dựa trên biên bản vận tải của các công

---

<sup>i</sup> China National AeroTechnology Import & Export Corporation

ty xuất cảng trực tiếp, phát hiện “Không chỉ những cơ quan lớn như các Ban, Quân Đoàn cấp Miền, nhưng cả Hải Quân, Không Quân, Pháo Binh cấp 2, toàn thể quân khu cấp vùng [tổng cộng 28 vùng], và nhiều Nhóm Quân-đội [24 nhóm] cũng hoạt động xuất-nhập cảng.”<sup>33</sup> Công ty lớn nhất của PLA là Tổ-hợp Xinxing thuộc Ngành Tổng Tiếp-vận (General Logistics Department). Xinxing xuất khẩu sản phẩm của công ty và còn là đại lý nhập khẩu cho các doanh nghiệp quân đội. Tổng số mậu dịch của Xinxing năm 1994 là \$16 triệu USD. Norinco có nhiều công ty con ở Mỹ—Beta Chemical, Beta Toys, Larin, Forte Lighting, v.v. lo việc phân phối toàn quốc. Tổng số lời của Norinco năm 1994 là khoảng 31 triệu đôla. Jeffery Fielder, viên chức của AFL-CIO, điều trần trước Ủy-ban Quan-hệ Ngoại-giao Thượng-viện năm 1996 như sau: “Tôi không nghĩ vị dân cử Thượng-viện hoặc Hạ-viện nào sẽ nói chúng ta nên cấp quy chế Tối Huệ Quốc cho Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân... cho phép các công ty quân đội Trung Quốc kinh doanh ở Hoa Kỳ... là đồng nghĩa với việc tài trợ họ hiện đại hóa quân đội.

QUA CÁC NỖ LỰC CỦA TRUNG QUỐC, ta có thể rút ra một số kết luận. Một là chúng ta sẽ sai lầm khi cho rằng kinh tế Trung Quốc là một nước Thế Giới Thứ Ba khó khăn, như họ muốn chúng ta nghĩ vậy, dù kinh tế của họ lớn hơn hàng chục lần so với những quốc gia Thế Giới Thứ Ba khác. Dĩ nhiên trên thực tế thì mới đây Trung Quốc vẫn là một nước nghèo xơ xác dù kỹ thuật và kinh tế phát triển tốt ở một vài vùng nhỏ. Đây là một quốc gia có khả năng chế bom nguyên tử, nhưng bàn chải làm bằng lông heo lại là một trong những hàng xuất khẩu quan trọng nhất. Và sự thật là trên đất nước Trung Quốc bao la, vẫn còn

hàng chục triệu người đang sống một cuộc sống không khác mấy so với cha ông họ hàng bao thế kỷ trước.

Sử gia John K. Fairbank của đại học Harvard thường chỉ ra Trung Quốc được chia ra làm ba phần: Trung Quốc của nội địa mênh mông mà thời gian như lắng đọng; Trung Quốc thư lại của guồng máy hành chánh khổng lồ của giới trí thức; và Trung Quốc thương mại của miền duyên hải phía Đông, của những phố cảng to giới cũ, của những nhà đầu tư mạo hiểm, của đại học, khoa học và kỹ thuật gia, của ngân hàng, kỹ nghệ gia, và các nhà doanh nghiệp toàn cầu. Ngày nay thêm vào đó là một Trung Quốc thứ tư, một Trung Quốc của kỹ nghệ chiến tranh bao trùm lên ba hình ảnh Trung Quốc kia. Mục đích của nó là tăng uy thế quốc gia, làm đất nước giàu mạnh hơn để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử là phục hồi vàng son vĩ đại. Trung Quốc thứ tư này là khác biệt chính giữa đất nước đó với những quốc gia đang phát triển khác trên thế giới.

Trung Quốc đã thay đổi nhiều. Chỉ mới 20 năm trước, khách ngoại quốc đi từ cửa khẩu chính Hồng Kông sang Trung Quốc trải qua nhiều giai đoạn. Xe lửa từ Kowloon sang thị trấn Lowu ở biên giới Hồng Kông–Trung Quốc. Hành khách xuống xe đi bộ qua cầu xe lửa vào Trung Quốc đến một nông xã tên Shenzhen. Trong khi chờ đợi nhân viên trạm kiểm soát trong bộ đồng phục thùng thùng rộng quá khổ xét hộ chiếu và visa, khách có thể nghe tiếng gà gáy gần đó vọng lại.

Được chọn làm vùng kinh tế đặc biệt từ đầu thập niên 80, ngày nay Shenzhen là một thành phố lớn của văn phòng và khách sạn cao tầng, của kẹt xe và ô nhiễm kỹ nghệ. Hàng tỷ đôla đầu tư từ Hồng Kông đã đổ vào thành phố. Có những khu siêu thị, nhà hàng sang trọng, hộp đêm và bar rượu karaoke; có điếm, trùm ma túy, và những tay buôn lậu đồ cổ. Có những khu

kỹ nghệ dọc bờ Châu Giang (Pearl River) chạy dài gần đến thành phố cổ Guangzhou, còn được người ngoại quốc gọi là Canton trước đây, nơi người Anh đã thắng Trung Quốc trong cuộc Chiến Tranh Nha Phiến và lập nên tô giới đầu tiên.

Những biến chuyển như vậy được rập khuôn suốt dọc vùng duyên hải, ở các thành phố như Xiamen (còn được thế giới biết dưới tên Amoy), Shanghai, Tianjin, Dalian, và nhiều thành phố khác nữa, thật là ấn tượng và sôi động. Đó là một trong những phát triển lớn của thế giới trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20. Cuộc sống vật chất hàng triệu người được cải thiện lớn. Phát triển Trung Quốc hứa hẹn một triển vọng mới cho mậu dịch và trao đổi với Hoa Kỳ và các nước khác. Có thể rằng về lâu dài, tinh thần ái quốc mù quáng sẽ bớt lại, Trung Quốc sẽ dân chủ hơn, va chạm và mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ giảm. Nhưng trong hiện tại như chúng tôi đã nói, Trung Quốc rất có thể sẽ tập trung sức mạnh kinh tế vào mục tiêu chiến lược làm bá chủ châu Á, mà mục tiêu này có khả năng dẫn đến đối nghịch với Hoa Kỳ.

Ngay cả nếu điều đó không xảy ra, thì phát triển kinh tế mau chóng của Trung Quốc cũng mang đến nhiều quan ngại cạnh những cơ hội mới. Dù đứng trên quan điểm nào thì dân số Trung Quốc cũng gấp mười lần dân số Nhật Bản mà quan hệ giữa Hoa Kỳ và Nhật trong 40 năm qua cũng đã đầy sóng gió. Ít nhất thì quan hệ kinh tế với Trung Quốc cũng sóng gió như vậy trong 40 năm tới. Tuy nhiên khác với Nhật, Trung Quốc là một thử thách về cả chiến lược lẫn quân sự. Ngoài ra, còn một vùng lãnh thổ mà Trung Quốc muốn chiếm và Hoa Kỳ có thể phải bảo vệ trong tương lai. Chúng ta sẽ tìm hiểu về vùng đất đó trong chương tới.

## Điểm Nóng: Đài Loan

*Quan hệ Hoa Kỳ và Trung Quốc được xây dựng trên một điều-không-thật, nhưng Trung Quốc sẵn sàng chiến tranh để bảo vệ điều-không-thật này.*

—CỰU NGOẠI GIAO MỸ

ĐÀI LOAN LÀ NƠI mà người Mỹ phải thích, một xã hội đang chuyển mình từ những năm dưới chế độ toàn trị hữu khuynh sang dân chủ toàn diện. Nói vậy không có nghĩa đây là mẫu mực của tự do. Chính trị Đài Loan là phiên bản Á châu của guồng máy chính trị phe nhóm, khi đối lập địa phương và các bình luận gia không ngừng chỉ trích chính quyền (điều khác biệt ở đây là họ không bị bỏ tù như đối lập ở Đại-lục). Nhưng Đài Loan là vùng đất tràn đầy sinh khí với những phòng trưng bày mỹ thuật và rạp hát, hộp đêm và nhà xuất bản, tiệm áo quần thời trang và chương trình đàm thoại radio, kẹt xe và phòng tập thể dục. Ở đó không có nghèo khó cùng cực, rất ít tội ác bạo hành, nhiều ô nhiễm, và phong phú về sinh hoạt văn hóa nghệ thuật phóng



khoảng ngoài luồng, một quần chúng doanh nghiệp, sang trọng, du lịch rộng—những yếu tố này cộng với một tình trạng quốc tế bấp bênh, nhập nhằng, bất định, và đặc thù trong lịch sử thế giới. Đây là điểm khởi đầu của đối trá, một đối trá mà Trung Quốc sẵn sàng gây chiến tranh để bảo vệ.

Sự đối trá nhen nhúm trong một buổi họp khuya ở Thượng Hải gần cuối chuyến đi Trung Quốc lịch sử của Richard Nixon vào tháng Giêng 1972. Cố vấn an ninh quốc gia Henry Kissinger và ngoại trưởng Trung Quốc Qiao Guanhua đang họp trong lúc Tổng-thống Nixon và Thủ-tướng Zhu Enlai đợi ở phòng khánh tiết quốc gia sau khi nâng ly chúc mừng trong buổi dạ tiệc. Kissinger và Qiao đối diện với chương ngại khó khăn và tế nhị nhất cản trở hai nước Trung Quốc Hoa Kỳ nối lại tình hữu nghị: Đài Loan và khối dân chúng gần 20 triệu người vào thời đó. Giải pháp của họ là một tuyệt phẩm của ngoại giao hỏa mù mở đường cho nền hữu nghị non trẻ phát triển, nhưng qua thời gian nó lại trở thành mối đe dọa cho giá trị của quan hệ này.

Trên lập trường chính thức, Trung Quốc xem Đài Loan là một tỉnh phản loạn và là chuyện nội bộ, tương tự như một bất hòa giữa chính quyền liên bang Hoa Kỳ và tiểu bang California. Nhưng qua các thương thuyết bắt đầu từ mùa xuân 1971 đưa đến chuyến đi Trung Quốc của Nixon, rõ ràng là Trung Quốc sẵn sàng nhượng bộ lớn trên lập trường chính thức về Đài Loan này. Suốt hai mươi ba năm, Hoa Kỳ đã có quan hệ ngoại giao với “tỉnh phản loạn” và cũng đã ký hiệp ước tương trợ an ninh năm 1954 cam kết bảo vệ Đài Loan khi Trung Quốc tấn công. Nixon chưa muốn bỏ ngay hiệp ước này vì ngại cánh bảo thủ chống đối. Vì vậy tìm một công thức chung để hai nước có thể đồng ý cho những bất đồng về Đài Loan là hệ trọng; đó là lý do Kissinger và Qiao đã khôn khéo nặn ra điều-không-thật nhưng cần

thiết này. Hai bên cân nhắc đoạn văn quan trọng sau đây trong bản “Tuyên-bố Thượng Hải” đặt nền móng cho quan hệ vừa được tái lập với Trung Quốc:

Hoa Kỳ ghi nhận nguyện vọng của toàn thể nhân dân Trung Quốc bên hai bờ Eo-biển Đài Loan về một nước Trung Quốc duy nhất và Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Chính phủ Hoa Kỳ không đi ngược lại nguyện vọng đó. Hoa Kỳ tái khẳng định mong muốn một giải pháp hòa bình cho vấn đề Đài Loan do chính người Trung Quốc đưa ra.<sup>i</sup>

Sau này Kissinger viết: “Đoạn văn Đài Loan của bản Tuyên-bố bỏ vấn đề Đài Loan ra ngoài, hai bên vẫn giữ nguyên lập trường của mình.”<sup>1</sup> Hồi ký Kissinger cho biết Ngoại trưởng William Rogers phản đối đoạn về Đài Loan này vì trên căn bản nó không diễn tả đúng với thực tại. Ông Rogers kiên định: Không phải toàn thể nhân dân Trung Quốc bên hai bờ Eo-biển Đài Loan đều nghĩ rằng Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Nhưng Kissinger gạt qua chống đối này, cho đó là tiểu tiết và cản trở vì Rogers tự ái không được dự vào cuộc thương thuyết. Bản tuyên bố có vài thay đổi nhỏ về hình thức vào phút chót, nhưng đoạn về Đài Loan được giữ nguyên.

Rogers đã đứng về mặt ngôn từ diễn tả—dù ông có thể sai khi muốn hành xử đúng trong thời điểm lịch sử đó. Sự thật là một số đông nhân dân Trung Quốc bên kia bờ Eo-biển Đài Loan đã và vẫn không chấp nhận quan điểm bản tuyên bố. Và đây là vấn đề mà Trung Quốc, Đài Loan, và Hoa Kỳ đang đối diện. Theo dòng thời gian, 21 triệu nhân dân Đài Loan ngày nay đã

---

<sup>i</sup> Nguyên văn: “The United States acknowledges that all Chinese on either side of the Taiwan Strait maintain there is but one China and that Taiwan is a part of China. The United States Government does not challenge that position. It reaffirms its interest in a peaceful settlement of the Taiwan question by the Chinese themselves.”

hành xử như một dân tộc có chủ quyền. Tổng-thống dân cử Đài Loan Lee Teng-hui, một nhà kinh tế được đào tạo ở Nhật và Hoa Kỳ, đã tuyên bố “nhân dân Đài Loan có chủ quyền.” Và như vậy, dù trên thực tế là Hoa Kỳ muốn bảo vệ sự-thật, trên lý thuyết Hoa Kỳ đã cam kết một điều-không-thật khi cho rằng toàn thể dân chúng trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt này nghĩ rằng họ cùng chung một nước.

ĐÃ TỪ LÂU DỰ ĐOÁN THÔNG THƯỜNG về đường lối ngoại giao tung hứng giữa Trung Quốc–Hoa Kỳ–Đài Loan sẽ theo tiến trình này: Chừng nào tuyên bố về chủ quyền Đài Loan của Trung Quốc không bị xúc phạm vì động thái của phong trào độc lập Đài Loan, thì Bắc Kinh vẫn hài lòng với hiện trạng. Nói cách khác thì Bắc Kinh đang chơi trò sĩ diện, chấp nhận để Đài Loan có một hệ thống chính trị và một chính quyền riêng nếu không làm Trung Quốc mất mặt. Một hệ luận của thuyết này là theo thời gian, giao tiếp hai bên sẽ dẫn đến hội tụ về kinh tế và chính trị, và như vậy trong tương lai một liên bang chính trị, một hình thức của thống nhất, sẽ ra đời. Lý luận này cho rằng hai quốc gia đã có một quan hệ sâu xa, vì vậy hai bên sẽ có lợi khi kiên nhẫn và ôn hòa. Một phần ba số điện thoại viễn liên quốc tế gọi từ Đài Loan là sang Trung Quốc. Doanh nhân giàu có của Đài Loan đã đầu tư khoảng \$30 tỷ USD vào đại lục; và trên thực tế thì Trung Quốc là vùng phát triển kinh tế quan trọng lớn nhất của Đài Loan vì họ đủ kỹ thuật và nguồn vốn để khai thác nhân công và đất đai Trung Quốc.

Có lẽ điều quan trọng nhất là thời gian đã bào mòn quá khứ thù hận giữa hai bên. Họ có cảm giác bất an và không tin nhau nhưng không có thù hận giữa người Đài Loan và Đại-lục. Vì dù

sao thì họ cũng nói cùng ngôn ngữ và có nhiều tương đồng văn hóa. Cạnh đó, hầu hết các chuyên gia đều đồng ý rằng với bất cứ toan tính cường chiếm Đài Loan bằng vũ lực nào, nhất là một cuộc xâm lăng toàn lực, Trung Quốc sẽ phải trả một giá đắt trên nhiều mặt, nhất là về quân sự vì quân đội Đài Loan trong tư thế sẵn sàng chống trả xâm lăng. Thêm vào đó là Trung Quốc sẽ phải gánh chịu một thiệt hại không lường về kinh tế và quan hệ quốc tế, nên giải pháp vũ lực có vẻ xa vời và ít khả năng xảy ra trong thập niên tới.

Nhưng hòa bình và quyền lợi quốc gia không xây dựng trên niềm tin vào cách hành xử thân thiện theo lý lẽ của những quốc gia khác, nhưng bằng nhận định sáng suốt về những biến chuyển làm lệch hướng và khác biệt về quyền lợi. Rõ ràng là khi nền dân chủ Đài Loan nở rộ rực rỡ và đảo quốc bắt đầu xác định vị thế độc lập của mình, Trung Quốc không còn hành xử thân thiện hay lý lẽ nữa. Ở một chừng mực nào đó thì đây cũng là một trong những bài học rút ra từ sự cố tháng Ba 1996.

Khủng-hoảng Eo-biển Đài Loan là một sự cố nổi tiếng, khởi đầu vì Trung Quốc bắt bìn từ những vụ việc trước đó. Một trong những vụ đó là Hoa Kỳ bán số máy bay F-16 trị giá \$6 tỷ đôla cho Đài Loan—do chính quyền Bush chấp thuận—để đổi lại việc Trung Quốc mua máy bay SU-27 từ Nga. Trung Quốc cũng lên án việc Đài Loan vận động để tái gia nhập Liên Hiệp Quốc. (Bị Bắc Kinh thay thế năm 1971.) Rồi chính quyền Clinton, bị Quốc Hội áp lực mạnh, vượt điều cấm kỵ trước đây và cho phép Lee vào Hoa Kỳ đọc diễn văn ở trường cũ là Đại-học Cornell—một sự kiện được Lee dùng đánh bóng hình ảnh độc lập của Đài Loan. Sự kiện này gây phản ứng mạnh đặc biệt từ phía Trung Quốc.

Những tuần đầu năm 1996, tình báo Mỹ và Đài Loan quan

sát PLA chuyển quân đối diện với Đài Loan. Nhưng đến ngày 5 tháng Ba, chỉ ba ngày trước khi khởi sự, Trung Quốc mới thông báo chương trình bắn tập hỏa tiễn, không tạc dùng đạn thật, và diễn tập hải quân trên Eo-biển Đài Loan. Thời điểm này được tính toán để phá cuộc bầu cử tổng thống tự do đầu tiên trong lịch sử Đài Loan vào ngày 23 tháng Ba. Vào ngày 8 tháng Ba, chỉ 15 ngày trước bầu cử, Trung Quốc phóng ba hỏa tiễn di động tầm trung M-II đến gần hai cảng lớn nhất của Đài Loan là Keelung phía bắc và Kaohsiung ở phía nam, để làm rối loạn vận chuyển đường biển.

Căng thẳng lên cao độ khi chính quyền Trung Quốc từ chối tuyên bố sẽ không sử dụng bạo lực để giải quyết vấn đề Đài Loan. Cũng trong ngày đầu tiên bắn tập hỏa tiễn, chính quyền Clinton tuyên bố hạm đội hàng không mẫu hạm *Independence* chỉ cách phía đông Đài Loan 200 dặm. Khi cuộc diễn tập của Trung Quốc mở rộng, chính quyền Clinton ra lệnh hàng không mẫu hạm thứ hai *Nimitz* và hạm đội đến vùng biển Đài Loan. Cuộc điều động hai hạm đội đánh dấu một trong những biểu dương lực lượng cứng rắn và khéo léo nhất của Hoa Kỳ ở ngoài nước trong nhiều năm.

Khi Trung Quốc cay đắng phàn nàn rằng động thái của Hoa Kỳ là can thiệp nội bộ, họ hiểu rằng đe dọa của họ đã bị lật tẩy và vô hiệu hóa. Khi khủng hoảng vừa xảy ra, một viên chức Trung Quốc cho một cựu ngoại giao Mỹ, ông Chas W. Freeman, biết rằng Trung Quốc sẵn sàng tấn công miền Tây nước Mỹ bằng đầu đạn nguyên tử nếu Hoa Kỳ bảo vệ Đài Loan bằng quân sự. Thủ-tướng Li Peng cảnh báo tàu bè Hoa Kỳ tránh xa Eo-biển Đài Loan. Một báo ngoại vi của Bắc Kinh phát hành ở Hồng Kông tuyên bố: “Với tập trung hỏa lực của pháo binh và phi đạn hướng dẫn, Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân có thể nhận chìm

kẻ thù xâm lược trong biển lửa.”<sup>2</sup> Nhưng trên căn bản thì Trung Quốc đã thất bại trong cuộc chạm trán này khi Lee đắc cử ở Đài Loan bằng một số phiếu cao hơn dự đoán. Trung Quốc ngừng tập trận, và Hoa Kỳ rút chiến hạm về.

Tin trên báo chí trong thời gian đó cho cảm tưởng cuộc khủng hoảng đến và đi nhanh chóng không để lại âm hưởng gì. Tuy nhiên, dư luận bỏ qua một số yếu tố giúp giải thích kết quả của sự cố tháng Ba và lý do Trung Quốc lao mình vào cuộc phiêu lưu này. Cảm tưởng chung là Trung Quốc đã tính toán sai lầm một cách vụng về làm nhân dân Đài Loan xa lánh và đưa Nhật Bản lại gần với Hoa Kỳ (như chúng ta sẽ đọc thêm sau). Trung Quốc gánh chịu thất bại nặng nề đó. Nhưng trên quan điểm của Trung Quốc thì cuộc thao diễn không phải hoàn toàn vô ích.

Cuối năm 1995, tình báo Mỹ và Đài Loan nhận được nhiều dấu hiệu cho thấy Trung Quốc có âm mưu xa hơn cuộc tập trận dùng đạn thật. Không ai biết những tin tức này thật hay giả do Trung Quốc cố tình tung ra. Nhưng theo nguồn tin thì Trung Quốc sẽ chiếm đóng một đảo nhỏ thuộc quyền Đài Loan trong Eo Đài Loan gần Quemoy hay Matsu—những đảo lớn nhất thuộc quyền Đài Loan gần tỉnh Fujian. Nguồn tin cho biết Trung Quốc sẽ giữ đảo một hoặc hai ngày, tuyên bố chiếm đóng thành công rồi rút quân. Điều này sẽ chứng tỏ Đài Loan bất lực chống trả một cuộc xâm chiếm như vậy, đồng thời cho thấy Hoa Kỳ bó tay khi Đài Loan cần giúp đỡ.

Giám đốc Cục An-ninh Quốc-gia<sup>i</sup> Đài Loan cho báo chí địa phương biết: “Trung Cộng đã chuẩn bị quân đội để tấn công các đảo tiền đồn nhằm đe dọa cuộc bầu cử tổng thống của ta.”<sup>3</sup> Cuộc tấn công không diễn ra. Nhưng tình báo Mỹ có khuynh hướng

---

<sup>i</sup> National Security Bureau

xem những tin tức loại này nằm trong ý đồ tạo một không khí bất định, gây hỏa mù cho những toan tính của Trung Quốc. Ví dụ điển hình là tháng Mười hai Trung Quốc cho Chas W. Freeman biết Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân đã chuẩn bị kế hoạch tấn công Đài Loan bằng phi đạn, mỗi ngày một phi đạn trong suốt 30 ngày—một hăm dọa khác đã không thành hình.<sup>4</sup> “Nhiều động thái của Trung Quốc là lần đầu tiên, và vì vậy khó đoán,” một viên chức tình báo Mỹ nói với chúng tôi. “Ta không chắc được người Trung Quốc sẽ làm gì và họ biết điều đó.”

Mục đích của không khí bất ổn này cho thấy mục đích ngầm của những động thái nặng phần trình diễn của Trung Quốc: Không chỉ đe dọa cử tri Đài Loan nhưng còn để thách nghiệm Hoa Kỳ, dò phản ứng của Washington. Khi Clinton gửi mẫu hạm *Nimitz* và *Independence* đến tây Thái Bình Dương, Hoa Kỳ đã phản ứng đúng, một biểu lộ rõ ràng rằng Hoa Kỳ sẽ không khoanh tay nhìn Trung Quốc động binh với Đài Loan. Trên thực tế thì cuộc biểu dương lực lượng này có lẽ đã ràng buộc Hoa Kỳ sâu hơn Clinton muốn. Việc gửi mẫu hạm lập nên một tiền lệ—nghĩa là Hoa Kỳ sẽ can thiệp nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan trong tương lai.

Tuy nhiên trên mặt khác thì phản ứng Hoa Kỳ đã chừa nhiều lỗ hổng cho Trung Quốc. Một khía cạnh khác của diễn tập quân sự này, mà ít người để ý đến, là nó hình thành một loại phong tỏa nhẹ Đài Loan của Đại-lục—qua việc Trung Quốc cảnh báo thuyền bè các nước tránh xa vùng biển trong thời gian tập trận. Việc Trung Quốc bắn hai phi đạn gần hai cảng lớn của Đài Loan là bằng chứng cho thấy Trung Quốc đang thử nghiệm hiệu quả của cuộc phong tỏa. Phong tỏa là một hình thức bao vây kinh tế, một phương cách mà nhiều chuyên gia nghĩ rằng Trung Quốc có thể sẽ dùng để ép Đài Loan vào thống nhất.

Trung Quốc có thể dựng phong tỏa nhiều lần, mỗi lần lại lâu hơn và bao trùm một địa lý lớn hơn lần trước.

Chiến lược đó sẽ làm cho Hoa Kỳ khó biết khi nào nên can thiệp vào, hơn là một cuộc tấn công trực diện vào Đài Loan do Trung Quốc chủ động. Và quả thực là chính quyền Clinton đã không có phản ứng rõ ràng về cuộc phong tỏa 1996 này dù nó xảy ra sau khi các mẫu hàm đã đến. Rồi phía Mỹ đã không phản ứng khi Li Peng cảnh báo Hoa Kỳ tránh xa Eo-biển Đài Loan, hoặc bằng phản đối chính thức, hoặc quyết liệt hơn là lập tức cho một mẫu hàm đi xuyên qua eo biển để chứng tỏ không để Trung Quốc áp đặt luật chơi lần này hoặc cho bất kỳ khủng hoảng nào trong tương lai. Tháng Mười hai năm trước, chính quyền Clinton đã tỏ cứng rắn khi gọi mẫu hàm *Enterprise* qua Eo-biển Đài Loan. Nhưng sau đó lại biến thành quả khiêm tốn đó thành một biểu lộ của sự yếu kém và giao động khi tuyên bố rằng *Enterprise* dùng eo biển chỉ vì thời tiết xấu—ngụ ý rằng Hải quân Hoa Kỳ không đúng khi sử dụng hải lộ quốc tế này.

Vì vậy Khủng-hoảng Eo-biển Đài Loan đã kết cuộc một cách mù mờ. Trung Quốc thất bại về ngoại giao. Nhưng họ đã đưa ra thông điệp là sẽ hành động nếu Đài Loan có những thay đổi làm phật ý họ. Trung Quốc cũng cho thấy khả năng là sẽ có những thử nghiệm ý chí với Hoa Kỳ ở vùng tây Thái Bình Dương, nhất là khi hải quân Trung Quốc hùng mạnh hơn. Có thể nói rằng thông số của lần đụng độ tới vì Đài Loan đã được xác định.

Nhiều người Đài Loan công bố đảo quốc của họ có quyền độc lập dựa trên cả lịch sử và pháp lý. Nhưng cho đến giờ, không một nước lớn hoặc cường quốc thế giới nào ủng hộ tuyên bố đó. Tuy nhiên nếu người Đài Loan mơ hồ xem mình là một phần của Trung Quốc mà đồng thời cũng nghĩ mình không



thuộc về Trung Quốc cũng là điều hợp lý. Trừ thời gian nội chiến 1945-1949, Đài Loan không thuộc quyền cai trị của bất cứ chính quyền Đại-lục nào từ năm 1895. Hơn nữa, trong năm mươi năm vừa qua, dù trên lý thuyết Đài Loan là một phần lãnh thổ Trung Quốc, họ đã đi một đường riêng, trở thành một cường quốc kinh tế trong vùng với mức sống như châu Âu và có một nền tự do dân chủ cao nhất mà một tập thể người Trung Quốc đã đạt được trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Ngay cả những quốc gia ủng hộ chính sách Đài Loan của Trung Quốc cũng có một chính sách mơ hồ. Họ không muốn chọc giận Trung Quốc bằng ủng hộ chính sách hai Trung Quốc, nhưng đồng thời thì đa số những quốc gia lớn trên thế giới đều có văn phòng thương mại bán chính thức ở Đài Loan, cấp visa cho công dân Đài Loan, và không để Bắc Kinh đại diện thay Đài Loan trong bất cứ việc gì—dù đó là kuota xuất khẩu vải dệt hoặc những vấn đề lớn hơn như buôn bán vũ khí. Như vậy trên thực tế, khi thế giới dò dẫm lẫn ranh giữa hiện thực và đối trá của bản Tuyên-bố Thượng Hải, họ đã đối xử Đài Loan như một trường hợp đặc biệt, rằng Đài Loan là một vùng đất riêng biệt: không thuộc về Trung Quốc, nhưng cũng không phải là độc lập.

Sự khác biệt hiện hữu trong suốt chiều dài lịch sử Đài Loan. Khi những tỉnh khác của Trung Quốc, cả những vùng còn tranh cãi, đã nằm trong quỹ đạo Trung Quốc hàng ngàn năm, thì Đài Loan chỉ thuộc Trung Quốc từ thế kỷ 17. Trước đó hòn đảo được xem là vùng hoang dã núi non hiểm trở và bờ biển sỏi rét của thổ dân không thân thiện mà người Trung Quốc ít giao tiếp. Trên thực tế thì người ngoại quốc đầu tiên định cư ở Đài Loan không phải là dân Đại-lục mà là các nhà thám hiểm và thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, và Hòa Lan định cư năm 1620. Toàn bộ đảo trở thành thuộc địa của Hòa Lan vào giữa thế kỷ

17. Dưới quyền Hòa Lan, Đài Loan buôn bán tấp nập với vùng Đông Ấn Hòa Lan (tức Indonesia ngày nay). Người Trung Quốc đầu tiên đến Đài Loan từ tỉnh Fujian đối diện với eo biển định cư gần hoặc trong những khu người Âu và mang theo phương ngữ Fujian (Phúc Kiến) vẫn còn được hằng triệu người Đài Loan chọn dùng trong sinh hoạt riêng ngày hôm nay.

Thời bấy giờ nhà Minh, bắt đầu suy thoái trong cuộc chiến tuyệt vọng với quân xâm lăng Mãn Châu phương bắc, đang cố thủ tỉnh Fujian và miền duyên hải Trung Quốc. Khi nhà Minh sụp đổ mở đường cho triều đại mới của Mãn Châu thì một trung thần nhà Minh nổi tiếng tên Koxinga<sup>i</sup> rút đến Đài Loan trú ẩn, như Kuomintang thời nay đã làm sau khi bị cộng sản đánh bại trong cuộc nội chiến năm 1949. Tương tự như các lãnh tụ Kuomintang, Koxinga dùng Đài Loan làm căn cứ tấn công Đại-lục (nhằm phục hưng nhà Minh), khác biệt ở đây là Koxinga đã mở những cuộc hành quân vào Trung Quốc trước khi bị đánh bại ở Nanjing (Nam kinh) năm 1659. Trên đường triệt thoái, Koxinga tấn công đồn binh của Hòa Lan ở Đài Loan để chiếm lấy đảo. Sự tồn tại của Koxinga và triều đại lưu vong của ông là mối đe dọa cho tân triều, một điều mà nhà Mãn Châu không thể chấp nhận được—tương tự như chính quyền của Lee với người Cộng-sản ngày nay.

Nhà Thanh đã mấy lần gọi quân chinh phạt Đài Loan—không để thu hồi lãnh thổ vì Đài Loan chưa bao giờ là lãnh thổ của Trung Quốc, nhưng để tận diệt các trung thần nhà Minh. Cuối cùng, một hải lực khổng lồ gồm hơn 300 chiến thuyền được qui tập ở Phúc kiến dưới quyền lãnh đạo của đề đốc Shi Long, một cựu thần nhà Minh hàng phục nhà Thanh nên cha,

---

<sup>i</sup> Koxinga, Coxinga: Là tên của Zheng Chenggong (Hán-Việt: Trịnh Thành-Công ) phiên âm sang tiếng Hòa Lan theo phương ngữ Fujian. (Nd)

con, và em bị Koxinga giết. Cuộc tấn công của Shi thành công, Đài Loan đầu hàng năm 1683, và hòn đảo nằm dưới quyền cai trị của vua Kangxi (Khang-Hy) nhà Thanh.<sup>5</sup>

Trong hai thế kỷ sau Đài Loan thuộc Trung Quốc cho đến khi nhà Thanh suy tàn dưới áp lực ngoại bang châu Âu, đế quốc Nhật, và do áp lực nội tại vì nội loạn, quản lý sai, và nghèo khó. Năm 1895, Trung Quốc bị Nhật đánh bại trong một trận hải chiến nhỏ và phải nhượng Đài Loan cho Nhật vĩnh viễn. Năm 1943, khi lãnh tụ Kuomintang Tưởng Giới-Thạch gặp Roosevelt và Churchill, hội nghị Cairo quyết định trả Đài Loan lại cho Trung Quốc sau khi Nhật Bản thua trận. Chính quyền Kuomintang tiếp thu Đài Loan năm 1945 với đường lối cai trị hống hách và thối nát—phong cách cai trị ở Đại-lục đã làm mất ủng hộ quần chúng và dẫn đến thất bại dưới tay Cộng-sản. Năm 1947, thống đốc của Tưởng ở Đài Loan, một quân phiệt tên Chen Yi, đã tàn bạo dập tắt cuộc nổi dậy ở Đài Loan, bắt giết hàng ngàn trí thức Đài Loan.<sup>1</sup> Với quyền hành tái lập trên đảo, Tưởng triệt thoái về đó năm 1949, trước khi đoàn quân chiến thắng Cộng-sản tràn đến, mang theo một triệu quân lính và gần như toàn bộ guồng máy hành chính của Kuomintang với những đảng viên

---

<sup>1</sup> Cuộc nổi dậy này được biết đến là 228 Incident (Sự-cố 228) hoặc 228 Massacre (Thảm-sát 228) bắt nguồn từ một vụ tịch thu hàng của một người già bán thuốc lá lẻ. Đến ngày hôm nay, nhiều sự thật của cuộc đàn áp đẫm máu này vẫn chưa được chính quyền Đài Loan tiết lộ: Bao nhiêu người chết? (Con số không chính thức hiện nay là 10,000–30,000.) Số phận của những người còn sống như thế nào? Lý do thực của cuộc đàn áp?

Cuộc nổi loạn không được báo chí, sách vở về lịch sử nói đến. Cho mãi đến gần đây, con em Đài Loan mới được học về cuộc thảm sát. Con cháu người biểu tình lớn lên không biết cha ông của mình đã bị chính quyền Kuomintang bách hại một cách tàn nhẫn. Năm 1995, Tổng-thống Lee Teng-hui, đã tham gia cuộc nổi dậy khi còn trẻ, thay mặt chính quyền xin lỗi dân chúng về biến cố này và đặt tên cho ngày lễ là "Ngày Tưởng-niệm Hòa-bình." (Nd)

vẫn còn áp ủ mộng chiếm lại quyền hành trên toàn lãnh thổ Trung Quốc.

Tưởng là một nhà độc tài tàn bạo cầm đầu một chế độ thiết quân luật tù đầy đối lập, nhất là thành phần gốc Đài Loan thiên về độc lập cho đảo quốc. Dù vậy, ủng hộ của Mỹ mạnh mẽ và chắc chắn hơn sau khi Chiến Tranh Đại Hàn bùng phát năm 1950; Hoa Kỳ và Đài Loan ký hiệp ước phòng thủ chung năm 1955 và có hiệu lực cho đến bảy năm sau chuyển đi Trung Quốc lịch sử của Nixon. Đài Loan chính thức đại diện Trung Quốc giữ ghế thường trực Hội-đồng Bảo-an Liên Hiệp Quốc (LHQ) cho đến khi bị Bắc Kinh thay thế năm 1971. Trong suốt 20 năm, khẩu hiệu “Phục-hồi Đại-lục” có mặt khắp hang cùng ngõ hẻm ở Đài Loan; chính quyền “Trung Hoa Tự-do” trở thành một lựa chọn dân chủ so với phần còn lại của Trung Quốc, mà người Đài Loan cho là đang quần quai dưới gông cùm cộng sản. Sự tuyên truyền che dấu thực trạng nền cai trị hà khắc của Kuomintang kéo dài cho đến khi Tưởng qua đời năm 1975, nhưng sự thực là ngay trong thời kỳ tệ nhất, dân Đài Loan vẫn có thịnh vượng và tự do hơn đồng bào của họ dưới chế độ Cộng-sản. Dưới Tưởng, Đài Loan thực thi một nền kinh tế tự do gần như toàn diện, và sinh hoạt đảo quốc nhanh chóng tiến gần đến tiêu chuẩn sinh hoạt Âu châu.

Dưới con của Tưởng, Tổng-thống Chiang Ching-kuo (Tưởng Kinh-Quốc), thiết quân luật dần dần được bãi bỏ, dù một số đối lập ủng hộ độc lập vẫn bị tù tội qua những phiên tòa sắp sẵn. Tuy vậy vào thập niên 1980, Đài Loan dân chủ hơn với tự do báo chí rộng rãi và hợp thức hóa đảng phái đối lập, gồm cả

đảng lớn nhất ủng hộ độc lập của người gốc Đài Loan.<sup>i</sup> Đến giữa 1980 thì Đài Loan không còn tù nhân chính trị. Và trên thực tế thì các cựu tù chính trị lập ra đảng lớn nhất ủng hộ độc lập là Đảng Dân-chủ Cấp-tiến (Democratic Progressive Party) mà chủ tịch Shi Ming-teh, một cựu tù nhân chính trị, chỉ thiếu một phiếu để đắc cử chủ tịch Quốc Hội năm 1995. Khi Lee Teng-hui đắc cử tổng thống năm 1996, ông đã tranh cử trên một chương trình gồm Đài Loan tự quyết và không để Đại-lục ép phải thống nhất. Dù Lee chính thức chống Đài Loan độc lập, dấu hiệu của chính phủ ông đưa ra rất vi tế và phức tạp chứ không đơn giản như lời nói.

Lee là người bản địa Đài Loan và điều này thể hiện sức mạnh đang lên của dân gốc Đài Loan trong những chức vụ quyền lực nhiều ảnh hưởng mà trước giờ vẫn do người từ Đại-lục nắm giữ và toàn quyền quyết định. Vì Trung Quốc can thiệp bầu cử trắng trợn, Lee trở thành biểu tượng thách đố Trung Quốc để người Đài Loan ủng hộ lập trường chống Bắc Kinh. Thêm vào đó là Lee đắc cử với 54 phần trăm số phiếu, cao hơn số thăm dò trước khi bị Trung Quốc đe dọa. Bộ máy tuyên truyền của Bắc Kinh thì cho rằng Đảng Dân-chủ Tiến-bộ chỉ được 21 phần trăm trong kỳ bầu cử tổng thống, ít hơn số 41 phần trăm trong kỳ bầu cử địa phương 4 năm trước, nhưng đó vẫn là một chỉ số mạnh mẽ cho tinh thần chống thống nhất ở Đài Loan. Nhìn chung thì phiếu bầu cho Lee và đảng chủ trương độc lập là khoảng 75 phần trăm tổng số, được xem là phản ứng mạnh mẽ đối với Bắc Kinh. Ông Parris H. Chang, một nhà lập pháp ủng hộ độc lập phát biểu “Đây là một cuộc trưng cầu dân ý không

---

<sup>i</sup> Người gốc Đài Loan là những người di dân từ tỉnh Fujian thế kỷ 17 và thổ dân Đài Loan(80% dân số), khác với người từ Đại-lục (20% dân số) đến cùng với Tưởng Giới Thạch sau khi bị Cộng-sản đánh bại năm 1947. (Nd)

chính thức, và tôi hy vọng Trung Quốc hiểu được thông điệp này: Đài Loan không muốn thống nhất với Đại-lục.”<sup>6</sup>

BẮC KINH CÓ LẼ hiểu thông điệp này, dù có thể rằng họ diễn dịch khác với Chang. Trong quan điểm của Bắc Kinh thì sự kiện nhục nhã 1996 là kết quả thất bại đương nhiên của đường lối ôn hòa với Đài Loan một phần tư thế kỷ qua. Giao tiếp, trao đổi kinh tế kèm với tuyên vận “đồng bào Đài Loan” trở về với “vòng tay tổ quốc” đã không đưa Đài Loan vào con đường thống nhất mà còn đẩy họ đi xa hơn theo hướng độc lập. Điều nghịch lý ở đây là chừng nào Kuomintang, kẻ thù truyền kiếp của người Cộng-sản, còn quyền lực độc tài và cho rằng họ là chính quyền hợp pháp của toàn thể Trung Quốc thì chừng đó chính sách Một Trung Quốc vẫn không bị thách đố công khai. Nhưng với nền dân chủ được xây dựng ở Đài Loan, nguyện vọng người dân được bày tỏ, và dù nhân dân Đài Loan không muốn khiêu khích Bắc Kinh bằng ủng hộ độc lập một cách lộ liễu, họ cũng không biểu lộ ý muốn thống nhất. Tình trạng đó đặt Bắc Kinh vào một thế khó xử.

“Chúng tôi không thể chấp nhận một Thượng Hải hay Phúc Kiến độc lập, thì làm sao có thể chịu được một Đài Loan độc lập?” Một chuyên gia ngoại giao cao cấp của Trung Quốc bày tỏ với chúng tôi trong cuộc phỏng vấn vài tháng sau kỳ bầu cử Đài Loan. “Và chúng tôi biết rằng những người ủng hộ Đài Loan độc lập là những kẻ thân cận với Lee Teng-hui.” Nhà phân tích này tiếp: “Tôi ngại nó có thể trở thành một vấn nạn chính trị cho Trung Quốc. Nếu Đài Loan ngả về khuynh hướng này, chúng tôi sẽ có một tranh luận gay gắt về việc dùng giải pháp vũ lực hay không, và một phía sẽ nói rằng quân sự là giải pháp duy nhất vì

thời gian không cho phép chúng ta đợi.” Hơn nữa, “Trong lịch sử, lãnh đạo Trung Quốc tin vào vũ lực. Bạo lực giải quyết Thiên An Môn. Bạo lực làm trí thức run sợ, đưa đến phát triển kinh tế và yên ổn về chính trị. Bạo lực là chính sách. Trên thang giá trị của Trung Quốc thì chủ quyền, thống nhất đất nước, bảo vệ chính quyền luôn luôn đứng cao hơn hòa bình.”

Nguy hiểm lớn nhất ở đây bắt nguồn từ sự chuyển hóa của Đài Loan. Vào thời điểm Trung Quốc tiến hành cuộc tập trận tháng Ba 1996 để đe dọa, ít người nhận ra vấn đề chính không nằm ở Đài Loan muốn độc lập hay không, mà ở nền dân chủ Đài Loan. Sức mạnh dân quyền chân chính của Đài Loan đe dọa phá toang quyền lực toàn trị Bắc Kinh. Điều đó giải thích một trong những lý do tại sao chính quyền Đại-lục không bao giờ nói đến khả năng sử dụng trung cầu dân ý ở Đài Loan như một giải pháp, và trên thực tế thì họ chưa bao giờ đề cập đến đến nguyện vọng của nhân dân Đài Loan trong vấn đề thống nhất cả. Vì nói đến nguyện vọng của nhân dân Đài Loan là mở đường cho tư tưởng cách mạng rằng nhân dân Đại-lục cũng có quyền lựa chọn lãnh đạo của họ như người Đài Loan—mà ở Trung Quốc, chỉ cần nói ra khái niệm này là người nói có thể lãnh án vài năm tù ngay.

Như vậy khó khăn mà Trung Quốc đang trực diện về vấn đề Đài Loan có thể trầm trọng hơn theo thời gian, và vì vậy áp lực của giải pháp vũ lực chiếm lại đảo cũng có thể gia tăng theo đó—trước khi đảo quốc đi xa hơn trên quỹ đạo riêng hoặc trước khi phát triển dân chủ ở Trung Quốc mang đến cho dân chúng những ý tưởng lệch lạc. Dĩ nhiên giải pháp đơn giản là Trung Quốc sẽ đi theo hướng chính trị của Đài Loan, nghĩa là không chỉ trở thành phồn vinh mà còn dân chủ hơn, dẫn đến sự hợp nhất của hai xã hội và dễ được người dân hai bên chấp nhận.

Nhưng như chúng tôi đã nêu ra trước đây, không có dấu hiệu nào cho thấy Trung Quốc đi theo chiều hướng này. Điều này có thể thay đổi trong tương lai, nhưng nếu không xảy ra, thì chính quyền dân chủ và nhân dân Đài Loan sẽ không chấp nhận thống nhất theo áp đặt của Bắc Kinh. Và với giải pháp ôn hòa không mang lại kết quả, Bắc Kinh sẽ phải lựa chọn một trong hai giải pháp khó tiêu còn lại: để Đài Loan tiếp tục như một thực thể độc lập vô hạn định hoặc bắt đầu dùng vũ lực, từ phong tỏa kinh tế đến tấn công quân sự cỡ nhỏ để gây áp lực chính trị, cho đến tấn công quân sự toàn diện.

Về phía Đài Loan thì viễn ảnh của giải pháp cuối cùng nói trên ít khả năng xảy ra. Hầu hết các nhà phân tích thời cuộc ở Đài Loan mà chúng tôi đã tiếp xúc đều tỏ lộ một lạc quan chung. Họ cho rằng Trung Quốc không thể chiếm Đài Loan bằng vũ lực mà không phá nát chiến lợi phẩm—cũng như sẽ hủy hoại quan hệ với thế giới. Tuy nhiên cũng có một số quan sát viên nghĩ khác. Họ ghi nhận rằng trong khoảng thời gian 1995-1996, truyền hình Trung Quốc đã nhiều lần tường thuật thành quả những chương trình chế tạo vũ khí. Những bản tin này kèm theo hình ảnh triển dụng hỏa tiễn M-9 và M-11, loại hỏa tiễn chủ lực tầm trung được bắn đến gần Đài Loan trong kỳ tập trận năm 1996. Những đoạn phim chiếu cảnh máy bay đang phóng hỏa tiễn không-đối-diện, dội bom, kịch liệt oanh tạc chiến hạm, và pháo kích. Những đoạn phim về thử nghiệm bom nguyên tử cũng được trình chiếu. Và không thiếu những nhận định, nói theo từ ngữ Trung Quốc, về “chiến tranh tân kỳ cao kỹ thuật, dùng bom chính xác, đối phó bằng điện tử và giàn phóng hỏa tiễn di động.” Các bản tin luôn luôn kèm theo hình ảnh bộ đội Trung Quốc đồng hô to khẩu hiệu chống đầu óc “ly khai” và đề cao thống nhất đất nước.



Lãnh đạo Trung Quốc cho biết một lịch trình không chính thức cho Đài Loan, một kế hoạch quan trọng hàng đầu trong chương trình quốc gia, từng bước một tiến đến thống nhất. Năm 1999, Trung Quốc sẽ tiếp thu thuộc địa Macau từ Bồ Đào Nha. Thủ-tướng Li Peng công bố sau Macau là đến Đài Loan. Kinh tế và quân lực Trung Quốc cũng sẽ gia tăng vào đầu thiên niên kỷ, khao khát thu tóm toàn bộ lãnh thổ lịch sử của Trung Quốc về một mối cũng mạnh hơn. Đây sẽ là một thay đổi to lớn, một đổi thay mang nhiều ngụ ý cho Hoa Kỳ. Hơn 25 năm qua, Trung Quốc đã theo quan điểm của Mao là Đài Loan không phải vấn đề cấp bách, và chỉ những vấn đề chiến lược lớn mới quan trọng. Nhưng hiện nay vấn đề chiến lược lớn không còn nữa, Trung Quốc chủ tâm trở thành một siêu cường toàn cầu. Và các siêu cường thế giới thường thiếu kiên nhẫn và ít thỏa hiệp khi đụng đến quyền lực và chủ quyền trên những vùng đất họ cho là lãnh thổ quốc gia. Ta cũng không nên bỏ qua niềm tin của Trung Quốc về chu kỳ lịch sử. Trung Quốc đang hồi phục, trở lại vị thế đứng đầu các nước, một vị thế bị mất do chu kỳ suy thoái vừa qua. Những tô giới trong tay đế quốc là những vùng đất trả lại cho Trung Quốc đầu tiên. Trên quan niệm này thì Đài Loan phải nằm trong đại sứ mạng phục hưng quốc gia.

Hoa Kỳ có thể gặp trở ngại khổng lồ ở đây. Chắc chắn chúng ta có thể lý luận vấn đề Đài Loan không liên quan đến Mỹ, rằng đó là một vấn đề rơi rớt của Trung Quốc và họ sẽ có cách giải quyết riêng. Tại sao Hoa Kỳ phải hy sinh nhân mạng để bảo vệ Đài Loan khi tình trạng đó chỉ là tồn đọng của cuộc nội chiến còn dang dở, hoàn toàn là một việc nội bộ như Trung Quốc thường mạnh mẽ tranh biện? Nếu Đài Loan sát nhập lại vào Trung Quốc thì có gì là ghê gớm? Đây không phải là vấn đề phó thác toàn thể dân chúng vào vòng tay ghê sợ của một chế độ

Stalinít chính thống. Trung Quốc đang phồn thịnh và tư bản chủ nghĩa hơn theo thời gian. Thống nhất có thể là điều tốt cho Đài Loan vì họ có khả năng và tiền để đầu tư vào nền kinh tế đang phát triển của Trung Quốc. Nhìn xa hơn, một khi Đài Loan đã sát nhập vào Đại-lục, đầu mối bất hòa lớn giữa hai quốc gia sẽ được tháo gỡ. Nhìn theo góc độ này, thì giải pháp cho vấn đề Đài Loan của Trung Quốc sẽ là giải pháp cho vấn đề Trung Quốc của Mỹ.

Nhưng nếu Trung Quốc quyết định tấn công Đài Loan bằng vũ lực thì Hoa Kỳ không còn lựa chọn nào khác ngoài can thiệp bằng quân sự. Dù muốn dù không, người Mỹ cũng đã vào cuộc, đã cam kết theo giải pháp hòa bình—nghĩa là một giải pháp được nhân dân Đài Loan chấp nhận. Năm 1996, khi Hoa Kỳ gửi hai mẫu hạm đến Tây Thái Bình Dương vào lúc Trung Quốc đe dọa Đài Loan, cả hai đảng Cộng-hòa và Dân-chủ đều ủng hộ động thái này.

Cho dù Trung Quốc điên cuồng, Hoa Kỳ vẫn phải tiếp tục cung cấp Đài Loan vũ khí cao cấp trị giá hàng trăm triệu, đáng kể nhất là số 150 chiến đấu cơ F-16 để tăng cường phòng thủ vùng trời đảo quốc. Hoa Kỳ phải tiếp tục việc này vì lý do dễ hiểu là Đài Loan càng yếu thì khả năng Trung Quốc xâm chiếm lại càng dễ xảy ra. Và nếu Đài Loan không chống được xâm lăng của Trung Quốc thì toàn bộ cân bằng quyền lực ở Á châu sẽ đảo lộn, một cân bằng đã gìn giữ hòa bình và tạo một thịnh vượng chưa từng thấy trong phần tư thế kỷ vừa qua.

Hơn nữa, nếu Hoa Kỳ không quyết tâm can thiệp vào xung đột Đài Loan–Trung Quốc, thì sẽ không thế lực nào có thể ngăn cản thống trị của Trung Quốc trên toàn cõi Đông Á, và đây là một sự thật được thấu triệt từ Australia cho đến Tokyo. Hình thức Mỹ can thiệp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của Đài

Loan và mức độ hung bạo của cuộc tấn công Trung Quốc. Nhưng dù tham dự dưới hình thức nào, bất cứ chiến tranh nào xảy ra trên Eo-biển Đài Loan sẽ bắt đầu cho một giai đoạn xung đột mới giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, một chuyển dịch từ thế chiến lược đối diện bên hai bờ Thái Bình Dương sang chiến tranh mà tuyệt đối không mang bất kỳ lợi ích gì cho ai.

## Chính sách Nhật Bản của Trung Quốc

NGÀY 23 THÁNG HAI, 1996, thủ tướng Nhật Bản Ryutaro Hashimoto bay từ Tokyo đến Los Angeles để gặp Bill Clinton. Buổi họp chỉ kéo dài 60 phút xen giữa buổi đánh golf ở Hillcrest Country Club và bữa ăn tối của tổng thống Mỹ tại biệt thự nhà sản xuất phim ảnh và âm nhạc David Geffen ở Beverly Hills. Báo chí hai nước dễ tin theo tuyên bố chính thức về mục đích buổi họp mặt ở Hotel Sheraton Miramar cạnh bờ biển Santa Monica là để làm quen, một loại *tiền hội nghị* cho những vấn đề giữa hai nước trong chương trình nghị sự khi Clinton đến Tokyo họp vào tháng Tư.

Nói cách khác là phát ngôn viên của hai vị nguyên thủ quốc gia muốn dân chúng họ tin rằng thủ tướng Nhật Bản bay suốt ngày đêm (tính theo giờ Nhật) chỉ để chuyện trò một tiếng rưỡi đồng hồ về những thủ tục thông thường với một tổng thống mà ông sẽ gặp trên đất nhà trong hai tháng nữa. Các thủ tướng Nhật thường không bỏ công phí sức như vậy để gặp gỡ làm quen, cho

dù người đó là tổng thống Mỹ. Như vậy sự thật về chuyến đi vội vã của Hashimoto là gì?

Manh mối là ở thời điểm buổi họp. Vào ngày 23 tháng Hai, Hashimoto trực diện với nguy hiểm bị lôi kéo bởi các lực lượng đối nghịch. Một là đe dọa của Trung Quốc. Như nhiều người trong hàng ngũ chính trị ưu tú Nhật Bản, Hashimoto tin rằng đe dọa chiến lược trầm trọng nhất của Nhật đến từ một Trung Quốc quả quyết hơn. Vào lúc cuộc họp ở Santa Monica kết thúc, tình báo Nhật nhận thấy một khủng hoảng quân sự lớn có khả năng xảy ra trong cuộc đối đầu giữa Trung Quốc và Đài Loan. Đó là sự kiện mới nhất từ Trung Quốc làm Nhật Bản quan ngại. Tháng Mười năm trước, 1995, thủ tướng tiền nhiệm Hashimoto là Tomiichi Murayama của đảng xã hội đã chấp thuận sửa đổi Đề-cương Chương-trình Quốc-phòng Nhật Bản (Japan's National Defense Program Outline) đưa liên minh an ninh Nhật-Mỹ lên tầm quan trọng hơn cả cao điểm thời Chiến Tranh Lạnh.

Lực đối nghịch còn từ chính trị trong nước. Cuối 1995, công chúng Nhật bất mãn về mối liên minh với Hoa Kỳ hơn bao giờ hết. Trên thực tế là đã từ lâu các nhà lập chính sách ở Tokyo bị bó tay bởi khuynh hướng hòa bình và chống quân sự hoá của quần chúng Nhật, e ngại hiện diện của quân đội Mỹ trên đất Nhật nhiều hơn là sự bành trướng nhanh chóng của thế lực Trung Quốc ở Đông Á. Mùa thu năm 1994, khi khủng hoảng về chương trình bom nguyên tử Bắc Hàn lên cao điểm, Tokyo từ chối gởi hai tàu dò mìn giúp hải quân Mỹ ở Yellow Sea theo yêu cầu của Hoa Kỳ. Năm sau, ba lính Mỹ đóng ở Nhật hãm hiếp một nữ sinh ở Okinawa, công chúng phản nộ đòi Mỹ cắt giảm số quân ở Nhật. Bảy mươi bảy phần trăm dân chúng Nhật thăm dò trong tháng Mười một 1995 cho biết muốn “cắt giảm lớn” lực lượng Hoa Kỳ.<sup>1</sup> Thời đó, nhiều người cho rằng mối liên minh

đường như đang dần dần tan rã. Trước tình hình mùa thu năm 1995 đó, đại sứ Hoa Kỳ ở Tokyo là Walter F. Mondale sau này cho biết “Có nhiều nghi vấn về quan hệ an ninh.”<sup>2</sup>

Tuy nhiên, trước khi Hashimoto gặp Clinton vào tháng Hai, Tokyo đã quyết định ngược lại với công luận là thất bại quan hệ quân sự với Hoa Kỳ và công bố tầm quan trọng của quan hệ. Nhưng về chính trị, để có thể thực hiện được điều này, Hashimoto cần Clinton. Chính vì lý do đó mà ông đến Santa Monica. Hashimoto yêu cầu Clinton hứa cắt giảm lực lượng Hoa Kỳ ở Okinawa, nơi đa số quân đội Mỹ trú đóng và cũng là nơi đã xảy ra vụ hãm hiếp. Trên nguyên tắc, Hoa Kỳ chấp nhận trả lại một phần năm diện tích căn cứ Mỹ ở Okinawa đang sử dụng. Clinton đồng ý đóng cửa dần dần Căn-cứ Không-quân Futenma nằm ngay giữa thành phố Gonowan.<sup>3</sup> Thỏa thuận ở Santa Monica có tầm quan trọng lịch sử.<sup>4</sup> Hashimoto hiểu rõ thất bại tương quan quân sự Nhật Mỹ là chọc giận Bắc Kinh. Tuy nhiên đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại, Nhật Bản đã hành xử trên giả định rằng Trung Quốc là mối đe dọa cho hòa bình và ổn định ở châu Á. Sau khi trở lại Tokyo, Hashimoto tuyên bố rằng Bắc Kinh “có thể đang lệch hướng ở Á châu,”<sup>5</sup> một tuyên bố thẳng thắn theo mẫu mực ngoại giao của người Nhật. Tóm lại, Nhật Bản bắt đầu chọn bạn trong cuộc tranh hùng này vì không thể đứng ngoài tranh chấp như ý muốn được nữa. Nói điều này không có nghĩa là trong tương lai, chính sách của Nhật Bản về Trung Quốc và Mỹ sẽ mãi mãi không thay đổi. Sự miễn cưỡng của Nhật Bản, lòng mong muốn làm bạn với cả đôi bên, lợi ích từ quan hệ đặc biệt với Trung Quốc, tinh thần bài Mỹ của công chúng Nhật, và quan trọng hơn hết là sức mạnh đang lên của Trung Quốc, một ngày nào đó có thể thúc đẩy các nhà lập chính sách Nhật Bản đổi ý và rời quan hệ an ninh vững chắc với Hoa

Kỳ.

Nhưng cuối năm 1996, Nhật quyết định đi với Mỹ vì mối đe dọa Trung Quốc.

Sau chuyến đi Santa Monica, Hashimoto ủng hộ Clinton trong Khủng-hoảng Eo-biển Đài Loan khi Clinton quyết định gửi hai lực lượng hàng không mẫu hạm đến vùng biển Đài Loan, thể hiện Hoa Kỳ quyết tâm ngăn chặn nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan hoặc đe dọa hải lộ các quốc gia khác. Mong muốn của Nhật Bản rằng Hoa Kỳ phải minh định lập trường trong khủng hoảng Đài Loan là một trong những nguyên nhân chính để Clinton tỏ thái độ quyết liệt. Khi cuộc họp hai ngày vào tháng Tư giữa hai nước diễn ra, người ta không thấy tranh cãi gay gắt về mâu dịch thường xảy ra trong những cuộc họp thượng đỉnh Nhật-Mỹ trước đó. Phần quan trọng nhất trong chuyến đi của Clinton là buổi đồng công bố cho Tuyên-bố Chung Nhật-Mỹ về Liên-minh An-ninh cho Thế-kỷ 21.<sup>i</sup> Nhật tái xác định hiện diện quân sự Mỹ ở Á châu là “trọng yếu cho hòa bình và ổn định.”<sup>6</sup>

Nhật đồng ý để quân đội Mỹ dùng Nhật Bản làm căn cứ hành quân cho những khủng hoảng xảy ra ở Bán-đảo Đại Hàn hoặc Đài Loan. Nhật cũng cam kết để Hoa Kỳ giữ nguyên quân số như trước. Ngay cả khi nhiều người Nhật còn đang biểu tình lên án Hoa Kỳ là “chiếm đóng trái phép,” hai phía đồng ý sẽ đàm phán lại điều lệ trong bản hợp tác quân sự năm 1978. Đây là một hình thức tuyên bố rằng Nhật sẽ xét lại Hiến-pháp cấm quân đội hoạt động ngoài lãnh thổ quốc gia.

Báo chí Hoa Kỳ không nói đến tuyên bố này nhưng Trung Quốc đã nhận ngay ra tầm quan trọng: một thay đổi trong chính sách Nhật Bản nhằm cân bằng sức mạnh đang lên của Trung Quốc và đã tìm cách cản trở, hoặc ít nhất là làm suy yếu, hiệp

---

<sup>i</sup> Japan-U.S. Joint Declaration on the Security Alliance in 21<sup>st</sup> Century

ước an ninh này. Trung Quốc gọi bộ trưởng ngoại giao Qian Qichen đến Nhật hai tuần trước chuyến đi của Clinton trong tháng Tư 1996. Qian công khai lên tiếng quan ngại về hiệp ước an ninh sắp được ký kết, một thủ thuật ngoại giao để thuyết phục Nhật Bản đổi ý.<sup>7</sup> Tuy nhiên, ông ta đã thất bại. Đây là giá mà Bắc Kinh phải trả cho những hành động hung hãn trên Eo-biển Đài Loan mấy tuần trước và trên hải lộ của Nhật Bản ở Nam Hải, nơi Trung Quốc đã chiếm hòn Mischief Reef từ Philippines năm 1995.

Khi bản tuyên ngôn Nhật-Mỹ vừa được công bố, Trung Quốc lập tức lên tiếng chỉ trích. Ngay ngày hôm sau, phát ngôn viên Bộ Ngoại-giao lên tiếng: “Bất cứ ý đồ nào nhằm mở rộng bố trí an ninh ra ngoài quan hệ hai nước sẽ là mối quan tâm và cảnh giác cho các quốc gia Á châu khác.”<sup>8</sup> Lu Zhongwei, phó chủ tịch Viện Quan-hệ Quốc-tế Đương-đại Trung Quốc<sup>i</sup> một *think tank* liên hệ với Bộ An-ninh Quốc-gia Trung Quốc<sup>ii</sup> tuyên bố: “Hiệp ước này là một sắp xếp chiến lược của chính sách Hoa Kỳ ở Á châu và Thái Bình Dương. Hiệp ước không để phòng thủ mà tấn công.”<sup>9</sup> Suốt nhiều tháng sau đó, chiến dịch bài Nhật được phát động và lên cao. Khi chúng tôi đến Trung Quốc vào tháng Tám 1996, giới phân tích gia và học giả mọi ngành nghiên cứu chính sách của chính phủ đều đồng thanh chống lại liên minh Nhật-Mỹ bốn tháng trước đó. “Liên minh Mỹ-Nhật có tính cách phòng thủ cho đến năm 1996” là một trong những phê bình chúng tôi được nghe ở Viện Nghiên-cứu Á châu-Thái Bình Dương<sup>iii</sup> ở Thượng Hải. Một viên chức cao cấp ở Trung-tâm

---

<sup>i</sup> China Institute of Contemporary International Relations

<sup>ii</sup> Ministry of State Security

<sup>iii</sup> Institute of Asia-Pacific Studies



Nghiên-cứu Chiến-lược Trung Quốc<sup>i</sup> ở Bắc Kinh cho biết, “Chúng tôi không quan tâm người Mỹ bảo vệ Nhật Bản, nhưng chúng tôi quan tâm đến việc mở rộng hiệp ước đó để bao gồm toàn vùng châu Á-Thái Bình Dương và khuyến khích vai trò quân sự của Nhật. Đó là một điều rất tiêu cực.” Nhiều tháng sau, Bắc Kinh vẫn lên án Hoa Kỳ và Nhật Bản về việc biến liên minh hai nước thành một hiệp ước “tấn công” nhắm vào Trung Quốc.

Phản ứng này thể hiện một thay đổi. Kissinger, trong hồi ký 1979, kể chi tiết việc lãnh đạo Trung Quốc trong thập niên 1970 thúc đẩy chính quyền Mỹ giữ một quan hệ an ninh chắc chắn với Nhật. “Có lần Mao còn đi xa hơn khi cố vấn tôi mỗi khi đến Á châu phải ở Tokyo lâu bằng thời gian ở Bắc Kinh; phải kính trọng danh dự của người Nhật.” Quả thực là Trung Quốc nhấn mạnh rằng quan hệ Mỹ–Nhật quan trọng hơn quan hệ Mỹ–Trung”<sup>10</sup> Đó là thời mà người Trung Quốc hiểu dù xưng là cường quốc, trên thực tế họ yếu kém, và ngoại giao toàn cầu của họ là nhằm xây dựng khối chống-Xô Viết toàn cầu.

Khi Chiến Tranh Lạnh kết thúc, Trung Quốc nhìn chung cứng rắn hơn đối với Nhật, mạnh mẽ đòi hỏi Nhật phải nhìn nhận tội ác trong Thế Chiến II. Như chúng tôi đã trình bày, lãnh đạo Trung Quốc đang khuấy động tinh thần ái quốc bài ngoại, và những lời gay gắt nhắm vào Nhật sau khi Xô Viết sụp đổ có thể xem là một phần của chiến thuật đó. Bộ máy tuyên truyền chuyển giọng thù địch một cách đột ngột sau công bố về hòa ước an ninh Nhật–Mỹ, mà Trung Quốc đã đứng khi nhận định đó là một sự kiện mới ở Á châu, một phản ứng bất lợi từ những thế lực Thái Bình Dương cho tham vọng đang lên của Trung Quốc.

---

<sup>i</sup> China Center for Strategic Studies

VÌ MỤC ĐÍCH CỦA TRUNG QUỐC là làm bá chủ châu Á, nên mục tiêu liên đới là phải kèm giữ Nhật Bản trong tình trạng mà một học giả gọi là “thuần phục chiến lược vĩnh viễn.” Dĩ nhiên không thẳng thừng như vậy trong ngôn ngữ ngoại giao, nhưng Trung Quốc không che dấu ý muốn Nhật vĩnh viễn không vũ trang và do đó sẽ không khả năng chống lại bành trướng quân sự của Trung Quốc. Nói cách khác thì mục đích chiến lược của Trung Quốc là ngăn chặn Nhật trở thành một quốc gia “bình thường,” với quyền tự quyết về nhu cầu an ninh và xây dựng một quân đội cho nhu cầu đó.

Đó thật là điều trớ trêu khi muốn giữ một dân tộc 120 triệu người, với nền kinh tế thứ hai toàn cầu, trong một tình trạng vĩnh viễn lệ thuộc vào quốc gia khác cho nhu cầu an ninh căn bản. Nhưng đến giờ thì không quốc gia nào công khai lên tiếng bác bỏ điều đó—kể cả Nhật. Suốt 50 năm, kể từ cuối Thế Chiến II, việc Nhật Bản từ bỏ một lực lượng quân sự có khả năng tấn công—nghĩa là làm một cường quốc kinh tế nhưng nhược tiểu về quân sự và ngoại giao—đã là một thực tế được thừa nhận trên quan hệ quốc tế. Và đó cũng là một yếu tố kiên định trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc. Trên diễn đàn quốc tế và báo chí quốc doanh, Trung Quốc đề cao quan niệm Á châu không thể tin Nhật Bản sẽ không gây lại chiến tranh, rằng Nhật Bản là mối đe dọa thực sự cho hòa bình.

Guồng máy tuyên truyền và tuyên bố của lãnh tụ Bắc Kinh luôn luôn nhắc đến tội ác chiến tranh của Nhật là một phần lớn trong nỗ lực đó. Tội ác chiến tranh Nhật Bản gồm vụ “hãm hiếp Nam Kinh” khét tiếng năm 1937, và vô số những hành động dã man khác, là sự thật và cũng dễ thông cảm nếu Trung Quốc muốn giữ kỷ ức đó sống mãi như một trách nhiệm đạo đức cho tinh thần người chết và am hiểu lịch sử. Nhưng khi dân chúng

Trung Quốc phần nộ với Nhật thì rõ ràng là lãnh đạo họ muốn dùng quan điểm tội ác chiến tranh này vào chiến lược giữ Nhật Bản trong thế yếu và lệ thuộc trên quốc tế. Lãnh đạo Trung Quốc luôn luôn mơ hồ một cách đáng ngờ về việc Nhật phải làm gì để tạ lỗi cho vữa lòng họ. Hiệp-ước Hoà-bình và Hữu-nghị (Peace and Friendship Treaty) năm 1978, chính thức đánh dấu chấm dứt thù hận Trung-Nhật, đã không đề cập đến tội lỗi chiến tranh hay những vấn đề tồn đọng của Thế Chiến II. Nhưng từ khi hiệp ước này được ký kết, Trung Quốc thỉnh thoảng lại đòi hỏi sự tạ lỗi chính thức. Chính vì vậy mà nhiều thủ tướng, kể cả hai vị gần đây là Hosokawa và Murayama, đã chính thức lên tiếng tạ lỗi cho quá khứ của Nhật Bản. Nhưng Trung Quốc luôn kiên định khơi dậy đề tài tội ác chiến tranh, phát hành vô số tài liệu cáo buộc vô căn cứ hoặc không thể kiểm chứng được: Ví dụ như cáo buộc quân đội Nhật đã sử dụng chiến tranh sinh hoá vào dân Trung Quốc trong thời chiến gây nên dịch tả ở nhiều làng bị chiếm đóng. Khách từ Nhật bị hướng dẫn viên Trung Quốc áp lực đến xem những viện bảo tàng trưng bày “tội ác” chiến tranh Nhật Bản.

Cuối năm 1996, bàn tay chính quyền trong phong trào chống Nhật còn lộ rõ hơn khi chính quyền bất ngờ cấm tổ chức biểu tình tưởng niệm ngày Nhật chiếm Manchuria (Mãn Châu) năm 1931 ở nhiều thành phố. Hàng ngàn cảnh sát được huy động cho chiến dịch này; nhiều người tổ chức biểu tình bị gọi đến những vùng xa thành phố, một số khác bị quản thúc tại gia; đại học được lệnh ngăn cấm học sinh “làm hại đến ổn định.” Ở Trung Quốc người ta cho rằng chính quyền không ngại những cuộc biểu tình chống Nhật này, nhưng sợ chúng có thể biến thành chống chính quyền như Thiên An Môn.<sup>11</sup> Dù lý do là gì, nó cho thấy rõ chính quyền Bắc Kinh xem cảm tính bài Nhật chỉ

là công cụ cho mục tiêu quốc tế—làm tăng mặc cảm tội lỗi chiến tranh của người Nhật và thúc đẩy các nước chống Nhật tái vũ trang. Nhưng trong khi đó thì Đảng Cộng-sản Trung Quốc lại không tỏ lộ trách nhiệm tinh thần nào cho những tội ác chính tay họ gây ra cho đồng bào khi đất nước trải qua những năm tháng tù đầy tập thể, trại lao động cải tạo, nạn đói do chính trị gây nên đầu thập niên 1960, hoặc cuộc tàn sát người biểu tình đòi dân chủ ở Thiên An Môn.

Vì thừa nhận những tội ác đó—ước chừng 30 triệu người thiệt mạng trực tiếp do chính sách sai lầm của người Cộng-sản trong những năm 1949–1972—là làm sút mẻ quyền lực của lãnh tụ Trung Quốc. Nhưng áp dụng một chuẩn mực đạo đức cao cho người Nhật là làm tăng quyền lực, và điều này hợp với quyền lợi chiến lược của Trung Quốc. “Không thể chấp nhận được một Nhật Bản hùng cường vì Trung Quốc đã quá nhiều đau khổ trong cuộc xâm lăng của Nhật.” Xie Xie, một thành viên trong Hội-ngị Cố-vấn Chính-trị Nhân-dân Trung Quốc,<sup>i</sup> một loại cơ quan tư vấn, phát biểu ở Đại-học Fudan Thượng Hải. “Nếu có một quốc gia nào muốn thống trị Á châu trong tương lai, quốc gia đó là Nhật Bản,” một học giả của một tổ chức nghiên cứu bán công bán tư ở Bắc Kinh về chính sách ngoại giao, đã cho chúng tôi biết như vậy. “Ở vùng Á châu—Thái Bình Dương, một Nhật Bản tái vũ trang là hiểm họa lớn về an ninh.”

Trung Quốc đang thực hiện chiến dịch giữ Nhật Bản yếu kém bằng nỗ lực ngoại giao ở châu Á nhằm nuôi dưỡng một loại mặt trận chống Nhật. Năm 1995 và 1996, các nhà ngoại giao Thái Lan và Singapore đã cho chúng tôi biết rằng phái đoàn Trung Quốc từ lâu đã đem “hiểm họa Nhật Bản” vào chương trình nghị sự kín giữa hai nước. Thông điệp chính của ngoại

---

<sup>i</sup> Chinese People's Political Consultative Conference

giao Bắc Kinh là Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á có chung quyền lợi để ngăn chặn Nhật Bản trỗi dậy ở Á châu và đặc biệt là không bao giờ để Nhật trở thành một thế lực quân sự trong vùng. Lập lại thông điệp này ngay sau tuyên bố an ninh Nhật-Mỹ, một phát ngôn viên Bộ Ngoại-giao phát biểu: “Nếu Lực Lượng Tự Vệ Nhật tăng cường vũ trang, thì đó là mối quan tâm và cảnh giác của các nước Á châu.”<sup>12</sup> Trong một bình luận về tranh chấp Quần đảo Senkaku (Trung Quốc, Đài Loan và Nhật đều giành chủ quyền), tờ *Nhân Dân Nhật Báo* viết “Ta thấy một số người Nhật quá kiêu hãnh đến độ hoang tưởng. Các dân tộc Á châu phải tìm cách làm dịu đầu óc kiêu căng đó, không để chúng xuẩn động... Phải đề cao cảnh giác mọi hành động của Nhật.”<sup>13</sup>

Những nhân vật được phỏng vấn năm 1996 vạch cho chúng tôi thấy rõ mục tiêu chiến lược dài hạn của Trung Quốc là thúc đẩy các quốc gia khác, luôn cả Hoa Kỳ, vào chung một hiệp ước chính thức, nguy trang bằng mục đích bảo đảm an ninh cho Nhật Bản vĩnh viễn, nhưng thực chất là để lập rào cản cố định không bao giờ để Nhật trở thành một quốc gia “bình thường.” Các nước ký kết sẽ gồm Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ và Nhật Bản, ba nước đầu bảo đảm an ninh cho Nhật Bản, đồng thời Nhật sẽ cam kết vĩnh viễn vào một chính sách ngoại giao hòa bình-trung lập và đồng ý tự giới hạn mình với một lực lượng phòng vệ nhỏ.

TRÊN QUAN ĐIỂM của Trung Quốc thì họ có lý do chính đáng để cảnh giác. Nhật Bản tiến đến một quan hệ chắc chắn với Hoa Kỳ chính là điều họ muốn tránh—điều này chứng tỏ sự ngu xuẩn của động thái hù dọa trong vụ Eo-biển Đài Loan vì đã đưa đến tình huống này. Trung Quốc biết nếu lấy một-chọi-một—giữa

Trung Quốc và Nhật Bản trên chiến lược hoặc quân sự—thì cuối cùng phần thắng sẽ về Trung Quốc. Chỉ bằng kích thước lớn—đo bằng diện tích, dân số, kinh tế, và quân sự—họ sẽ đủ sức kèm chế Nhật Bản với một phần mười dân số và Lực-lượng Tự-vệ nhỏ chưa từng chiến tranh. Cũng vậy, Hoa Kỳ thì thiếu chỗ dựa để cân bằng sức mạnh đang lên của Trung Quốc. Mỹ cần Nhật—để có đất đóng quân, phụ vào chi phí quân sự Mỹ ở Á châu, và cuối cùng là nhân lực cho quân đội.

Vì sao thất chắc quan hệ Hoa Kỳ–Nhật Bản năm 1996 lại làm rung động chiến lược gia Trung Quốc như vậy? Sự thật là ít nhất cho đến giữa thập niên 1980, Trung Quốc nhận định chính xác rằng cốt lõi của hiệp ước nguyên thủy giữa Hoa Kỳ–Nhật là cam kết đơn phương của Hoa Kỳ, để bảo vệ Nhật khi bị nước khác tấn công. Cam kết này là kết quả tự nhiên của “Hiến-pháp Hoà-bình” mà Hoa Kỳ đã áp đặt lên Nhật sau chiến thắng Thế Chiến II; theo đó Nhật từ bỏ chiến tranh và tự giới hạn mình vào một Lực-lượng Tự-vệ khiêm tốn, không khả năng chống trả xâm lăng của bất cứ cường quốc quân sự nào, chưa nói đến một cuộc tấn công bằng nguyên tử. Lực-lượng Tự-vệ cũng không đủ sức bảo vệ những hải lộ sinh tử cho nền kinh tế mậu dịch của Nhật Bản. Vì vậy, tất cả đều hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ thoả mãn cho những nhu cầu an ninh đó, một phần bằng cách cho quân đội đồn trú ở Nhật từ Okinawa phía nam đến Hokkaido phía bắc.

Ở cao điểm Chiến Tranh Lạnh, khi cả Trung Quốc và Nhật đều bị Liên-bang Xô Viết đe dọa, Trung Quốc hài lòng khi thấy Nhật là đồng minh kiên quyết của lực lượng chống Xô Viết do Hoa Kỳ dẫn đầu. Khi hiểm họa Xô Viết không còn và Chiến Tranh Lạnh chấm dứt, lúc đầu Trung Quốc kết luận rằng hiện diện quân sự Mỹ vẫn còn phục vụ quyền lợi Trung Quốc, tới thiểu là ở hiện tại. Đường như Trung Quốc nghĩ rằng chừng nào

Hoa Kỳ còn bảo vệ, Nhật sẽ không xây dựng một quân đội đủ sức phòng thủ và bảo vệ các hải lộ. Trên quan điểm của Trung Quốc thì Hoa Kỳ giúp họ kèm giữ Nhật Bản.

Điều mà Trung Quốc không ngờ là hiệp ước phòng thủ Hoa Kỳ–Nhật Bản bắt đầu tiến triển theo chiều hướng của một liên minh thực thụ, nhằm cân bằng sức mạnh đang lên của Trung Quốc. Bắc Kinh hy vọng rằng hiện trạng sẽ kéo dài mãi mãi, nhưng họ cũng suy đoán sắp đặt này tự nó sẽ từ từ tan rã. Cảm tính bài Mỹ ở Nhật đóng vai quan trọng cho kết cuộc đó. Trung Quốc còn tin rằng người Mỹ sẽ mỏi mệt vì bảo vệ Nhật miễn phí trong khi thặng dư mậu dịch cứ nghiêng về phía Nhật mà thiệt hại cho Mỹ. Những nhà tư tưởng chiến lược khôn ngoan của Trung Quốc cho rằng rồi cuối cùng các nhà lập pháp và dân chúng Mỹ sẽ phản đối loại thỏa thuận một chiều như vậy.

Chiến lược gia Trung Quốc tin rằng khi quan hệ Nhật–Mỹ suy yếu, một phát triển quan trọng khác sẽ xảy ra, đó là sụp đổ không tránh khỏi của Bắc Hàn và thống nhất trên Bán-đảo Đại Hàn. Bắc Kinh khó xử khi công khai điều này vì hữu nghị lâu đời với chế độ Cộng-sản cực chính thống Bắc Hàn, nhưng Bắc Kinh phải nhìn nhận rằng chế độ phá sản đất nước đó đã đi vào ngõ cụt, và có khả năng thống nhất dưới tay Nam Hàn trong một hoặc hai thập niên tới. Các chuyên gia nghiên cứu quốc tế Trung Quốc tiết lộ với chúng tôi rằng họ không nghĩ quân đội Mỹ sẽ ở Đại Hàn sau khi thống nhất bắt đầu, đây là một tiên đoán thực tế vì hiểm họa Bắc Hàn, lý do để đóng quân, đã hết. Một chuyên gia được phỏng vấn vạch rõ rằng thống nhất Nam-Bắc Hàn sẽ đem toàn bộ vấn đề hiện diện của quân đội Mỹ ở Á châu ra bàn mổ. Lúc ấy Hoa Kỳ sẽ chỉ còn căn cứ thường trực ở quốc gia duy nhất là Nhật Bản. Ông kết luận rằng điều này sẽ đặt Hoa Kỳ và Nhật vào một thế khó xử và sẽ dẫn đến thảo luận quốc tế về

vai trò quân đội Mỹ ở Á châu và vị thế quốc tế của Nhật. Đó là lúc mà Trung Quốc sẽ đẩy mạnh giải pháp chung kết cho vấn đề Nhật Bản, có thể theo hướng hiệp ước đa phương như đang được thảo luận trong các viện nghiên cứu của Trung Quốc.

Một hiệp ước như vậy sẽ có lợi cho sự khống chế của Trung Quốc ở châu Á. Quân đội Mỹ ở Nhật sẽ chỉ để phòng ngừa Nhật tái vũ trang, chứ không dùng Nhật làm căn cứ hành quân. Quân đội Nga sẽ còn quá yếu để thách thức thống trị của Trung Quốc. Ngay cả người Nhật cũng sẽ xiêu lòng với kế hoạch này của Trung Quốc vì triển vọng chi phí quốc phòng thấp. Sẽ có nhiều dư luận ủng hộ từ phía Mỹ, nhất là từ khi mất căn cứ ở Philippines, nay lại phải rời Đại Hàn. Người Mỹ sẽ xem giải pháp này là một cách cắt giảm chi phí quân sự, chấm dứt vai trò canh sát quốc tế của Mỹ, một vai trò thường làm nhiều người Mỹ khó chịu. Rất có thể sẽ có một “chiến dịch hòa bình” Trung Quốc tương tự như “phong trào hòa bình” của Xô Viết thời 1970 và 1980 trước đây. Nhưng sự thật là một ngày nào nếu Bắc Kinh đề nghị giải pháp đó với Washington, nghĩa là yêu cầu Hoa Kỳ chấp nhận thống trị của Trung Quốc ở châu Á và đặt để Nhật Bản vào việc đã rồi.

ĐÃ NHIỀU NĂM TRUNG QUỐC xem Nhật Bản là địch thủ chiến lược, thì người Nhật vẫn xem thường Trung Quốc cho mãi đến gần đây. Cho đến 1993, một tác phẩm lớn về các vấn đề an ninh của Nhật cũng không nhắc đến Trung Quốc.<sup>14</sup> Mấy năm trước, người Nhật tính thường bị quan bắt đầu tin vào điều mà giới truyền thông họ cho rằng Nhật Bản là Đệ Nhất (tựa đề một tác



phẩm của một học giả Mỹ có số bán chạy nhất ở Nhật.<sup>i)</sup> Người Nhật càng tin rằng tầm quan trọng của Hoa Kỳ đang giảm ở Nhật và Nhật phải tập trung để lãnh đạo châu Á.

Đầu thập niên 1990, dù có nhiều dấu hiệu cảnh báo về sự sụp đổ của thị trường chứng khoán và địa ốc Nhật Bản, sức mạnh của Nhật hầu như bao trùm cả Á châu. Khối Yen,<sup>ii</sup> một hiệp hội kinh tế dưới chỉ đạo chắc chắn của Nhật sắp ra đời. Ở Tokyo người ta ví kinh tế châu Á như một “đàn ngỗng bay.” Kinh tế và kỹ thuật các quốc gia châu Á nằm trong các giai đoạn phát triển khác nhau, theo hướng dẫn và đội hình bay Nhật Bản. Nhật dẫn đầu đội hình chữ “V.” Theo sau là Đài Loan, Nam Hàn, và Singapore với hăng xướng chế tạo những sản phẩm mà Nhật đã sản xuất chỉ mới thập niên trước. Rồi đến Malaysia và Indonesia, còn những quốc gia như Miến Điện và Việt Nam thì ở vị trí chót.

Ban đầu, người Nhật xem Trung Quốc như chú ngỗng to con nhưng cục mịch. Nhưng sau khủng hoảng Thiên An Môn, giới chính trị và doanh nghiệp Nhật nhận ra sự trỗi dậy của Trung Quốc là một thế lực kinh tế và chính trị đáng gờm. Thời bấy giờ Nhật là nước duy nhất nhận ra điều này; các chuyên gia Trung Quốc ở Hoa Kỳ và Tây phương vẫn tiên đoán chế độ sẽ sụp đổ. Từ năm 1990 trở đi, Nhật bắt đầu nỗ lực lớn để cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Khi doanh nghiệp tư nhân còn chậm chạp về mậu dịch và đầu tư, thì chính phủ Nhật đã đẩy mạnh các chương trình viện trợ và trợ giúp kinh tế cho Trung Quốc. Vào giữa thập niên 1990, tổng số Nhật viện trợ cho Trung Quốc hàng

---

<sup>i</sup> Đây có lẽ là cuốn *Japan as Number 1: LESSONS FOR AMERICA* của Erza F. Vogel, xuất bản lần đầu năm 1979, được hiệu đính và tái bản nhiều lần. (Nd)

<sup>ii</sup> Yen Bloc

năm gần đến \$5.5 tỷ USD gồm trợ cấp và tiền vay phân phối thấp. Chính quyền Nhật Bản cử Nhật Hoàng và hoàng hậu đến thăm Trung Quốc, một thể hiện mạnh mẽ cho lòng kính trọng của người Nhật. Trên diễn đàn quốc tế, Nhật Bản lên tiếng ủng hộ giải pháp hòa giải với Bắc Kinh nhằm mục đích đưa Trung Quốc hội nhập vào cộng đồng thế giới. Cuối cùng là lãnh đạo Nhật Bản tạ lỗi Trung Quốc và các quốc gia khác về hành vi của Nhật trong Thế Chiến II.

Như chúng ta thấy, nỗ lực nối lại quan hệ với Trung Quốc của Nhật đã không thành công. Trung Quốc nhận viện trợ và đầu tư của Nhật nhưng lại cổ vũ tinh thần bài Nhật trong dân chúng và các nước khác. Đồng thời thì sự vận dụng các thể lực thị trường và kiểm soát chặt chẽ kinh tế nội địa đã đem lại cho kinh tế Nhật nhiều vấn đề cơ cấu căn bản nghiêm trọng. Đến 1996, đại đa số kinh tế gia Nhật Bản và ngoại quốc đều đồng ý với nhau rằng vấn nạn kinh tế của Nhật là gốc rễ và dài hạn. Theo tiêu chuẩn thế giới thì nước Nhật sẽ hùng cường và thịnh vượng, nhưng độ phát triển kinh tế đã đem lại cho Nhật bước nhảy thần kỳ từ đồng gạch vụn năm 1945 đến nhất nhì thế giới đã là lịch sử. Chắc chắn rằng trong vài năm, tổng sản lượng Trung Quốc sẽ vượt qua và đẩy kinh tế Nhật xuống hàng thứ ba trên thế giới.<sup>i</sup>

Thống kê do nhật báo *Asahi Shimbun* thực hiện vào tháng Tám 1994 phản ánh tâm trạng bất định của cả nước vào giữa thập niên 1990. Khi được hỏi quốc gia nào sẽ có ảnh hưởng lớn nhất ở châu Á trong thế kỷ 21, 54% người Nhật nghĩ là Trung Quốc, 30% nghĩ là Hoa Kỳ, và chỉ 16% cho là Nhật Bản.<sup>15</sup>

Chính không khí bi quan và lo lắng này thúc đẩy Nhật quyết định tìm thể chiến lược thân cận với Hoa Kỳ. Trung Quốc

---

<sup>i</sup> Năm 2010, kinh tế TQ vượt Nhật lên hàng thứ hai trên thế giới. (Nd)

tiếp tục tuyên truyền chống Nhật cũng là một yếu tố khác. Nhưng điều cuối cùng đã thuyết phục Nhật nghiêng về phía Mỹ là những hoạt động quân sự và chính trị hung hăng của Trung Quốc, trong hơn năm qua, đã đe dọa đến quyền lợi an ninh cơ bản của Nhật.

Nhật Bản đặc biệt quan ngại về những hoạt động hung hãn của Trung Quốc ở Đông và Nam Hải đe dọa sinh lộ kinh tế của họ. Phần lớn năng lượng và nguyên liệu thô của Nhật Bản được chở qua biển Nam Hải, nơi mà từ thập niên 1970, Trung Quốc đã chiếm lấy nhiều đảo của Việt Nam yếu hơn. Việc Trung Quốc bắt đầu khẳng định hơn đòi chủ quyền trên toàn Nam Hải cũng làm các nước Đông Nam Á như Malaysia và Philippines lo ngại vì có chủ quyền hoặc đang chiếm giữ nhiều đảo nhỏ. Đặc biệt những quốc gia khác như Indonesia và Singapore, không tranh chấp với Trung Quốc trên Nam Hải nhưng có nhiều quyền lợi sinh tử để ngăn chặn xung đột.

Vào tháng Mười 1994, Jiang Zemin thăm nhiều quốc gia trong vùng Đông Nam Á để công bố ý định hòa bình của Trung Quốc. Khi nói về Quần-đảo Trường Sa, rất gần Việt Nam, Malaysia và Philippines hơn là Trung Quốc, Jiang tuyên bố trong một buổi họp báo ở Singapore: “Lập trường của Trung Quốc rõ ràng và trước sau như một. Chúng tôi chủ trương giải quyết những tranh cãi liên hệ bằng đàm phán song phương. Nhưng gọi ‘Trung Quốc là mối đe dọa’ là vô căn cứ.”<sup>16</sup>

Tuy nhiên, khi Jiang công bố quyết tâm của Trung Quốc cho giải pháp hòa bình trong tranh cãi về những hòn đảo này, thì hải quân Trung Quốc đang chuẩn bị chiếm lấy một đảo khác. Đã từ lâu Philippines được coi là “chủ nhân” của hòn Mischief Reef, khoảng 135 dặm về phía tây của đảo Palawan của Phi, nhưng quân đội nhỏ bé và thiếu trang bị của họ chưa bao giờ

tuần tra hết lãnh thổ (Hoa Kỳ ngưng trách nhiệm này khi đóng cửa các căn cứ ở Philippines). Trung Quốc đã xây dựng xong một công trình trên hòn Mischief Reef <sup>i</sup> khi một người đánh cá Phi tình cờ khám phá hiện diện của Trung Quốc ở đó vào tháng Giêng 1995. Chính quyền Trung Quốc công bố những người chiếm đóng là dân đánh cá Trung Quốc, nhưng không ai tin điều này. Cái mà Trung Quốc gọi là “những xây dựng sơ sài của dân đánh cá” gồm giao thông hào, đĩa bắt sóng vệ tinh, và trang bị radar. Ai cũng thấy rõ đây là hoạt động của hải quân Trung Quốc trên hòn Mischief Reef.

Điều làm Nhật Bản và các quốc gia khác ở Đông Nam Á cảnh giác nhất là sự tráo trở của Trung Quốc (tuyên bố của Jiang chỉ là một trong những trấn an cao cấp và mới nhất về ý định hòa bình của họ) và Trung Quốc dường như đã chủ tâm kiểm soát biển Nam Hải mà không màng tới quan điểm của các quốc gia khác trong vùng.

Dù tham vọng Trung Quốc hiện tập trung vào các đảo và hòn, họ còn tuyên bố có quyền “quy định” hoạt động hàng hải trong vùng biển này—hiện giờ thì Trung Quốc tuyên bố chưa dùng đến quyền hạn đó. Riêng với Nhật Bản, Trung Quốc thực hiện “quyền” đó sẽ ảnh hưởng tuyến đường mậu dịch quan trọng nhất của họ. Nhưng viễn ảnh Nam Hải trở thành một biển hồ của Trung Quốc mang nhiều hậu ý nghiêm trọng cho đầu tư Nhật Bản. Một đầu tư khổng lồ của Nhật vào các nước Nam Á giáp giới vùng hải lộ mà tương lai có thể bị hải quân Trung Quốc kiểm soát. Ngược lại thì hiến pháp Nhật không cho phép chính quyền gửi tàu chiến đến Nam Hải để bảo vệ các đầu tư đó. Vì thế, họ phải lệ thuộc vào Hoa Kỳ tự nguyện gửi quân đội Mỹ hy sinh cho Sony và NEC. Như một quan sát viên nhận xét, chưa

---

<sup>i</sup> Tên Việt: Đá Vành Khăn (Nd)

bao giờ có một quốc gia quan trọng và quyền lực để một số tài sản lớn chảy ra ngoại quốc mà không khả năng bảo vệ như vậy.

Cũng vào năm 1995, lãnh đạo Trung Quốc gia tăng hoạt động ở Đại Hàn để ra mắt lập trường chống Nhật. Khi cảm tính chống Nhật đang phai dần ở Đông Nam Á, thì nó vẫn còn bùng bột ở Đại Hàn—vì dân chúng vẫn còn ác cảm mãnh liệt về cuộc chiếm đóng tàn bạo của Nhật từ 1895–1945, cả trong những thế hệ sinh ra sau Thế Chiến II. Trong chuyến thăm viếng cấp quốc gia lịch sử ở Nam Hàn vào tháng Mười 1995, Jiang Zemin không bỏ lỡ cơ hội nào để khơi dậy thù nghịch Nhật Bản trong quần chúng Đại Hàn. Gợi lên hình ảnh cai trị thực dân của Nhật ở Đại Hàn, Jiang và tổng thống Nam Hàn Kim Young-sam đồng lên án quá khứ “hiếu chiến” của Nhật, mà Jiang còn đi xa hơn nhận xét “thành phần quân phiệt” của Nhật vẫn là mối đe dọa cho phúc lợi của Trung Quốc và Đại Hàn.<sup>17</sup>

Với phương Tây thì hoạt động của Jiang ở Đại Hàn có vẻ là dấu hiệu tốt cho thấy thiện ý của Trung Quốc muốn mở rộng giao hảo. Tuy nhiên trên thực tế thì tiếp xúc của Trung Quốc ở Đại Hàn đặt trên suy tính rằng chế độ Pyongyang cuối cùng sẽ sụp đổ, mang lại một viễn ảnh kinh hoàng cho người Nhật: một nước Đại Hàn thống nhất, có vũ khí nguyên tử, thân Trung Quốc và chống Nhật. Hisahiko Okazaki, một nhà phân tích chiến lược Nhật Bản cho biết: “Địa chính trị của Nhật không thay đổi trong những thế kỷ qua. Bán đảo Đại Hàn vẫn mang tầm chiến lược quan trọng như trước.”<sup>18</sup> Nếu Trung Quốc có ảnh hưởng quyết định đến một nước Đại Hàn thống nhất có vũ khí nguyên tử, họ sẽ có thể cực mạnh đối với Nhật Bản, buộc Nhật phải tìm đến Trung Quốc để được bảo vệ chống lại Đại Hàn.

Để giải quyết vấn đề này, Mỹ đề nghị một đàm phán bốn bên, hai nước Đại Hàn, Hoa Kỳ, và Trung Quốc. Đến nay thì đề

nghey này vẫn dậm chân tại chỗ. Cùng lúc, nhiều báo cáo liên tục về việc Trung Quốc đang bí mật dàn xếp liên lạc giữa hai miền Nam Bắc, đẩy mạnh ý định làm một ngoại lực quyết định trên bán đảo. Mặc dù có nhiều tài sản quân sự trên bán đảo, Hoa Kỳ dường như không có chính sách, và điều này còn làm Nhật Bản lo ngại hơn.

Trong cùng thời gian, Trung Quốc trở nên thân thiện với Nga, dù không phải nhắm vào Nhật, cũng ngược lại quyền lợi Nhật Bản theo cái nhìn các nhà chiến lược. Nó làm cân cân quyền lực ở Đông Bắc châu Á nghiêng thêm về phía Trung Quốc, ngược lại quyền lợi của Nhật và Hoa Kỳ. Dù rằng do ngẫu nhiên mà không vì quan hệ nhân quả, thân thiện Trung–Nga dường như song song với thân thiện Nhật–Mỹ. Thực tế là năm 1996, tổng thống Nga Boris Yeltsin và Jiang Zemin công bố hiệp ước chiến lược Trung–Nga cũng cùng vào tháng Tư mà Clinton và Hashimoto đồng tuyên bố ở Tokyo.

Khủng-hoảng Eo-biển Đài Loan được Nhật nhìn qua bối cảnh này. Đài Loan nắm một vị thế tối quan trọng cho an ninh Nhật Bản. Nó giúp bảo vệ mạn nam của Nhật. Kể từ Chiến Tranh Đại Hàn, quan hệ gần gũi với Hoa Kỳ, đường lối thân Tây phương, và chủ trương mậu dịch đã tạo cho Đài Loan một hình ảnh thân thiện. Hầu như người ta không nhận ra rằng Đài Loan còn bảo vệ cho cửa đông của Nam Hải—Eo-biển Đài Loan chung với Trung Quốc, và Eo-biển Bashi trên biển Luzon chung với Phillipines. Ít người nhìn ra điểm chiến lược quan trọng này vì Đài Loan chủ trương mậu dịch và tự do hàng hải, nên không ai nghĩ việc Đài Loan sẽ bóp nghẹt những hải lộ đó. Nhưng viễn ảnh cuối cùng rồi Trung Quốc sẽ cai trị Đài Loan, một viễn ảnh mà chắc nhiều người đã nghĩ đến qua lần đụng độ ở Eo-biển Đài Loan năm 1996, làm các chiến lược gia Nhật Bản một lần nữa

nhận ra thể chiến lược vô cùng quan trọng của Đài Loan đối với Nhật.

Trong bất cứ tình huống nào, những sự kiện và tuyên bố xảy ra trên một thế giới hậu Chiến Tranh Lạnh đã đưa đến quyết tâm Nhật-Mỹ. Nhìn chung, chúng cho thấy một gia tăng đáng kể về hợp tác quân sự giữa hai nước:

- Tháng Giêng 1996 Hoa Kỳ và Nhật Bản ký chung giắc thư thỏa thuận chia sẻ tin tức chi tiết về hỏa tiễn phòng thủ. Tháng Tư 1995, Cơ-quan Phòng-vệ Nhật Bản<sup>i</sup> lập Văn-phòng Nghiên-cứu Phòng-thủ Hỏa-tiến<sup>ii</sup> có nhiệm vụ quyết định việc triển dụng hệ thống phòng thủ hỏa tiễn tầm cao THADD<sup>iii</sup>.
- Tháng Tư 1996, tuyên bố chung về an ninh.
- Tháng Năm 1996, có tin chính quyền Nhật nghiên cứu nguyên tắc chỉ đạo mới “để phối hợp với Washington hầu đối phó với mọi tình trạng báo động... xảy ra trong vùng phụ cận.” Đây là kết quả của công bố tháng Tư. Một nhật báo loan tin Nhật Bản đang tìm cách lý giải cho vai trò quân sự tích cực hơn cạnh Hoa Kỳ trong trường hợp chiến tranh xảy ra.<sup>19</sup>
- Tháng Sáu 1996 sách trắng phòng thủ hàng năm của Nhật Bản được phát hành với phần nhận định về đe dọa chiến lược cho Nhật Bản. Dù với ngôn ngữ ngoại giao, phần nói về Trung Quốc nghiêm trọng nhất từ trước đến giờ: “[Trung Quốc] tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hoá lực lượng nguyên tử, hải quân, và không quân; sự bành trướng... hoạt động hải

---

<sup>i</sup> Japan Defense Agency

<sup>ii</sup> Ballistic Missile Defense Office

<sup>iii</sup> theater high-altitude area defense

quân, thao tác quân sự quanh Đài Loan gây căng thẳng, cho thấy chúng ta cần phải chú ý... hoạt động của Bắc Kinh.”<sup>20</sup>

- Tháng Tám 1996 hiệp hội kỹ nghệ quốc phòng Nhật Bản và Hoa Kỳ đồng ý thành lập một cơ quan phối hợp để khuyến khích phát triển chung những thiết bị quân sự kỹ thuật cao.<sup>21</sup>

Khuynh hướng nổi bật sau những sự kiện này là sự thúc đẩy mạnh hơn cho một hệ thống phòng thủ hỏa tiễn Nhật Bản. THAAD sẽ thành lập một lá chắn phòng thủ phi đạn bao trùm Nhật và Nam Hàn vào năm 2005. Hệ thống còn đang được phát triển ở Hoa Kỳ, và chưa biết Nhật Bản sẽ đóng góp bao nhiêu cho phí tổn phát triển. Tuy nhiên, nếu THAAD được chọn thì đây sẽ là một bước lớn trong liên minh chiến lược Nhật–Mỹ mà căn bản là nhắm vào Trung Quốc. Một lần nữa Bắc Kinh nhận ra đây là một thách thức và truyền thông của họ không ngớt đả kích Hoa Kỳ và Nhật đã thảo luận một hệ thống phòng thủ hỏa tiễn. “Trung Quốc quan tâm vì THAAD sẽ vô hiệu hoá chương trình hiện đại hoá hệ thống phi đạn và vũ khí nguyên tử của họ,” David Lampton, chủ tịch của Ủy-ban Quốc-gia Quan-hệ Hoa Kỳ–Trung Quốc<sup>i</sup> cho biết.<sup>22</sup>

Bất bình với khuynh hướng này, Trung Quốc có thể áp lực mạnh Nhật Bản. Điển hình là một viên chức Trung Quốc tuyên bố vào tháng Sáu 1996 rằng yếu tố chính trị sẽ ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà thầu cho Three Gorges Project khổng lồ của Trung Quốc, một chuỗi đập và trạm thủy điện đang được xây dựng dọc sông Yangtzu. Theo Qin Zhongyi, phó chủ tịch Công-ty Phát-triển Tam Hiệp Sông Dương Tử Trung Quốc,<sup>ii</sup>

---

<sup>i</sup> National Committee for U.S.–China Relations

<sup>ii</sup> China Yangtzu Three Gorges Development Corporation



được trích dẫn trên báo *China Daily* ở Bắc Kinh, thì cơ hội tập đoàn công ty Nhật Bản (Mitsubishi Heavy Industries, Mitsubishi Electric, Toshiba, Hitachi) thắng gói thầu trị giá \$4 tỷ USD “rất thấp vì người ta khó bỏ qua sự thân cận giữa Nhật Bản và chính sách đáng ghét của Mỹ.” Qin là người trách nhiệm cho đấu thầu quốc tế của dự án, cho biết “một tập đoàn Đức–Canada dẫn đầu vì quan hệ tốt giữa quốc gia họ và Trung Quốc.”<sup>23</sup>

THẬT KHÓ MÀ PHÓNG ĐẠI được tầm quan trọng của hợp tác Nhật–Mỹ cho tương lai cán cân quyền lực ở Á châu. Như một bình luận gia Nhật Bản chia sẻ với phóng viên Thomas L. Friedman của báo *The New York Times*, “Nhật Bản không thể đương đầu với Trung Quốc một mình, Nhật Bản không thể đơn thân độc mã đối phó một Đại Hàn thống nhất, và Nhật Bản không tự bảo vệ được hải lộ của mình—vì những lý do đó mà chúng tôi cần liên minh Hoa Kỳ.”<sup>24</sup> Điều đó không có nghĩa là Nhật sẽ đứng hẳn về phía Hoa Kỳ. Nhiều nhóm trong giới cầm quyền và doanh nghiệp có thể củng cố lại sự phục hồi liên minh làm đối trọng Trung Quốc, vì điều đó sẽ phương hại đến nguồn lợi Nhật Bản có thể thu được ở Trung Quốc. Rồi sẽ có chống đối từ phía quần chúng, vốn sợ những tai họa mà chủ nghĩa quân sự không kiềm hãm đã từng mang lại cho Nhật Bản. Sau nửa thế kỷ hòa bình, tâm thức người Nhật đơn giản không cho phép đất nước đảm nhận vai trò đại cường, dù chỉ trên sân nhà của họ. Theo Friedman thì vấn đề là “chính quyền Nhật Bản không muốn nhắc đến chữ-K<sup>i</sup> hoặc chữ-C.”<sup>25</sup>

Phần lớn trong thế kỷ qua, chính sự nhu nhược của Trung

---

<sup>i</sup> K: Korea, C: Chinese. (Nd)

Quốc và hùng cường của Nhật Bản đã làm sụp đổ khả năng một cân bằng quyền lực bền vững ở Á châu. Hậu quả là từ Thế Chiến II, người ta mặc nhiên cho rằng Nhật Bản tái vũ trang sẽ đe dọa hòa bình và ổn định ở châu Á. Nhưng nếu điều đó đúng trước đây, thì hiện giờ không còn đúng nữa. Trong thế giới hậu Chiến Tranh Lạnh, chính sự yếu kém của Nhật Bản sẽ phương hại đến hòa bình và ổn định vì sẽ tạo ra một khoảng trống quyền lực mà Hoa Kỳ không thể trám vào, nhưng Trung Quốc thì có thể. Một Nhật Bản hùng cường trong hợp tác chân thành với Hoa Kỳ là trọng yếu cho cân bằng quyền lực Á châu. Một Nhật Bản yếu đuối chỉ có lợi cho Trung Quốc mà, như nhiều bằng chứng cho thấy, họ không vì mục đích cân bằng quyền lực mà vì muốn bá quyền, và Nhật Bản, nếu xuôi tay theo số phận, sẽ trở thành một chư hầu giàu có và phục vụ đắc lực nhất cho Trung Quốc.

## Chiến tranh Giả tưởng Trung–Mỹ<sup>i</sup>

CHÚNG TÔI KHÔNG NGHĨ rằng chiến tranh giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ xảy ra. Nhưng có thể có đụng độ ở biển Nam Hải<sup>ii</sup> nếu hoạt động Trung Quốc đe dọa hải lộ trong vùng, và Hoa Kỳ có thể được Philippines hoặc Việt Nam (thật ngược đời) yêu cầu can thiệp. Nhưng tình huống có thể đưa đến cuộc chiến ít-khả-năng-xảy-ra nhất này giữa Trung Quốc và Mỹ sẽ đến từ Đài Loan. Giả sử là chúng ta đang ở vào năm 2004, khi Hồng Kông và Macau đã nằm chắc trong tay đại lục. Một số điều kiện nào đó đã đưa đẩy Trung Quốc động binh để áp lực Đài Loan thống nhất dẫn đến khủng hoảng.

Trung Quốc đang gặp khó khăn trong nước. Phát triển kinh tế suy giảm; công nhân biểu tình; khối người thất nghiệp lang thang các tỉnh để tìm việc. Sinh viên và trí thức chán chường chế độ của Jiang Zemin mà hiện vẫn không chấp nhận đối lập và chỉ trích. Tham nhũng địa phương của chế độ đã đến độ kinh

---

<sup>i</sup> Tác giả dùng nhiều tên nhân vật, dữ kiện v.v. hiện tại cho một viễn ảnh chiến tranh tương lai. (Nd)

<sup>ii</sup> Biển Đông Việt Nam. (Nd)

hoàng, bè nhóm và dòng họ cán bộ cao cấp nắm chức vụ điều hành các công ty có liên hệ với chính quyền, sống trên vàng son nhung lụa. Cộng-sản Trung Quốc đã trở thành một nước tư bản có kiểm soát, và những nhà tư bản nắm quyền kiểm soát tối cao là gia đình của các cựu đảng viên Cộng-sản. Chỉ trích của công chúng ngày càng trở nên mạnh bạo, và lãnh đạo đảng hiểu rằng để dịu những chỉ trích đó, họ cần một vấn đề nóng của quốc gia để khơi dậy tình ái quốc thiêng liêng, một vấn đề đòi hỏi tinh thần đoàn kết, sự hy sinh, dẹp bỏ bất bình cá nhân, và hết lòng vì Đại Nghĩa.

Xa hơn, những người như Jiang và nội các của ông muốn bảo đảm chỗ đứng trong lịch sử. Hậu thế sẽ nhìn họ như những tay đồ tể Bắc Kinh, hay những nhà cách mạng canh tân Trung Quốc, nhất là khi Đài loan cho họ một cơ hội hoàn tất công cuộc thống nhất đất mẹ?

Chắc hẳn là mục tiêu đó thỉnh thoảng vẫn được Bộ Chính-trị tranh luận gay gắt. Phái ôn hòa cảnh cáo chiến tranh với Đài Loan sẽ tổn hại nặng cho Trung Quốc trên công luận quốc tế, quan hệ với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á. Có thể sẽ có nước nhân dịp Trung Quốc bận chiến tranh trong Eo Đài loan để chiếm lại các đảo ở Nam Hải mà Trung Quốc đã đoạt lấy năm 2001 qua cuộc đổ bộ thủy bộ hỗn hợp có không yểm của phi đoàn chiến đấu cơ SU-27 mới mua của Nga. Nhưng dù thấy rõ rủi ro đó, phía chủ chiến thống-nhất-bằng-mọi-giá, hiểu rằng một khi chiến tranh bộc phát, những ai chỉ trích lãnh đạo sẽ bị nhận chìm bởi cơn thác lũ của lòng yêu nước được kích động.

Rồi còn yếu tố sẵn sàng của quân đội, được thể hiện phần nào qua thành công của chiến dịch Nam Hải một năm rưỡi trước đó. Đã nhiều năm, mọi người đều hiểu rằng một cuộc tấn công trực diện vào Đài Loan sẽ cực kỳ rủi ro và tổn thất cho hai bên.

Chiến tranh sẽ tàn phá Đài Loan làm chiến thắng của cuộc xâm lăng trở thành vô nghĩa và mối thù hận được khơi dậy sẽ kéo dài hàng thế hệ giữa người Đài Loan và Đại-lục. Tuy nhiên, do chủ tâm giải quyết vấn đề Đài Loan bằng quân sự, Trung Quốc đã bí mật xây dựng một lực lượng tàu ngầm, tàu đổ bộ, tàu chiến nhiều gấp ba lần con số chính thức, đủ trang bị cần để chiếm đảo trong ba ngày—trước khi cộng đồng thế giới, nhất là Mỹ, có thời giờ phản ứng.

Tiến triển quân sự gần đây làm việc chinh phục Đài Loan có khả năng thực hiện vào năm 2004, một điều không thể làm được vào thời điểm 1999. Trung Quốc hiện có một đội tên lửa tầm thấp hạng-Tomahawk. Một phát triển lớn khác là toàn bộ phi đội 24 oanh tạc cơ siêu âm TU-22 tầm xa mới mua của Nga, kèm với phi đoàn 200 phi cơ đang hoạt động gồm chiến đấu cơ TU-27 và máy bay vận tải IL-76 được tái trang bị thành AWACS.<sup>i</sup> Bốn tàu khu trục hạng-Luhu và tám khu trục hạng-Luda được đưa vào hoạt động ở căn cứ hải quân tối tân mới xây tại Đảo Stonecutters thuộc Đặc Khu Hành-chánh Hồng Kông. Đặc biệt khu trục Luhu là một chiến hạm đáng gờm gắn động cơ LM2500 chạy bằng khí đốt của hãng General Electric, có trang bị giàn phóng hỏa tiễn nhiên liệu đặc không-đối-không, hệ thống hỏa tiễn phòng không diện-đối-không Crotale của Pháp, và giàn phóng thủy lôi Whitehead 324 milimét, kèm với hệ thống radar cải tiến, hệ thống cứu hỏa, thiết bị dò âm thanh ở độ sâu biến đổi (variable-depth sonar equipment), và hai trực thăng Harbin Z9A.<sup>1</sup>

Những năm sau khi tăng cường hiện đại hoá quân đội, Trung Quốc mua thêm 10 tàu ngầm hạng-Kilo để sung vào hạm

---

<sup>i</sup> AWAC: Phi cơ được trang bị để hoạt động như một trung tâm hành quân trên không. (Nd)

đội nguyên tử cải tiến hiện có hạng-Han, -Ming, và -Romeo. Những tàu mới này chạy êm hơn những đời trước và khó bị phát hiện kể cả kỹ thuật chiến tranh chống tàu ngầm của Hoa Kỳ. Đặc biệt là các tàu hạng-Kilo 533 millimet của Nga trang bị ngư lôi tầm-sóng thụ động (passive wake-homing) với tầm hoạt động 26 cây số.<sup>2</sup> Lực lượng tàu ngầm mới này có thể dùng trải mìn các hải lộ Đài Loan, nhằm bao vây phong tỏa kinh tế Đài Loan hoặc ngăn cản nỗ lực tiếp vận quân sự bằng đường thủy. Trung Quốc đã mua hoặc chế tạo 1000 tăng T-72, loại tăng chiến trường đáng sợ nhất của cựu Liên bang Xô Viết, kèm với hàng chục tàu lớn cao tốc đệm không khí để đổ bộ, mỗi chiếc có khả năng chở 500 lính vũ trang đầy đủ và 10 xe tăng. Trung Quốc đã phát triển thiết bị phá radar, chỉ huy hành quân, dụng cụ phản công điện tử đến một khả năng mà cấp lãnh đạo tin chắc rằng họ có thể nhiễu loạn trầm trọng sự liên lạc giữa địch quân trên chiến trường và trung tâm hành quân chính của Đài Loan ở Đài Bắc. Vệ tinh do thám tầm cỡ thế giới của Trung Quốc có thể báo động mọi chuyển quân của Đài Loan. Trung Quốc có hàng chục đầu đạn DF-15 và DF-11 (còn có tên M-9 và M-11), loại được dùng trong cuộc thao diễn quân sự năm 1996 nổi tiếng trước đây, với giàn phóng di động có thể lắp ráp, phóng, tháo gỡ trong vòng 30 phút, và khi phóng trong vòng 300 cây số, sẽ đánh đúng mục tiêu trong phạm vi 20 mét.

Khi quân đội Trung Quốc lên hàng tầm cỡ thế giới, thì nỗ lực thống nhất ôn hòa bị khuynh hướng độc lập ở Đài Loan làm suy yếu. Một trong những lý do, mà ngày nay ai nấy đều biết, là chính sách đàn áp khi Trung Quốc tiếp thu Hồng Kông mấy năm trước, khởi đầu là họ bắt giam thành viên của đảng có khuynh hướng dân chủ lớn nhất, tiếp đó thì Bộ Công-an đóng cửa báo

chí và đàn áp những cuộc biểu tình ủng hộ đảng này.<sup>1</sup> Chính sách đó gây ấn tượng xấu ở Đài Loan vốn đã quen với sinh hoạt chính trị tự do không hạn chế.

Những diễn tập quân sự của Trung Quốc tiếp đó cũng mang lại kết quả xấu không kém cho chính quyền Bắc Kinh. Theo kịch bản đã thử năm 1996, Trung Quốc bắt đầu phong tỏa Đài Loan dưới một danh nghĩa khác—vì luật quốc tế định nghĩa phong tỏa tự bản chất là một hành động chiến tranh. Thay vào đó, Bắc Kinh tuyên bố những cuộc tập trận giả bằng tàu ngầm và cảnh báo thương thuyền tránh xa đảo. Nhiều công ty vận tải ngưng hoạt động tuyến đường Đài Loan, thị trường chứng khoán tuột dốc lẹ dù ngăn ngừa. Nhưng Hoa Kỳ, với sự ủng hộ nồng nhiệt của Quốc Hội và Ngũ Giác Đài, đã chống lại Trung Quốc. Nhân cơ hội Trung Quốc đang diễn tập tàu ngầm, hải quân Mỹ nhanh chóng khởi động một cuộc thao diễn chống tàu ngầm lớn nhất từ trước đến nay. Trong suốt ba tuần, tàu ngầm Mỹ và phi cơ ASW chống tàu ngầm phô diễn một lợi thế kỹ thuật đáng sợ, liên tục phủ kín tàu ngầm Trung Quốc những tín hiệu nhận dạng điện tử. Thông điệp của Mỹ cho phía Trung Quốc là: Nếu đây là chiến tranh thật, chúng tôi đã bắn chìm tất cả tàu ngầm bên đó. Kết quả làm người Mỹ hài lòng đến tự mãn quá độ. Họ tuyên bố sự kiện này đánh dấu chấm dứt mọi hy vọng của Trung Quốc rằng gia tăng phong tỏa sẽ bẻ gãy ý chí Đài Loan.

Sau đó, để giữ thể diện, lãnh đạo Trung Quốc phao tin sẽ bắn hỏa tiễn vào vùng núi sâu của Đài Loan. Nếu động thái này cũng nhằm đe dọa nhân dân Đài Loan thì nó đã thất bại. Ngược lại, nó còn kích động dân chúng phần nộ biểu tình đòi độc lập trước dinh tổng thống ở Đài Bắc.

---

<sup>1</sup> Năm 2019 dự đoán này đã thành sự thật ở Hồng Kông. (Nd)

Năm sau, lại dưới chiêu bài diễn tập quân sự, Trung Quốc cho một phi đoàn 50 chiến đấu cơ MiG-21 bay dọc mạn bắc Đài Loan, sát không phận của đảo quốc. Để đối phó, Đài Loan cho hai phi đoàn F-16 và Mirage 2000 mua của Hoa Kỳ và Pháp mấy năm trước lên ngăn chặn. Trong vòng 12 phút, khi phi cơ Đài Loan vẫn còn trên không, Trung Quốc cho đợt thứ hai 50 phi cơ đến mạn nam của đảo. Đài Loan gọi một phi đoàn khác lên và khi vẫn còn trên không, Trung Quốc tung lên một đợt 50 phi cơ thứ ba, đi từ nam đến bắc, song song với mạn tây của đảo. Cuối cùng là sau nhiều đợt phi cơ Trung Quốc cất cánh, Đài Loan không còn máy bay để ngăn chặn. Tuy nhiên Trung Quốc vẫn tiếp tục bay sát, như muốn thách đố Đài Loan gây sự dùng hỏa tiễn diện-đối-không bắn hạ phi cơ Trung Quốc.

Tổng cộng Trung Quốc dùng gần 800 phi cơ trong cuộc “thao diễn” này.<sup>i</sup> Đây là một bài học đầy ấn tượng cho Đài Loan về số lượng vượt trội của không quân Trung Quốc—dù không vượt về kỹ thuật. Trung Quốc có khoảng 5000 phi cơ, từ máy bay oanh tạc Qian-5 với máy đo-xa điện tử (range-finder avionics) tối tân của Pháp, chiến đấu cơ Chao-7 chế theo kiểu cũ 29 của Xô Viết, đến chiến đấu oanh tạc cơ siêu âm SU-27. Đài Loan chỉ có một phần mười số máy bay Trung Quốc.

Dù vậy cuộc biểu dương không lực của Trung Quốc đã thất bại trong việc ép Đài Bắc bưng bình vào thương thuyết, trái lại nó còn làm hàng chục ngàn nhân dân Đài Loan xuống đường biểu tình ủng hộ độc lập. Cho đến nay những động thái của Trung Quốc đã không thuyết phục được Đài Loan phải đối diện với thực tế là hòn đảo cuối cùng rồi cũng thuộc về Bắc Kinh, nhưng hình như lại khơi dậy tính năng động làm nổi sự khác biệt

---

<sup>i</sup> Trong bốn ngày đầu tháng Chín 2021, Trung Quốc đã bay 149 phi vụ xâm phạm không phận Đài Loan. (Nd)



của văn hoá và lịch sử Đài Loan. Nhiều nhật báo và chương trình phát thanh ủng hộ độc lập phát triển mạnh ở Đài Loan. Rồi cuộc bầu cử tổng thống tháng Ba 2004 đến, và nếu kết quả thăm dò đúng, thì ứng cử viên của đảng chủ trương thống nhất sẽ được ít hơn 18 phần trăm số phiếu bầu. Tổng-thống đương nhiệm của Kuomintang, chủ trương độc lập dù không công khai, đang chuẩn bị thắng lớn. Trong nhiệm kỳ vừa qua, ông đã vận động thành công thêm một số quốc gia nhỏ mở rộng quan hệ ngoại giao toàn diện với vùng đất vẫn mang tên Trung Hoa Cộng-hòa ở Đài Loan, một động thái làm Bắc Kinh điên người. Trong lúc đó thì người Mỹ vẫn bán cho Đài Loan những vũ khí kỹ thuật cao cần thiết để chống trả tấn công của Bắc Kinh.

Nói một cách khác thì Bắc Kinh cảm thấy không còn thời gian nữa. Cuộc bầu cử sẽ củng cố thế lực ủng hộ độc lập ở dinh tổng thống thêm bốn năm nữa. Đã đến lúc phải làm gì đó dù Trung Quốc muốn tránh việc có thể lôi kéo người Mỹ vào cuộc, nhưng cần có hành động hiệu quả để buộc Đài Loan trở lại vòng tay tổ quốc.

KHỞI ĐẦU LÀ LÝ DO gây chiến. Trong một cuộc biểu tình tranh cử trước dinh tổng thống ở Đài Bắc, một nhóm mang áp phích cổ động độc lập kích động xô xát. Không rõ đây là tự phát hay do Bắc Kinh đạo diễn qua đặc vụ chìm đã cài trên đảo từ lâu—những đặc vụ nằm im nhiều năm trước khi hoạt động.

Cho dù vì lý do nào, cuộc xô xát trước dinh tổng thống đã trở nên nghiêm trọng hơn. Bất ngờ nhiều đám biểu tình mang biểu ngữ ủng hộ Bắc Kinh và thống nhất phân thành nhiều nhóm nhỏ chạy xuyên qua đám đông. Một nhóm leo cổng Bộ Quốc-phòng, nằm trên quảng trường đối diện dinh tổng thống, và khi

cảnh sát chống nổi loạn được điều động đến để văn hồi trật tự, nhiều người biểu tình ủng hộ Bắc Kinh bị thương. Khi hỗn loạn có vẻ dịu xuống, lại có nhiều tràng súng tự động nổ vang. Ba người biểu tình ủng hộ Bắc Kinh bị giết, nhiều người khác bị thương.

Chỉ trong mấy phút, Jiang Zemin chủ tịch đảng (chức vị cũ của Mao từ 1999) đã họp với bộ tham mưu, trưởng quân khu Nanjing, và Ban Thường-trực của Bộ Chính-trị ở khu Zhong-nanhai kín mít. Jiang nghiêm trọng tuyên bố nhiệm vụ lịch sử của Trung Quốc là văn hồi trật tự ở Đài loan và thoả mãn khát vọng của nhân dân hai bờ là chung sống dưới một mái nhà. Siết chặt nắm tay, Jiang tuyên bố Trung Quốc không thể dung thứ sự phá hoại và âm mưu của bọn ly khai và những kẻ theo đuổi chính sách Một Trung Quốc–Một Đài Loan. Đây là trách nhiệm của kẻ chủ trương ly khai là tổng thống, kẻ đã không che dấu ý định dựng lên một Đài Loan độc lập. “Chúng ta sẽ không bao giờ để Trung Quốc bị chia cắt,” Jiang tuyên bố, giọng thường ngày nhỏ nhẹ giờ sang sang trong phòng họp, răng nghiến chặt, mặt sẫm lên. “Một tỷ nhân dân Trung Quốc sẽ không tha thứ chúng ta.”

CUỘC PHONG TOÀ ĐÀU TIÊN bắt đầu hai tuần sau đó dưới danh nghĩa tái thao diễn quân sự trong Eo-biển Đài Loan. Lần này Trung Quốc không chỉ cảnh báo thuyền bè tránh xa eo biển mà còn phải cách hai bờ nam bắc Đài Loan 100 hải lý, nơi tàu ngầm và thuyền bè Trung Quốc tham dự tập trận. Bộ Ngoại-giao cho triệu tập đại sứ Mỹ và thông báo rằng cuộc thao diễn sẽ kéo dài một tuần. Ông được yêu cầu kiên nhẫn, thông cảm và chuyển lời

trần an chính phủ Mỹ rằng Trung Quốc không có ý định gây hấn.

Tin cuộc thao diễn chiếm trang đầu của báo chí thế giới. Đài Loan cực lực lên án. Mỹ gửi mẫu hạm *Nimitz* kèm với hạm đội yểm trợ gồm hai khu trục hạm, bốn tuần dương hạm, một tàu phóng thủy lôi, một tàu đổ bộ, và mấy tàu ngầm đến phía tây Thái Bình Dương, cách Đài Loan 150 hải lý. Hoa Kỳ và Nhật Bản phản đối Bắc Kinh cản trở hải lộ quốc tế. Phía Mỹ cảnh báo Trung Quốc sẽ gánh lấy hậu quả nếu thuyền Mỹ bị bắn trúng hoặc hư hại vì “thao diễn.”

Trung Quốc triển khai tàu ngầm hạng-Han và -Kilo quanh Đài Loan và cho máy bay tuần tra mỗi giờ trong phạm vi cách bờ 300 dặm. Hàng chục tàu tuần tiểu cao tốc được triển dụng gần cảng Keelung và Kaohsiung. Hai khu trục hạm Lulu và tàu yểm trợ trong tư thế sẵn sàng, một ở Hồng Kông và một ngoài khơi Xiamen, cảng chính của tỉnh Fujian đối diện Đài Loan. Sau một tuần, Trung Quốc tuyên bố cuộc thao diễn thành công và lui quân về cảng.

Với phản đối chiếu lệ từ phía Hoa Kỳ, chỉ tháng sau Trung Quốc tuyên bố một thao diễn tương tự, lần này kéo dài vô hạn định. Đài Bắc và Washington nhận rõ hành động này của Trung Quốc là một cuộc phong tỏa trá hình các cửa khẩu Đài Loan—mà mọi người đều biết là quan trọng cho sinh lộ kinh tế của đảo. Bắc Kinh đưa nhiều tiểu đoàn lực lượng triển dụng nhanh đến Fujian trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Khi cuộc khủng hoảng leo thang, Bắc Kinh đề nghị giải pháp ngoại giao. Họ mời tổng thống Đài Loan vào hội nghị để đi đến thống nhất tổ quốc và, qua nhiều ngõ không chính thức, cho biết “thao diễn quân sự” sẽ tiếp tục cho đến khi Đài Loan chịu vào bàn hội nghị. Như đã đoán trước, Đài Loan phần nộ chống lại ép buộc thương thuyết

bằng mũi súng. Báo chí Trung Quốc mô tả cự tuyệt này là chiến thắng của “phe ly khai hiếu chiến” ở Đài Loan, muốn đương đầu Trung Quốc.

Trong khi thuyền bè đang đồn đội ngoài vùng phong toả, Mỹ cho một mẫu hạm đặc nhiệm thứ hai đến mạn nam Đài Loan, giữa Hồng Kông và Kaoshiung nằm về phía bắc biển Nam Hải. Phi cơ thám thính và tàu ngầm theo dõi vị trí tàu bè Trung Quốc. Tổng cộng Hoa Kỳ có 16 chiến thuyền trong vùng, 120 phi cơ F-14 trên mẫu hạm, phi đạn tầm thấp và phi cơ S-3A/B chống tàu ngầm. Báo chí Trung Quốc viết Mỹ sẽ bị không lực, phi đạn, và pháo binh Trung Quốc “nghiền nát” nếu can thiệp vào nội tình Trung Quốc, nghĩa là can thiệp vào cuộc phong toả Đài Loan.

ĐÀI LOAN PHẢN CÔNG vào ngày thứ chín trong một cuộc tấn công hỗn hợp nhằm phá phong toả. Pháo binh từ bờ bắn vào bốn tàu tuần tiễu Trung Quốc trong eo biển, một oanh tạc cơ Mirage 2000, được các phi cơ F-16 hộ tống, đánh chìm một khu trục hạm hạng-Luda bằng hỏa tiễn Exocet đích xác. Trong một không chiến ngắn ngủi, hai MiG-21 của Trung Quốc bị bắn hạ, phía Đài Loan mất một F-16 do hỏa tiễn từ thuyền bắn lên. Báo chí thế giới chạy những tit lớn trang nhất về độ quân sự đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ của cuộc nội chiến Trung Quốc chưa kết thúc.

Trung Quốc nhanh chóng trả đũa dữ dội. Vào 5 giờ sáng sau ngày Đài Loan phản công, hỏa tiễn DF-15 and DF-11 từ giàn phóng di động ở Tỉnh Fujian và Guangdong bắn vào các mục tiêu ở Đài Loan. Khi trời hừng sáng, nhiều đợt máy bay Trung Quốc tấn công vào các mục tiêu khác trên đảo để phá hủy công

sự phòng thủ chính của Đài Loan. Cuộc oanh tạc gặp chống trả mãnh liệt từ phía Đài Loan. Họ tung lên không chiến đấu cơ F-16 và Mirage 2000 và lần đầu sử dụng giàn phóng hỏa tiễn điện-đôi-không, bắn hạ 17 phi cơ tấn công, nhưng Trung Quốc giữ lại những phi cơ tối tân hơn và một phi đội phản lực được dùng trong đợt tấn công thứ hai gây thiệt hại nặng.

Tổn thất trong lần tấn công này là tám phi trường quân sự, năm cảng quân sự, năm trung tâm radar, và hai trung tâm tín hiệu tình báo của Đài Loan nằm trên rặng núi xương sống chạy dài từ bắc xuống nam. Đợt tấn công thứ ba của Trung Quốc bắt đầu ngay sau một giờ, nhắm vào các mục tiêu cấp hai: Viện Khoa-học và Kỹ-thuật Chongshan ở Taoyuan, nơi phát triển vũ khí điện tử và phi đạn của Đài Loan; Trung-tâm Chế-tạo Phi-đạn San Hsia ở ngoại-ô Đài Bắc; Trung-tâm Chế-tạo Máy-bay ở Taichung; và nhiều Đơn-vị Quân-nhu Tổng-hợp ở Đài Bắc, Tainan, và Kaoshiung.

Chiến tranh toàn diện đã diễn ra bất ngờ, nhưng đây là chiến tranh của áp lực tâm lý và tàn phá thiết bị quân sự, không nhằm chiếm đóng lãnh thổ. Trung Quốc vẫn giữ những đội quân triển dụng nhanh ở Fujian, vì biết chỉ cần có mặt, những đơn vị này sẽ làm lãnh đạo Đài Loan lo lắng không biết sẽ có đổ bộ hay không. Nếu Trung Quốc đổ quân sang, thì mục tiêu của Đài Loan không phải là đánh tan. Trên đường dài họ không thể thực hiện được điều đó. Chủ đích vẫn là mua thời gian để chờ quốc tế gia tăng áp lực lên Trung Quốc và trợ giúp của người Mỹ đến kịp. Mục tiêu là gây tổn thất tối đa cho Trung Quốc trong khi kéo dài thời gian. Đó là lý do mà Đài Loan không trả đũa những đợt phi đạn và oanh tạc đầu. Những phi cơ tối tân, được cất trong những hầm chứa ngầm kiên cố, vẫn còn nguyên vẹn. Tàu chiến, đoán trước cuộc tấn công, đã rời cảng về phía đông của

đảo để trú ẩn. Đài Loan vẫn tiếp tục tấn công vào lực lượng hải quân phong toả, nhưng bảo toàn lực lượng chính để dùng trong trường hợp Trung Quốc đổ bộ.

Đồng thời Đài Loan khẩn cấp kêu gọi Hoa Kỳ. Họ cần phi cơ F-16 để tăng cường phòng không. Họ cần thêm tàu ngầm, tàu ASW chống ngầm, và phi cơ để chống phong toả. Họ cần phi đạn Patriot để phòng vệ phi đạn tấn công. Họ yêu cầu vệ tinh tình báo giúp tìm vị trí lực lượng Trung Quốc. Và nếu có thể, họ muốn Hoa Kỳ dùng tàu chiến phá phong toả. Đã nhiều năm Đài Bắc đã hiểu rõ điều này: đối diện với quyết tâm chiến tranh của Trung Quốc, chỉ có can thiệp tích cực của Hoa Kỳ mới bảo vệ được tự do Đài Loan khỏi rơi vào tay Đại-lục.

TỔNG THỐNG HOA KỲ đang họp cùng bộ tham mưu, cố vấn an ninh quốc gia, giám đốc cơ quan tình báo CIA và bộ trưởng quốc phòng trong Phòng Khẩn-cấp<sup>i</sup> ở Nhà Trắng; ông muốn biết phương án của Mỹ.

Câu hỏi đầu tiên là “Chúng ta phải làm gì nếu muốn phá phong toả và ngăn chặn đổ bộ?”

Trả lời: Đệ Thất Hạm Đội, chỉ cách đó một ngày đường, có thể tràn ngập lực lượng phong toả Trung Quốc dù Hoa Kỳ có thể bị tổn thất nhẹ. Chúng ta có khả năng—dùng phi đạn tầm thấp, phi đạn Exocet và vũ khí chống tàu ngầm thông thường để đánh chìm thuyền và tàu ngầm Trung Quốc đủ phá vỡ phong toả. Khi hạm đội đã vào đội hình, chúng ta có thể nhanh chóng làm chủ vùng trời Eo-biển Đài Loan, và điều đó sẽ giúp phòng thủ Đài Loan chống trả xâm lăng từ phía biển. Nếu ta làm chủ

---

<sup>i</sup> Emergency Room

bầu trời, Trung Quốc sẽ mất khả năng tiếp liệu và chốt điểm đổ quân xuống phi trường, quân đội Đài Loan sẽ đủ khả năng đối phó với họ.

“Liệu khả năng của chúng ta có vượt trội Trung Quốc để không bị tổn thất nặng khi thực hiện?”

Trung Quốc có hỏa tiễn diện-đối-không cao cấp, phi cơ MiG-29 và MiG-27 rất khá, có thể phía Mỹ chúng ta sẽ mất một số phi cơ. Trung Quốc có thể không kích một phần của hạm đội, và mặc dù ta tin rằng họ sẽ bị đẩy lui, thuyền chúng ta luôn luôn bị nguy hiểm vì phi đạn phóng từ tàu ngầm hoặc thủy lôi từ máy bay. Và chúng ta không thể giả sử như tình hình của Chiến Tranh Vùng Vịnh khi địch quân hầu như không có khả năng tấn công.

“Chúng ta còn rủi ro gì nữa?”

Trường hợp xấu nhất là họ có thể dùng đến vũ khí nguyên tử. Ít người biết rằng từ cuối thập niên 1970, vũ khí hạt nhân của Trung Quốc đứng vào hàng thứ ba trên thế giới dựa trên số phi đạn. Ít nhất là kể từ đầu thập niên 1980, họ có khả năng bắn tới chúng ta bằng hỏa tiễn Long March 2, còn có tên là Dongfeng, hay DF-5. Hỏa tiễn này có tầm hoạt động chừng 9000 dặm (14,500 kilômét), đủ bắn tới các mục tiêu miền tây nước Mỹ. Từ năm 1988, Trung Quốc có khả năng gắn ba đầu đạn trên cùng một hỏa tiễn cho ba mục tiêu riêng biệt.

Trung Quốc còn một số tàu ngầm nguyên tử—tàu ngầm hạng-Xia—trang bị phi đạn xuyên lục địa có gắn đầu đạn nguyên tử SLBMs và phóng đi từ tàu. Chúng ta đã phát hiện tàu ngầm loại này chỉ cách bờ biển California mấy trăm dặm. Không biết chính xác họ có bao nhiêu tàu loại này, nhưng số phỏng định là 12 chiếc. Phi đạn có độ chính xác trong vòng một dặm Anh. Như vậy chắc chắn Trung Quốc đủ vũ khí nguyên tử

để ngăn cản nước khác tấn công mình. Câu hỏi còn lại là: họ sẽ dùng nó không?

“Còn cách nào để can thiệp một cách giới hạn hơn không?”

Cách hay nhất có lẽ là leo thang với độ tiệm tiến. Chúng ta có thể đánh đắm một chiến thuyền, như tuần dương hạm hoặc khu trục hạm, và cảnh cáo Bắc Kinh nếu còn tiếp tục phong tỏa và tấn công, chúng ta sẵn sàng đánh chìm hải lực của họ từng chiến thuyền một. Hoặc chúng ta có thể tuần hành vùng không phận trên Eo-biển Đài Loan và chỉ nổ súng nếu họ vượt ranh giới ấn định—nói cách khác là một vùng cấm bay như đã áp dụng ở Iraq.

“Chúng ta có thể làm gì để giúp Đài Loan mà không gây chiến tranh với Trung Quốc?”

Chúng ta có thể giúp được nhiều với tin tình báo. Chúng ta có vệ tinh do thám có thể cho họ biết chính xác tình hình dàn quân của Trung Quốc. Chúng ta có thể cung cấp phi cơ AWACS để họ có hệ thống điều khiển và cảnh báo trên không. Đã từ lâu họ cần thêm tàu khu trục nhỏ hạng-Knox, một số trực thăng S-70C, bộ vi xử lý âm thanh để dò tìm tàu ngầm, và radar dò máy bay cấp cao, nhưng chúng ta không bán vì sợ sẽ kích động một cuộc chạy đua vũ trang mới ở Á châu, nhưng Đài Loan cần tất cả những trang bị đó để chống lực lượng phong tỏa. Chúng ta có thể tăng cường không lực họ bằng cách đưa thêm phi cơ F-16 trong kho ngay bây giờ. Chúng ta có thể cung cấp một số phi đạn Patriot để tăng cường phòng không.

“Có thay đổi được gì không?”

Mấu chốt bây giờ là Đài Loan phải đủ sức phá vỡ phong tỏa, và nếu chúng ta đưa họ tàu ngầm và kỹ thuật, Trung Quốc phải trả giá đắt. Nhưng Trung Quốc cũng có thể vin vào phản công của Đài Loan làm lý do đổ bộ. Và nếu Trung Quốc quyết



tâm thắng chiến tranh này, họ sẽ chấp nhận mọi thương vong—mà trong quá khứ họ luôn sẵn sàng chấp nhận hy sinh cao—thì trên đường dài họ sẽ thắng, trừ khi chúng ta trực tiếp can thiệp vào.

“Nếu Đài Loan mất, chúng ta bị thiệt hại gì?”

Mọi quốc gia gần Trung Quốc, từ Nhật Bản, đến Indonesia, và ngay cả Úc, kết luận rằng Hoa Kỳ đã không giữ được hòa bình Á châu. Riêng Nhật Bản có thể sẽ xem liên minh với chúng ta là một chướng ngại, một loại quan hệ có thể làm Trung Quốc tức giận nhưng không mang lại bảo đảm an ninh gì cả. Uy tín Hoa Kỳ sẽ tụt dốc ở các nước Á châu, vốn vẫn e ngại Trung Quốc và cần sự bảo vệ của chúng ta, dù họ không nói ra. Nói một cách khác là nếu chúng ta không ngăn được Trung Quốc chiếm Đài Loan, Trung Quốc sẽ lập tức trở thành cường quốc Á châu, và không quốc gia nào trong vùng, dù đó là Nhật Bản hay Đại Hàn, Philippines hay Việt Nam, có thể có một chính sách ngoại giao mà không đặt quyền lợi Trung Quốc lên trước.

“Nói đến Nhật Bản, Thủ-tướng Murakami có gọi cách đây mấy giờ. Ông chấp thuận vô điều kiện để chúng ta sử dụng các căn cứ không quân và hải quân ở Okinawa trong cuộc hành quân cho mặt trận Đài Loan. Nhưng giọng ông ta rung động khi nói điều này. Rõ ràng là ông cầu mong chúng ta từ chối sự giúp đỡ này. Vậy Nhật Bản thì thế nào?”

Cuộc báo động quân sự mà Tokyo tuyên bố tuần trước đã lên mức toàn diện. Lực-lượng Tự-vệ Nhật Bản trong tư thế chuẩn bị tối đa sẵn sàng chiến tranh. Hầu hết chiến thuyền đều ở xa bờ ngoài khơi phía nam. Không quân đã cho bay hết khả năng các phi vụ tuần tiễu. Nhưng chúng ta biết người Nhật sẽ không trực tiếp dính vào cuộc tranh chấp trừ phi họ bị tấn công. Và khi tình huống đó xảy ra, chúng ta không biết quân đội họ sẽ

đứng vững được bao lâu.

Dù sao thì Murakami đang ở trong thế yếu. Một trăm ngàn người Nhật biểu tình ở Tokyo hôm nay—yêu cầu chính phủ giữ “hòa bình trong sáng,” bất kể đó nghĩa là gì. Bây giờ đã nửa đêm ở Nhật, nhưng có khoảng ba ngàn người biểu tình ngồi trước Hoàng Cung kiến nghị nhà vua can thiệp. Yoko Ono<sup>i</sup> vừa xuống phi trường—sẽ hướng dẫn họ cùng hát bài “Give Peace A Chance” (Hãy Cho Hòa Bình Một Cơ Hội). Họ hát bằng tiếng Nhật, nhưng mỗi khi phóng viên đài CNN hoặc FOX thu hình trực tiếp thì họ lại chuyển sang tiếng Anh.

Nếu chúng ta vững lập trường và thắng kỳ này thì những người biểu tình đó sẽ biến đi.

“Và nếu chúng ta không?”

Trước tiên là sự nghiệp chính trị của Murakami sẽ chấm dứt. Thứ hai, nếu chúng ta để mất Đài Loan, liên minh giữa ta và Nhật sẽ tan rã. Cánh bò câu trong Bộ Ngoại-giao sẽ sang Bắc Kinh ngay với lời hứa Nhật sẽ là bạn và chư hầu tốt vĩnh viễn của Trung Quốc.

“Người Nga sẽ làm gì trong trường hợp chúng ta can thiệp?”

Người Nga quá lệ thuộc vào Trung Quốc vì là khách hàng tiêu thụ phân nửa số vũ khí họ sản xuất nên họ sẽ bênh vực Bắc Kinh. Nhưng nếu ta lo ngại họ sẽ gởi hạm đội Thái Bình Dương đến Đài Loan, thì câu hỏi sẽ là: hạm đội Thái Bình Dương nào? Vũ khí Nga trong tay Trung Quốc được bảo trì tốt hơn là trong tay của chính họ. Vệ tinh chúng ta đang theo dõi cái gọi là hạm đội đang chuẩn bị rời Vladivostok. Một vài tàu ngầm rời bến, nhưng trong khủng hoảng loại này, chúng làm được gì? Và

---

<sup>i</sup> Yoko Ono: Người Nhật, họa sĩ, ca sĩ, vợ của ca sĩ John Lennon của ban nhạc Beatles. (Nd)

chúng ta thấy bốn tàu chiến rỉ sét rời cảng, nhưng một đã chết máy ngoài khơi, và ba chiếc còn lại thì đi không định hướng trên Biển Nhật Bản.

“Còn những người bạn Đông Nam Á của chúng ta thì sao?”

À, vùng đó hỗn tạp nhưng không tốt lắm. Ở Singapore, Lee Kuan Yew, đã già lắm rồi nhưng vẫn còn ảnh hưởng, kêu gọi mọi phía chấm dứt khủng hoảng nhưng chỉ nêu đích danh Bắc Kinh. Nhưng điều đó không giúp được gì nhiều. Người Thái kêu gọi hòa bình nhưng không tuyên bố gì có lợi cho ta hoặc Đài Loan. Vị tân lãnh đạo của Indonesia bị áp lực của khối thương nhân Hoa kiều thuyết phục ông trung lập. Điều này có thể thay đổi; người bạn Úc đang thuyết phục ông phải can đảm đương đầu tình thế, nhưng ta đừng đặt hy vọng quá cao. Ở Philippines, có nhiều tín hiệu trái ngược từ chính quyền mới. Một số trong hải quân ta nói rằng chúng ta cứ tiến vào Vịnh Subic lấy lại căn cứ cũ, viện dẫn một số tín hiệu thuận lợi từ phía Phi và cho rằng điều đó có thể làm được. Nhưng người Phi rất sợ Trung Quốc, và họ không thể ủng hộ một lập trường công khai mù mờ như vậy. Và chúng ta có lỗi phần nào vì đã bỏ rơi họ trong vụ Mis-chieff Reef năm 1995. Chúng ta mập mờ trong kỳ khủng hoảng Đài Loan lần trước. Nếu chúng ta hành động dứt khoát và mạnh mẽ kỳ này, không chỉ Phi mà Indonesia cũng sẽ đứng về phía ta trong vài ba thập niên tới. Cuối cùng chúng ta sẽ có khả năng thành lập Liên-minh Á-châu Thái Bình Dương Cho Hoà-bình và Ổn-định<sup>i</sup> như đã đề nghị trong kỳ tranh cử vừa qua. Chúng ta sẽ có cân bằng quyền lực vững chắc trong nhiều thế hệ.

“Nhưng còn Trung Quốc, một Trung Quốc có vũ khí nguyên tử. Ảnh hưởng họ bao trùm trong vùng không phải là điều tất nhiên sao?”

---

<sup>i</sup> Asia Pacific Alliance for Peace and Stability

Chúng ta có thể lý luận rằng toàn bộ vấn đề Đài Loan chỉ là tồn đọng lịch sử, và một khi Trung Quốc đã chiếm lấy, nhiều vấn đề giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ biến mất. Chắc chắn Trung Quốc sẽ hài lòng nếu chúng ta không xen vào. Nhưng còn một cái nhìn khác ở đây. Có thể đúng khi cho rằng Đài Loan không như những quốc gia khác, nhưng đó là một quốc gia quan trọng. Họ có nền kinh tế lớn. Là một nước dân chủ, một nền dân chủ chân chính. Và có 21 triệu dân không muốn sống dưới cai trị của Bắc Kinh. Đài Loan còn là bạn lâu năm. Có thể nào một quốc gia vĩ đại nhất thế giới đành lòng khoanh tay khi bạn cũ bị nước láng giềng xâm chiếm?

“Giả sử rằng Trung Quốc chiếm được Đài Loan, họ có đe dọa Hoa Kỳ không?”

Không trực tiếp. Việc Trung Quốc tấn công Hawaii hoặc Alaska khó xảy ra. Họ không lợi gì để làm việc đó. Nhưng nếu sức mạnh của họ vượt qua mức cân xứng ở châu Á, nó sẽ giới hạn khả năng bảo vệ quyền lợi chúng ta ở đó—như giữ hải lộ thông thoáng, hợp tác phát triển mậu dịch kinh tế, và ngăn chặn chiến tranh. Vì thế, chúng ta có thể nói hãy để Trung Quốc chiếm lấy Đài Loan vì đó không phải là việc của ta. Nhưng uy tín và quyền lợi của Mỹ sẽ sút mẻ trầm trọng nếu Trung Quốc chiếm Đài Loan bằng vũ lực mà chúng ta khoanh tay không làm gì.

“Như vậy dứt khoát là chúng ta phải can thiệp?”

Chúng ta phải can thiệp. Vấn đề không phải can thiệp hay không, nhưng là can thiệp như thế nào. Và dù can thiệp bằng cách nào, việc nổ súng trực diện chiến tranh với Trung Quốc rất có thể xảy ra. Hoặc là họ bắn phải một thuyền buôn Mỹ, chúng ta phải trả đũa, hoặc họ bắn phi đạn vào phi cơ chúng ta, chúng ta sẽ bị dính vào dù muốn hay không.

CUỘC THẢO LUẬN TRÊN khó xảy ra nhưng không phải quá mức tưởng tượng khi cho rằng một cuộc họp như vậy có thể diễn ra ở Nhà Trắng trong đầu thế kỷ tới. Trung Quốc càng tiếp tục hung hăng và Mỹ vẫn ngây ngô về ý định và quyền lợi lâu dài của Trung Quốc, thì khả năng một cuộc thảo luận như vậy sẽ có ngày thành sự thật. Nếu vì Eo-biển Đài Loan mà chiến tranh xảy ra giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ thì kết cuộc quân sự, dù quan trọng, sẽ không là hậu quả lâu dài nhất. Dù kết quả ra sao, Hoa Kỳ bảo vệ được tình trạng độc lập của Đài Loan hiện nay hay không, tổn thất cho cả Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ rất nặng nề. Phát triển kinh tế của Trung Quốc sẽ thụt lùi hàng nhiều năm. Bắc Kinh sẽ bóp nát niềm tin mong manh của thế giới về ý định hòa bình họ thường rao giảng. Về phía Hoa Kỳ, thời của lợi ích chung trong nhiều năm qua sẽ chấm dứt, thời đại Hoà-bình Kiểu Mỹ<sup>i</sup> ở Á châu sẽ được thay bằng thời đại mới của các siêu cường tranh hùng.

Hiển nhiên điều muốn nói ở đây là tránh những đối đầu như vậy. Trên thực tế thì điều này có nghĩa là tránh những trở ngại nhỏ ít gây sứt mẻ cho quan hệ Trung-Mỹ trong tương lai. Cố gắng thực hiện điều đó là công tác quan trọng nhất của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ ít nhất là trong thập niên tới. Giá phải trả cho thất bại sẽ rất cao. Vậy làm thế nào để bảo đảm được thành công? Chương sau là một vài đề nghị cụ thể cho quan hệ Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhằm phân định rõ những vấn đề ta cần phải trực diện với Trung Quốc—và hy vọng rằng một chính sách vững chãi, hợp lý, trước sau như một, kèm với mục đích rõ ràng không lay chuyển được là giữ cân bằng quyền lực, thì có thể tránh được một thảo luận khẩn cấp ở Nhà Trắng như cuộc đối thoại giả tưởng vừa qua.

---

<sup>i</sup> Pax Americana

# Kết Luận: Đối phó với Trung Quốc

*Khi Trung Quốc tỉnh giấc, họ sẽ làm thế giới  
rung chuyển*

—NAPOLEON BONAPARTE

TRUNG QUỐC LÀ MỘT CƯỜNG QUỐC trong gần suốt hai thiên kỷ qua, và hiện là quốc gia đông dân nhất thế giới, vì vậy không là điều ngạc nhiên khi họ vươn vai đứng dậy để thành siêu cường thế giới. Nhưng khi Trung Quốc trở lại vị thế lịch sử sánh vai cùng các cường quốc thế giới, thì chúng ta có thể làm gì để khuyến khích sự trỗi dậy này có lợi hơn là hại. Nói một cách khác, ta phải làm gì để giải quyết mâu thuẫn với Trung Quốc?

Dù Trung Quốc đi theo hướng nào, chính sách Trung Quốc của Mỹ phải được chỉ đạo bởi quyền lợi quốc gia của Hoa Kỳ một cách rõ ràng và nhất định. Đây là điều khiêm khuyết hiện nay. Và trên thực tế nó bị chi phối bởi bộ máy tuyên truyền của Trung Quốc kèm với lý luận mù mờ của chính quyền Clinton rằng chúng ta chỉ có hai lựa chọn: “giao tiếp” (engagement) hoặc “bao vây” (containment). Những từ ngữ này cũng quá mơ

hồ đến mức vô nghĩa để diễn tả một chính sách. Nó đặt trên quan niệm cao quý nhưng ngây thơ của người Mỹ là đối thoại tốt sẽ đưa đến quan hệ tốt. Độ tích cực nhất của “giao tiếp” cũng chỉ thể hiện một bước nhỏ cao hơn quá trình tăng gia hợp tác toàn diện với Trung Quốc. Nhưng “giao tiếp” cũng gợi ý cho một điều xấu hơn: đó là ý tưởng rằng nhượng bộ và tránh không chế tài trước mọi hành vi tệ hại của Trung Quốc sẽ khuyến khích họ tự chế và có trách nhiệm trên cộng đồng quốc tế.

Còn “bao vây” thì biểu lộ một căn bản thiếu tin tưởng và thù nghịch như chính sách của Tây phương đối với Liên-bang Xô Viết trong thập niên 50 và 60. Nhưng Trung Quốc không là Liên-bang Xô Viết trước đây khi còn đeo đuổi chính sách bành trướng lãnh thổ và ý thức hệ với nền kinh tế tập trung cứng nhắc và sứ mạng giải phóng thế giới. Tình trạng và thế giới quan của Trung Quốc hiện nay gần với một nước Nga đang trỗi dậy ở thế kỷ 19 hơn là một Liên-bang Xô Viết của thế kỷ 20. Trung Quốc là một cường quốc lạc hậu, bạc nhược và nghèo khó trên căn bản thu nhập bình quân, nhưng giàu có xét trên mức tuyệt đối, và vì vậy có thể tập trung tài lực đủ sức mạnh không chế toàn vùng. Tuy không dòm ngó lãnh thổ lân bang, trừ trường hợp cá biệt Đài Loan, Trung Quốc là một quyền lực bất mãn sâu sắc. Có một loại khát vọng tập thể đòi hỏi Trung Quốc phải đuổi bắt thời gian đã mất bằng bất cứ phương tiện nào, từ dối trá đến đe dọa, từ cạnh tranh hợp pháp đến lừa đảo trắng trợn, để đạt được mục tiêu là phục hưng sự vĩ đại của quốc gia.

Mục tiêu của Hoa Kỳ không nhằm làm Trung Quốc suy yếu hay nghèo khó; mục tiêu đó là một Trung Quốc ổn định và dân chủ, không làm đảo lộn cán cân quyền lực ở Á châu, và biết tôn trọng công pháp trên những diện như mậu dịch và bành trướng vũ khí. Một thay đổi duy nhất tối quan trọng, mà nếu xảy ra sẽ

loại bỏ mọi mâu thuẫn gai góc với Hoa Kỳ trong sớm tối, đó là Trung Quốc đi theo khuynh hướng dân chủ toàn cầu. Theo dân chủ, Trung Quốc phải đáp lại nhu cầu và khát vọng của nhân dân, và trong chiều hướng đó chính sách sẽ được thảo luận và cân nhắc kỹ lưỡng, vì vậy Trung Quốc sẽ bớt đe dọa đến quyền lợi của những nước khác. Ở đây chúng tôi không ngụ ý rằng mọi bất đồng đối nghịch sẽ biến mất, nhưng chỉ có những quốc gia dân chủ khi bất đồng trầm trọng thì còn nghĩ đến dân ý trước khi gây chiến. Ví dụ như đề giải quyết vấn đề Đài Loan, Bắc Kinh cần phải chính thức nhìn nhận lựa chọn dân chủ của 21 triệu dân Đài Loan. Với một Đài Loan dân chủ, một Đại-lục dân chủ sẽ chắc chắn dẫn đến thống nhất, có thể khởi đầu bằng một hình thức liên bang. Khả năng một Trung Quốc [dân chủ] giận dữ xua quân xâm chiếm Đài Loan vì lý tưởng dân tộc hầu như khó có thể xảy ra.

Vậy phải giải quyết vấn đề Trung Quốc như thế nào? Câu trả lời thường đề cao nguyên tắc đầu tiên là sự cân bằng. Chúng ta phải cân bằng giữa những mục tiêu trái ngược nhau, mà dễ thấy nhất là thúc đẩy nhân quyền và trao đổi kinh tế. Vì thế, chính sách Hoa Kỳ luôn luôn bị giằng xé giữa hai cực đoan tạo cảm tưởng không liên tục và mục đích xa vời. Khi Trung Quốc đàn áp nhân quyền một cách tàn bạo như năm 1989, yếu tố nhân quyền trong chính sách Hoa Kỳ lại được chú trọng, và chúng ta quên rằng theo đuổi chính sách đó nhiệt tình quá sẽ phương hại đến những quyền lợi khác. Vài tháng sau, khi mất một vài hợp đồng quan trọng vào tay các doanh nghiệp cạnh tranh Nhật Bản hoặc châu Âu, quyền lợi kinh tế lại được đưa lên hàng đầu và nhân quyền bị đẩy xuống như một lý tưởng ngu ngơ.

Nền tảng của một chính sách là sự nhận định rõ ràng mục đích và liên tục thi hành nhằm đạt được mục đích đó. Có ba mục



đích: một, là gìn giữ hòa bình châu Á bằng cách bảo tồn cân bằng quyền lực ở đó; hai, là khuyến khích quốc gia lớn nhất và tiềm năng nhất trong vùng, Trung Quốc, trở thành một quốc gia trách nhiệm cam kết không bành trướng vũ khí, giải quyết tranh cãi bằng phương pháp hòa bình, mạo dịch tự do lương thiện; và ba, là thúc đẩy Trung Quốc dân chủ và tôn trọng nhân quyền của dân chúng họ hơn, điều này một phần đặt trên tin tưởng rằng dân chủ và giải quyết tranh cãi bằng phương pháp ôn hòa là hai việc đi đôi với nhau.

QUAN HỆ KINH TẾ với Trung Quốc là lãnh vực mà Hoa Kỳ có thể bảo vệ quyền lợi quốc gia hiệu quả hơn so với trước đây. Phản ứng thông thường của Hoa Kỳ cho chính sách mạo dịch bất công là thương thuyết, rồi tuyên bố đe dọa chế tài khi thất bại, đưa đến thỏa thuận trên một vài vấn đề cụ thể nào đó, rồi kiểm soát thi hành thỏa thuận và thường thì chính nó lại trở thành điểm tranh cãi mở đầu cho một chu kỳ thương-lượng–đe-dọa–thỏa-thuận mới. Ví dụ rõ nhất là việc vi phạm bản quyền chương trình vi tính và phim ảnh mà ai cũng biết. Qua những thương thuyết gay go, đe dọa, và phản đe dọa, Hoa Kỳ cũng đạt được hai thỏa thuận từ phía Trung Quốc đồng ý giới hạn vi phạm bản quyền. Trung Quốc chỉ thực hiện nửa vời thỏa thuận đầu ký năm 1995. Giới thân Bắc Kinh thì cho rằng chính quyền trung ương Trung Quốc không đủ quyền lực chính trị để dẹp các hãng sản xuất CD lậu do Quân-đội Nhân-dân hoặc chính quyền địa phương đứng sau. Tuy nhiên, khi chiến tranh mạo dịch sắp xảy ra, thỏa hiệp được ký ngay sau khi Bắc Kinh trình diễn một màn truy tố công cộng những người sản xuất lậu. Nhưng ngay cả khi thỏa hiệp thứ hai vừa được ký, chỉ vài tuần sau các tay bán lẻ

CD lậu lại đầy rẫy chào hàng du khách Tây phương trên đường phố Bắc Kinh. “Mọi việc vẫn như cũ,” một người bán cao hứng nói với một du khách Mỹ như vậy vào mùa hè 1996, chỉ vài tuần sau khi thoả hiệp được ký kết.<sup>1</sup>

Ít ra với quyền sở hữu trí tuệ quốc tế, vấn nạn tương đối không xấu thêm dù chưa tìm ra giải pháp. Nhưng những thoả hiệp khác với Trung Quốc thì bé tắc hơn. Như chúng tôi đã trích dẫn, bản báo cáo mậu dịch Hoa Kỳ năm 1996 vạch ra thất bại của hiệp thương 1992—nhằm bỏ rào cản thuế bảo vệ giữa hai nước—vì chính quyền Trung Quốc ban hành những luật bảo vệ mới vô hiệu hoá một phần của thoả hiệp ban đầu. Tương tự, nhiều cắt giảm thuế nhập cảng ký đầu năm 1996, được Trung Quốc âm ỉ loan tin, đã trở thành trò hề khi Trung Quốc dựng lên những rào cản mới ngoài vòng thuế nhập cảng.

Đó là mô hình. Mỗi lần Trung Quốc dựng lên rào cản mậu dịch mới hoặc ra thủ đoạn đảo lộn thị trường, cơ quan mậu dịch nhỏ của Hoa Kỳ phải nhận định, thu thập bằng chứng, rồi mở thương thuyết với Trung Quốc để thảo luận. Tóm lại là Trung Quốc sử dụng một chiến thuật như sách lược Chiến Tranh Nhân Dân đã được Mao dùng chống lại quân ngoại xâm. Để quân địch tiến sâu vào lãnh thổ rồi tàn sát họ bằng những mũi tấn công nhỏ chí tử của chiến tranh du kích. Ngày nay Hoa Kỳ trần mình hứng chịu những mũi kim đâm cho đến khi thua trận trước một chiến lược du kích tương tự, một cuộc chiến mà chúng ta liên tục giao tranh với Trung Quốc và thắng mọi trận đánh, nhưng quân đội thì kiệt sức và thua cuộc chiến. Chúng ta có thể lập một quân đoàn công chức hàng chục ngàn chiến sĩ mậu dịch chiến đấu trong rừng luật bảo vệ kinh tế của Trung Quốc mà vẫn không thắng được.

Đã từ lâu các chuyên gia trong chiến tranh mậu dịch với

Nhật Bản nhận định những rào cản mậu dịch và cơ chế làm lệch thị trường của Nhật không phải là những chính sách bất thường có thể giải quyết được bằng thương thảo nếu chúng ta đủ kiên nhẫn. Cách thực hành của Nhật thể hiện cho tình trạng phát triển của quốc gia. Kết luận này cũng đúng cho Trung Quốc. Phương pháp họ đang dùng, rập khuôn Nhật Bản, là một phần trong chiến lược đạt mức phát triển kinh tế gia tốc. Trong trường hợp Nhật Bản, Hoa Kỳ luôn luôn chấp nhận trả giá thâm thủng mậu dịch và có khi còn mất luôn cả ngành kỹ nghệ để tạo điều kiện ổn định chính trị và phát triển kinh tế Nhật trong thời Chiến Tranh Lạnh. Nhưng Trung Quốc không là Nhật Bản. Họ lớn hơn gấp nhiều lần, và cũng không là đồng minh chiến lược trên một mặt trận lớn hơn chống lại kẻ địch quan trọng. Sẽ không có phần thưởng chiến lược hoặc địa chính trị nào để bù lại thiệt hại do sự tráo trở kinh tế của Trung Quốc gây nên.

Hãy xét trên thực tế Trung Quốc đang làm gì với số thặng dư mậu dịch khổng lồ thiệt hại cho Mỹ:

- Tích lũy số ngoại tệ dự trữ gần như lớn nhất thế giới, một nguồn sức mạnh tương lai cho chính trị và kinh tế.
- Dùng hàng tỷ đôla Mỹ để mua vũ khí tối tân từ Nga và Tây Âu.
- Tài trợ thâm thủng mậu dịch với những quốc gia không dễ dãi với hàng xuất khẩu Trung Quốc như Hoa Kỳ.

Nói tóm lại, quan hệ kinh tế với Trung Quốc ngược lại với quyền lợi của Hoa Kỳ trên căn bản. Để chấn chỉnh lại điều này, chúng ta phải bắt đầu có biện pháp giảm thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc. Điều quan trọng ở đây là không cần phải giảm nhập cảng từ Trung Quốc. Như đã nói trước đây, nhiều hàng

nhập cảng Trung Quốc có lợi cho dân Mỹ, và tốt cho phát triển kinh tế Trung Quốc. Mục đích không để giảm hàng Trung Quốc bán ở Hoa Kỳ, nhưng tăng xuất cảng của Hoa Kỳ sang Trung Quốc. Nhưng phải làm thế nào?

Hoa Kỳ nên cho phép Trung Quốc xuất cảng tất cả những gì họ có thể bán được vào thị trường Hoa Kỳ nhưng với một điều kiện: tỷ lệ thâm thủng mậu dịch phải được tiệm giảm bằng gia tăng xuất cảng của Hoa Kỳ—mà có thể đạt được bằng cách hủy bỏ các rào cản mậu dịch một chiều Trung Quốc dựng lên.

Hiện nay số Trung Quốc nhập cảng từ Hoa Kỳ ở mức 25% số xuất cảng sang Hoa Kỳ.<sup>1</sup> Washington nên tuyên bố thẳng rằng năm tới con số đó phải tăng lên 30%, rồi năm kế tiếp 35%, v.v. Nếu Trung Quốc sụt xuống dưới chuẩn mức đó thì thuế nhập cảng và những biện pháp khác sẽ tự động đánh lên hàng nhập khẩu Trung Quốc—lý tưởng là lên hàng tăng cao giá trị (high-value-added) như máy vi tính và hàng điện tử hơn là những sản phẩm đa-công (labor-intensive) mà Trung Quốc thật sự có lợi thế cạnh tranh.

Chúng ta không nên đòi hỏi phải giảm thâm thủng mậu dịch đến mức zêrô. Khi hàng xuất cảng Mỹ đạt đến 65% mức xuất cảng của Trung Quốc, Hoa Kỳ cũng không cần phải tăng 5% mỗi năm.

Bất lợi dễ thấy của kế hoạch này là: khái niệm cân bằng mậu dịch có vẻ ngược lại khái niệm mậu dịch thị trường tự do đúng nghĩa—mà tác giả sách này vẫn ủng hộ. Nhưng lợi nhiều hơn hại. Một chính sách như vậy sẽ phù hợp với phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc hơn là cắt giảm quan hệ đó. Chính sách này sẽ tránh những thương thuyết chi li và bất khả thi từng vấn đề một như trong hiện tại. Nó cũng khó cho Trung Quốc khi

---

<sup>1</sup> Đây là con số mậu dịch năm 1996-1997, khi sách được xuất bản. (Nd)

muốn dùng các công ty châu Âu và Nhật để gây chiến tranh kinh tế chống lại chế tài của Hoa Kỳ vì đàn áp chính trị. Nói cách khác, với chính sách này thì Trung Quốc sẽ thiệt hại kinh tế nếu mua máy bay Airbus thay vì Boeing để áp lực Hoa Kỳ ngừng quan tâm về nhân quyền Trung Quốc. Cạnh đó, sắp đặt này gián tiếp bảo đảm thị trường Mỹ, thị trường xuất cảng tốt nhất, sẽ mở rộng cửa cho hàng Trung Quốc nếu họ hành xử lương thiện. Đó là phương pháp tốt hơn để đối phó với thâm thủng mậu dịch, thay vì dựa vào chế độ bảo vệ đơn phương.

Trong khi đề nghị của chúng tôi có vẻ như là một loại mậu dịch có chỉ đạo, trên thực tế nó gần với định nghĩa của mậu dịch tự do hơn là hệ thống hiện tại. Ngày nay chúng ta chỉ có mậu dịch tự do một chiều: hầu như ta để Trung Quốc xuất cảng mọi thứ họ muốn sang Hoa Kỳ. Trung Quốc lại trăm phương ngàn kế lũng đoạn sức mạnh thị trường và hạn chế nhập cảng sản phẩm Hoa Kỳ như đã thấy. Hơn nữa, chính sách đó không chỉ giữ xuất cảng Mỹ chênh lệch so với nhập cảng mà còn thấp trên mức tuyệt đối. Trong năm 1995, Hoa Kỳ xuất cảng sang Trung Quốc chỉ bằng năm tuần số xuất cảng bình quân sang Canada trong cùng năm. Số đó cũng chỉ bằng mức gia tăng xuất khẩu sang Canada so với năm trước.<sup>2</sup> Sự thật là mậu dịch giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể cũng gần cân bằng, như gần suốt thập niên 80, nếu Trung Quốc bỏ đi những biện pháp những loạn thị trường dựng lên vào cuối thập niên 80.

Có thể chắc rằng chính quyền Trung Quốc sẽ cực lực phản đối bất cứ giải pháp nào cho vấn đề thâm thủng mậu dịch, nhưng cũng chắc chắn là Trung Quốc sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tuân theo. Sự thật đơn giản là Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất sẵn sàng và có khả năng mua một khối hàng Trung Quốc khổng lồ như vậy. Trung Quốc muốn trọn cả hai: tự

do xuất cảng sang Hoa Kỳ và bố trí một thặng dư mậu dịch cao. Nếu phải lựa chọn giữa xuất cảng và thặng dư, Trung Quốc sẽ phải chọn xuất cảng.

Tóm lại là Hoa Kỳ có nhiều biện pháp điều chỉnh cho mậu dịch nếu quyết tâm sử dụng. Nhưng lực lượng Tân Vận Động Chính Trị cho Trung Quốc áp lực Washington không dùng đến. Trước hết họ yêu cầu cấp vĩnh viễn cho Trung Quốc quy chế Tối Huệ Quốc (THQ) thay vì phải duyệt lại hàng năm. Chúng tôi đồng ý không nên dùng THQ vào lý do chính trị, nhưng không đồng ý nên cấp nó mà không xét đến chính sách mậu dịch của Trung Quốc. Lý do rất đơn giản: một khi đã cấp THQ vĩnh viễn, Hoa Kỳ hầu như mất khả năng áp lực Trung Quốc từ bỏ chính sách bất công theo phương pháp chúng tôi đề nghị.

Chúng tôi tin rằng trong kỳ tranh luận tới về vấn đề này, Quốc Hội nên ngưng qui chế THQ của Trung Quốc, cho hành pháp toàn quyền tăng thuế nhập cảng hàng Trung Quốc khi tổng số xuất cảng của Hoa Kỳ không tăng theo chỉ số yêu cầu. Quyền hạn đó là chỉ thị rõ ràng cho hành pháp phải dùng luật mới để cân bằng mậu dịch với Trung Quốc.

Đòi hỏi thứ hai của lực lượng vận động chính trị Trung Quốc là Hoa Kỳ chấm dứt phản đối Trung Quốc tham gia WTO, hậu thân của tổ chức Hiệp-ước Tổng-quát về Thuế và Mậu-dịch<sup>i</sup> (GATT). Trung Quốc đã muốn tham gia WTO từ lúc tổ chức này mới ra đời năm 1994, nhưng Hoa Kỳ đã ngăn chặn, yêu cầu Trung Quốc phải giảm hoặc ngừng hẳn những vi phạm làm xáo trộn mậu dịch như đã viết trong sách này. Phía Trung Quốc đòi hỏi được gia nhập WTO trên cương vị một quốc gia đang phát triển để được miễn nhiều điều kiện về mậu dịch tự do và công bình.

---

<sup>i</sup> General Agreement on Tariffs and Trade

Chalmers Johnson giải thích nguy hiểm khi Trung Quốc gia nhập WTO như một quốc gia đang phát triển: “Trung Quốc sẽ không mở thị trường cho doanh nghiệp ngoại quốc cạnh tranh trên căn bản bình đẳng, họ được miễn các điều khoản trong hiệp định WTO về tài trợ, đầu tư, và quyền sở hữu trí tuệ.”<sup>3</sup> Nhiều dấu hiệu cho thấy vào cuối 1996 Hoa Kỳ và Trung Quốc sắp thỏa thuận về WTO, theo đó Trung Quốc sẽ trở thành hội viên kèm với việc Jiang Zemin thăm Washington và Bill Clinton đến Bắc Kinh. Nhưng loại thỏa thuận như vậy sẽ mở cửa cho Trung Quốc mà không lấy được lợi thế nào cho Hoa Kỳ. Thỏa thuận đó cho kinh tế Trung Quốc đặc quyền của một nước Thế Giới Thứ Ba, trong khi họ đã phát triển những vùng kinh tế lớn của Thế-giới Thứ-nhất sẵn sàng cạnh tranh tay đôi, nhưng không công bình, với Hoa Kỳ.

Ngoài ra, nếu Trung Quốc là hội viên WTO, Hoa Kỳ sẽ bị giới hạn khả năng phản ứng thích đáng khi tranh cãi mậu dịch với Trung Quốc, vì Trung Quốc có quyền đòi hỏi tranh cãi phải được giải quyết bằng hệ thống phân xử của WTO. Cũng như tổ chức tiền thân, GATT, WTO hành xử chậm rãi và cẩn thận, ít khi quả quyết hoặc gan dạ. Tranh cãi sẽ cần nhiều năm để giải quyết. Và ngay cả nếu Hoa Kỳ toàn thắng, tranh cãi sẽ trở lại theo kiểu từng vấn đề một mà cuối cùng Trung Quốc sẽ luôn luôn thắng theo sách lược Chiến Tranh Nhân Dân của họ.

**CHÍNH SÁCH NHÂN QUYỀN Trung Quốc của Mỹ hiện nay bất nhất và có phần giả nhân giả nghĩa.** Chính sách này gồm chỉ trích vi phạm mạnh mẽ và đe dọa trừng phạt nhưng thiếu hành động thực tiễn. Nguyên nhân một phần vì áp lực công luận thay đổi, nhưng thất bại của Mỹ trong việc thúc đẩy Trung Quốc thay đổi

còn thể hiện cho ảnh hưởng và sức mạnh quốc tế đang lên của Trung Quốc, đưa đến hệ quả là họ có khả năng gạt bỏ yêu cầu và đe dọa của quốc tế. Cuối cùng là dù chúng ta ồn ào lớn tiếng đến đâu, Hoa Kỳ chủ yếu là không có thể mạnh để áp lực Trung Quốc, hay bất cứ quốc gia nào, tôn trọng quyền mà chúng ta xem là bất khả xâm phạm. Việc trừng phạt Trung Quốc cũng bất khả thi khi chúng có khuynh hướng gây thiệt hại đến các công ty Mỹ mà không đạt được mục đích đề ra. Đây là lỗi lầm mà chính quyền Clinton vấp phải khi họ nối kết qui chế THQ với cải thiện nhân quyền cụ thể. Những rao giảng đạo lý mà thiếu biện pháp đó chỉ làm bề mặt khi chính quyền phải nhượng bộ. Nhân quyền Trung Quốc vẫn không cải thiện được chút nào.

Có hai điểm chính yếu và đối nghịch về nhân quyền. Một là Hoa Kỳ không thể dùng nó đối phó với một cường quốc kinh tế và quân sự đang trỗi dậy để bênh vực nhân dân Tây Tạng hoặc các nhà đối kháng Trung Quốc đang bị cầm tù. Hai là sẽ không quốc gia nào có thể từ bỏ quyền lợi vật chất, kinh tế, hoặc chính trị, để theo đuổi một nỗ lực vô vọng nhằm bảo đảm sự đối xử công bình cho công dân một nước khác. Nhưng Hoa Kỳ cũng không thể đi theo đường lối mù quáng của phái chủ trương “giao tiếp Trung Quốc” mà bỏ mặc vấn đề nhân quyền. Làm thế nào để thỏa mãn cả hai nhu cầu đối nghịch này?

Với quan tâm về nhân quyền ở Trung Quốc, Hoa Kỳ phải thi hành những biện pháp đã tuyên bố khi bỏ nối kết giữa quan hệ mậu dịch và nhân quyền. Phải tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ Đài Á Châu Tự Do, bắt đầu hoạt động vào mùa thu 1996 với kế hoạch phủ sóng vào Đại-lục kiến thức và tin tức về Trung Quốc, không tuyên truyền mà theo truyền thống khách quan, chuyên nghiệp của báo chí Tây phương. Hoa Kỳ nên tiếp tục tài trợ cho những nhóm nhân quyền hoạt động ở phương Tây chuyên theo



đổi vi phạm nhân quyền của Trung Quốc và là hạt nhân cho phong trào dân chủ trong nước—phải tiếp tục tài trợ dù hoạt động của những tổ chức này thường thiếu hiệu quả. Và thay vì làm nửa vời và không kết quả như hiện nay, Washington nên thúc đẩy mạnh mẽ việc kiểm soát vi phạm nhân quyền Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế, đặc biệt là Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc<sup>i</sup>, cũng như ở những tổ chức khác như UNESCO và Tổ-chức Lao-động Quốc-tế.<sup>ii</sup> Chúng ta nên làm dù biết rằng trong nhiều trường hợp, các tổ chức này không nhiệt tình lắm cho những vấn đề mà nhiều nước xem là khác biệt văn hóa Tây phương. Ta cũng nên khẳng định quyền lên tiếng của các tổ chức phi chính phủ (NGO) của người Trung Quốc trên những diễn đàn này, thay vì im lặng để Trung Quốc bóp nghẹt những tiếng nói đó hoặc trá hình bằng các NGO ngoại vi của chính quyền như vẫn thường làm.

Ta cũng nên nhìn nhận rằng với ngân quỹ khiêm tốn đầu tư vào những chương trình này, kết quả cũng sẽ khiêm tốn. Trung Quốc là một nền độc tài qua bao thế kỷ và chắc vẫn còn độc tài lâu hơn nữa. Nhưng chọn đứng về phía nhân quyền, và có biện pháp hợp lý để thúc đẩy nó, là cách Hoa Kỳ gìn giữ lý tưởng dân chủ và quyết tâm cho một xã hội cởi mở. Nếu chúng ta chỉ biết đến quyền lợi vật chất thì không thể hãnh diện làm một siêu cường.

Kết cục là vấn đề chỉ còn là thái độ đúng đắn có tính toán trong mối quan hệ cần thiết với những kẻ cầm quyền mà Tổng-thống Clinton đã có lần gọi một cách chính xác là “bạo chúa.” Quan hệ này phải trầm tĩnh và chính đáng. Viên chức chính quyền Mỹ không nên say men trên thắng lợi ngoại giao mà quên

---

<sup>i</sup> United Nations Commission on Human Rights

<sup>ii</sup> International Labor Organization

đi những gì người Trung Quốc đang phỉ nhổ chúng ta, về giá trị và hành xử khác biệt, hoặc về quyền lợi đối nghịch. Chúng tôi cũng không ủng hộ việc chính quyền mời tổng thống Trung Quốc Jiang Zemin đến Nhà Trắng với hai mươi một tiếng súng chào. Có nhiều cách để tiếp xúc với lãnh đạo Trung Quốc. Nhưng khi Jiang đến Hoa Kỳ, lễ nghi nên tổ chức theo nghi thức mà không biến thành một liên hoan của tình thân hữu. Chủ yếu là tránh đi từ một thái cực đạo đức sang tay bắt mặt mừng. Không vì Trung Quốc phật lòng mà chúng ta lại bắt tay niềm nở với những kẻ trách nhiệm cho tù tội, tra tấn, sách nhiễu, và tàn sát những người tranh đấu dân chủ năm 1989. Cuộc họp thượng đỉnh không phải là cơ hội cho những bạo chúa đăng quang. Đây phải là cơ hội để thẳng thắn bày tỏ sự khác biệt và nỗ lực cho những chính sách nằm trong quyền lợi, cả tinh thần lẫn vật chất, của Hoa Kỳ.

CÓ HAI VÙNG ĐẤT mà tình trạng nhân quyền ở đó có thể ảnh hưởng xấu đến quan hệ giữa Washington và Bắc Kinh. Một là Hồng Kông, nơi nhân quyền và những vấn đề khác sẽ xảy ra nếu Trung Quốc ngược đãi sau khi tiếp quản. Trong mấy kỳ bầu cử hiểm hoi của nền dân chủ hạn chế trước khi chuyển giao, người Hồng Kông tỏ ra thiếu tin tưởng Trung Quốc trầm trọng bằng cách dồn phiếu cho ông Martin Lee, thuộc đảng thiên dân chủ, người đứng đầu phía chỉ trích Bắc Kinh. Người ta sẽ không ngạc nhiên nếu Bắc Kinh đàn áp nhân quyền, bắt bớ đối lập, đóng cửa báo chí, hạn chế tín ngưỡng trong những cái họ gọi là “nhà thờ yêu nước,” can thiệp vào giáo dục tự do ở các trường và đại học Hồng Kông, và nếu điều này xảy ra, thì Hoa Kỳ, có quyền lợi

kinh tế to lớn ở Hồng Kông, sẽ đối diện với vấn nạn thường gặp: muốn ngăn chặn vi phạm nhưng không thực quyền để thi hành.<sup>i</sup>

Với Hồng Kông, trên nguyên tắc là Trung Quốc đã cam kết chấp nhận qui chế đặc biệt và sinh hoạt cá biệt của cựu thuộc địa. Họ chính thức công nhận điều này trong hiệp ước ký kết với Anh quốc năm 1984 về Hồng Kông. Dựa trên pháp lý, Hoa Kỳ có thể khẳng định nền pháp trị ở Hồng Kông nằm trong quyền lợi kinh tế của mình, nên yêu cầu Trung Quốc tôn trọng cam kết, và cực lực phản đối nếu họ làm khác.

Với Tây Tạng, chính sách nhân quyền toàn Trung Quốc phải bao gồm cả Tây Tạng. Người Mỹ cần nhìn nhận rằng, dù đúng hay sai, chúng ta không còn chọn lựa thực tế nào khác ngoài nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc ở Tây Tạng, dù rằng trong một thế giới lý tưởng, Tây Tạng sẽ là một quốc gia độc lập, như đã nhiều lần độc lập trong quá khứ. Đặt mục tiêu độc lập là điều vô vọng khi mục tiêu đó không có cơ hội thành

---

<sup>i</sup> Tiên đoán này đã trở thành sự thật: Năm 2019, 2020: Đại đa số thành phần hoạt động dân chủ bị bắt và án tù, một số đào thoát sang Đài Loan; chương trình giáo dục “yêu nước” được đưa vào trường học; TQ ban hành luật an ninh quốc gia cho HK (tháng Sáu 2020).

Năm 2021, tháng Hai: Ông Jimmy Lai, chủ báo *Apple Daily* thường chỉ trích Bắc Kinh, bị bắt cùng với ông Martin Lee, 82 tuổi, được xem là “cha đẻ của phong trào dân chủ” HK, và nhiều luật sư nổi tiếng; số nghị viên hội đồng thành phố được dân bầu trực tiếp giảm từ 50% xuống 22%. Ông Jimmy Lai chịu 13 tháng tù vì tham gia buổi tưởng niệm Thiên An Môn năm 2020; ông Martin Lee bị 11 tháng tù vì tổ chức biểu tình trái phép năm 2019.

Tháng Sáu: luật an ninh quốc gia ban hành năm 2020 giới hạn tự do ngôn luận, kiểm duyệt báo chí và phim ảnh, công an TQ có toàn quyền hoạt động ở HK trên luật thành phố;

Tháng Bảy: năm mươi ba luật sư, nghị viên hội đồng thành phố, những người hoạt động xã hội và dân chủ bị bắt cùng lúc...

Cam kết chính thức của TQ khi tiếp thu HK năm 1997 là sẽ để HK có một hệ thống riêng với sắc thái đặc thù của thành phố trong 50 năm, được xem như chấm dứt năm 2020. (Nd)

công.

Tuy nhiên Hoa Kỳ nên giữ quan hệ tương kính với những người đại diện cho khát vọng Tây Tạng muốn bảo tồn nếp sống, văn hoá, và đặc biệt là mong mỗi được nhìn nhận Đức Dalai Lama làm người lãnh đạo tâm linh. Về mặt này, chính sách Hoa Kỳ đã rất tế nhị và kiên quyết; giới chức cao cấp Hoa Kỳ, kể cả tổng thống, vẫn kín đáo tiếp xúc không hẹn trước với Đức Dalai Lama khi ngài đến Hoa Kỳ. Thủ-tướng Tân Tây Lan và Úc là mẫu mực khi công khai gặp gỡ Đức Dalai Lama, bất chấp cảnh báo để Trung Quốc hiểu rằng hăm dọa ép buộc các quốc gia khác phải theo chính sách Tây Tạng của họ sẽ không đem lại kết quả như ý.

Dân chúng, tổ chức tư nhân, và quốc hội có thể góp tay rất nhiều vào cuộc tranh đấu cho tự do này bằng cách cản trở Trung Quốc<sup>i</sup> và ủng hộ tinh thần nhân dân Tây Tạng. Năm 1996, quốc hội Đức ban hành nghị quyết lên án hồ sơ nhân quyền Tây Tạng của Trung Quốc. Như thường lệ, Trung Quốc trả đũa bằng những công kích thái quá, gọi nghị quyết là “công khai, trắng trợn vi phạm luật quốc tế, là can thiệp trầm trọng vào nội bộ Trung Quốc.”<sup>4</sup> Trung Quốc hủy chuyến đi Bắc Kinh của ngoại trưởng Đức Klaus Kinkel. Một hai ngày sau, dù muốn giữ mậu dịch với Trung Quốc, thủ tướng Đức Helmut Kohl tuyên bố gọi bản nghị quyết là vi phạm luật quốc tế hay can thiệp vào nội bộ Trung Quốc là điều phi lý khi.

Trung Quốc không dễ gì từ bỏ cai trị hà khắc và vô nhân đạo ở Tây Tạng, và thực tế thì điều này có lẽ cũng không cần thiết. Về lâu về dài, khi Trung Quốc trở nên dân chủ hơn, tình

---

<sup>i</sup> Ở đây tác giả muốn nói đến những tố cáo về nhân quyền, những biểu tình ôn hoà, trưng bày bằng chứng về chính sách đàn áp, v.v. trên diễn đàn quốc tế (Nd)

trạng Tây Tạng sẽ được cải thiện, và ở một thời điểm nào đó thì khả năng hình thành một liên bang tự nguyện giữa hai thực thể có thể xảy ra, nếu đó là lựa chọn của nhân dân Trung Quốc và Tây Tạng. Trong hiện tại thì đối sách của Hoa Kỳ cho những vấn đề nhân quyền Trung Quốc, gồm cả lên án Bắc Kinh ở các hội nghị quốc tế, nên áp dụng cho cả Tây Tạng. Trung Quốc luôn chống trả những chỉ trích về cai trị ở Tây Tạng với giọng điệu thái quá nhưng chính sự thái quá đó cho thấy họ quan ngại công luận quốc tế, một quan ngại mà một ngày nào đó có thể làm giảm bớt đàn áp văn hoá và nhân dân Tây Tạng.

VÀO MÙA HÈ 1996, một ủy ban uy tín gồm hai-mươi-bốn nhà tư tưởng chiến lược và lãnh đạo chính trị, của cả hai đảng Cộng-hòa và Dân-chủ, cho ra một báo cáo mang tên *Quyền-lợi Quốc-gia Hoa-Kỳ (America's National Interests)*. Ủy ban kết luận trong tất cả những điều được cho là quyền lợi Mỹ trên thế giới, chỉ năm điều là trọng yếu, được xác định khi tất cả thành viên ủy ban đều đồng ý với câu hỏi: “Quyền lợi, giá trị, hoặc điều kiện này là tối cần để Hoa Kỳ gìn giữ và nâng cao hạnh phúc người dân Mỹ trên một đất nước tự do và bình an?”

Ủy ban đồng ý rằng đa số những điều được xem là “quyền lợi trọng yếu” đã bị loại qua trắc nghiệm này. Điều đầu tiên được chọn là ngăn ngừa một cuộc tấn công tàn phá Hoa Kỳ bằng vũ khí nguyên tử, sinh hoá, hay hoá học. Điều thứ hai là cần phải “ngăn ngừa sự trỗi dậy của một bá quyền thù nghịch ở châu Âu hoặc châu Á.”<sup>5</sup> Theo ủy ban thì quyền lợi trọng yếu của Mỹ tự nó đã rõ nghĩa nên không cần lý giải thêm, nhưng định nghĩa quyền lợi trọng yếu của ủy ban theo chiều hướng này thường được dùng định hướng cho chính sách Mỹ ở châu Âu,

nơi hiện không có nguy hiểm bá quyền, và ở châu Á, nơi hiện đang có. Tuy nhiên rất ít người Mỹ có thể lý giải rõ ràng tại sao quyền lợi trọng yếu của chúng ta lại bị đe dọa nếu Trung Quốc trở thành bá chủ châu Á như họ muốn, mà nhất là khác với Nhật Bản của nửa thế kỷ trước, Trung Quốc không có ý định đem quân xâm chiếm lãnh thổ các nước Á châu khác.

“Đây là một am hiểu thông thường về địa chính trị dù người Mỹ không quan tâm lắm,” ông Walter McDougall, một sử gia được trao Giải Pulitzer và là nhà tư tưởng chiến lược của Đại học Pennsylvania, đã trả lời câu hỏi này. Một nước bá quyền khổng lồ chế được châu Âu hoặc châu Á sẽ là một nước lớn và hùng mạnh, vì vậy sẽ không có đối thủ trong vùng đủ khả năng ngăn cản họ phóng lực ra toàn vùng. Ví dụ ở châu Á, một Trung Quốc rảnh tay tập trung phát triển hải lực viễn dương và không lực tầm xa—cả phi cơ lẫn phi đạn—sẽ đủ khả năng cản trở hoặc ngay cả chặn đứng Hoa Kỳ khi cần phải đưa quân đến Á châu để bảo vệ quyền lợi. Tuyến đường thương mại và năng lượng sẽ bị đe dọa nặng nề. Siêu cường Mỹ có thể phải đóng tiền nếu muốn giao thương với các quốc gia khác ở Đông Á.

Không có cơ sở quân sự ở Đông Á, Hoa Kỳ sẽ mất đi khả năng chiến đấu trong chiến tranh nhỏ cấp vùng như Chiến Tranh Vùng Vịnh, vì đơn giản là Trung Quốc, nếu muốn, có thể ngăn cản các nước khác hợp tác và cho Hoa Kỳ mượn đất đổ quân. Hoa Kỳ sẽ phải lựa chọn giữa không tham chiến—nghĩa là tránh đụng chạm Trung Quốc—và chiến tranh thế giới.

Như ta đã thấy, một trong những mục tiêu xa của Trung Quốc là ngăn quân đội Mỹ có căn cứ cố định ở Á châu để làm căn cứ tấn công trong trường hợp khẩn cấp. Hiện nay, Trung Quốc còn quá yếu để kiên định điều đó. Nhưng chúng ta biết họ đang đợi ngày quân Mỹ không còn lý do ở lại Đại Hàn và chỉ

còn ở Nhật để ngăn ngừa Nhật Bản tái vũ trang. Ta cũng đã thấy Trung Quốc đã áp lực Thái Lan thành công để từ chối yêu cầu vô hại của Mỹ được neo thuyền chở quân cụ trong hải phận Thái. Sau đó, Thái Lan còn bắt ngờ từ chối yêu cầu của Đài Á Châu Tự Do dùng trạm phát sóng ở Thái Lan để truyền vào Trung Quốc, một quyết định mà Trung Quốc lập tức ca ngợi.<sup>6</sup>

Trung Quốc sẽ phản ứng thế nào nếu giả sử Hoa Kỳ cần đóng quân ở Thái Lan để can thiệp vào xung đột khai thác tài nguyên ở biển Nam Hải giữa Trung Quốc và Phillippines? Chắc chắn Trung Quốc sẽ áp lực Thái Lan từ chối không cho quân đội Mỹ đóng quân, và nếu là bá quyền, họ sẽ thành công. Samuel P. Huntington liệt kê trong tác phẩm *Va-chạm Giữa các Nền Văn-minh* (*The Clash of Civilizations*) mười một điều mà bá quyền Bắc Kinh có thể ép buộc các quốc gia trong vùng theo ý họ: Từ im lặng để Trung Quốc thao túng Nam Hải đến ủng hộ Trung Quốc trong mọi mâu thuẫn với Tây phương về nhân quyền, bành trướng vũ khí, hoặc kinh tế.

Vì vậy mục đích của Hoa Kỳ ở Á châu rất rõ ràng: Ngăn chặn Trung Quốc trở thành một bá quyền thù nghịch có thể cản trở Mỹ theo đuổi quyền lợi ở Á châu. Yếu tố đầu tiên để đạt mục đích này là duy trì hiện diện quân sự ở Á châu, giữ lực lượng này hùng mạnh và khả năng vượt xa quân đội Trung Quốc. Hoa Kỳ cần theo dõi gia tăng quân sự của Trung Quốc và có biện pháp thích ứng. Lợi thế về kỹ thuật vũ khí của Hoa Kỳ cách Trung Quốc quá xa nên hầu như Trung Quốc có thể sẽ không bao giờ đuổi kịp nếu Hoa Kỳ vẫn chú tâm duy trì lợi thế đó.

Mục đích thứ hai: Rõ ràng là Hoa Kỳ phải ngăn chặn Trung Quốc bành trướng vũ khí hạt nhân. Trường hợp xấu nhất có thể xảy ra, như đã giả tưởng trong chương trước, là Trung Quốc có

thể úp mở đe dọa tấn công vũ khí nguyên tử để Hoa Kỳ chùn tay trong những vấn đề Trung Quốc cảm thấy chủ quyền hoặc tự ái quốc gia bị thương tổn—như giúp Đài Loan trong trường hợp Trung Quốc tấn công. Hậu quả xấu nhất có thể xảy đến cho quan hệ Trung–Mỹ là tình trạng guồng nhau bằng vũ khí nguyên tử như thời Chiến Tranh Lạnh, dựa vào chủ thuyết lưỡng bại câu thương để ngăn ngừa bên kia tấn công trước.

Trên thực tế Trung Quốc có nhiều động cơ để tránh chạy đua vũ trang nguyên tử. Thứ nhất là phí tổn khổng lồ, và, quan trọng hơn cho phía Trung Quốc, là nó sẽ thúc đẩy các nước khác, nhất là Nhật Bản và Ấn độ, trang bị một số vũ khí hạch nhân tương xứng với Trung Quốc. Hoa Kỳ nên đóng vai trò thăm lặng nhưng hiệu quả là vận động áp lực quốc tế thuyết phục Trung Quốc ngưng thử vũ khí nguyên tử vĩnh viễn, cũng như tích cực chống đối bành trướng vũ khí nguyên tử ở Trung Quốc và khắp nơi. Khác với nhân quyền, bất cứ gia tăng vũ khí nguyên tử nào ở Á châu cũng đều ảnh hưởng đến quyền lợi trọng yếu của Hoa Kỳ, vì thế hầu hết những chính sách đã được nghiên cứu kỹ, cả phong toả kinh tế và cô lập ngoại giao, đều có thể áp dụng được để ngăn ngừa.

Yếu tố thứ ba trong cân cân quyền lực này là Đài Loan. Nếu Hoa Kỳ bị lôi kéo vào một chiến tranh giữa Trung Quốc và Đài Loan thì đó là hậu quả xấu nhất mà một chính sách cân bằng quyền lực Á châu sai lầm có thể mang lại. Để tránh tình trạng đó, điều quan trọng duy nhất là bảo đảm Đài Loan đủ sức phòng thủ để họ tự nguyện ngò vào thống nhất vào đúng thời điểm. Dù Trung Quốc đe dọa, cảnh cáo, và phản đối, Hoa Kỳ cũng phải tiếp tục cung cấp cho Đài Loan vũ khí cần thiết, quan trọng nhất là vũ khí phòng không và chống tàu ngầm để ngăn ngừa một cuộc phong toả của Trung Quốc có thể xảy ra.



Ngoài ra, giữ cân bằng quyền lực ở Á châu chính là củng cố Nhật Bản. Sự bành trướng sức mạnh của Trung Quốc cho thấy những suy nghĩ về Nhật Bản trong thời gian qua đã lỗi thời. Chúng ta không thể hành xử trên nhận định rằng một Nhật Bản yếu là một Nhật Bản tốt. Có thể khuyến khích Nhật bác bỏ chiến dịch đe dọa và hài tội của Trung Quốc, không bằng cách chối bỏ tội ác chiến tranh trước đây (Nhật nên nhìn nhận điều đó, không chỉ với Trung Quốc mà còn với Hoa Kỳ), nhưng bằng xây dựng một quân lực uy tín bất chấp những cáo buộc này. Một chuyên gia cảnh báo rằng khả năng chiến đấu của Nhật chưa được trải nghiệm và đáng ngờ. Lực Lượng Tự Vệ Nhật dù vũ khí tối tân có thể tan vỡ dễ dàng trước chiến tranh. Ngay cả hệ thống chỉ huy hàng dọc trong tình trạng báo động quân sự cũng đáng ngờ.<sup>7</sup>

Suốt nửa thế kỷ qua, học thuyết chiến lược của Mỹ cho rằng một Nhật Bản tái vũ trang sẽ đe dọa hòa bình và ổn định ở châu Á. Nếu điều này đã đúng trước đây, thì cũng chỉ đúng vì Trung Quốc nghèo và yếu. Điều này không còn nữa. Trên thực tế, trong một thế giới hậu Chiến Tranh Lạnh, sự yếu đuối của Nhật là một đe dọa cho hòa bình và ổn định vì nó tạo ra một khoảng trống quyền lực mà một mình Hoa Kỳ không đủ khả năng trám vào. Một Nhật Bản hùng cường, trong một hợp tác đúng nghĩa với Hoa Kỳ, là trọng yếu cho cân bằng quyền lực mới ở Á châu. Một Nhật Bản yếu đuối chỉ có lợi cho Trung Quốc mà vì muốn làm bá chủ nên không muốn có cân bằng quyền lực ổn định ở Á châu. Dưới bá quyền Trung Quốc, Nhật Bản không là gì ngoài vai một chư hầu đặc lực nhất cho Trung Quốc.

Điều này có nghĩa Hoa Kỳ cần bỏ quan niệm Nhật Bản là một quốc gia bất thường, vĩnh viễn hiện hữu trong tình trạng quân sự yếu kém và nền ngoại giao thứ cấp. Đây là một nghịch lý lớn. Hoa Kỳ không thể ngăn chặn bá quyền Trung Quốc ở Á

châu trừ phi Nhật Bản là một đồng minh tự nguyện và bình đẳng trong tiến trình đó. Nhưng nếu Hoa Kỳ ép buộc thì có thể gây phản ứng bài Mỹ ở Nhật. Giải quyết vấn nạn đó sẽ là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của ngoại giao Mỹ trong tương lai gần. Hoa Kỳ phải chứng tỏ mình là một đồng minh vững chắc và đáng tin cậy, như mùa xuân vừa qua trên vùng biển gần Đài Loan, trong khi chờ đợi Nhật Bản nhận ra hoàn cảnh an ninh ngày càng đe dọa họ. Về mặt này, thì quyết tâm bá chủ châu Á của Trung Quốc có lẽ sẽ giúp cho Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Hoa Kỳ và Nhật Bản phải nhận thức họ cần có nhau.

Hoa Kỳ, với sức mạnh tương đối suy giảm, sẽ tự dối mình nếu nghĩ rằng có thể tiếp tục bảo đảm hòa bình và trật tự cho toàn Á châu mà không cần đến sự tiếp tay tích cực của Nhật Bản. Ví dụ hải quân hai nước nên phối hợp thao diễn quân sự trên vùng biển lớn hơn trong Thái Bình Dương, từ Alaska, Siberia đến Micronesia, và cuối cùng là Đông Nam Á. Một hợp tác như vậy có thể đặt nền tảng cho một cân bằng quyền lực mới ở Đông Á.

ĐIỂM CUỐI CÙNG cần phải lưu ý ở đây là Hoa Kỳ không ích lợi gì để thành kẻ thù của Trung Quốc. Không khó để ta hình dung ra một quan hệ chân thành với một Trung Quốc trỗi dậy, dân chủ hơn, biết quý trọng mỗi giao hảo với Hoa Kỳ, sẵn sàng từ bỏ chính sách đối ngoại và quân sự phiêu lưu để giữ quan hệ đó. Trên nhận định này thì thời kỳ nguy hiểm nhất là thời gian trước mặt, khi Trung Quốc vẫn còn trong tay thế hệ đảng viên Cộng sản nặng lý tưởng và văn hoá thời Mao, vẫn còn áp ủ nổi nhục nhã mà Trung Quốc đã gánh chịu dưới tay ngoại nhân. Một thế hệ mới, hiện đại hơn, đang đợi chờ để thay thế, một số được đào

tạo ở các đại học Mỹ và Âu châu, cởi mở và khoan dung hơn, ít tự vệ phản xạ và dân tộc chủ nghĩa mù quáng, một thế hệ mà nhiều người thiện cảm với cuộc nổi dậy Thiên An Môn.

Chúng tôi không cho rằng mình hiểu được suy tư của thế hệ trẻ Trung Quốc, bao nhiêu người trong số họ bị lôi cuốn theo thông điệp dân tộc chủ nghĩa mù quáng chống Mỹ của lãnh đạo hiện thời, và trên thực tế thì bao nhiêu trong số này sẽ tiếp nối thông điệp đó. Chúng tôi xin ghi nhận một biểu hiện nhỏ là các tác giả của cuốn sách bài Mỹ chưa cay *Trung Quốc Có Thể Từ Chối* là thành phần trí thức trẻ thuộc tầng lớp mà người ta hy vọng sẽ khác với cha ông của họ. Nhưng chúng tôi cũng đã gặp nhiều người trẻ Trung Quốc trong lứa tuổi hai, ba, và bốn mươi không bị chủ nghĩa dân tộc mù quáng lôi cuốn. Một trong những công tác quan trọng của ngành ngoại giao Mỹ là giữ quan hệ tốt với thành phần phóng khoáng và bất thiệp của đại lục Trung Quốc mệnh mông. Cách chắc chắn nhất để tránh xung đột với Trung Quốc là thành phần đó của xã hội Trung Quốc thành công và lèo lái cả nước tiến vào thế kỷ hai mốt.



# CẢM ƠN

CHÚNG TÔI CẢM ƠN những học giả và phân tích gia Trung Quốc đã cho phép chúng tôi thăm cơ quan của họ ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc và thảo luận quan điểm với chúng tôi.

Ở Thượng Hải, chúng tôi đã đến Viện Nghiên cứu cho Hòa bình và Phát triển,<sup>i</sup> Trung tâm Nghiên cứu Thái Bình Dương-Á Châu của Viện Khoa học Xã hội Thượng Hải,<sup>ii</sup> Trung tâm Nghiên cứu Hoa kỳ<sup>iii</sup> ở Đại học Fudan, và Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải.<sup>iv</sup>

Ở Bắc Kinh chúng tôi thăm Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ<sup>v</sup> của Học viện Khoa học Xã hội của Trung Quốc,<sup>vi</sup> Viện Nghiên cứu Quan hệ Quốc tế Đương đại của Trung Quốc,<sup>vii</sup> Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc,<sup>viii</sup> và Hội Nghiên cứu Chiến lược và Quản trị Trung Quốc.<sup>ix</sup>

Chúng tôi chịu ơn đặc biệt Al Wilhelm và Karen Sutter của Hội đồng Đại Tây Dương<sup>x</sup> ở Washington, D.C., đã bỏ công giúp chuẩn bị cho chuyến đi Thượng Hải và Bắc Kinh của chúng tôi.

---

<sup>i</sup> Institute for Peace and Development Studies

<sup>ii</sup> Institute of Asia-Pacific Studies of the Shanghai Academy of Social Sciences

<sup>iii</sup> Center for American Studies

<sup>iv</sup> Shanghai Institute for International Studies

<sup>v</sup> Institute of American Studies

<sup>vi</sup> Chinese Academy of Social Sciences

<sup>vii</sup> China Institute of Contemporary International Relations

<sup>viii</sup> China Center for International Studies

<sup>ix</sup> China Society for Strategy and Management Research

<sup>x</sup> Atlantic Council

Họ làm công việc này trong tinh thần tra cứu uyên thâm chân chính và tranh luận cởi mở, dù biết rằng quan điểm của sách có thể sẽ khác xa quan điểm của họ.

Chúng tôi biết ơn giám đốc và nhân viên của Phòng Thông-tin Chính-phủ Đài Loan<sup>i</sup> đã nhanh chóng và cẩn trọng cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Chúng tôi xin cảm tạ đóng góp của Sharon Fennimore, David K. Kim, Jane Tsou, and Eunice Yang. Cảm tạ đặc biệt dành cho nhà nghiên cứu Nam C. Kim đã tận tụy nhiều tháng truy tìm những thông tin quan trọng trong sách.

Một điều không tránh khỏi là nhiều người hỗ trợ chúng tôi, đặc biệt những công dân Trung Quốc bình thường ở Mỹ và ở Trung Quốc, phải ẩn danh dù chúng tôi cảm kích họ đã âm thầm giúp soi sáng vấn đề. Ở Washington, những chuyên gia về Trung Quốc trong Quốc Hội và hành pháp đã cung cấp nhiều nhận thức vô giá.

Quan điểm sách là riêng của hai tác giả và tuyệt đối không đại diện cho quan điểm của Viện Nghiên-cứu Chính-sách Ngoại-giao<sup>ii</sup> hoặc bất cứ cơ quan nào.

Chúng tôi cũng xin bày tỏ lời cảm ơn nồng nhiệt nhất đến Jonathan Segal của NXB Alfred A. Knopf, và người đại diện chúng tôi, Kathy Robbins.

---

<sup>i</sup> Government Information Office on Taiwan

<sup>ii</sup> Foreign Policy Research Institute

## Lời Cuối của Người Dịch

Năm 1998, khi đọc cuốn *The Coming Conflict with China*, chúng tôi đã có ý muốn dịch sang tiếng Việt để chia sẻ một quan điểm khác về quan hệ Trung-Mỹ với độc giả Việt Nam.

Sách được NXB Knopf phát hành vào đầu 1997 với bìa cứng; năm 1998 được NXB Vintage in lại với bìa giấy với lời tựa viết thêm. Sách đã được dịch ra bốn thứ tiếng: Nhật, Pháp, Đức, và Hoa (Đài Loan). Bản dịch dựa trên bản của NXB Vintage.

Năm 1997, hình ảnh Trung Quốc nhìn chung vẫn còn tốt đẹp trong dân chúng, báo chí, giới học thuật và nghiên cứu Mỹ. Trong khung cảnh đó, sách là tiếng chuông hiếm hoi, đem lại nhiều tranh cãi và công kích. Nhưng gần đây, nhiều nhận định về Trung Quốc và đề nghị trong sách đã trở thành sự thật. Một trong những đề nghị đó là sự ra đời của liên minh Tứ Quốc An-ninh (QUAD) gần đây gây cảm hứng cho chúng tôi hoàn thành bản tiếng Việt, để chia sẻ với thân hữu, dù sách đã 25 năm cũ—một thời gian quá lâu cho một tác phẩm về quan hệ quốc tế.

Về danh xưng tổ chức, cơ quan: Chúng tôi tạm dịch sang tiếng Việt, để độc giả dễ liên hệ với hoạt động hoặc nhận định của tổ chức, và kèm tên tiếng Anh để đối chiếu hoặc truy cứu thêm.

Về cách viết hoa cho danh xưng tổ chức, chúng tôi nhận ra giới hạn của các quy ước hiện nay. Cách viết hoa trước đây cho mỗi từ, như Liên Hiệp Quốc, không thể hiện được từ đa tiết trong tiếng Việt.

Cách viết hiện hành, chỉ viết hoa những chữ đầu trong các

từ kép thì không phân biệt giữa danh xưng và câu văn theo sau, ví dụ như “Đại hội đồng quyết định...” có thể hiểu thành “Đại Hội đồng quyết định...” hay “Đại Hội Đồng quyết định...”

Để làm rõ nghĩa, mỗi chữ trong danh xưng tổ chức hoặc sẽ được viết hoa, như *Hiệp Hội Các Nước Đông Nam Á*, hoặc dùng gạch nối cho những từ kép, như *Tín-dụng* và *Đầu-tư Quốc-tế Trung Quốc*.

Về tên nhân vật: Tên người hoặc địa danh Trung Quốc sẽ được viết theo pinyin (Trung Quốc) hay Wade-Giles (Đài Loan) như bản gốc với gạch nối, trừ những tên đã quá phổ thông trong tiếng Việt, như Mao Trạch-Đông, Thiên An Môn v.v. để thể hiện khái niệm tên kép của người Trung Quốc và Đài Loan.

Tên riêng pinyin còn giúp phân biệt nhân vật và địa danh ngoại quốc. Nhưng trên hết, với tên pinyin người đọc dễ truy cứu với nguồn thông tin đồ sộ của thế giới trên mạng.

Cuối cùng chúng tôi xin tri ân hai tác giả Richard Bernstein và Ross H. Munro đã cho một tác phẩm nghiêm túc mà sau 25 năm vẫn mang lại cho người đọc nhiều mới lạ.

Dĩ-Nguyên

*DiNguyen0820@gmail.com*

Tháng Tám, 2021



# DANH MỤC

- Afghanistan, 41  
Agnes Smedley, 122  
Airbus, 119, 141, 233  
Al Haig, 126, 132, 133  
    dự Quốc Khánh TQ 1989, 134  
    về đổi đầu TQ, 134  
Aleksandr Panov, 77  
Allied Signal, 139  
America Express, 130  
American International Group,  
    130, 139  
Amoco, viii  
Amur (sông), 41, 87  
André Malraux, 122  
Andrew Nathan, 123  
Anna Louise Strong, 122  
Anthony Lake, 31, 94  
Arthur Anderson, 140  
*Asahi Shimbun*, 198  
ASEAN, vii, 88  
AT&T, 157  
Bai Zhao  
    Tòa Án Nhân Dân Cao Cấp  
        Tây Tạng, 102  
    về Tây Tạng, 102  
Bắc Hàn, 195  
Bennett Johnston, 137  
Big Bird (Chú Chim Lớn), 46  
Bill Clinton, 118  
    chính sách TQ, 94, 106  
    mậu dịch lâm vũ khí, 49  
    về đàn áp Tây Tạng, 102  
Bill Gates, 111  
Boeing, 13, 116, 142  
Boris Yeltsin, 44  
Bồ Đào Nha, 173, 181  
Brent Scowcroft, 126, 132  
*Business Week*, 158, 160  
Bức Tường Dân Chủ, 38, 43, 97,  
    105, 108, 113  
Cách Mạng Văn Hóa, 80  
Cambodia, vi  
Caterpillar, 139  
cân bằng quyền lực, 3, 11, 21, 32,  
    182, 206, 229, 244, 245  
Coca-cola, 130  
Colin S. Gray, 64  
Continental Grain, 130  
Công-ty Kỹ-nghệ Hàng-không  
    Thượng-hải, 157  
Công-ty Tín-dụng và Đầu-tư  
    Quốc-tế Trung Quốc, 121  
Công-ty Xuất-nhập-khẩu Kỹ-  
    thuật Hàng-không Quốc-gia  
    Trung Quốc (Caltic), 160  
Cyrus Vance, 133  
Chai Zemin, 52  
Chalmers Johnson, 151, 154, 235  
Charlene Barshefsky, 156  
Chas W. Freeman, 85, 171  
Chase Mahattan Bank, 130  
Chen Yi, 175  
*Cheng Minh* [báo], 50

- Chiang Ching-kuo (Tướng Kinh-Quốc), 176
- Chiến Tranh Đại Hàn, 28, 202
- Chiến Tranh Lạnh, 35, 185, 189, 194, 244
- Chiến Tranh Nha Phiến, 51, 163
- Chiến Tranh Nhân Dân [chủ thuyết], 72
- Chiến Tranh Việt Nam, 62
- Chiến Tranh Vùng Vịnh, 42, 44, 73, 242
- China Can Say No. Xem Trung Quốc Có Thể Từ Chối*
- China Daily*, 205
- chính sách nhân quyền Mỹ, 235
- chính sách Tây Tạng, 239
- chính sách TQ
- bao vây, viii, 52, 226
  - đặc thù quan hệ Trung-Mỹ, 96
  - giao tiếp, 47, 226
- Christopher Cox, 135
- Christopher H. Smith, 158
- chủ nghĩa tư bản có chỉ đạo (guided capitalism), 151
- chủ nghĩa tư bản nhà nước (state capitalism), 150
- Churchill, 175
- Đại Học Quốc Phòng, 57, 74
- Dalai Lama, 6, 100, 101, 102, 103, 240
- Dalian, 163
- David Geffen, 184
- David Lampton, 204
- David Shambaugh, 73
- Deere, 140
- Democratic Progressive Party, 177
- Diễn Đàn 5 Tháng Tư*, 113
- Đài Á Châu Tự Do, 236
- Đại Hàn, 201
- Đài Loan
- 228 Incident, 175
  - Cục An-ninh Quốc-gia, 170
  - Hội-đồng Bảo-an LHQ, 176
  - Kaohsiung, 169
  - Keelung, 169
  - Koxinga, 174
  - lịch sử, 173
  - Matsu [đảo], 170
  - Quemoy [đảo], 170
- Đại-học Fudan, 192
- Đặng Tiểu-Bình, 12, 22, 26, 42, 61, 80, 100
- Mỹ du, 35
  - Nam du, 48
  - quân đội chống đối, 49
  - về Hoa Kỳ, 48
- Đề-cương Chương-trình Quốc-phòng Nhật Bản (Japan's National Defense Program Outline), 185
- Đi Tìm Sự Thật (Pursuit of Truth)*, 40
- Edgar Snow, 122, 123, 125
- Emergency Committee for American Trade, 139
- Eo-biển Bashì, 202
- Eo-biển Đài Loan, 193
- cho an ninh Nhật Bản, 202
  - hệ quả khủng hoảng, 188
  - khủng hoảng 1996, 4, 172, 187
  - nguyên nhân khủng hoảng, 168
- Ernest Hollings, 138
- Ford Motor Company, 116
- Frank R. Wolf (dân biểu), 8
- Futenma (căn cứ không quân Mỹ), 186
- GATT, 234

- General Motor, 157  
 George David, 134  
 Gonowan, 186  
*guan-xi*, 121, 122, 123  
 Han Suyin, 122, 125  
 hàng chế biến cao cấp (high value-added good), 153  
 hàng đa-công (labor-intensive), 148  
 hàng gia-công (labor-added good), 153  
 hàng kỹ thuật cao, 153  
 hàng sơ cấp (primary products), 154  
 hàng thành phẩm (manufactured product), 154  
 Helmut Kohl, 240  
 Henry Luce, 136  
 Hiệp-ước Hoà-bình và Hữu-nghị (Peace and Friendship Treaty) 1978 [Trung-Nhật], 191  
 Hisahiko Okazaki, 201  
 Hòa Lan, 173, 174  
 Hoàng Sa, vì  
     căn cứ quân sự, 82  
     Miền Nam Việt Nam, 87  
     Woody (Yongxing), 82  
 Hokkaido, 194  
 Hội Các Nhà Sản Xuất Toàn Quốc, 141  
 hội nghị Cairo, 175  
 Hội-đồng Thương-mại Hoa Kỳ-Trung Quốc. *Xem US-CBC*  
 Hồng Kông, 65, 88, 146, 162  
     ảnh hưởng quan hệ, 238  
     dự đoán đàn áp, 238  
     TQ tiếp quản, 4  
     Ủy-ban Chuẩn-bị, 17  
 Hu Yaobang, 41  
 Human Rights in China, 114  
 Human Rights Watch, 123  
 Hun Sen, vii  
 IBM, 116  
     Louis V. Gerstner, 116  
 Indonesia, 199  
*Inquirer* Philadelphia, 148  
*Institutional Investor*, 79  
 International Signal & Control Group PLC, 134  
 Issac Stern, 46  
     *Từ Mao đến Mozart*, 46  
 James Lilley, 126, 135  
 James Woolsey, 53  
 Jiang Zemin, 96  
     chuyến đi Mỹ, 238  
     chuyến đi Nam Hàn, 57  
     chuyến đi Singapore, 199  
     chức vị Chủ-tịch Đảng, 96  
     chức vị Quân Ủy TU, 75  
     gặp Kissinger, 128  
     giảm thuế nhập khẩu, 155  
     lên án Nhật Bản, 201  
     Nhóm Chi-đạo Công-tác Trung-ương về Quốc Hội Hoa Kỳ, 137  
     tổng thống kiêm tổng bí thư Đảng, 31  
     Thiên An Môn, 94  
     thông cáo chung hợp tác với Boris Yeltsin, 51  
 Jimmy Lai, 17  
*jing-shen-wu-ran*, 38  
 John Glenn, 138  
 John J. Fialka, 131  
 John K. Fairbank, 162  
 John Shattuck, 108  
 Kafka, 99  
 Kangxi, 175  
 Kazakhstan, viii, 63

- Kentucky Fried Chicken, 117  
     John Cranor, 117  
 Kế Hoạch Ngũ Niên Tây Tạng lần  
     thứ chín, 102  
 Kissinger, 30  
     cố vấn cty Mỹ vào TQ, 126  
     *chính-trị-thực-dụng*,  
         *realpolitik*, 30  
     gặp Đặng Tiểu-Bình, 128  
     gặp Rong Yiren, Jiang Zemin,  
         và Li Peng, 128  
     hợp doanh China Ventures,  
         130  
     mâu thuẫn quyền lợi, 131  
     McCarthyism, 131  
     ngăn cản trừng phạt TQ, 127  
     suy nghĩ chiến lược về TQ, 128  
     tuyên bố về Thiên An Môn,  
         126  
     về khủng hoảng Eo Đài Loan,  
         128  
 Kissinger Associates, 129, 130  
     thù lao, lương, 133  
 Klaus Kinkel, 240  
 Kuomintang, 59, 136, 174, 176,  
     178  
 Lawrence Clarkson, 141, 142  
 Lawrence Eagleburger, 126, 132  
 Lee Teng-hui, 6, 167, 177, 178  
 Levi Strauss & Co, 118  
 Li Daoyu, 137  
 Li Peng, 134, 169, 181  
     gặp Al Haig, 134  
     gặp Kissinger, 128  
     hạ lệnh tấn công Thiên An  
         Môn, 128  
     trừng phạt kinh tế Boeing, 119  
 Li Zhisui, 123  
 Lin Biao, 36, 37  
     Cách Mạng Văn Hóa, 36  
 Liu Qing, 113  
 lợi thế so sánh, 147  
 Lu Zhongwei, 188  
 Luciano Pavarotti, 46  
 Luzon [biển], 202  
 Macau, 4, 207  
 mãi lực tương đương, 79  
 Mao Trạch-Đông, 37, 86, 97  
     Bốn Hũ-tục, 61  
     chính sách kinh tế, 60  
     đấu tranh quyền lực, 36  
     về Nhật Bản, 189  
 Mario Cuomo, 117  
 Mark Anderson, 155  
 Martin Lee, 238  
 mẫu hạm *Clemenceau*, 89  
 mẫu hạm *Enterprise*, 172  
 mẫu hạm *Independence*, 169  
 mẫu hạm *Kitty Hawk*, 28  
 mẫu hạm *Nimitz*, 169  
 McDonell Douglas  
     mô hình hợp doanh TQ, 157  
 McDonnell Douglas, 7, 157, 158  
     lập công ty hợp doanh, 157  
 Mi Zhenyu, 1  
 Microsoft, 112  
 Michelangelo Antonioni, 123  
     *China is Near (phim)*, 123  
 Midland Bank, 130  
 Mikhail Gorbachev, 43  
*Ming Pao*, 77  
 Motorola, 139, 140, 158  
 mục đích của Hoa Kỳ ở Á châu,  
     243  
 Nam Hải, xi, 21, 44, 88, 199, 200,  
     207, 208, 243  
 Nam Hàn, 195  
 Napoleon Bonaparte, 226  
 National Committee for U.S.–

- China Relations, 204  
*Newsweek*, 13  
 Nixon, 3, 37, 41, 132, 134, 165, 176  
 Norodom Ranadiddh, vi  
 Norodom Sihanouk, vi  
*Nhân Dân Nhật Báo*, 32, 33, 43, 97  
 Nhật Bản  
   Hiền-pháp Hoà-bình, 194  
   hợp thượng đỉnh Nhật-Mỹ 1996, 187  
   Khối Yen (Yen Bloc), 197  
   liên minh Hoa Kỳ, 205  
   Lực-lượng Tự-vệ, 194, 221  
   *Nhật Bản là Đệ Nhất* [sách], 196  
   quyết định đi với Mỹ, 187  
   tạ lỗi Thế Chiến II, 191, 198  
   Tuyên-bố Chung Nhật-Mỹ về Liên-minh An-ninh cho Thế-kỷ 21, 187  
*Nhật Báo Giải Phóng (Liberation Daily)*, 40  
 Okinawa, 185, 194  
   cắt giảm lực lượng, 186  
 Olympic 2000, 6  
 Orville Schell, 53, 123  
 Orwell, 99  
 Palawan [đảo], 199  
 Panchen Lama, 14, 101  
   Gendum Choekyi Nyima, 101  
 Parris H. Chang, 177  
 Phòng Thương-mại Hoa Kỳ, 139  
 Qian Qichen, 127, 141, 188  
 Qiao Guanhua, 165  
 quân đội kinh doanh  
   Beta Chemical, 161  
   Beta Toys, 161  
   Forte Lighting, 161  
   Larin, 161  
   mục đích, 160  
   Norinco, 143, 161  
   ở Hoa Kỳ, 144  
   Poly Technologies, 144  
   Xinxing, 161  
 quân đội TQ  
   DF-11, 210  
   DF-15, 210  
   DF-31, 84  
   DF-5, 219  
   Dongfeng, 219  
   IL-76 thành AWACS, 89  
   MiG-21, 212  
   MIRVed, 84  
   quantou, 82  
   SS-18, 8  
   SU-27, 83, 212  
   tàu ngầm hạng-Xia, 219  
   vũ khí hạch nhân, 219  
 Quỹ Tiền-tệ Quốc Tế, vii  
*Quyền-lợi Quốc-gia Hoa-Kỳ* (báo cáo), 241  
 Rewi Alley, 122  
 Richard Gephardt, iii  
*Risk Report*, 121  
 Robert McFarlane, 133  
 Ron Brown, 117  
 Rong Yiren, 121, 129, 130, 135  
 Roosevelt, 175  
 Ross Terrill, 124  
 Ryutaro Hashimoto  
   đe dọa chiến lược TQ, 185  
   tuyên bố về TQ, 186  
   thảo luận với Clinton, 184  
 Samuel P. Huntington  
   *The Clash of Civilizations*, 243  
 Samuel P. Huntington, 65  
 Sáng Kiến Bình Thường Hóa Quan Hệ TQ, 139

- Scott Thompson, 130  
 Searchwater rada, 89  
*Seattle Times*, 142, 157  
 Senkaku, 193  
*Sesame Street*, 13  
 Shenzhen, 162  
 Shi Long, 174  
 Shi Ming-teh, 177  
 Singapore, 199  
 Southwest Products, 160  
 Stalin, 12, 36  
 Stanley Holmes, 142  
 Stapleton Roy, 109  
 Stonecutters, 88  
 Sunbase Asia, 160  
 Tân Hoa Xã, 57, 61, 101, 102  
 Tân Sinh Phong-trào, 61  
 Tân Tây Lan  
     về Tây Tạng, 240  
*Tân Thanh-niên*, 60  
 Tân Vận Động Chính Trị, 111,  
     120, 136, 234  
 Tây Ban Nha, 173  
 Tây Tạng, 101, 236  
     diệt chủng văn hóa, 101, 103  
     tấn công chùa Ganden, 100  
     Vùng Tự-trị, 103  
*Tây Tạng Nhật Báo*, 102  
 Texaco, viii  
 Tianjin, 163  
 Time Warner, 116  
*Times*, 13  
 Tom Foley, 117  
 Tomiichi Murayama, 185  
 Tổ-chức Lao-động Quốc-tế  
     (International Labor  
     Organization), 237  
 Tổ-chức Mậu-dịch Quốc-tế. *WTO*  
 Tỏi Huệ Quốc, 27, 29, 53, 92,  
     107, 109, 115, 136, 138, 234  
     tuyên bố gia hạn, 118  
 Tôn Dật Tiên, 59  
 Tôn Tử (Bình Pháp), 56  
 Tuyên-bố Thượng Hải, 166  
 Tưởng Giới-Thạch, 60, 175  
 THADD, 203  
 Thái Lan, 243  
 Thay-thế-nhập-khẩu (import-  
     substitution), 154  
*The New York Times*, 6, 9, 28, 95,  
     205  
 Thế Chiến II, 3, 4, 60, 71, 189,  
     190, 191, 194, 201, 206  
 Thế Giới Thứ Ba, 235  
     liên hiệp, 50  
     TQ tự nhận, 56, 58  
 Thiên An Môn, 42, 43, 46, 47, 81,  
     93, 99, 105, 179  
     chính sách Bush, 94  
     nhận định của Nhật, 197  
     phản đối của Kissinger, 132  
     quan điểm Kissinger, 126  
 Thomas L. Friedman, 205  
 Thông-cáo Chung Trung-Mỹ,  
     133  
 Three Gorges Project, 204  
*Trends in Intellectual Property*  
     Loss, 159  
 Trung Quốc  
     chủ nghĩa dân tộc tôn thương,  
         3, 68  
     gần với chủ nghĩa phát-xít, 67  
     khai thác tội ác Nhật, 191  
     khát vọng tập thể, 227  
     nhà-nước tập-đoàn, 67  
     ô nhiễm, 66  
     tù chính trị, 99

- tư pháp, 98
- Thế Giới Thứ Ba, 161
- tranh chấp biên giới Ấn Độ, 87
- về an ninh Á châu, x
- xu hướng bài ngoại, 44
- Trung Quốc Có Thể Từ Chối*, 9, 10, 247
- Trung-tâm Nghiên-cứu Chiến-lược TQ, 189
- Trường Sa, 83
  - Fiery Cross Reef, 82, 88
  - Mischief Reef, 188, 199, 200
  - tuyên bố của Jiang Zemin, 199
- UNESCO, 237
- United Airlines, 140
- United Nations Commission on Human Rights. *Xem Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc*
- United Technologies, 134, 136
- US-CBC, 139, 147
- Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, 112, 114, 237
- Văn-phòng Nghiên-cứu Phòng-thủ Hỏa-tiễn, 203
- Văn-phòng Tổng Kết-toán Hoa Kỳ (Government Accountability Office, GAO), 78
- Viện Khoa Học Quân Sự, 74
- Viện Khoa-học Xã-hội TQ, 137
- Viện Nghiên Cứu Chiến Lược Quốc Tế, 80
- Viện Nghiên-cứu Á châu-Thái Bình Dương, 188
- Viện Nghiên-cứu Chính-sách Nhật Bản, 151
- Viện Nghiên-cứu Khoa-học Xã-hội TQ, 124
- Viện Quan-hệ Quốc-tế Đương-đại TQ, 57, 188
- Việt Nam, 197, 199
  - cải thiện quan hệ với Mỹ, 52
  - chiến tranh biên giới 1979, 87
  - chiến tranh Trường Sa 1988, 87
  - tương quan lực lượng TQ, 86
- Vladivostok, 41
- Wall Street Journal*, 7, 116, 131, 134, 157, 160
- Walter F. Mondale, 186
- Walter McDougall, 242
- Wang Dan, 93, 95
- Warren Christopher, 27, 102, 108
- Washington Post*, 128, 133
- Wei Jingsheng, 94, 108, 109
- Wilfred Burchett, 122
- William Knowland, 136
- William Perry, 8, 76
- William Rogers, 133, 166
- Willy Wo-lap Lam, 53
- Winston Lord, 104, 121
  - thất bại chính sách TQ, 118
  - ủng hộ Clinton, 105
- WTO, 6, 234
  - bình thường hóa quan hệ mậu dịch, 140
  - yêu cầu TQ, 234
- Xiamen, 163
- Xian Aircraft, 158
- Xie Xie, 192
- Xing Shizhong, 57
- Yellow Sea, 28, 87, 185
- Zbigniew Brzezinski, 133
- Zhang Xiaobo, 9
- Zhao Ziyang (Triệu Tử-Dương), 43
- Zhu Enlai, 165
- zo-hou-men*, 121





# TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

## LỜI NGŨ CHO ÁN BẢN CỦA NXB VINTAGE (PREFACE TO THE VINTAGE EDITION)

- <sup>1</sup> Roman Callick, "World Silent as China's Powerful Shadow Grows," *Australian Financial Times*, August 5, 1995.
- <sup>2</sup> Steven Mufson, "China Raises Spending for Military," *Washington Post*, March 5, 1997.

## DẪN NHẬP (INTRODUCTION)

- <sup>1</sup> *Megatrends China* (Beijing: Hualing Publishing House, 1996) cited in Brude Gilley, "Potboiler Nationalism," *Far Eastern Economic Review*, Oct. 3, 1996
- <sup>2</sup> Karl W. Eikenberry, *Explaining and Influencing Chinese Arms Transfers* McNair Paper no. 36, (Washington, D.C.: National Defense University, Institute for National Strategic Studies, February 1995), cited in Samuel P. Huntington, *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order* (New York: Simon & Schuster, 1996), pp. 189-90.
- <sup>3</sup> David E. Sanger, "China's Arms Aides Are Sought by U.S in Sugging Plot," *The New York Times*, August 20, 1996.
- <sup>4</sup> Robert D. Hershey, "China Has Become Chief Contributor to U.S. Trade Gap," *The New York Times*, August 20, 1996.
- <sup>5</sup> Richard F. Grimmett, "Conventional Arms Transfers to Developing Nations, 1988-1995," *Congressional Research Service Report for Congress*, August 15, 1996, p. 9.
- <sup>6</sup> Philip Shenon, "Russia Outstrips U.S. As Chief Arms Seller to Developing Nations," *The New York Times*, August 20, 1996.

<sup>7</sup> Patrick Tyler, “Rebels” New Cause: A Book for Yankee Bashing,” *The New York Times*, September 4, 1996.

<sup>8</sup> Jim Mann, “A Confident China No Longer Wants America’s Military Muscle in Asia,” *Los Angeles Times*, August 7, 1995.

## 1 MỸ LÀ ĐỊCH (AMERICA IS THE ENEMY)

<sup>1</sup> Henry Kissinger, *White House Years* (Boston: Little, Brown & Company, 1979), p. 1091.

<sup>2</sup> Lo Bing and Li Tzu-ching, “Military Leaders Pursuing Hard Anti-USA Stance,” *Cheng Ming*, May 1, 1994, cited in *BBC Summary of World Broadcasts*, May 13, 1994.

<sup>3</sup> Ibid.

<sup>4</sup> Ibid.

<sup>5</sup> Patrick E. Tyler, “China Holds Christian Visitors 4 Days,” *The New York Times*, February 18, 1994.

<sup>6</sup> Human Rights in China, China: Use of Criminal Charges Against Political Disidents, October 3, 1994.

<sup>7</sup> Patrick E. Tyler, “Abuses of Rights Persist in China Despite U.S. Pleas,” *The New York Times*, August 19, 1994.

<sup>8</sup> Zhang Li, “Fighting Back on Provocation on the Sino-US Naval Vessel Confrontation in the Huang Hai,” *Beijing Quingnian Bao*, Jan. 6, 1995, cited in *BBC Summary of World Broadcasts*, January 15, 1995.

<sup>9</sup> Jim Mann and Art Pine, “Faceoff Between U.S. Ship, Chinese Sub Is Revealed,” *Los Angeles Times*, December 14, 1995.

<sup>10</sup> Wei Wei, “Who Is Threatening World Peace?” *Liberation Army Daily*, July 4, 1996. Text carried by the *New China News Agency*, same date.

<sup>11</sup> Song Yimin, “New Alignment of World Forces,” *People’s Daily*, April 19, 1996.

<sup>12</sup> “Can the Chinese Army Win the Next War?” cited in FBIS, May 5, 1994. Originally published in Chinese in June 1993.

<sup>13</sup> Bu Wen, “U.S. Should Look Inward Before Launching Human Rights Crusade,” *China Daily*, June 6, 1996.

- <sup>14</sup> Ren Yanshi, "Please See the Situation of American Children," *New China News Agency Domestic Service*, February 22, 1996, translated in FBIS, February 23, 1996.
- <sup>15</sup> Lu Guoying, "Firmly Resist Infiltration of Colonial Culture," *National Defense Daily*, June 19, 1996, translated in FBIS, July 2, 1996.
- <sup>16</sup> He Fang, "With a Multi-Polar Order Now Evolving, the Superpowers Are Going to Become History," *Liberation Daily*, April 22, 1996, translated in FBIS, July 8, 1996.
- <sup>17</sup> Zhou Hao, "The Core of Politics, Political Direction and Political Stance," *Pursuite of Truth*, no. 3, March 1996. Cited in FBIS, July 24, 1996.
- <sup>18</sup> Lin Bainiao, "CPC Formulates New Policy toward United States," *Cheng Ming*, December 1, 1991, cited in FBIS, April 6, 1991.
- <sup>19</sup> Cheng Te-lin, "Deng Says China Will Neither Seek Hegemony nor Ally Itself with the North," *Ching Pao*, April 5, 1992, cited in FBIS, April 6, 1992.
- <sup>20</sup> Lo Ping and Li Tzu-ching, "One Hundred and Sixteen Generals Write to Deng Xiaoping on Policy toward the United States," *Cheng Ming*, June 1, 1993, cited in BBC Summary of World Broadcasts, June 4, 1993.
- <sup>21</sup> Ibid.
- <sup>22</sup> Donald Zagoria, *American Foreign Policy* (newsletter), October 1993, cited in Huntington, *Clash of Civilizations*, p. 223.
- <sup>23</sup> Chang Lan-hai, "National Counterespionage Work Meeting held in Xingshan," *Cheng Ming*, November 1, 1993, cited in FBIS, November 8, 1993.
- <sup>24</sup> Tsung Lan-hai, "CPC Decides on Its International Archenemy," *Cheng Ming*, January 1, 1994, cited in FBIS, January 25, 1994.
- <sup>25</sup> "Cigarettes Bid Is 'New Opium War,'" *Hong Kong Standard*, July 1, 1996.
- <sup>26</sup> "China's Taiwan Policy Swayed by Anti-U.S. People, Woolsey Says," *Jiji Press*, March 15, 1996.
- <sup>27</sup> Orville Schell, "Tell China That America Will Wait for Beijing to Settle Down," *International Herald Tribune*, August 15, 1995.
- <sup>28</sup> Willy Wo-lap Lam, "Funds Set Aside to Head Off Protests," *South China Morning Post*, February 9, 1996.

## 2 TA KHÔNG MUỐU BẮ QUYỀN (WE NEVER SEEK HEGEMONY)

- <sup>1</sup> Xing Shizhong, “China Thread Theory Can Be Forgotten,” *Qiushi* (Pursuit of Truth), June 27, 1996.
- <sup>2</sup> “Says Nation No Threat,” New China News Agency, November 14, 1995.
- <sup>3</sup> Yan Xuetong, “China Security Goals Do Not Pose a Threat to World,” *China Daily*, March 4, 1996.
- <sup>4</sup> Colin S. Gray, “How Geography Still Shapes Security,” *Orbis*, Spring 1996.
- <sup>5</sup> Huntington, *Clash of Civilizations*, pp. 169-71.
- <sup>6</sup> Estimates of China’s per capita income by the World Bank and the Central Intelligence Agency place it between \$1,800 and \$3,000.
- <sup>7</sup> Chong-Pin Lin, “Chinese Military Modernization: Perceptions, Progress, and Prospects,” paper given at the Fifth Annual American Enterprise Institute Conference on the People’s Liberation Army, Staunton Hill, June 17-19, 1994, p.11.
- <sup>8</sup> This summary draws on David Shambaugh, “China’s Military: Real or Paper Tiger?” *The Washington Quarterly*, Spring 1996.
- <sup>9</sup> *Ibid.*
- <sup>10</sup> “A Major Step for Building Up a Strong Army Through Science and Technology,” *Jiefangjun Bao*, Beijing, June 21, 1996, cited in FBIS, July 17, 1996.
- <sup>11</sup> “Lax Security Puts Plans into China’s Hands,” *Asia Times*, August 16, 1996.
- <sup>12</sup> Bill Gertz, “Russia, Ukraine Get Stern Missile Warning,” *Washington Times*, May 21, 1996.
- <sup>13</sup> *Ibid.*
- <sup>14</sup> “Deputy Foreign Minister Panov Denies Sale of Missile Technology to China,” *Interfax News Agency*, May 22, 1996.
- <sup>15</sup> “Military Commission reportedly to Reduce Army by 500,000 Troops.” *Ming Pao*, July 1996.
- <sup>16</sup> Nicholas D. Kristof, “China raises Military Budget Despite Deficit,” *The New York Times*, March 17, 1993.

- <sup>17</sup> June Teufel Dreyer, "Chinese Strategy in Asia and the World," paper prepared for the First Annual Strategy Forum Conference on China, United States Naval Academy, April 27-28, 1996.
- <sup>18</sup> Stockholm International Peace Research Institute, SIPRI Yearbook 1996 (New York: Oxford University Press, 1996), p. 465.
- <sup>19</sup> Tai Ming Cheuing, "Can PLA Inc. Be Tamed?" Institutional Investor, July 1996, p.41.
- <sup>20</sup> Xinhua News Agency, November 16, 1995.
- <sup>21</sup> Reported by Agence France Presse, March 5, 1995.
- <sup>22</sup> "China Announces New War Games," Inter Press Service, Beijing, March 6, 1996.
- <sup>23</sup> Li Cheng and Lynn White, "The Army in the Succession to Deng Xiaoping," Asian Survey 32:8, August 1993.
- <sup>24</sup> Ibid.
- <sup>25</sup> Ming Pao, Hong Kong, November 9, 1992.
- <sup>26</sup> Ming Pao, Hong Kong, July 17, 1996.
- <sup>27</sup> These figures are based on Chong-Pin Lin's reading of several Chinese and foreign sources. "The Military Balance in the Taiwan Strait" (unpublished paper).
- <sup>28</sup> Ibid.
- <sup>29</sup> Ibid.
- <sup>30</sup> "New Developments in the Chinese Air Force," Kuang Chiao Ching, Hong Kong, Jan. 16, 1996.
- <sup>31</sup> Bill Gertz, "Chinese Arms Buildup Increases Attack Range," Washington Times, March 12, 1996. See also Bruce Blance, "Taiwanese Facilities to Be at Subic Bay, Philippines," Jane's Intelligence Review, August 1, 1996.
- <sup>32</sup> Michael Richardson, "Growing Military Might Worries Southeast Asians," International Herald Tribune, April 24, 1995.
- <sup>33</sup> Gertz, "Chinese Arms Buildup."
- <sup>34</sup> David B. H. Denoon and Wendy Friedman, "China's Security Strategy: The View from Beijing, ASEAN, and Washington," Asian Survey, April 1996. The Washington Times, which has reported accurately on the Chinese military ahead of other newspapers, reported in 1994 on a U.S. Senate report revealing Chinese efforts to develop the DF-41, an ICBM with a range of 7440 miles, which would make it capable of reaching the

American West Coast, See Washinton Times, May 5, 1994. The BBC World Service reported from Beijing on August 1, 1996, that China, with help from Russian scientists, is developing an ICBM with a range of 8,000 miles. See also Shambaugh, "China's Military."

<sup>35</sup> Denoon and Friedman, "China's Security Strategy."

<sup>36</sup> Shambaugh, "China's Military."

<sup>37</sup> Chong-Pin Lin, "Chinese Military Modernization."

<sup>38</sup> Jane's Fighting Ships 1994/1995 (London: Jane's Information Group Limited, 1994).

<sup>39</sup> Nayan Chanda, "No-Cash Carrier," Far Eastern Economic Review, Oct. 10, 1996; "Britain to Supply China with Advanced Navy Radar," Financial Times, August 6, 1996; "China Poised to Seal AWACS Deal with British Firm,

### 3 CÓ TIẾNG MÀ KHÔNG MIẾNG (SPEAK LOUDLY BUT CARRY A SMALL STICK)

<sup>1</sup> U.S. Department of State, *China Human Rights Practices*, 1995

<sup>2</sup> Wang Dan, "Give China a Chance," *The New York Times*, September 23, 1993.

<sup>3</sup> This account of the crackdown in Tibet in May 1996 draws heavily on Human Rights Watch/Asia, *China: The Cost of Putting Business First*, July 1996, pp. 13-15.

<sup>4</sup> Pico Iyer, "China's Buddha Complex," *The New York Times*, December 3, 1995.

<sup>5</sup> "China Accuses U.S. on Tibet," *International Herald Tribune*, September 25, 1995.

<sup>6</sup> Agence France Presse, "China Warns Tibet 'Terrorists,'" *International Herald Tribune*, June 27, 1996.

<sup>7</sup> Reuters News Agency, "Tibet's Goals Target God-King," *Washington Times*, June 17, 1996.

<sup>8</sup> "Bush's China Policy: No More Mr. Nice Guy?" Transcript of *American Interest*, broadcast May 4, 1991, Federal News Service, May 3, 1991.

<sup>9</sup> Elaine Sciolino, "China Trip Begins on a Frosty Not for Christopher," *The New York Times*, March 13, 1994.

- <sup>10</sup> Elaine Sciolino, "China Rejects Call from Christopher for Rights Gains," *The New York Times*, March 13, 1994.
- <sup>11</sup> Elaine Sciolino, "Clinton and China: How Promise Self-Destructed," *The New York Times*, May 29, 1994.
- <sup>12</sup> Mark Clifford, "Tribute Time," *Far Eastern Economics Review*, March 31, 1994.

#### **4 TÂN VẬN ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG QUỐC (THE NEW CHINA LOBBY)**

- <sup>1</sup> Reuters News Agency, "Strong Demand Expected on China \$1 Billion Global Bond," January 30, 1994.
- <sup>2</sup> Reuters News Service, "Ford Names James Paulsen Head of China Office," February 28, 1994.
- <sup>3</sup> New China News Agency, March 30, 1995.
- <sup>4</sup> Jeff Cole, "Boeing Nears Major Order from China," *The Wall Street Journal*, May 26, 1994.
- <sup>5</sup> Mark O'Neill, "KFC Announces \$200 Million Investment in China," Reuters World Service, May 28, 1994.
- <sup>6</sup> "New York Signs Trade Pact with China Province," United Press International, April 29, 1994.
- <sup>7</sup> "High Power Trade Delegation Hits DC," *The China Business Review*, 21:3, May 1994, p. 8.
- <sup>8</sup> Sally D. Goll and Laurence Zuckerman, "Few Companies Are Expected to Follow Levi's Example in Pulling Out of China," *The Asian Wall Street Journal*, May 10, 1993.
- <sup>9</sup> David E. Sanger, "U.S. Blames Allies for Undercutting Its China Policy," *The New York Times*, June 12, 1996.
- <sup>10</sup> Ibid.
- <sup>11</sup> Gary Milhollin and Meg Dennison, "China's Cynical Calculation," *The New York Times*, April 24, 1995.
- <sup>12</sup> Mark Crudele, "Princeton Prof and Human Rights Critic Unwelcome in China," Associated Press, Beijing, August 14, 1996.
- <sup>13</sup> Orville Schell, correspondence with the authors.

- <sup>14</sup> Lilley quoted in Susumu Awanohara, "Asian Lobbies: The K-Street Crowd," *Far Eastern Economic Review*, June 2, 1994.
- <sup>15</sup> Reported in John J. Fialka, "Mr. Kissinger Has Opinions on China—and Business Ties," *The Wall Street Journal*, September 12, 1989.
- <sup>16</sup> Henry A. Kissinger, "For China, Economic Reforms Spark Eruptions," *Los Angeles Times*, June 4, 1989.
- <sup>17</sup> Henry A. Kissinger, "China: Push for Reform, Not Rupture," *Los Angeles Times*, July 30, 1989.
- <sup>18</sup> "Deng Xiaoping Meets Henry Kissinger," New China News Agency, November 10, 1989.
- <sup>19</sup> A Chinese spokesman said that Kissinger's talks with Li took place in a "friendly, light and sincere atmosphere." "Li Peng Meets Kissinger," New China News Agency, September 8, 1990.
- <sup>20</sup> "Chinese President Meets Dr. Kissinger," New China News Agency, April 19, 1996.
- <sup>21</sup> The article was summarized in a dispatch from Bonn of the New China News Agency, March 31, 1996.
- <sup>22</sup> Henry Kissinger, "Heading for a Collision in Asia," *Washington Post*, July 21, 1995.
- <sup>23</sup> "Kissinger Calls for Ease on Tech Transfer to China," New China News Agency, July 17, 1988.
- <sup>24</sup> Reported in Fialka, "Mr. Kissinger," and by Scott Thompson in U.S. Senate Foreign Relations Committee, *Hearings on U.S. Policy Toward China*, February 13, 1990.
- <sup>25</sup> Thompson, *Hearings*.
- <sup>26</sup> Fialka, "Mr. Kissinger."
- <sup>27</sup> Walter Pincus, "Kissinger Says He Had No Role in China Mission," *Washington Post*, December 14, 1989.
- <sup>28</sup> Thompson, *Hearings*.
- <sup>29</sup> Jeff Gerth with Sarah Bartlett, "Kissinger and Friends and Revolving Doors," *The New York Times*, April 30, 1989.
- <sup>30</sup> Lawrence S. Eagleburger, "How to Get China to Change," *Washington Post*, June 20, 1991.
- <sup>31</sup> Edward T. Pound and Andry Pasztor, "American Arms Dealer Was Amazing Success, or So Ferranti Believed," *The Wall Street Journal*, January 23, 1990.



- <sup>32</sup> Barbara A. Nagy, "UTC Wins Friends with Cultural Philanthropy," *Hartford Courant*, April 5, 1996.
- <sup>33</sup> Nicholas D. Kristof, "'People's China' Celebrates, but Without the People," *The New York Times*, October 2, 1989.
- <sup>34</sup> "Li Peng Meets Formet U.S. State Secretary Haig," New China News Agency, October 3, 1989.
- <sup>35</sup> Juliet Eilperin, "Johnston's Letter on China Raises Questions," State News Service, April 22, 1994. See also Joan Lowry, "Senator's Sons Get a Boost in China," *Atlanta Journal and Constitution*, December 31, 1993.
- <sup>36</sup> Benjamin Kang Lim, "China Forms High-Level Group Eyeing U.S. Congress," Reuters News Agency, Beijing, January 18, 1996.
- <sup>37</sup> "Beijing Woos US Congressmen to Lessen Taipei's Influence," *Straits Times* (Singapore), April 12, 1996.
- <sup>38</sup> Sciolino, "Clinton and China."
- <sup>39</sup> Awanohara, "Asian Lobbies."
- <sup>40</sup> Hill and Knowlton Public Affairs Worldwide, *Proposal for the People's Republic of China (PRC)*, June 1, 1991, p.9.
- <sup>41</sup> Business Wire (Schaumburg, Ill.), September 18, 1996.
- <sup>42</sup> Qian speech was reported by the Voice of America, September 20, 1996, broadcast from Chicago.
- <sup>43</sup> The account of this meeting comes from a broadcast of the Voice of America, September 20, 1996.
- <sup>44</sup> Stanley Holmes, "Boeing's Campaign to Protest a Market—Corporations Lobby to Save China Trade," *Seattle Times*, May 27, 1996.
- <sup>45</sup> Ibid.

## 5 THÂM THÙNG, KỸ THUẬT, VÀ CÔNG TY CON QUÂN ĐỘI (DEFICITS, TECHNOLOGY, AND PLA, INC.)

- <sup>1</sup> All Sino-American trade data cited in this chapter are drawn from Commerce Department reports.
- <sup>2</sup> Richard W. Stevenson, "Trade Deficit Narrow but Just Slightly" *The New York Times*, October 19, 1996

- <sup>3</sup> Cited in Los Angeles *Times*, September 23, 1996
- <sup>4</sup> “America: Who Stole the Dream?” Philadelphia *Inquirer*, September 17, 1996.
- <sup>5</sup> Reuters News Agency, Beijing, September 8, 1996.
- <sup>6</sup> Reuters News Agency, Hong Kong, September 11, 1996
- <sup>7</sup> New China News Agency, Beijing, September 4, 1996.
- <sup>8</sup> Chalmers Johnson, “Nationalism and the Market: China As a Superpower” (unpublished paper), April 1996.
- <sup>9</sup> Jeffrey Sachs and Wing Thye Woo, “China’s Transition Experience Re-examined,” *Transition*, The World Bank, March–April 1996.
- <sup>10</sup> “Keep Knocking, Keep Opening,” *The Economist*, May 11, 1996.
- <sup>11</sup> Office of the U.S. Trade Representative, *1990 National Trade Estimate Report on Foreign Trade Barriers*, April 1996. Hereafter the “USTR report.”
- <sup>12</sup> Ibid.
- <sup>13</sup> Matt Forney, “Trials by Fire,” *Far Eastern Economic Review*, September 12, 1996.
- <sup>14</sup> “China Bank Privileges Help Increase Exports of Electrical Goods,” *The Wall Street Journal*, October 27, 1995.
- <sup>15</sup> USTR report.
- <sup>16</sup> House Ways and Means Committee, *Hearings of the Trade Subcommittee*, June 11, 1996.
- <sup>17</sup> USTR report.
- <sup>18</sup> These events are described in *International Tax Review*, June 1996; *China Business Review*, May 1996; *The Economist*, May 11, 1996.
- <sup>19</sup> *Congress Daily*, September 19, 1996.
- <sup>20</sup> “Protectionist Temptations Tugging at Beijing,” *International Herald Tribune*, June 20, 1996.
- <sup>21</sup> “Commodity Import Licensing Authorities Detailed,” *Guoji Shangbao*, June 11, 1996. In FBIS, September 19, 1996.
- <sup>22</sup> USTR report.
- <sup>23</sup> This account of McDonnell Douglas’s activities in China draws heavily on Joseph Kahn, “McDonnell Douglas’s High Hopes for China Never Really Soared,” *The Wall Street Journal*, May 22, 1996.
- <sup>24</sup> Ibid.

- <sup>25</sup> Stanley Holmes, "How Boeing Woos Beijing," *Seattle Times*, May 26, 1996.
- <sup>26</sup> Sandra Sugawara, "With Billions at Stake, Boeing Goes to Bat for China," *Washington Post*, July 7, 1996.
- <sup>27</sup> Bruce Einhorn, "The China Connection," *Business Week*, August 5, 1996.
- <sup>28</sup> U.S. Senate, *Hearing before the Select Committee on Intelligence*, February 22, 1996.
- <sup>29</sup> American Society for Industrial Security, International, *Trends in Intellectual Property Loss* (Arlington, Va., 1996).
- <sup>30</sup> Einhorn, "The China Connection."
- <sup>31</sup> Kahn, "McDonnell Douglas's High Hopes."
- <sup>32</sup> Einhorn, "The China Connection."
- <sup>33</sup> This information drawn from the AFL-CIO study, portions of which were provided to the authors.

## **6 ĐIỂM NÓNG: ĐÀI LOAN (FLASHPOINT: TAIWAN)**

- <sup>1</sup> Phần lớn của đoạn diễn tả về buổi thương thuyết đêm khuya của quan hệ Trung-Mỹ ở Thượng Hải được trích dẫn từ tường thuật của Kissinger trong cuốn hồi ký *White House Years*.
- <sup>2</sup> Seth Faison, "Tension in Taiwan: The Polemics," *The New York Times*, March 22, 1996.
- <sup>3</sup> "Security Chief Says China Cancelled Attached Plan," Agence France Press, April 14, 1996, citing *Taiwan's United Evening News*, same day.
- <sup>4</sup> Patrick E. Tyler, "As China Threatens Taiwan, It Makes Sure U.S. Listens," *The New York Times*, January 23, 1996.
- <sup>5</sup> Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China* (New York: W.W. Norton & Co., 1990), pp. 53-57.
- <sup>6</sup> Patrick E. Tyler, "Taiwan's Leader Wins Its Election and a Mandate," *The New York Times*, March 24, 1996.

## 7 CHÍNH SÁCH NHẬT BẢN CỦA TRUNG QUỐC (CHINA'S PLAN FOR JAPAN)

- <sup>1</sup> Mary Jordan, "Japan Turns Assertive," *Washington Post*, November 15, 1995.
- <sup>2</sup> Nicholas D. Kristof, "Angry Islanders Dig In for a Battle over Bases," *The New York Times*, May 25, 1995.
- <sup>3</sup> Nicholas D. Kristof, "Angry Islanders Dig In for a Battle over Bases," *The New York Times*, May 25, 1995.
- <sup>4</sup> Our account of Japan's shifting strategic position draws on Michael J. Green and Benjamin L. Self, "Japan's Changing China Policy: From Commercial Liberalism to Reluctant Realism," *Survival*, Summer 1996.
- <sup>5</sup> *Tokyo Shimbun*, March 2, 1996.
- <sup>6</sup> Alison Michell, "U.S. Military Role in East Asia Gets Support in Tokyo," *The New York Times*, April 17, 1996.
- <sup>7</sup> "China Warns over U.S.-Japan Ties," *Financial Times*, April 2, 1996.
- <sup>8</sup> Reported in Agence France Presse, Beijing, April 18, 1996.
- <sup>9</sup> "U.S.-Japan Pact Does More Harm Than Good," *China Daily*, May 23, 1996.
- <sup>10</sup> Kissinger, *White House Years*, p. 1089
- <sup>11</sup> Patrick E. Tyler, "Shifting Gears, Beijing Reins in Anti-Japanese Campaign," *The New York Times*, September 19, 1996.
- <sup>12</sup> Cited in the *International Herald Tribune*, April 19, 1996.
- <sup>13</sup> *People's Daily*, August 30, 1996.
- <sup>14</sup> Peter J. Katzenstein and Nobuo Okawara, *Japan's National Security* (Ithaca, N.Y.: Cornell East Asia Series, 1993).
- <sup>15</sup> Edith Terry, "China Checks Japan's Power in Asia," *Christian Science Monitor*, January 10, 1995.
- <sup>16</sup> New China News Agency, November 10, 1994.
- <sup>17</sup> "Jiang Cements Ties with Seoul," *Financial Times*, November 15, 1995.
- <sup>18</sup> Cited in George Friedman and Meredith LeBard, *The Coming War with Japan* (New York: St. Martin's Press, 1992), p. 266.

- <sup>19</sup> Kwan Weng Kin, "Japan Wants Joint Role with U.S. to Fight Crises," *Straits Times* (Singapore), May 3, 1996, citing *Asahi Shimbun*, May 2, 1996.
- <sup>20</sup> Defense Agency Japan, "Defense of Japan: Response to a New Era" (Tokyo: Government of Japan, 1996), translated in *Japan Times*.
- <sup>21</sup> Armed Forces Newswire Service, August 15, 1996.
- <sup>22</sup> *Asiaweek*, July 12, 1996.
- <sup>23</sup> "Political Bias May Influence Award of Three Gorges Job," *Straits Times* (Singapore), June 17, 1996.
- <sup>24</sup> Thomas L. Friedman, "J-a-p-a-n and C-h-i-n-a," *The New York Times*, February 12, 1996
- <sup>25</sup> *Ibid.*

## **8 CUỘC CHIẾN GIẢ TƯỢNG TRUNG-MỸ** (CHINA VERSUS AMERICA: A WAR GAME)

- <sup>1</sup> The authors have drawn on information about China's military modernization and capabilities as described in papers presented at the American Enterprise Institute Conference on the People's Liberation Army, held at Staunton Hill, June 17-19, 1994. These papers include: Paul Godwin and John Caldwell, "PLA Power Projections: Year 2000?" and Chong-Pin Lin, "Chinese Military Modernization."
- <sup>2</sup> Some of the technical information we cite on China's likely military modernization program comes from Felix K. Chang, "Conventional War across the Taiwan Strait," *Orbis*, Fall 1996, pp. 577-607.

## **KẾT LUẬN: ĐỐI PHÓ VỚI TRUNG QUỐC** (CONCLUSION: COPING WITH CHINA)

- <sup>1</sup> "Bootlegging Is Back in China" *The Journal of Commerce*, August 12, 1996.
- <sup>2</sup> United States Commerce Department trade data.
- <sup>3</sup> Johnson, "Nationalism and the Market."

- <sup>4</sup> Alan Cowell, “Germany’s Concerns over Rights in Tibet Clash with Trade Ties to China,” *The New York Times*, June 25, 1996.
- <sup>5</sup> *America’s National Interests: A Report from the Commission on America’s National Interests* (Cambridge: Center for Science and International Affairs, John F. Kennedy School of Government, Harvard University, July 1996).
- <sup>6</sup> *Far Eastern Economic Review*, September 12, 1996
- <sup>7</sup> This argument made in Andrew K. Hanami, “Japan and the Military Balance of Power in Northeast Asia,” *Journal of East Asian Affairs*, 8:1, Winter/Spring 1994.